



THOMAS HARRIS

SỰ IM LẶNG
CỦA
BẦY CỬU



phoenix

Khoa học hành vi, một ban của FBI chuyên xử lý các vụ giết người hàng loạt nằm ở tầng trệt của tòa nhà Học viện ở Quantico, một nửa ngằm dưới mặt đất. Mặt mũi đỏ bừng, Clarice Starling đến nơi sau cuộc đi bộ vội vã từ trường bắn Hogan's Alley. Tóc cô vương cỏ còn chiếc áo gió Học viện FBI dính màu xanh của cô bị cô đề lên khi lăn xuống đất tránh đạn trong một tình huống tập truy bắt ở trường bắn.

Không có ai ngoài quây lể tân, cô tranh thủ lấy cửa kính làm gương soi để phủi qua loa. Cô biết cô trông vẫn ổn mà không cần chải chuốt. Tay cô có mùi thuốc súng nhưng không có thời gian để rửa — lệnh triệu tập của trưởng ban Crawford yêu cầu phải đến *ngay*.

Cô thấy Jack Crawford đang ở một mình trong khu văn phòng ồn ào. Ông đứng nói chuyện điện thoại ở bàn của ai đó, và cô có cơ hội nhìn kỹ ông lần đầu tiên trong năm. Những gì nhìn thấy làm cô lo lắng.

Thường thì Crawford trông như một kỹ sư trung niên vóc dáng gọn gàng, có thể từng phải chơi bóng chày để có tiền học đại học — một tay bắt bóng xảo quyệt và chơi rắn khi chặn bóng ở chốt nhà. Bây giờ ông gầy, cổ áo quá rộng và đôi mắt đỏ đã có bọng thâm.

Những ai đọc được báo đều biết ban Khoa học Hành vi đang có vấn đề. Starling hy vọng ông không rượu chè bê tha. Ở đây thì xác suất đó có vẻ thấp.

Crawford chấm dứt cuộc điện thoại bằng một từ “Không” dứt khoát. Ông lấy hồ sơ của cô đang được ông kẹp dưới tay rồi mở ra xem.

“Starling, Clarice, xin chào,” ông nói.

“Chào ông.” Nụ cười của cô chỉ mang tính lịch sự.

“Không có chuyện gì đâu. Hy vọng cuộc triệu tập không làm cô sợ.”

“Không.” *Không hẳn như vậy*, Starling nghĩ.

“Giảng viên của cô nói với tôi là thành tích của cô rất tốt, đứng trong top 25 của lớp.”

“Tôi hy vọng thế, họ vẫn chưa công bố điều gì.”

“Thỉnh thoảng tôi cũng có hỏi họ.”

Điều đó làm Starling ngạc nhiên; cô đã coi Crawford như một tay sĩ quan tuyển dụng nhân sự hai mặt khôn nạn.

Cô đã gặp đặc vụ Crawford khi ông đến thỉnh giảng tại Đại học Virginia. Chất lượng các bài giảng về tội phạm học của ông chính là yếu tố khiến cô gia nhập Cục. Cô đã gửi ông một bức thư ngắn khi cô được nhận vào Học viện, nhưng ông chẳng trả lời và suốt ba tháng đào tạo của cô tại Quantico ông đã lờ cô đi.

Starling là người không thích dựa hơi hay cố gắng gây dựng mối quan hệ, nhưng cô thấy khó hiểu và tiếc nuối về thái độ của Crawford. Cô rầu rĩ nhận ra bây giờ, khi đứng trước mặt ông, cô lại

thấy yêu quý ông.

Rõ ràng ông đang có chuyện không ổn. Ngoài trí tuệ, trong Crawford còn có sự tinh nhạy khác thường, và Starling lần đầu tiên nhận ra điều đó qua màu sắc và chất vải trang phục ông chọn, dù vẫn tuân theo tiêu chuẩn trang phục của đặc vụ FBI. Lúc này ông vẫn gọn gàng nhưng xơ xác, như con thú đang thay lông.

“Có một công việc được bàn đến và tôi nghĩ tới cô,” ông nói. “Không hẳn là công việc, là chuyện vật vãnh thú vị thì đúng hơn. Bỏ mấy thứ của Berry trên ghế ra rồi ngồi đi. Trong này cô có nói muốn đến thẳng ban Khoa học Hành vi sau khi tốt nghiệp Học viện.”

“Đúng thế.”

“Cô có nhiều kiến thức pháp y, nhưng không có kiến thức nền về Hành pháp. Chúng tôi tìm kiếm những người có ít nhất sáu năm.”

“Cha tôi là cảnh sát Tư pháp, tôi hiểu cuộc đời.”

Crawford cười nhẹ. “Cô có bằng kép về tâm lý và tội phạm học, và mấy mùa hè làm việc ở trung tâm sức khỏe tâm thần ấy nhỉ — hai phải không?”

“Hai.”

“Giấy phép hành nghề tư vấn tâm lý của cô vẫn còn hạn chứ?”

“Còn hai năm nữa. Tôi nhận giấy phép trước khi ông đến giảng ở Đại học Virginia — *trước* khi tôi quyết định làm việc này.”

“Song cô lại rơi đúng vào đợt ngừng tuyển.”

Starling gật đầu. “Dẫu sao thì tôi vẫn may mắn — tôi lại có thời gian để thi và đỗ Nghiên cứu sinh Pháp y. Sau đó tôi làm việc ở phòng thí nghiệm cho đến khi Học viện có chỗ.”

“Cô có viết thư cho tôi về việc cô đến đây, đúng không. Và tôi không nghĩ là tôi đã trả lời cô — tôi biết là tôi chưa trả lời. Đáng ra tôi cũng phải nói lại với cô một tiếng.”

“Ông còn nhiều việc khác phải làm.”

“Cô có biết VI-CAP không?”

“Tôi biết đó là Chương trình Điều tra Tội phạm Trọng án. *Tập san Hành pháp* nói các ông đang xây dựng cơ sở dữ liệu nhưng vẫn chưa hoạt động.”

Crawford gật đầu. “Chúng tôi đã phát triển một bảng câu hỏi. Áp dụng cho tất cả những tên giết người hàng loạt thời hiện đại mà chúng ta biết đến.” Ông đưa cho cô một tập giấy dày buộc lỏng lẻo. “Có một phần dành cho điều tra viên và một phần dành cho các nạn nhân còn sống sót nếu có. Phần màu xanh dương là để tên giết người điền nếu hấn muốn, còn màu hồng là loạt câu hỏi mà người phỏng vấn hỏi tên giết người để thu thập phản ứng cũng như các câu trả lời của hấn. Rất nhiều công việc giấy tờ.”

Công việc giấy tờ. Lòng tự lợi của Starling chồm lên như chó săn tuột xích. Cô đánh hơi thấy một công việc mới — có lẽ là việc nhập dữ liệu thô vào một hệ thống máy tính mới đầy cực nhọc. Cô thực sự thèm muốn được gia nhập ban Khoa học Hành vi bằng mọi cách có thể, nhưng cô biết điều gì sẽ đến với một phụ nữ nếu cô ta gắn mình vào kiếp thư ký — cô ta sẽ bị trói vào đó đến cuối đời. Một lựa chọn đang đến, và cô muốn mình chọn thật sáng suốt.

Crawford đang chờ đợi điều gì đó — có lẽ ông ta vừa đặt cho cô một câu hỏi. Starling phải gắng nhớ lại.

“Cô đã làm trắc nghiệm nào rồi? Đã bao giờ làm trắc nghiệm

Minnesota☺ chưa? Rorschach☺?”

“MMPI thì rồi còn Rorschach thì chưa,” cô nói. “Tôi cũng đã từng làm trắc nghiệm tổng giác theo chủ đề☺ và cũng đã thử bài Bender-Gestalt☺ cho trẻ em.”

“Cô có dễ hoảng sợ không. Starling?”

“Vẫn chưa.”

“Thế này, chúng tôi đang cố gắng phỏng vấn tất cả ba mươi hai tên giết người hàng loạt đã bị bắt để xây dựng một cơ sở dữ liệu hồ sơ tâm lý cho những vụ chưa được giải quyết. Phần lớn chúng đều đồng ý — tôi nghĩ chúng thích khoa trương, rất nhiều tên trong số chúng. Hai mươi bảy tên bằng lòng hợp tác. Bốn tên bị kết án tử hình đang chờ kháng án thì không chịu mở miệng, cũng dễ hiểu thôi. Nhưng chính tên chúng tôi muốn nhất thì vẫn chưa có được. Ngày mai, tôi muốn cô tới bệnh viện tâm thần truy hấn.

Clarice Starling cảm thấy trống ngực đập rộn ràng, nhưng cũng thoáng chút lo lắng.

“Đối tượng là ai vậy?”

“Bác sĩ tâm thần Hannibal Lecter,” Crawford đáp.

Một khoảng lặng ngắn theo sau cái tên, luôn như thế, trong bất kỳ cuộc tụ họp văn minh nào.

Starling nhìn Crawford chăm chú, nhưng chính cô cũng im lặng. “Hannibal – tên ăn thịt người?” cô nói.

“Chính hấn.”

“Vâng, ờ... được, tôi làm được. Tôi rất mừng có được cơ hội này, nhưng chắc ông cũng biết là tôi đang băn khoăn — sao lại là

tôi?”

“Chủ yếu là vì cô đang rảnh,” Crawford nói. “Tôi thì không cho là hấn ta sẽ cộng tác. Hấn đã từ chối rồi, nhưng khi đó là qua người trung gian – giám đốc bệnh viện. Tôi cần có cơ sở để có thể tuyên bố là đã có một nhân viên có trình độ của chúng ta đến gặp và trực tiếp yêu cầu hấn. Có một số lý do không liên quan đến cô. Tôi không còn ai rảnh trong ban này để giao việc đó.”

“Ông đang bị kẹt — Bill Bò mộng — và những chuyện ở Nevada,” Starling nói.

“Cô đúng đấy. Vẫn lý do cũ rích — không đủ người.”

“Hôm qua ông có nói là ông đang vội. Có liên quan vụ nào hiện tại không?”

“Không. Giá như là có.”

“Nếu hấn từ chối tôi thì ông còn muốn có đánh giá tâm lý không?”

“Không. Tôi đang ngập đến cổ trong những đánh giá của các bệnh nhân tâm thần về bác sĩ Lecter và chẳng cái nào giống cái nào hết.”

Crawford đổ hai viên vitamin C ra tay rồi uống cùng ly nước lấy từ máy làm lạnh vừa được thả viên sỏi Alka-Seltzer.

“Đúng là nực cười, cô biết đấy. Lecter là bác sĩ tâm thần và chính hấn ta cũng có bài đăng trên các tạp chí tâm thần học — những bài xuất sắc — nhưng không bao giờ nói về những bất thường nhỏ của chính hấn ta. Hấn ta giả vờ như thân thiện với Chilton, giám đốc bệnh viện, trong một lần làm trắc nghiệm nào đó — cho ông ta ngồi

xem mấy bức tranh bệnh hoạn trong lúc máy đo huyết áp quần quanh dương vật ông ta — sau đó Lecter đăng bài, trước hết về những gì hắn ta nhận thấy ở Chilton rồi nhạo báng ông ta. Hắn trả lời những bức thư nghiêm túc của đám sinh viên tâm thần học về những lĩnh vực không liên quan đến ca của hắn, và đó là tất cả những gì hắn làm. Nếu hắn không chịu nói chuyện với cô thì tôi cũng chỉ cần một báo cáo đơn giản thôi. Trông hắn thế nào, cái xà lim của hắn ra sao, hắn đang làm gì. Tóm lại là mấy thứ cơ bản đặc thù. Hãy cẩn thận cánh báo chí lai vãng ở đó. Không phải giới báo chí đích thực mà là bọn báo lá cải ấy. Họ thích Lecter hơn cả hoàng tử Andrew đấy.”

“Có phải tạp chí lá cải nào đó đã đề nghị trả hắn ta 50.000 đô để có vài công thức nấu ăn không? Tôi nhớ là thế.” Starling nói.

Crawford gật đầu. “Tôi khá chắc là tờ *National Tattler* đã mua chuộc được ai đó trong bệnh viện và không chừng sau khi tôi đặt lịch hẹn, họ đã biết là cô sắp đến.”

Crawford cúi mình về phía trước cho tới khi mặt ông cách cô 60cm. Cô để ý thấy kính của ông làm mờ đi bóng thâm dưới mắt. Ông vừa súc miệng bằng Listerine xong.

“Này, tôi muốn cô thực sự chú ý đây. Starling. Cô có đang nghe tôi không đấy?”

“Có, thưa ông.”

“Phải thật cẩn thận với Hannibal Lecter. Bác sĩ Chilton, giám đốc bệnh viện tâm thần, sẽ chỉ dẫn cách thức tiếp xúc với hắn ta. Cô không được làm sai. *Không được làm sai cách thức vì bất kỳ lý do nào.* Nếu Lecter có nói chuyện với cô, thì đó chỉ là hắn ta đang tìm

hiếu về cô. Đó là một thứ tò mò khiến cho con rắn nhìn vào tổ chim. Vẫn biết là phỏng vấn thì phải có chút thông tin qua lại, nhưng cô không được nói với hắn điều gì cụ thể về mình. Cô sẽ không muốn để bất cứ sự kiện cá nhân nào của cô lọt vào đầu hắn đâu. Cô biết hắn đã làm gì với Will Graham rồi chứ?”

“Tôi có đọc khi chuyện đó xảy ra.”

“Hắn mổ bụng Will bằng một con dao cắt ván sàn khi Will đuổi kịp hắn. Kỳ diệu ở chỗ Will vẫn còn sống. Nhớ Ròng Đỏ chứ? Lecter xui Francis Dolarhyde truy đuổi Will và gia đình cậu ấy. Nhờ Lecter mà mặt Will giờ trông như do Picasso vẽ ra. Hắn cũng đã xé nát một y tá trong bệnh viện tâm thần. Hãy làm việc của cô, có điều đừng bao giờ quên hắn là thứ gì.”

“Và thứ đó là gì? Ông biết không?”

“Tôi chỉ biết hắn là một con quái vật. Hơn thế nữa thì chưa ai dám chắc chắn. Biết đâu cô lại phát hiện ra. Không phải tự nhiên mà tôi chọn cô đâu, Starling. Cô có hỏi tôi mấy câu rất thú vị khi tôi ở Đại học Virginia. Ông giám đốc sẽ xem báo cáo của cô sau khi cô ký — nếu nó rõ ràng, chặt chẽ và mạch lạc. Tôi là người quyết định chuyện đó. Cô *phải* nộp lại cho tôi muộn nhất là chín giờ sáng Chủ nhật. Được rồi, cứ làm như đã thỏa thuận nhé.”

Crawford cười với cô, nhưng ánh mắt của ông vô cảm.

2

Bác sĩ Frederick Chilton, 58 tuổi, giám đốc Bệnh viện Tội phạm Tâm thần Baltimore, có cái bàn giấy vừa dài vừa rộng, không đặt đồ vật cứng hay nhọn nào ở trên. Có những nhân viên gọi nó là “chiến hào”. Những nhân viên khác lại chẳng hiểu *chiến hào* là gì. Bác sĩ Chilton vẫn ngồi sau bàn giấy khi Clarice Starling vào phòng ông.

“Nhiều thám tử đã tới chỗ chúng tôi, nhưng tôi chưa thấy ai hấp dẫn như cô đâu,” Chilton nói mà không đứng dậy.

Không cần nghĩ Starling cũng biết tay ông ta đang chìa ra, bóng lên vì dính dầu lông vuốt tóc. Cô buông tay trước ông ta.

“Là cô Sterling, phải không?”

“Là *Starling*, thưa bác sĩ, chữ *a*. Cảm ơn ông đã dành thời gian.”

“Vậy là FBI đang chuyển sang dùng các cô gái như tất cả những chỗ khác rồi, ha, ha.” Ông ta bổ sung thêm nụ cười ám mùi thuốc lá vào giữa câu nói.

“Cục đang được cải thiện, thưa bác sĩ Chilton. Chắc chắn thế.”

“Cô có ở Baltimore được vài ngày không? Cô biết đấy, ở đây cô vẫn có thể vui vẻ như ở Washington hay New York, nếu như cô hiểu biết về thành phố.”

Cô nhìn đi chỗ khác để tránh nụ cười của ông ta và lập tức biết rằng ông ta đã ghi nhận sự khó chịu của cô. “Tôi chán chán đây là thành phố rất tuyệt, nhưng tôi có lệnh gặp bác sĩ Lecter và báo cáo ngay chiều nay.”

“Sau này, về Washington rồi thì liệu tôi có thể gặp lại cô ở nơi nào không?”

“Đương nhiên rồi. Cảm ơn ông đã tính đến chuyện đó. Đặc vụ Jack Crawford chịu trách nhiệm dự án này, ông lúc nào cũng có thể tìm được tôi qua ông ấy.”

“Tôi hiểu,” Chilton nói. Gò má ông ta ửng hồng, tương phản với mái tóc nâu đỏ rất không tự nhiên. “Làm ơn cho tôi xem phù hiệu của cô.” Ông ta vẫn để cô đứng trong khi thủng thẳng xem xét phù hiệu của cô. Rồi ông ta trả lại và đứng dậy. “Sẽ không lâu đâu. Đi với tôi.”

“Theo tôi hiểu thì ông sẽ nói sơ qua tình hình cho tôi, thưa bác sĩ Chilton.” Starling nói.

“Chúng ta có thể vừa đi vừa nói.” Ông ta vừa vòng qua bàn vừa nhìn đồng hồ. “Nửa tiếng nữa tôi nghỉ ăn trưa.”

Mẹ kiếp, lẽ ra cô phải đọc vị ông ta rõ hơn, nhanh hơn. Có khi ông ta không phải một tay vớ vẩn. Ông ta có thể biết điều gì đó có ích. Đong đưa tí cũng chẳng mất gì của cô, dù cô chẳng giỏi trò đó đi nữa.

“Bác sĩ Chilton này, giờ tôi muốn đặt một cuộc hẹn với ông. Tùy lúc nào ông tiện, khi ông có thể dành chút thời gian cho tôi. Có thể có vài thứ phát sinh trong khi phỏng vấn — và tôi có thể phải xem xét một số câu trả lời của hắn ta cùng với ông.”

“Tôi thực sự nghi ngờ điều đó đấy.Ồ, tôi cần gọi điện cái đấy. Tôi sẽ bắt kịp cô ở khu lễ tân.”

“Tôi muốn để ô và áo khoác ở đây.”

“Ở ngoài kia,” Chilton nói. “Cô đưa cho Alan ở lễ tân. Anh ta sẽ cất giúp cô.”

Alan mặc bộ đồ tù kẻ sọc. Anh ta đang dùng vạt áo lau tàn thuốc lá.

Anh ta di lười quanh miệng khi nhận áo khoác của Starling.

“Cảm ơn anh,” cô nói.

“Hơn cả rất sẵn lòng. Mà bao lâu em đi ỉa một lần?” Alan hỏi.

“Anh nói gì cơ?”

“Nó ra có rõ dààààààài không?”

“Để tôi tự treo lấy.”

“Không có gì cản em cả — em có thể cúi xuống xem nó chui ra và thấy nó đổi màu khi gặp không khí, em có làm thế không? Trông có giống như em có thêm một cái đuôi to tướng màu nâu nâu không?” Anh ta vẫn không chịu buông cái áo.

“Bác sĩ Chilton muốn anh vào phòng ông ấy ngay lập tức ”
Starling nói.

“Không, tôi không muốn,” bác sĩ Chilton nói. “Cho áo vào tủ đi Alan, và đừng có mà lấy ra khi chúng tôi đi rồi. *Làm đi*. Tôi đã từng có một cô thư ký văn phòng làm việc toàn thời gian, nhưng các khoản cắt giảm đã cướp mất cô ấy của tôi. Bây giờ thì cô gái vừa cho cô vào phải đánh máy ba tiếng một ngày, và thế là tôi có Alan.

Các cô gái văn phòng ấy đi đâu hết rồi, thưa cô Starling?” Đôi mắt kính của ông ta lóe sáng nhìn cô. “Cô có mang súng không đấy?”

“Không, tôi không mang.”

“Tôi có thể xem cặp và túi của cô không?”

“Ông xem giấy tờ của tôi rồi mà.”

“Họ nói cô đang là sinh viên. Làm ơn cho tôi xem đồ của cô.

Clarice Starling hơi chững lại khi cánh cửa sắt nặng nề đầu tiên sập lại sau lưng và cô nghe tiếng đóng chốt. Chilton đi trước một chút, dọc theo dãy hành lang cơ quan màu xanh lá đầy mùi thuốc khử trùng và tiếng sập cửa từ xa vọng lại. Starling đang tự giận mình vì đã cho Chilton động vào cặp và túi xách của cô và cô giẫm mạnh lên cơn giận để có thể tập trung. Nó có kết quả. Cô cảm thấy được rõ ràng sự tự chủ đang mạnh mẽ trở lại giống như sỏi đá dưới đáy sông vững chãi trong dòng chảy xiết.

“Lecter là thứ rất khó chịu,” Chilton nói với qua vai. “Mỗi ngày phải mất đến mười phút để tháo ghim ra khỏi những thứ báo chí mà ông ta nhận được. Chúng tôi đã cố cắt giảm số báo ông ta đặt, nhưng ông ta viết đơn và tòa đã bác bỏ chúng tôi. Hồi trước thư từ riêng tư của ông ta rất nhiều. May sao, chúng giảm dần khi ông ta bị lu mờ trước những thứ quái vật khác trên báo chí. Có một dạo có vẻ như sinh viên nào làm luận án thạc sĩ tâm lý cũng đều muốn có một chút gì đó của Lecter trong luận văn. Các tạp chí y khoa vẫn đăng bài của ông ta, nhưng chẳng qua là vì giá trị ghê tởm của cái tên ông ta.”

“Ông ta có một bài hay về chứng nghiện giải phẫu thẩm mỹ trên

Tạp chí Tâm thần học Lâm sàng, tôi nghĩ thế,” Starling nói.

“Cô nghĩ thế à? *Chúng tôi* đã thử nghiên cứu Lecter. Chúng tôi nghĩ đây là một cơ hội thật tốt để cho ra một nghiên cứu để đời — hiếm khi mà có một kẻ như thế còn sống.”

“Kẻ như thế nào?”

“Một tên rối loạn nhân cách chống xã hội thuần túy, rõ ràng ông ta là một kẻ như vậy. Nhưng ông ta bất khả xâm phạm, quá tinh vi đối với các bài trắc nghiệm tiêu chuẩn. Và, lạy Chúa, ông ta căm thù chúng tôi. Ông ta nghĩ tôi là kẻ báo thù ông ta. Crawford khôn ngoan đấy chứ? — dùng cô để khai thác Lecter.”

“Ý ông là gì vậy, bác sĩ Chilton?”

“Một phụ nữ trẻ để *dụ dỗ* hắn, tôi cho là cô sẽ nói thế. Tôi không tin là suốt mấy năm nay Lecter đã có lần nào nhìn thấy phụ nữ — ông ta có thể thoáng thấy bóng dáng mấy cô lao công là cùng. Thường thì chúng tôi không cho phụ nữ vào đây. Bản thân họ đã là rắc rối đang bị giam giữ rồi.”

Rồi, cô đi Chilton. “Tôi tốt nghiệp hạng ưu đại học Virginia, thưa bác sĩ. Đây không phải là trường dạy quỳn rũ đâu.”

“Vậy thì cô phải nhớ được những quy tắc này: không cho tay qua song sắt, không chạm vào song sắt. Không đưa gì cho ông ta ngoài giấy mềm. Không bút bi, không bút chì. Thỉnh thoảng ông ta mới được dùng bút đánh dấu. Giấy tờ mà cô đưa cho ông ta phải không có ghim hay đinh mũ. Các thứ chuyển vào cho ông ta phải chuyển qua khay thức ăn trượt. Các thứ đưa ra cũng qua khay thức ăn trượt. Cô hiểu tôi chứ?”

“Tôi hiểu.”

Họ đi qua hai cánh cổng nữa và bỏ ánh sáng tự nhiên lại sau lưng. Lúc này họ đã đi qua khu tù nhân có thể giam chung xuống khu vực không cửa sổ và tù nhân bị giam riêng. Đèn hành lang được che lưới dày, giống như đèn trong phòng máy tàu thủy. Bác sĩ Chilton dừng chân dưới một ngọn đèn. Khi tiếng chân họ lặng xuống, Starling có thể nghe thấy đâu đó sau bức tường dư âm xơ xác của một giọng nói đã khản đặc vì la hét.

“Lecter không bao giờ được ra khỏi xà lim mà không bị trói chặt và đeo rọ miệng,” Chilton nói. “Tôi sẽ kể cô nghe tại sao. Ông ta khá hợp tác trong năm đầu sau khi bị bắt. An ninh quanh ông ta hơi lỏng ra một chút — việc đó xảy ra vào đời lãnh đạo trước, cô biết rồi đấy. Vào buổi chiều ngày 8 tháng Bảy năm 1976, ông ta kêu đau ngực và được đưa đến phòng khám. Áo trói của ông ta được tháo ra để điện tâm đồ cho dễ. Khi cô y tá cúi xuống người ông ta, thì ông ta làm cô ấy ra thế này.” Chilton đưa cho Clarice Starling một tấm ảnh bị gập góc. “Các bác sĩ đã cố cứu được một mắt cô ấy. Lecter vẫn bị gắn với các máy đo suốt thời gian đó. Ông ta đánh vỡ hàm để lấy được lưới cô ấy. Mạch ông ta không lúc nào vượt quá 85, kể cả lúc ông ta nuốt cái lưới.”

Starling không biết điều gì tệ hại hơn, bức ảnh hay sự chăm chú của Chilton khi ông ta thu lượm nét mặt cô bằng đôi mắt giảo hoạt thâm đăng. Cô nghĩ tới một con gà khát nước đang mổ nước mắt trên mặt cô.

“Tôi giữ ông ta ở đây,” Chilton nói và bấm cái nút bên cạnh một cánh cửa kép nặng nề bằng kính an toàn. Một hộ lý to lớn để họ đi vào.

Starling ra một quyết định dũng cảm, cô dừng lại ngay sau khi

qua cánh cửa. “Bác sĩ Chilton, chúng tôi thực sự cần những kết quả trắc nghiệm này. Nếu bác sĩ Lecter cảm thấy ông là kẻ thù của ông ấy — nếu ông ấy chú tâm vào ông, như ông vừa nói — thì chúng ta có thể may mắn hơn nếu tôi tự đến gặp ông ta. Ông nghĩ thế nào?”

Má Chilton giật giật. “Thế cũng được. Đáng ra cô nên nói ngay trong văn phòng tôi. Tôi có thể cử hộ lý đi với cô cho tiết kiệm thời gian.”

“Lẽ ra tôi đã đề nghị như vậy nếu ở văn phòng ông nói luôn cho tôi biết tình hình.”

“Chắc tôi không được gặp lại cô nữa, cô Starling — Barney, khi cô đây xong việc với Lecter, gọi người đưa cô ấy ra.”

Chilton bỏ đi mà không nhìn cô thêm lần nữa.

Giờ chỉ còn lại người hộ lý khổng lồ, chiếc đồng hồ im lặng chạy đằng sau anh ta, cái tủ lưới sắt đựng bình xịt hơi cay và áo trói, rọ miệng và súng gây mê. Một giá gắn tường đỡ một ống dài, đầu có gắn chạc hình chữ U để đè bệnh nhân hung hăng vào tường.

Người hộ lý đang nhìn cô. “Bác sĩ Chilton đã nói với cô chưa? Cô không được chạm vào song sắt.” Giọng anh ta vừa cao vừa rè. Cô nhớ tới diễn viên Aldo Ray.

Ông ấy nói rồi.

“Được rồi. Nó ở cuối dãy, xà lim cuối cùng bên tay phải. Cô nên đi giữa hành lang và đừng quan tâm đến bất cứ thứ gì. Cô có thể đem theo thư từ cho ông ta, chúc may mắn.” Người hộ lý có vẻ đang ngấm ngấm thích thú. “Cô chỉ cần đặt nó vào khay để nó tự lăn qua. Nếu cái khay đang ở bên trong, cô có thể cầm sợi dây kéo ra hoặc ông ta có thể đẩy nó ra. Ông ta không với tới cô ở chỗ cái khay đẩy

ra bên ngoài đâu.” Người hộ lý đưa cho cô hai cuốn tạp chí, các trang đã bị tung ra, ba tờ báo và mấy bức thư đã mở.

Hành lang dài khoảng 100m, hai bên là dãy xà lim. Một số là xà lim kín có khe quan sát, dài và hẹp như lỗ châu mai nằm ở giữa cửa. Những cái khác là xà lim tiêu chuẩn, với hàng song sắt nhìn ra hành lang. Clarice Starling nhận thấy những bóng người trong xà lim nhưng cô cố không nhìn. Cô đang đi thì chợt nghe thấy tiếng rít lên, “Tao ngửi thấy mùi l... mày.” Cô không tỏ ra mình đã nghe thấy, cứ thế đi tiếp.

Đèn sáng trong xà lim cuối cùng. Khi lại gần, cô bước sang bên trái dãy hành lang để nhìn vào trong, biết rằng tiếng gót giày đã thông báo sự xuất hiện của cô.

3

Xà lim của bác sĩ Lecter nằm cách xa những xà lim khác, chỉ nhìn sang một cái kho bên kia hành lang và độc đáo một cách lạ thường. Mặt trước là hàng song sắt, nhưng sau song sắt một khoảng dài hơn tầm tay là hàng rào thứ hai, một tấm lưới nylon tối màu căng từ trần xuống nền nhà và từ tường bên này sang bên kia. Sau tấm lưới, Starling có thể nhìn thấy một cái bàn được bắt vít xuống sàn và một chồng cao sách bìa mềm và báo, một cái ghế lưng thẳng, cũng được bắt vít xuống sàn.

Bác sĩ Hannibal Lecter đang nằm trên giường đọc tạp chí *Vogue* bằng tiếng Ý. Tay phải hắn cầm những trang tạp chí bị tháo rời còn tay trái lần lượt lật từng tờ đặt xuống bên cạnh. Bàn tay trái của bác sĩ Lecter có sáu ngón.

Clarice Starling dừng lại cách dãy song sắt một khoảng bằng chiều dài của một phòng đợi nhỏ.

“Bác sĩ Lecter.” Cô thấy giọng mình ổn.

Hắn ngẩng đầu nhìn lên.

Trong một thoáng cô có cảm giác cái nhìn của hắn kêu o o, nhưng đó chỉ là máu cô.

“Tôi là Clarice Starling. Tôi có thể nói chuyện với ông được

không?” Sự tôn trọng ngấm ẩn trong giọng nói và khoảng cách của cô.

Bác sĩ Lecter suy nghĩ, ngón tay hắn đặt lên đôi môi mím lại. Một lúc sau hắn mới buồn đứng dậy, ung dung tiến lên phía trước trong cái lồng của mình, dừng lại ngay ở chỗ tấm lưới nylon mà không hề nhìn nó, như thể hắn chọn đứng xa cô.

Cô thấy hắn nhỏ người nhưng đầy đặn, trên cánh tay và bàn tay cô thấy có sự dẻo dai như chính tay cô.

“Xin chào,” hắn nói, như thể đón khách ở cửa. Chất giọng trí thức của hắn thoang thoảng âm thanh như tiếng kim loại cọ xát, có lẽ vì đã lâu không dùng.

Đôi mắt bác sĩ Lecter màu hạt dẻ, chúng phản xạ ánh sáng thành những chấm đỏ. Đôi khi những chấm sáng tựa hồ như những đốm lửa nhảy múa trong con ngươi của hắn. Đôi mắt hắn ôm trọn lấy Starling.

Cô tiến tới gần hàng song sắt hơn một chút sau khi cân nhắc khoảng cách. Lòng tay cô dựng đứng, chọc vào ống tay áo.

“Thưa bác sĩ, chúng tôi gặp một vấn đề phức tạp trong việc lập hồ sơ tâm lý. Tôi mong được ông giúp đỡ.”

“Chúng tôi ở đây có nghĩa là ban Khoa học Hành vi ở Quantico. Cô là người của Jack Crawford, tôi cho là như vậy.”

“Đúng vậy.”

“Tôi có thể xem giấy tờ của cô được chứ?”

Cô không ngờ tới điều này. “Tôi đã xuất trình giấy tờ ở... văn phòng rồi.”

“Ý cô là cô xuất trình giấy tờ cho bác sĩ Frederick Chilton?”

“Đúng.”

“Cô có xem giấy tờ bằng cấp *của hắn* không?”

“Không.”

“Bằng cấp chẳng chứng tỏ được anh là kẻ đọc rộng hiểu nhiều, tôi có thể nói với cô như vậy. Cô đã gặp Alan chưa? Anh ta thật là dễ thương phải không? Cô thích nói chuyện với ai hơn nhỉ?”

“Nhìn chung là Alan.”

“Cô có thể là phóng viên đút tiền để Chilton cho vào đây. Tôi nghĩ là tôi có quyền được xem giấy tờ của cô.”

“Được thôi.” Cô giơ tấm phù hiệu ép plastic của mình lên.

“Xa thế tôi không đọc được, cô làm ơn đưa vào đây cho tôi xem.”

“Không thể được.”

“Vì nó cứng phải không?”

“Đúng vậy.”

“Cô hỏi Barney đi.”

Người hộ lý đi tới và xem xét. “Bác sĩ Lecter, tôi sẽ đưa vào cho ông. Nhưng nếu ông không trả lại khi tôi yêu cầu — nếu như chúng ta phải làm phiền tới mọi người và trói ông lại để lấy nó — thì tôi sẽ rất tức giận. Nếu mà tôi tức giận thì ông sẽ bị trói lại tới khi tôi cảm thấy khá hơn về ông. Ăn uống sẽ bằng ống, bím thay hai lần một ngày — công việc mà. Và tôi sẽ giữ thư từ của ông một tuần. Ông hiểu chứ?”

“Chắc chắn rồi, Barney.”

Tấm thẻ nằm trên khay trượt vào trong và bác sĩ Lecter đưa nó ra chỗ sáng.

“Một học viên? Nó đề *học viên*. Jack Crawford cử *học viên* tới phỏng vấn tôi?” Hắn gõ nhẹ tấm thẻ vào hàm răng trắng nhỏ nhắn và hít mùi của nó.

“Bác sĩ Lecter,” Barney nói.

“Tất nhiên.” Ông ta đặt trả tấm thẻ vào khay và Barney kéo ra ngoài.

“Đúng là tôi vẫn đang học ở học viện,” Starling nói, “nhưng chúng ta không nói về FBI — chúng ta nói về tâm lý học. Ông có thể tự quyết định liệu tôi có đủ trình độ trong lĩnh vực mà chúng ta trao đổi hay không?”

“Ừmmm,” bác sĩ Lecter nói. “Thực ra thì... cô cũng khá ranh mãnh đấy. Barney, anh có nghĩ là sĩ quan Starling nên có cái ghế chẳng?”

“Bác sĩ Chilton không nói gì với tôi về chuyện ghế ngồi cả.”

“Thế còn phép lịch sự của anh nói gì với anh hử Barney?”

“Cô có cần ghế không?” Barney hỏi cô. “Lấy ghế thì không thành vấn đề, nhưng ông ta chưa bao giờ... Ờ, thường là không ai cần ở lại lâu đến thế cả.”

“Có, cảm ơn anh.” Starling nói.

Barney lấy chiếc ghế gấp từ phòng kho bị khóa bên kia hành lang, mở ra và đặt xuống rồi đi khỏi.

“Được rồi,” Lecter lúc này đã ngồi bên bàn đối diện cô nói, “Miggs đã nói gì với cô?”

“Ai cơ?”

“Miggs Nhiều sự, ở cái xà lim đằng kia. Hấn rít lên với cô đấy. Hấn nói gì?”

“Hấn ta nói, ‘Tao ngửi thấy mùi l... mày.’ “

“Ra thế. Tôi thì không. Cô dùng kem Evyan, thỉnh thoảng cô dùng L’Air du Temps[®], nhưng không phải hôm nay. Hôm nay cô cố tình không dùng nước hoa. Cô thấy thế nào về câu Miggs nói?”

“Tôi không hiểu vì sao anh ta có vẻ thù địch. Rất tệ. Anh ta thù ghét người ta, người ta thù ghét anh ta. Đó là một vòng luẩn quẩn.”

“Cô có ghét anh ta không?”

“Tôi thấy tiếc là anh ta thấy khó chịu. Ngoài chuyện ấy ra, anh ta chẳng hơn gì tiếng ồn. Làm sao mà ông biết về chuyện nước hoa?”

“Chút hương thơm bay ra từ túi cô khi cô lấy tấm thẻ. Túi của cô đẹp đấy.”

“Cảm ơn ông.”

“Đây là cái túi đẹp nhất của cô, đúng không?”

“Vâng.” Đó là sự thật. Cô đã phải tiết kiệm để mua cái túi xách loại cổ điển này. Đây là món đồ xịn nhất của cô.

“Nó xịn hơn giày của cô nhiều.”

“Có thể rồi chúng sẽ như nhau thôi.”

“Tôi không nghi ngờ điều đó.”

“Ông vẽ trên tường phải không bác sĩ?”

“Thế cô nghĩ là tôi thuê trang trí nội thất à?”

“Bức tranh phía trên chậu rửa là một thành phố châu Âu phải không?”

“Là Florence. Đây là biệt điện Vecchio[Ⓢ] và Duomo[Ⓢ] nhìn từ phía pháo đài Belvedere.”

“Ông vẽ tất cả từ trí nhớ sao, tất cả các chi tiết đó?”

“Trí nhớ, thưa sĩ quan Starling, là thứ mà tôi có thay cho đôi mắt.”

“Bức kia là bức Chúa bị đóng đinh phải không? Cây thập tự ở giữa không có gì.”

“Đó là Đồi Sọ sau khi Chúa được đưa xuống khỏi Thập tự giá. Chì màu Crayon và bút đánh dấu Magic Marker trên giấy gói thịt. Đó là thứ mà tên trộm lành từng được hứa hẹn về thiên đường đã nhận được trên thực tế, khi người ta đem Chiên Con của đức Chúa Trời đi.”

“Còn kia là cái gì?”

“Tất nhiên là chân hấn bị gãy, giống như người bạn đồng hành đầ nhạo báng Chúa của hấn. Cô không hề đọc Phúc âm của Thánh John à? Thế thì xem tranh của Dugcio đi — ông ta vẽ các bức Chúa bị đóng đinh rất chính xác. Will Graham thế nào? Hấn ta trông thế nào?”

“Tôi không biết Will Graham.”

“Cô biết. Quân của Jack Crawford. Người trước cô. Mặt hấn ta trông thế nào rồi?”

“Tôi chưa gặp anh ta bao giờ.”

“Đó gọi là *ôn lại chuyện xưa* thôi mà. Sĩ quan Starling, cô không

phản đối chứ?”

Một thoáng im lặng, và rồi cô đáp lại. “Sao lại phản đối, ta có thể nhắc lại một số chuyện cũ ở đây. Tôi đem theo...”

“Không. Không, như thế vừa sai vừa ngớ ngẩn. Đừng có tinh ranh như thế chứ. Nghe này, tinh ranh kiểu ấy làm cho đối tượng của cô nghi ngờ đấy, mà như thế thì không tốt cho tâm trạng tí nào. Mà tâm trạng lại là cầu nối các cuộc trò chuyện đấy. Cô đã làm tốt, cô tỏ ra tôn trọng và chấp nhận sự tôn trọng, cô tạo ra niềm tin bằng cách nói ra sự thật bề bành về Miggs và để rồi cô vụng về lái sang cái bản điều tra của cô. Thế không được đâu.”

“Bác sĩ Lecter, ông là một nhà tâm thần học lâm sàng giàu kinh nghiệm. Ông có nghĩ rằng tôi xuẩn ngốc đến mức phải dùng vài cái mảnh khoe tâm trạng vớ vẩn ấy với ông không? Đánh giá cao tôi chút đi. Tôi đang đề nghị ông trả lời bản điều tra, và ông sẽ trả lời hoặc không. Nhìn nó một chút thì có đau đâu, phải không?”

“Sĩ quan Starling, gần đây cô có đọc bài báo nào của bên Khoa học Hành vi không?”

“Có.”

“Tôi cũng vậy. FBI đã xuẩn ngốc không chịu gửi cho tôi *Tạp san Hành pháp*, nhưng tôi mua được từ mấy người đồng nát và tôi có tờ *Tin tức* từ John Jay và các tạp chí tâm thần học. Chúng chia những kẻ giết người hàng loạt thành hai nhóm — có tổ chức hay phi tổ chức. Cô nghĩ gì về việc này?”

“Đó là... điều cơ bản, rõ ràng là họ...”

“*Quá đơn giản* là từ cô muốn tìm. Trên thực tế hầu hết môn tâm lý học là trò trẻ con, sĩ quan Starling, và cái được thực hành ở ban

Khoa học Hành vi thì chỉ ở mức não tượng học. Môn tâm lý học không thực sự có nhiều tài liệu làm cơ sở. Cứ đến bất cứ khoa tâm lý nào ở đại học nhìn đám sinh viên và giảng viên mà xem: toàn những tay chơi vô tuyến nghiệp dư và những tay hâm mộ khiếm khuyết nhân cách. Còn lâu mới là những bộ óc xuất sắc nhất trong trường: *Có tổ chức* và *Phi tổ chức* — đúng là suy nghĩ của bọn cá dạn bề.”

“Thế ông sẽ sửa cách phân loại này như thế nào?”

“Tôi không sửa.”

“Liên quan đến các bài báo, tôi có đọc loạt bài của ông về chứng nghiện giải phẫu thẩm mỹ và biểu cảm khuôn mặt bên trái và bên phải.”

“Phải, đó là những bài hạng nhất,” bác sĩ Lecter nói.

“Tôi cũng nghĩ thế, và cả Jack Crawford cũng vậy. Ông ta đã đưa chúng cho tôi xem. Đó là một lý do khiến ông ta lo lắng cho ông...”

“Crawford Khắc kỷ mà lại lo lắng ư? Nếu ông ta cần sinh viên giúp thì hẳn ông ta đang bận.”

“Đúng thế, và ông ta muốn...”

“Bận vụ Bill Bò mộng rồi.”

“Tôi cho là như vậy.”

“Không. Không phải là ‘tôi cho là như vậy’. Sĩ quan Starling, cô biết rất rõ đó là vụ Bill Bò mộng. Tôi nghĩ Jack Crawford có thể bảo cô đến hỏi tôi về vụ này.”

“Không.”

“Thế ra cô không giải quyết vụ này.”

“Không, tôi đến vì chúng tôi cần ông...”

“Cô biết gì về Bill Bò mộng?”

“Không có ai biết gì nhiều.”

“Mọi thứ đều lên báo rồi phải không?”

“Tôi nghĩ vậy. Bác sĩ Lecter, tôi chưa được xem bất cứ tài liệu mật nào trong vụ này, việc của tôi là...”

“Bill Bò mộng đã dùng hết mấy phụ nữ?”

“Cảnh sát tìm được năm người.”

“Tất cả đều bị lột da?”

“Một phần, đúng thế.”

“Báo chí chưa bao giờ giải thích tên của hắn ta. Cô có biết vì sao hắn được gọi là Bill Bò mộng không?”

“Có.”

“Nói tôi nghe xem nào.”

“Tôi sẽ nói cho ông nếu ông xem bản điều tra này.”

“Tôi sẽ xem, chỉ thế thôi. Còn giờ thì, tại sao?”

“Nó bắt đầu như một trò chơi tệ hại trong đơn vị Điều tra An mạng Thành phố Kansas.”

“Vậy sao...?”

“Họ gọi hắn là Bò mộng vì hắn có trò lột da đám trâu bò của hắn.”

Starling nhận thấy mình vừa chuyển từ cảm giác sợ sệt sang cảm giác khó chịu. Trong hai loại này, cô thích sợ sệt hơn.

“Đưa bản điều tra vào đây.”

Starling đẩy tập màu xanh dương vào trong qua cái khay.

Cô ngồi yên đợi Lecter lật qua tập giấy.

Hắn bỏ lại vào khay. “Ồi giời, sĩ quan Starling, cô có nghĩ là có thể mổ xẻ tôi bằng cái dụng cụ cùn gỉ cùn con con này chẳng?”

“Không, tôi nghĩ ông có thể cho một vài nhận định và thúc đẩy nghiên cứu này.”

“Và vì lý do gì mà tôi phải làm thế?”

“Tò mò.”

“Về chuyện gì?”

“Về chuyện vì sao ông lại ở đây. về chuyện xảy ra cho ông.”

“Chẳng có gì xảy ra cho tôi cả, sĩ quan Starling ạ. *Tôi* làm chủ sự việc. Cô đừng có rút tôi xuống thành một tập các hành động. Cô đã đem thuyết hành vi ra mà đánh giá thiện-ác, thưa sĩ quan Starling. Cô bắt tất cả mọi người phải đeo bím đạo đức — chẳng có gì là sai lầm của bất cứ ai. Nhìn tôi đây này sĩ quan Starling. Cô dám nói tôi độc ác không? Tôi có độc ác không, sĩ quan Starling?”

“Tôi nghĩ ông là người phá hoại. Với tôi hai thứ đó là một.”

“Độc ác chỉ là phá hoại thôi ư? Nếu đơn giản đến vậy thì *bảo tố* cũng là cái ác nhỉ. Chúng ta có *hỏa hoạn* và rồi chúng ta có *mưa đá*. Bảo hiểm coi tất cả những thứ đó là *thiên tai*, là ‘Hành động của Chúa’.”

“Cố ý...”

“Tôi cũng đôi khi nhớ lại những vụ sập nhà thờ. Cô có xem vụ vừa rồi ở Sicily không? Vĩ đại! Mặt tiền đổ xuống đầu sáu mươi lăm bà già đúng ngày lễ trọng. Đó có phải là cái ác? Nếu đúng thì là ai gây ra? Nếu Người có ở trên ấy, thì Người thích chuyện đó, sĩ quan Starling à. Bệnh thương hàn và những con thiên nga — đều xuất phát từ cùng một nơi cả.”

“Tôi không thể giải thích với ông được, thưa bác sĩ, nhưng tôi biết ai là người có thể.”

Hắn giơ tay ngăn cô lại. Bàn tay của hắn đẹp, cô ghi nhận, và ngón tay giữa được nhân đôi hoàn hảo. Đó là chứng thừa ngón ở dạng hiếm nhất.

Khi hắn tiếp tục nói, giọng hắn mềm mại và vui vẻ. “Cô muốn lượng hóa tôi, sĩ quan Starling nhỉ? Thế có phải quá tham vọng không? Cô có biết với tôi cô giống ai không, với cái túi xịn và đôi giày rẻ tiền của cô? Cô trông như một kẻ nhà quê. Cô là một kẻ nhà quê được cọ rửa sạch sẽ, thích bon chen và có chút gu thẩm mỹ. Mắt cô trông như mấy viên đá hoàng đạo rẻ tiền — sáng hết cả lên khi cô moi được một lời giải đáp lật vạt nào đó. Còn cô thì không được sáng láng bằng đôi mắt ấy nhỉ? Quyết không để giống mẹ mình. Dinh dưỡng tốt nên dài xương, nhưng cô thoát khỏi vùng mỏ chưa đến một thế hệ đâu, thưa *sĩ quan* Starling. Mà đó là nhà Starling ở Tây Virginia hay là nhà Starling ở Oklahoma vậy, thưa sĩ quan? Quyết định vào đại học hay gia nhập đội nữ binh cũng chỉ là trò tung đồng xu, có phải không? Để tôi nói cô nghe một chuyện về chính cô nhé, sinh viên Starling. Trong phòng mình, cô có một chuỗi hạt đeo cổ màu vàng và cô luôn cảm thấy hơi nhói tim khi thấy bầy

giờ nó vô vị đến mức nào, đúng vậy không? Tất cả những lời cảm ơn nhạt nhẽo, những lần cho người ta sờ soạng là một lần khó chịu thân mật, mỗi lần nhận được một hạt. Nhạt nhẽo. Nhạt nhẽo.

B-u-ồ-n-c-h-á-n. Thông minh thì phải đánh đổi nhiều thứ, đúng vậy không? Còn nữa, gu thẩm mỹ thì không tử tế chút nào. Khi nghĩ lại cuộc nói chuyện này, cô sẽ nhớ đến cơn đau thú vật đàn độn trên mặt anh ta khi cô đá đít anh ta. Và nếu như chuối hạt trở nên vô vị, thì còn thứ gì nữa sẽ vô vị theo? Cô có băn khoăn về điều đó đúng không, mỗi khi đêm xuống?” bác sĩ Lecter hỏi bằng giọng tử tế nhất.

Starling ngẩng đầu nhìn hắn. “Ông nhìn ra nhiều thứ, thưa bác sĩ Lecter. Tôi sẽ không chối bỏ bất kỳ điều gì ông đã nói. Nhưng đây là câu hỏi mà ông cần trả lời cho tôi ngay bây giờ, dù ông có muốn hay không: liệu ông có đủ mạnh mẽ để hướng cái nhận thức mạnh mẽ ấy vào chính bản thân mình không? Thật khó mà đối diện với nó. Tôi đã nhận ra điều đó trong mấy phút vừa qua. Thế nào? Hãy nhìn vào bản thân mình và ghi nhận sự thật. Liệu ông còn có thể tìm thấy đối tượng nào phù hợp hay phức tạp hơn không? Hay có thể là ông sợ chính mình.”

“Cô khá rắn đấy nhỉ, sĩ quan Starling?”

“Vâng, cũng vừa đủ.”

“Và cô ghét nghĩ rằng mình là người tầm thường. Thế chẳng phải khó chịu lắm sao? Ôi trời! Cô không hề tầm thường chút nào, sĩ quan Starling ạ. Cô chỉ sợ sự tầm thường thôi. Mà hạt vòng của cô kích thích thế nào nhỉ, 7mm?”

“Bảy.”

“Cho tôi khuyên một câu nhé. Cô tháo vài hạt ra, khoan lỗ mấy

viên đá mắt hổ và xâu xen kẽ với những hạt vàng. Có thể xen kẽ kiểu hai-ba hoặc một-hai, tùy cô thấy thế nào là đẹp nhất. Đá mắt hổ sẽ tôn màu mắt và màu tóc cô. Đã từng có ai tặng cô quà Valentine chưa?”

“Rồi.”

“Giờ đã là tuần chay rồi. Chỉ còn một tuần nữa là đến Valentine. Hừm, cô có nghĩ mình sẽ nhận được món quà nào đó không?”

“Ai mà biết được.”

“Không, không bao giờ biết được cả... Tôi đã nghĩ đến ngày Valentine. Nó nhắc tôi nhớ tới một chuyện buồn cười. Giờ nghĩ đến mới thấy, tôi có thể khiến cho cô rất hạnh phúc vào ngày Valentine đấy, *Clarice* Starling ạ.”

“Bằng cách nào vậy, thưa bác sĩ Lecter.”

“Bằng cách gửi cho cô một món quà Valentine tuyệt vời. Tôi sẽ nghĩ đến chuyện này. Giờ thì cô vui lòng tha lỗi cho tôi. Tạm biệt, sĩ quan Starling.”

“Còn bản nghiên cứu thì sao?”

“Một tay nhân viên điều tra dân số đã có lần thử lượng hóa tôi. Tôi đã ăn gan hắc tẩu nấu với đậu tằm và một chai Amarone lớn. Quay lại trường đi. Starling bé bỏng ạ.”

Hannibal Lecter, lịch sự cho đến phút cuối, đã không quay lưng lại với cô. Hắn đi giật lùi khỏi song sắt về giường nằm và trở nên lạnh lùng với cô như một bức tượng thạch tủy quân bằng đá nằm trên hầm mộ.

Bỗng nhiên Starling cảm thấy trống rỗng, như thể cô vừa cho

máu. Cô mất nhiều thời gian hơn bình thường để đút giấy tờ vào cặp vì cô không thấy tin tưởng đôi chân mình lắm. Starling ngập chìm trong thất bại mà cô căm ghét. Cô gập ghế lại rồi dựa nó vào cửa kho. Cô lại phải đi qua chỗ Miggs lần nữa. Ở đằng xa Barney có vẻ như đang đọc gì đó. Cô có thể gọi anh ta đến đón. *Mặc mẹ Miggs.* Cũng chẳng khác gì việc hằng ngày đi ngang đám công nhân xây dựng hay những tay giao hàng thô lỗ trong thành phố. Cô bắt đầu quay lại theo hành lang.

Ngay cạnh cô, giọng Miggs rít lên, “Tao cắn cổ tay để chết nàààààà, có xem nó chảy máu không?”

Cô cần phải gọi Barney, nhưng bị giật mình nên cô nhìn vào xà lim, thấy Miggs búng tay và cảm thấy một bãi ẩm ẩm trên má và vai trước khi kịp quay đi.

Cô tránh xa hắn ta, nhận ra đó là tinh dịch chứ không phải máu và Lecter đang gọi cô, cô có thể nghe thấy tiếng hắn. Giọng bác sĩ Lecter vang lên phía sau cô, tiếng rin rít chói tai trong đó nghe rất rõ.

“Sĩ quan Starling.”

Hắn đã dậy khỏi giường và gọi cô khi cô đang đi. Cô lục túi tìm khăn lau.

Phía sau cô, “Sĩ quan Starling.”

Giờ cô đã làm chủ được bản thân và cương quyết đi ra cổng.

“Sĩ quan Starling.” Có gì đó mới mẻ trong giọng Lecter.

Cô dừng lại. *Sao mình lại chuốc lấy cái của nợ này cơ chứ?* Miggs rít lên câu gì đó mà cô không buồn nghe.

Cô lại đứng trước xà lim của Lecter và nhìn thấy cảnh gã bác sĩ

đang bị kích động một cách hiểm thấy. Cô biết hắn có thể ngửi thấy mùi thứ đó trên người cô. Hắn có thể ngửi thấy mọi thứ.

“Lẽ ra tôi không được để chuyện đó xảy ra với cô. Với tôi, thô lỗ là thói vô cùng xấu xa.”

Cứ như là việc giết người đã thanh lọc sự thô tục thấp kém ra khỏi hắn. Hoặc có thể — Starling nghĩ — hắn cảm thấy hưng phấn khi thấy cô bị làm nhục theo cách ấy. Cô không biết. Những đốm lửa trong mắt hắn bay vào vùng tăm tối của hắn như những con đom đóm bay vào hang.

Dù đó có là gì đi nữa thì cũng mặc xác hắn! Cô đưa tập giấy ra.

“Phiền ông làm cho tôi.”

Chắc cô đã quá muộn. Hắn đã bình tĩnh lại.

“Không. Nhưng tôi sẽ làm cho cô thấy vui vì mình đã tới đây. Tôi sẽ cho cô một thứ khác. Tôi sẽ cho cô điều mà cô thích nhất, Clarice ạ.”

“Là gì vậy, thưa bác sĩ Lecter?”

“Tất nhiên là thăng tiến. Nó có tác dụng tuyệt vời — tôi rất vui. Ngày Valentine đã khiến tôi nghĩ tới điều đó.”

Một nụ cười nở trên hàm răng trắng, có thể vì bất kỳ lý do gì. Hắn nói nhẹ tới mức cô chỉ nghe được loáng thoáng. “Hãy tìm quà Valentine của cô trong xe của *Raspail*. Cô nghe tôi nói không? Tìm quà Valentine của cô trong xe *Raspail* nhé. Còn giờ thì cô nên đi đi, tôi không nghĩ là Miggs có thể giờ trò lại ngay được đâu, kể cả nếu hắn bị điên đi chẳng nữa, phải không?”

4

Clarice Starling đang phấn khích, kiệt sức, phải lấy hết ý chí ra để trụ vững. Một số điều Lecter nói về cô là đúng, một số khác chỉ chạm nhẹ vào sự thật. Trong mấy giây cô cảm thấy có một nhận thức lạ lùng vừa được buông thả trong đầu mình, gạt rơi đồ đạc trên giá xuống như một con gấu trong chiếc xe du lịch.

Cô ghét những gì hắn nói về mẹ cô nhưng cô phải tìm cách rũ bỏ được cơn giận dữ. Đây là công việc.

Cô ngồi trong chiếc Pinto cũ kỹ của mình bên kia đường đối diện bệnh viện và thở sâu. Khi những cánh cửa sổ mờ đi, cô có được một chút riêng tư khỏi những người đi trên hè.

Raspail. Cô nhớ cái tên này. Anh ta là một bệnh nhân của Lecter và là một trong những nạn nhân của ông ta. Cô chỉ có một tối để đọc hồ sơ của Lecter. Bộ hồ sơ rất lớn và Raspail là một trong nhiều nạn nhân. Cô cần phải đọc kỹ tình tiết.

Starling muốn xử lý việc này một mình, nhưng cô biết rõ tính khẩn cấp chỉ là do cô tưởng tượng ra thôi. Vụ Raspail đã kết thúc nhiều năm trước. Không ai bị nguy hiểm. Cô có thời gian. Tốt nhất là cô cần có đủ thông tin và được tư vấn kỹ càng trước khi đi tiếp.

Crawford có thể tước vụ này của cô và chuyển cho người khác.

Cô phải tận dụng được cơ hội này.

Cô cố gọi điện cho ông từ bộ điện thoại nhưng được biết ông đang xin ngân sách cho Bộ Tư pháp trước Tiểu ban Ngân sách của Quốc hội.

Cô có thể lấy được chi tiết vụ này từ ban Điều tra Án mạng của Sở cảnh sát Baltimore, nhưng giết người lại không phải là tội phạm liên bang và cô biết rằng họ sẽ vô ngay vụ này của cô, chắc chắn.

Cô lái xe về Quantico, quay trở lại ban Khoa học Hành vi với những chiếc rèm cửa nâu kẻ ô và những tập hồ sơ màu xám ghê rợn. Cô ngồi đó cho đến tối, sau khi người thư ký cuối cùng đã ra về, để xem các tấm vi phim về Lecter. Chiếc máy đọc vi phim cũ kỹ tỏa sáng như đèn bí ngô Halloween trong căn phòng tối. Chữ và những hình âm bản chạy trên khuôn mặt chăm chú của cô.

Raspail, Benjamin Rene, đàn ông da trắng, 46 tuổi, là cây sáo số một trong Dàn nhạc Giao hưởng Baltimore. Ông ta là bệnh nhân của bác sĩ tâm thần Hannibal Lecter.

Ngày 22 tháng Ba năm 1975, ông ta không đến được buổi biểu diễn ở Baltimore. Ngày 25 tháng Ba, người ta tìm thấy xác ông ta ngồi trên ghế băng trong một nhà thờ nhỏ ở nông thôn gần Falls Church, bang Virginia, trên người chỉ có một chiếc cà vạt trắng và áo đuôi tôm. Khám nghiệm pháp y cho thấy Raspail bị đâm vào tim, không còn tụy và tuyến ức.

Clarice Starling, vốn từ bé đã biết quá nhiều về việc chế biến thịt, nhận ra bộ phận bị mất là lá lách.

Ban Điều tra Án mạng của Baltimore tin rằng những bộ phận này đã xuất hiện trong thực đơn bữa tối mà Lecter mời chủ tịch và nhạc

trưởng của Dàn nhạc Giao hưởng Baltimore sau hôm Raspail biến mất.

Bác sĩ Hannibal Lecter tuyên bố không biết gì về những chuyện này. Chủ tịch và nhạc trưởng dàn nhạc khai rằng họ không nhớ đã ăn gì trong bữa tối của Lecter, cho dù Lecter nổi tiếng về tài nấu ăn và viết vô số bài cho các tạp chí ẩm thực.

Sau đó, vị chủ tịch của Dàn nhạc Giao hưởng đã phải chữa trị chứng chán ăn và các bệnh do nghiện rượu gây ra tại một viện điều dưỡng thần kinh tổng thể ở Basel.

Theo cảnh sát Baltimore, Raspail là nạn nhân được biết đến thứ chín của Lecter. Raspail chết không để lại di chúc, và những vụ kiện tụng tranh giành di sản giữa những người thân của ông ta được báo chí đưa tin hàng tháng trời cho tới khi mối quan tâm của công chúng giảm xuống.

Người thân Raspail cùng gia đình những nạn nhân khác của Lecter đã thắng vụ kiện đòi tiêu hủy hồ sơ vụ án và băng ghi âm của nhà tâm thần học bất chính. Lý luận của họ là không thể biết được ông ta sẽ tiết lộ những bí mật bề bàng gì và những hồ sơ kia chính là chứng cứ ông ta có.

Tòa án chỉ định luật sư của Raspail, Everett Yow, làm người xử lý di sản của ông ta.

Starling sẽ phải xin phép viên luật sư để lại gần chiếc xe.

Viên luật sư có thể muốn bảo vệ ký ức về Raspail và nếu được thông báo đủ sớm, ông ta có thể hủy bằng chứng để bao che cho thân chủ đã mất của mình.

Starling muốn tấn công bất ngờ, và cô cần thêm lời khuyên và

thẩm quyền. Cô chỉ còn lại một mình ở ban Khoa học Hành vi và có thể thoải mái tìm kiếm. Cô tìm được số điện thoại nhà của Crawford trong sổ địa chỉ.

Cô không nghe tiếng chuông điện thoại reo, nhưng bất ngờ giọng ông vang lên, rất nhỏ nhẹ và đều.

“Jack Crawford nghe.”

“Clarice Starling đây. Tôi hy vọng không phải ông đang ăn tối...” Cô phải tiếp tục nói với sự câm lặng. “... hôm nay Lecter có nói với tôi vài chuyện về vụ Raspail, tôi đang ở văn phòng làm tiếp vụ này. Ông ta nói với tôi rằng có một thứ trong xe của Raspail. Tôi phải qua luật sư của ông ta mới tiếp cận được chiếc xe, và ngày mai đã là thứ Bảy — tôi không phải đi học — tôi muốn hỏi ông xem...”

“Starling, cô có nhớ bất kỳ điều gì tôi nói về việc cô phải làm gì với thông tin của Lecter không?” Giọng Crawford nhỏ nhẹ một cách đáng sợ.

“Nộp báo cáo cho ông vào chín giờ sáng Chủ nhật.”

“Làm thế đi. Starling. Làm đúng như thế đi.”

“Vâng thưa ông.”

Tiếng quay số điện thoại như chọc vào tai cô. Nó lan ra mặt và làm mắt cô bông rát.

“Mẹ kiếp,” cô nói. “Đồ chó già. Đồ chó chết khốn nạn. Thử để thằng Miggs phụt vào ông xem ông thấy thế nào.”

Starling, sạch sẽ trong chiếc áo ngủ của Học viện FBI, đang viết lại lần hai bản báo cáo thì cô bạn cùng phòng, Ardelia Mapp từ thư viện

về. Khuôn mặt to với nước da nâu và nét mặt rất mực ôn hòa của người bạn là một trong những điều dễ chịu nhất mà cô nhìn thấy ngày hôm nay.

Ardelia Mapp nhìn thấy sự mệt mỏi trên mặt cô.

“Làm gì hôm nay thế cô bé?” Mapp luôn hỏi như thể câu trả lời không tạo ra bất cứ sự khác biệt nào.

“Tán tỉnh một thằng điên và bị phụt đầy người.”

“Giá mà tớ có thời gian giao thiệp xã hội — tớ không hiểu sao cậu làm được thế, mà vẫn đi học được nữa chứ.”

Starling cười to. Ardelia Mapp cười cùng cô, vừa đủ cho câu chuyện đùa vừa xong. Starling không ngừng lại, cô nghe thấy chính mình từ xa, cười không ngừng. Qua hàng lệ, Starling thấy Mapp trông già sọm đến kỳ lạ và cũng nhận thấy trong nụ cười của cô đượm cả nỗi buồn.

5

Jack Crawford, 53 tuổi, ngồi đọc trên chiếc ghế bành bên ánh đèn mờ mờ trong phòng ngủ. Ông ta ngồi quay mặt về phía hai chiếc giường đôi, cả hai đều được kê cao như giường bệnh viện. Một là giường của ông, Bella vợ ông nằm trên chiếc còn lại. Crawford có thể nghe được tiếng bà thở bằng miệng. Đã hai ngày nay bà không cử động hay nói chuyện với ông.

Bà hụt một hơi thở. Crawford ngẩng đầu lên khỏi cuốn sách, nhìn lên qua đôi mắt kính bán nguyệt. Ông đặt cuốn sách xuống. Bella thở trở lại, một hơi thở run rẩy theo sau là một hơi thở bình thường. Ông đứng dậy bắt mạch và xem huyết áp của bà. Sau nhiều tháng ông đã trở thành chuyên gia sử dụng máy đo huyết áp.

Vì ban đêm ông không rời bà nên ông đã kê một chiếc giường cho mình bên cạnh giường bà. Vì ông phải vươn ra chỗ bà trong bóng tối nên giường của ông cũng được kê cao ngang giường bà.

Trừ độ cao của hai cái giường và hệ thống ống tối thiểu để bà được thoải mái, Crawford đã cố gắng giữ cho căn phòng không giống như phòng người ốm. Trong phòng có hoa, nhưng không nhiều. Không có thuốc men trưng ra – Crawford đã dọn sạch tủ đựng khăn trải giường ngoài hành lang để đựng thuốc và thiết bị y tế trước khi ông đưa bà từ bệnh viện về. (Đây là lần thứ hai ông bế bà

qua ngưỡng cửa ngôi nhà này, ý nghĩ đó gần như làm lòng ông tan nát.)

Một luồng hơi nóng thổi đến từ phương Nam. Cửa sổ đang mở và không khí vùng Virginia thật trong lành và mềm mại. Những con ếch con liếc nhìn nhau trong bóng tối.

Căn phòng không có một vết bẩn, nhưng thảm bắt đầu sờn — Crawford không dùng máy hút bụi gây ồn ào trong phòng mà dùng một cây chổi quét thảm không thực tốt lắm. Ông bước nhẹ ra chỗ tủ và bật đèn. Hai tấm bìa kẹp giấy treo sau cửa tủ. Ông ghi huyết áp và nhịp tim của bà lên một tấm. Những con số của ông và của cô y tá trực ban ngày xen kẽ nhau trong một cột trải dài nhiều trang giấy vàng, nhiều ngày và nhiều đêm. Trên tấm bìa kẹp còn lại cô y tá trực ban ngày ký cấp thuốc cho Bella.

Ban đêm, Crawford biết cho bà dùng bất cứ loại thuốc nào bà cần. Theo hướng dẫn của một cô y tá, ông đã tập tiêm vào quả chanh và sau đó là đùi mình trước khi đưa bà về nhà.

Crawford đứng cạnh bà khoảng ba phút, nhìn mặt bà. Một chiếc khăn vôn lụa đẹp tuyệt bọc tóc bà như khăn xếp quần đầu. Bà đòi được như vậy khi bà còn có khả năng đòi hỏi. Giờ thì ông đòi hỏi điều đó. Ông giữ ẩm môi cho bà bằng glycerine và dùng ngón cái to bè nhặt hạt bụi vương nơi khóe mắt bà. Bà vẫn không cử động. Giờ vẫn chưa đến lúc lật bà.

Nhìn vào gương, ông tự trấn an rằng ông không ốm, rằng ông sẽ không phải chôn cùng với bà, rằng ông vẫn khỏe. Ông bắt gặp mình làm việc đó và thấy hổ thẹn.

Quay trở lại ghế, ông không thể nhớ được mình đang đọc gì.

Ông sờ những cuốn sách bên cạnh để tìm cuốn nào còn ấm.

6

Sáng thứ Hai, Clarice Starling thấy tin nhắn này từ Crawford trong hộp thư:

CS:

Hãy tiếp tục vụ chiếc xe của Raspail. Lúc nào cô thấy tiện. Văn phòng tôi sẽ cung cấp cho cô thẻ tín dụng để gọi điện thoại đường dài. Liên hệ với tôi trước khi cô liên lạc với bên di sản hay đi bắt kỳ đâu. Hãy báo cáo vào 16h00 thứ Tư.

Giám đốc đã nhận được báo cáo của cô về Lecter có chữ ký của cô. Cô làm tốt lắm.

JC

ĐVTQ/Ban 8

Starling cảm thấy rất vui. Cô biết là Crawford chỉ cho cô một con chuột đã kiệt sức để thực hành. Nhưng ông ta muốn dạy cô. Ông ta muốn cô làm tốt. Đối với Starling, điều đó lúc nào cũng hay hơn thái độ lịch sự.

Raspail chết đã tám năm. Liệu có chứng cứ gì tồn tại được lâu như thế trong xe nhỉ?

Từ kinh nghiệm gia đình, cô biết xe hơi mất giá rất nhanh nên tòa thượng thẩm sẽ cho những người còn sống bán xe trước khi chúng thực di chúc, tiền sẽ được ủy thác cho bên thứ ba. Không có vẻ gì là với khối di sản rắc rối và nhiều tranh chấp như của Raspail người ta lại giữ không bán một chiếc xe lâu đến như vậy.

Ngoài ra thời gian cũng là vấn đề. Tính cả giờ nghỉ trưa thì Starling có một giờ và năm mươi phút rảnh rỗi hàng ngày để dùng điện thoại trong giờ làm việc. Chiều thứ Tư cô phải nộp báo cáo cho Crawford. Cô có tất cả ba giờ bốn mươi lăm phút trải ra trong ba ngày để truy tìm chiếc xe, nếu cô sử dụng thời gian học rồi học bù vào buổi tối.

Cô đã ghi chép khá đầy đủ trong giờ học Thủ tục Điều tra và cô có cơ hội đặt ra những câu hỏi cơ bản cho giảng viên.

Trong giờ ăn trưa ngày thứ Hai, nhân viên Tòa án hạt Baltimore để Starling chờ điện và bỏ quên cô đến ba lần. Trong giờ học cô gọi được một nhân viên tòa án thân thiện và người này đã lấy được hồ sơ xử lý tài sản của Raspail giúp cô.

Người nhân viên khẳng định giấy phép bán xe đã được cấp và cho Starling tên hãng và số serial của chiếc xe, tên của người chủ tiếp theo của chiếc xe.

Ngày thứ Ba, cô lãng phí nửa buổi trưa lần theo tên người chủ mới. Rồi mất nốt nửa thời gian còn lại chỉ để phát hiện ra rằng Cục Quản lý Xe hơi Maryland không có khả năng truy tìm xe theo số serial mà chỉ theo số đăng ký hoặc biển số hiện hành.

Chiều thứ Ba, một trận mưa rào đã xua học viên từ trường bắn về. Trong một phòng họp ngột ngạt mùi mồ hôi và quần áo ẩm, John Brigham — giảng viên môn vũ khí từng là lính thủy đánh bộ — chọn Starling để kiểm tra sức tay của cô trước lớp bằng cách thử xem cô có thể bóp cò khẩu Smith & Wesson Model 19 bao nhiêu lần trong sáu mươi giây.

Cô làm được sáu tư lần bằng tay trái, thổi lọn tóc che mắt ra, và

bắt đầu lại với tay phải để một học viên khác đếm. Cô cầm súng hai tay, giữ chắc, tập trung nhìn đầu ruồi, khe ngắm và mục tiêu mờ đi đúng cách. Được khoảng nửa phút, cô cho phép đầu óc phân tâm để đỡ đau đầu. Mục tiêu treo trên tường hiện lên rõ ràng. Đó là bằng khen của ban Thi hành án Thương mại Liên bang trao tặng cho giảng viên của cô, John Brigham.

Qua khoe miệng, cô hỏi Brigham trong khi một học viên khác đang đếm những tiếng lạch cạch của khẩu súng lục ổ quay. “Làm thế nào để truy tìm số đăng ký hiện tại...”

“... sáu lăm, sáu sáu, sáu bảy, sáu tám, sáu...”

“... của chiếc xe nếu ta chỉ có số serial...”

“... bảy tám, bảy chín, tám mươi, tám mốt...”

“... và hãng xe? Ta không có số biển đăng ký hiện tại.”

“... tám chín, chín mươi. Hết giờ.”

“Được rồi, các bạn,” người giảng viên nói, “tôi muốn các bạn ghi nhớ điều này. Lực tay là một yếu tố chính bảo đảm bắn ổn định khi chiến đấu. Một vài người trong các bạn lo sẽ bị gọi lên lần tới. Các bạn lo là đúng – Starling đạt mức cao hơn trung bình rất nhiều ở cả hai tay. Đó là do cô ấy có luyện tập. Cô ấy đã luyện bài bóp cò mà tất cả các bạn đều biết. Hầu hết các bạn đều không quen bóp bất cứ cái gì cứng hơn...” — ngược hẳn với ngôn ngữ lính thủy thông thường của mình, người giảng viên chọn cách so sánh lịch sự — “... trướng cá của mình,” cuối cùng anh nói. “Còn Starling, đừng chủ quan, cô vẫn chưa thực sự giỏi lắm đâu. Tôi muốn thấy cô đạt chín mươi bằng tay trái trước khi cô tốt nghiệp. Giờ thì chia thành từng cặp và đếm lẫn nhau. Nhanh nhanh.”

“Còn cô thì không cần. Starling. Lại đây. Cô có gì thêm về chiếc xe không?”

“Chỉ có số serial và hãng xe, thế thôi. Và một người chủ trước cách đây năm năm.”

“Được rồi, nghe này. Mọi người thường bị m... mắc kẹt khi tìm theo số đăng ký xe từ chủ này sang chủ khác. Họ sẽ bị rối tinh lên giữa các bang. Ý tôi là cảnh sát thỉnh thoảng cũng làm như vậy. Mà máy tính thì chỉ có đăng ký và biển số, không có số serial của xe.”

Tiếng lách cách của những khẩu súng lục ổ quay bóng xanh dùng thực tập vang lên khắp phòng làm anh ta phải hét vào tai cô.

“Có một cách dễ hơn. R. L. Pork & Co. là công ty xuất bản danh bạ của thành phố — họ cũng đưa ra danh sách đăng ký xe hiện hành theo nhãn hiệu và số serial nối tiếp. Đó là nơi duy nhất. Các đại lý xe sau đó sẽ đăng ký quảng cáo với họ. Sao cô biết để hỏi tôi?”

“Anh là người của bên Thi hành án Thương mại, tôi nghĩ anh cũng đã phải truy tìm rất nhiều xe rồi. Cảm ơn.”

“Trả ơn tôi đi — luyện tay trái rồi làm cho bọn chân yếu tay mềm kia mất mặt đi.”

Trở lại buồng điện thoại vào giờ tự học, tay cô run đến mức làm chữ viết ngoằn ngoèo khó đọc. Xe của Raspail là xe Ford. Có một đại lý Ford gần Đại học Virginia, nơi đã nhiều năm kiên nhẫn làm tất cả những gì có thể cho chiếc Pinto của cô. Và bây giờ, cũng vẫn kiên nhẫn như vậy, ông chủ đại lý tra soát danh sách Polk giúp cô. Ông ta quay lại điện thoại với tên và địa chỉ của người cuối cùng đã đăng

ký chiếc xe của Benjamin Raspail.

Clarice đang đỗ, Clarice đang làm chủ tình hình. Đành có ngại ngần nữa mà hãy gọi điện đến nhà anh ta ở, xem nào, Số 9 Ditch, Arkansas. Jack Crawford sẽ chẳng bao giờ cho mình đến đấy, nhưng ít nhất là mình có thể khẳng định là ai được đi.

Không thừa máy, và lại không thừa máy. Tiếng chuông nghe buồn cười và xa cách, tiếng tút đúp như thể số này dùng cho nhiều máy. Cô thử gọi buổi tối và cũng không có ai thừa máy.

Vào giờ ăn trưa ngày thứ Tư, một người đàn ông trả lời điện thoại của Starling:

“WPOQ Radio Xưa cũ.”

“Xin chào, tôi gọi điện tới để...”

“Tôi không quan tâm tới khung nhôm bảo vệ và tôi cũng không muốn mua nhà dành cho dân có xe lưu động ở Florida. Cô còn có gì cho tôi nữa không?”

Starling nghe thấy khá nhiều thổ âm vùng núi Arkansas trong giọng anh ta. Cô có thể nói giọng đó với bất cứ ai khi cô muốn, nhưng cô không có nhiều thời gian.

“Vâng thưa ông, tôi sẽ vô cùng biết ơn nếu ông giúp được tôi. Tôi đang cố tìm ông Lomax Bardwell? Tôi là Clarice Starling.”

“Có cô Starling nào đấy,” người đàn ông hét vọng vào trong nhà. “Cô tìm Bardwell có chuyện gì?”

“Đây là văn phòng miền Trung Nam của bộ phận thu hồi xe của công ty Ford. Ông ấy được nhận một số dịch vụ bảo dưỡng miễn phí cho chiếc LTD của mình.”

“Tôi là Bardwell đây. Tôi lại tưởng cô muốn bán gì đó cho tôi qua dịch vụ điện thoại đường dài rẻ tiền này. Giờ thì quá muộn để sửa chữa rồi thưa cô. Tôi cần nguyên cả chiếc xe cơ. Tôi và vợ đã ở Little Rock, chạy xe từ siêu thị Southland ra ấy?”

“Vâng thưa ông.”

“Cái cần gạt rơi vào bể dầu. Dầu vãi khắp nơi và một chiếc xe tải Orkin, loại có một con bọ to tướng trên nóc ấy? Hắn đâm vào bãi dầu rồi bị lật nghiêng.”

“Ôi Chúa lòng lành.”

“Đâm lệch một quầy Fotomat làm văng hết kính. Anh chàng làm trong Fotomat hết hồn lao ra ngoài. Tôi phải giữ để anh ta không phi ra đường.”

“Khiếp thật. Xong nó thế nào?”

“Nó là cái gì?”

“Cái xe.”

“Tôi bảo ông bạn Sipper ở trạm xe tai nạn là thích thì tôi bán cho 50 đô nếu anh ta tự đến lôi nó về. Tôi nghĩ là anh ta đã tháo rời nó ra rồi.”

“Ông có thể cho tôi số điện thoại của anh ta không thưa ông Bardwell?”

“Cô muốn gì ở Sipper? Nếu có ai đó được gì từ chuyện này thì người đó phải là tôi chứ?”

“Tôi hiểu, thưa ông. Tôi chỉ làm những gì họ bảo tôi làm cho đến năm giờ. Và họ bảo tôi tìm chiếc xe. Ông có số điện thoại của ông ấy không ạ, xin làm ơn?”

“Giờ bắt tôi tìm lại số điện thoại thì tôi chịu. Chả biết vất vả từ lâu lắm rồi. Cô biết bọn cháu chất chúng nó như thế nào rồi đấy. Tổng đài trung tâm sẽ cho cô số đấy, đó là Trạm cứu hộ Sipper.”

“Cảm ơn ông *nhều*,☺ thưa ông Bardwell.”

Trạm cứu hộ khẳng định là chiếc xe đã bị tháo rời và ép thành một khối để tái chế. Người quản đốc đọc cho Starling số serial của chiếc xe từ sổ ghi chép của mình.

Đồ điên. Starling nghĩ, vẫn chưa hoàn toàn bỏ được khẩu âm. Ngổ cụt. Quà Valentine kiểu gì thế này.

Starling gục đầu xuống hộp đựng xu lạnh lẽo trong bớt điện thoại. Ardelia Mapp, sách cặp bên hông, gõ cửa bớt điện thoại, đưa cho cô một lon Orange Crush.

“Cảm ơn *nhều*, Ardelia. Tớ vẫn còn phải gọi một cú điện thoại nữa. Nếu tớ kịp làm xong việc này thì sẽ gặp cậu ở căng-tin được chứ?”

“Tớ *cực*☺ mong cậu sớm bỏ được cái thứ thổ ngữ rùng rợn ấy đi.” Mapp nói. “Có sách để giúp cậu đây. Tớ không bao giờ dùng lại thổ ngữ màu mè của quê nhà tớ. Cậu mà cứ nói cái giọng nhão nhớt ấy nữa thì người ta sẽ bảo cậu vừa bù khú với bọn đàn đày cô bé ạ.” Mapp đóng cửa bớt điện thoại.

Starling nhận ra mình phải cố moi thêm thông tin từ Lecter. Nếu cô có được cuộc hẹn, chắc Crawford sẽ cho phép cô quay lại bệnh viện tâm thần. Cô quay số bác sĩ Chilton, nhưng không thể qua được thư ký của ông ta.

“Bác sĩ Chilton đang gặp nhân viên điều tra tử vong bất thường và trợ lý công tố viên quận,” người đàn bà nói. “Ông ấy đã nói

chuyện với cấp trên của cô và không thấy bác sĩ chuyển lời gì cho cô. Tạm biệt.”

“Ông bạn Miggs của cô chết rồi,” Crawford nói. “Cô có nói hết mọi thứ với tôi không đấy. Starling?” Khuôn mặt mệt mỏi của Crawford nhạy cảm với các tín hiệu y như vòng lông cổ của một con cú và không có một chút xót thương.

“Sao chết?” Cô cảm thấy tê dại và phải cố hết sức để lấy lại bình tĩnh.

“Tự nuốt lưỡi mình trước lúc bình minh. Chilton nghĩ là Lecter xui hắn làm thế. Người y tá trực đêm nghe thấy Lecter thì thầm gì đó với Miggs. Lecter biết nhiều thứ về Miggs. Lecter nói chuyện với hắn một lúc, nhưng y tá trực đêm không nghe được Lecter nói gì. Miggs khóc lóc một lúc rồi ngưng. Cô đã nói hết mọi chuyện với tôi chưa đấy, Starling?”

“Rồi, thưa ông. Giữa báo cáo và ghi chép của tôi, giống nhau mọi thứ. Gần như nguyên văn.”

“Chilton gọi điện than phiền về cô...” Crawford đợi và có vẻ hài lòng khi thấy cô không hỏi gì. “Tôi nói với ông ta là tôi thấy hành vi của cô phù hợp. Chilton đang cố chặn một vụ điều tra quyền dân sự.”

“Sẽ có một vụ như thế ạ?”

“Chắc chắn, nếu gia đình Miggs muốn. Ban Quyền Dân sự sẽ xử lý khoảng 8.000 vụ trong năm nay. Họ sẽ rất vui được bổ sung Miggs vào danh sách.” Crawford quan sát cô. “Cô ổn chứ?”

“Tôi không biết nên cảm thấy thế nào về chuyện này.”

“Cô không cần phải cảm thấy điều gì cụ thể về chuyện này cả. Lecter làm chuyện đó để tự tiêu khiển thôi. Hắn biết họ không thể vì nó mà động đến hắn, thế thì sao lại không làm? Tất cả những gì Chilton làm được là tịch thu sách và bệ xí của hắn một thời gian và hắn sẽ không được ăn thạch tráng miệng thôi.” Crawford đặt tay lên bụng và ngắm nghía so sánh hai ngón cái. “Lecter có hỏi cô về tôi đúng không?”

“Hắn hỏi ông có bận không. Và tôi nói có.”

“Chỉ thế thôi à? Cô không bỏ qua điều gì riêng tư vì nghĩ tôi sẽ không muốn đọc đấy chứ?”

“Không. Hắn nói ông là người khắc kỷ, nhưng tôi có báo cáo chuyện đó rồi.”

“Đúng thế, cô có đưa vào. Không còn gì nữa chứ?”

“Không, tôi không bỏ qua điều gì cả. Ông không cho là tôi buồn chuyện và bởi thế nên hắn mới nói chuyện với tôi đấy chứ?”

“Không.”

“Tôi không biết gì hơn về cuộc sống riêng tư của ông, và nếu có biết đi nữa thì tôi cũng không thảo luận về nó. Nếu ông thấy còn bận lòng về việc này thì hãy nói thẳng ra đi.”

“Tôi tin cô. Việc tiếp theo.”

“Ông còn nghĩ gì đó, hoặc...”

“Chuyển sang việc tiếp theo đi. Starling.”

“Gợi ý của Lecter về chiếc xe của Raspail đã vào ngõ cụt. Nó bị ép thành cục đồng nát bốn tháng trước ở số 9 Ditch, bang Arkansas và đã được bán để tái chế. Có thể nếu tôi trở lại nói chuyện với hắn thì hắn sẽ nói thêm cho tôi.”

“Cô đã mất đầu mối?”

“Vâng.”

“Tại sao cô nghĩ Raspail chỉ lái có một chiếc xe?”

“Đó là chiếc duy nhất được đăng ký, ông ta lại độc thân. Tôi giả định là...”

“À ha, đợi tí.” Ngón tay trỏ của Crawford chỉ vào một nguyên tắc vô hình nào đó trong khoảng không giữa họ. “Cô giả định. Cô *giả định*, Starling. Nhìn đây này.” Crawford viết từ giả định lên một quyển sổ. Vài giảng viên của Starling cũng bắt chước thủ thuật này của Crawford, nhưng Starling không biểu lộ mình từng thấy việc này.

Crawford bắt đầu gạch chân: “Nếu cô *giả định* khi tôi cử cô đi làm việc, thì Starling ạ, cô đã biến cả *tôi* và cô thành đồ *con lừa*.” Ông ngửa người, vui vẻ nói: “Raspail sưu tầm xe, cô có biết không?”

“Không, bên di sản còn giữ chúng không?”

“Tôi không biết. Cô có thể tìm hiểu được không?”

“Được, tôi có thể làm được.”

“Cô sẽ bắt đầu từ đâu?”

“Người xử lý di sản.”

“Một luật sư ở Baltimore, một người Hoa, tôi nhớ mang máng

thế.” Crawford nói.

“Everett Yow,” Starling nói. “Tên ông ta có trong danh bạ thành phố Baltimore.”

“Cô đã nghĩ đến chuyện lấy lệnh khám xe Raspail chưa?”

Đôi khi giọng điệu của Crawford làm Starling nhớ tới con sâu biết tuốt trong truyện của Lewis Carroll[©].

Starling không dám phản bác nhiều. “Vì Raspail đã chết và không bị nghi vấn gì, nếu ta được người xử lý di sản cho phép khám xe thì đó là việc khám xét hợp lệ và bằng chứng có thể sử dụng được trước pháp luật,” cô trích dẫn.

“Chính xác,” Crawford nói. “Nghe tôi nói đây: Tôi sẽ thông báo cho văn phòng chi nhánh Baltimore là cô sẽ tới đó. Vào thứ Bảy, Starling ạ, lúc nào cô thấy tiện. Hãy đi hưởng thành quả, nếu có.”

Chỉ cần cố gắng một chút, Crawford đã có thể không nhìn cô đi ra. Ông nhón tay nhặt trong thùng rác ra một mẩu giấy ghi chú màu cẩm quỳ sẫm. Ông trải lên bàn. Mẩu giấy viết về vợ ông, bằng một kiểu chữ thật đẹp:

*Thương thay những kẻ om sòm
Đi tìm ngọn lửa thiêu mòn thế gian
Lại không hiểu được cho tròn
Con sốt gầy mòn là ngọn lửa kia.⁹
Tôi rất tiếc cho Bella, Jack.
Hannibal Lecter.*

Everett Yow lái chiếc Buick đen dán logo của Đại học De Paul trên kính sau. Cân nặng của ông ta làm chiếc xe hơi nghiêng sang trái khi Clarice Starling đi theo ông ta ra khỏi Baltimore trong cơn mưa. Trời đã sẩm tối. Những ngày làm điều tra viên của Starling sắp hết và cô không còn ngày nào khác để bù vào. Cô gõ các ngón tay lên vô-lăng theo nhịp cần gạt nước cho đỡ sốt ruột trong khi chậm chạp bò trên Đại lộ 301.

Yow là người thông minh, béo và có vấn đề về hô hấp. Starling đoán ông ta khoảng 60 tuổi. Cho tới lúc này thì ông ta khá dễ gần. Không phải lỗi của ông ta mà cô mất một ngày. Ngay khi trở về lúc tối muộn sau chuyến công tác một tuần tới Chicago, vị luật sư Baltimore đã đi thẳng từ sân bay đến văn phòng để gặp Starling.

Chiếc Packard cổ điển của Raspail được lưu kho đã lâu trước khi ông ta chết, Yow giải thích. Nó không có giấy phép và chưa bao giờ được lái. Yow đã nhìn thấy nó một lần, được phủ kín trong kho để khẳng định sự tồn tại của nó khi kiểm kê di sản ngay sau khi thân chủ của ông bị sát hại. Ông ta nói nếu điều tra viên Starling đồng ý “thẳng thắn công khai ngay” bất cứ thứ gì cô tìm thấy mà có thể làm tổn hại đến lợi ích thân chủ của ông ta thì ông ta sẽ cho cô xem chiếc xe. Không cần lệnh và không cần phiền người tới làm nhân

chứng.

Starling hưởng một ngày sử dụng chiếc Plymouth có điện thoại di động trong đội xe của FBI, và cô có thể nhận dạng mới Crawford cấp cho. Nó chỉ ghi đơn giản **ĐIỀU TRA VIÊN LIÊN BANG** – hạn sử dụng một tuần.

Đích đến của họ là Tiểu kho Split City, quá thành phố khoảng 7km. Dò dẫm theo dòng xe, Starling dùng điện thoại của mình cố gắng tìm hiểu càng nhiều càng tốt về khu nhà kho này. Khi họ nhìn thấy tấm biển màu da cam treo cao đề hàng chữ TIỂU KHO SPLIT CITY — CHÌA KHÓA TRONG TAY BẠN thì cô đã biết được vài điều.

Split City có giấy phép kinh doanh vận chuyển của Ủy ban Thương mại Liên bang, cấp cho Bernard Gary. Đại bồi thẩm đoàn Liên bang đã suýt bỏ sót tội vận chuyển hàng trộm cắp của ông ta ba năm trước và giấy phép kinh doanh của ông ta phải xem xét lại.

Yow rẽ vào ngay dưới biển hiệu và đưa cho một anh chàng mặt tàn nhang mặc đồng phục trực ở cổng xem chìa khóa của ông ta. Người giữ cổng ghi lại số xe của họ, mở cổng và sốt ruột vẫy tay như thể anh ta đang có việc quan trọng hơn cần làm.

Split City là một nơi trống trải, gió thổi bốn bề. Giống như chuyến bay ly dị ngày Chủ nhật từ La Guardia tới Juarez, đó là một ngành công nghiệp phục vụ cho những chuyến đi ngẫu nhiên, bất cần của người dân. Hầu hết công việc kinh doanh của nó là lưu giữ tài sản được phân chia sau ly dị. Các gian của nó chất đầy đồ dùng phòng khách, bộ đồ ăn sáng, những tấm đệm hoen ố, đồ chơi và ảnh chụp những đồ đã hỏng. Nhiều sĩ quan Cảnh sát hạt Baltimore tin rằng Split City còn cất giấu hàng hóa và đồ quý từ những phiên tòa xử phá sản.

Nó giống như một doanh trại: ba mươi mẫu đất với các tòa nhà dài được phân cách bởi các bức tường chống lửa thành các gian rộng khoảng một ga-ra đơn loại lớn, mỗi gian đều có một cánh cửa cuốn. Lãi suất tương đối hợp lý và một số tài sản đã được cất ở đây nhiều năm. Bảo an tốt. Nơi này được hai lớp hàng rào cao chống bão bao quanh và có chó đi tuần giữa hai lớp hàng rào 24/7.

Một lớp lá sũng nước lẫn cốc giấy và rác rưởi linh tinh dày cả 15cm chình ình ở gian của Raspail, gian số 31. Mỗi bên cửa được khóa bằng một cái khóa nặng nề. Yếm khóa bên trái có dán niêm phong. Everett Yow vụng về cúi xuống chỗ niêm phong. Starling cầm ô và chiếc đèn pin trong bóng tối nhàn nhạt.

“Có vẻ như nó chưa được mở từ lần trước tôi đến cách đây năm năm,” ông ta nói. “Cô nhìn thấy dấu niêm phong tròn của tôi đóng vào nhựa ở đây này. Khi đó tôi không hề biết đám người thân lại sinh sự như thế, làm việc chia gia tài mấy năm không xong.”

Yow cầm đèn pin và cái ô cho Starling chụp hình khóa và niêm phong.

“Ông Raspail có một căn hộ-văn phòng trong thành phố mà tôi đã đóng cửa để tiết kiệm tiền thuê,” ông ta nói. “Tôi đã chuyển đồ gỗ tới đây cất cùng xe và những thứ khác của Raspail được để đây từ trước. Chúng tôi đem tới một cây đàn piano, sách vở và các bản nhạc, cả một cái giường nữa, tôi nghĩ thế.”

Yow thử một chìa khóa. “Ồ khóa có thể bị hóc. Ít nhất là cái này không xoay được.” Rất khó cho ông ta khi phải vừa gập người vừa thở, khi cổ ngồi xổm đầu gối ông ta kêu răng rắc.

Starling lấy làm mừng khi nhìn thấy khóa là loại American

Standards cỡ lớn bằng crom. Trông chúng rất chắc chắn, nhưng cô biết mình có thể dễ dàng cạy bật còng chữ U bằng đồng nếu có vít bắt tôn tấm và búa nhỏ đỉnh — cha cô đã chỉ cho cô biết bọn đạo chích làm chuyện đó thế nào từ khi cô còn bé. Vấn đề là phải tìm được búa và vít, nhưng trong chiếc Pinto của cô còn không có lấy mấy thứ đồ nghề gia dụng.

Cô lục túi thấy có ống xịt rửa đá mà cô dùng cho khóa cửa chiếc Pinto.

“Ông có muốn nghỉ chút trong xe không, ông Yow? Ông làm nóng người tí chút đi để tôi thử xem. Ông cầm lấy ô giúp, mưa giờ cũng không to lắm.”

Starling đánh chiếc Plymouth tới gần cửa để dùng đèn pha chiếu sáng. Cô dùng que đo nhót của xe nhỏ dầu vào lỗ khóa, sau đó phun chất tan đá để pha loãng dầu. Ông Yow ngồi trong xe cười và gật đầu. Starling mừng vì ông Yow là người thông minh; cô có thể làm việc của mình mà không làm cho ông ta thấy cần phải kiêng mặt cô.

Trời đã tối hẳn. Cô cảm thấy bị phơi ra trong ánh đèn của chiếc Plymouth, tiếng dây cu-roa quạt rít trong tai cô khi xe chạy không tải. Cô khóa xe lại khi động cơ chạy. Ông Yow xem chừng vô hại, nhưng cô không thấy có lý gì để chấp nhận nguy cơ bị đâm dính vào cửa.

Khóa bật ra trong tay cô như một con ếch và mở tung, nặng nề và trơn nhẫy. Chiếc khóa còn lại, đã ngấm kỹ dầu, lại còn dễ hơn.

Cánh cửa không chịu lên. Starling kéo tay cầm đến nỗ đơm đóm mắt. Yow đến giúp cô, nhưng chứng thoát vị của ông ta không giúp được gì nhiều trong việc xử lý cái tay nắm cửa bé tẹo và vô dụng.

“Ta có thể quay lại tuần sau, cùng với con trai tôi hay mấy anh thợ,” ông Yow đề xuất. “Tôi rất muốn về nhà sớm.”

Starling không chắc cô có bao giờ quay trở lại được nơi này nữa hay không. Sẽ bớt phiền toái hơn cho Crawford nếu ông gọi điện kêu chi nhánh Baltimore xử lý vụ này. “Ông Yow, tôi sẽ làm nhanh thôi. Xe ông có kích không?”

Kê chiếc kích dưới tay nắm cửa. Starling đứng lên cần kích. Cánh cửa rít lên ghê rợn và nâng lên được 1cm. Có vẻ như nó đã bị cong lên ở phần giữa. Cánh cửa dần nhấc lên một chút, rồi một chút nữa cho tới khi cô có thể đẩy lớp xe dự phòng vào khe để giữ lấy nó trong khi cô đem kích xe cô và xe Yow sang chèn vào hai bên cạnh cửa.

Lần lượt kích từng bên, cô đẩy dần cánh cửa lên được khoảng 45cm, cho tới lúc nó thực sự bị kẹt cứng và trọng lượng cả người cô đè lên cần kích cũng không thể khiến cho nó nhúc nhích.

Ông Yow lại nhìn qua khe hở giống cô. Mỗi lần ông ta chỉ cúi xuống được vài giây.

“Trong này toàn mùi chuột,” ông ta nói. “Họ đảm bảo với tôi là sẽ đánh bả chuột ở đây. Tôi tin điều đó có ghi trong hợp đồng. Họ kêu đây không có chuột. Nhưng mà tôi nghe thấy chúng, cô có nghe thấy không?”

“Tôi có thấy,” Starling nói. Dưới ánh sáng đèn pin cô có thể thấy những chiếc hộp các-tông và một chiếc lớp xe có sườn lớp rộng màu trắng bên dưới lớp vải phủ. Lớp xe đã xẹp.

Cô lùi chiếc Plymouth cho tới khi đèn pha chiếu sáng được một chút qua khe hở, đoạn lấy trong xe ra một chiếc đệm cao su trải sàn.

“Cô định vào trong ấy à sĩ quan Starling?”

“Tôi cần xem một chút ông Yow ạ.”

Ông ta lấy khăn mùi soa. “Cô có nên buộc túm ống quần lại không? Phòng chuột ấy mà.”

“Cảm ơn ông, ý tưởng rất hay. Ông Yow, nếu cửa sập xuống, ha ha, hay có chuyện gì đó xảy ra, ông làm ơn gọi số điện thoại này được không? Đây là số văn phòng chi nhánh của chúng tôi ở Baltimore. Họ biết lúc này tôi đang ở đây với ông, và họ sẽ lo lắng nếu lâu lâu không có thông tin gì về tôi, ông hiểu chứ?”

“Vâng, tất nhiên. Chắc chắn rồi, tôi sẽ làm thế.” Ông ta đưa cho cô chìa khóa chiếc Packard.

Starling đặt chiếc thảm cao su xuống nền đất ướt trước cửa và nằm lên đó, tay che gói túi nhựa đựng vật chứng lên ống kính cái máy ảnh, ống quần được buộc chặt bằng khăn mùi soa của Yow và của cô. Những giọt mưa bụi bay lên mặt cô, mùi mốc và mùi chuột xông lên mũi. Thật kỳ quặc, trong đầu cô lại vang lên mấy câu tiếng Latin.

Được người giảng viên môn pháp y viết lên bảng đen trong ngày đầu tiên của khóa đào tạo, đó là khẩu hiệu của giới bác sĩ La Mã: *Primum non nocere*. Trước hết, đừng gây hại.

Ông ta không nói câu đó trong một cái ga-ra đầy chuột.

Bất ngờ vang lên giọng cha nói với cô trong khi tay vẫn đặt trên vai em trai: “Nếu không thể chơi mà không gào thét thì con vào nhà đi Clarice.”

Starling cài nút cổ áo, so vai lên cổ và trườn qua cửa.

Cô nằm dưới thân sau chiếc Packard. Nó đổ sát bên trái kho, gần như chạm vào tường. Hộp các-tông xếp thành chồng cao bên phải, lấp đầy không gian bên cạnh chiếc xe. Starling nằm ngửa nhích người cho tới khi thò được đầu ra khoảng trống hẹp giữa chiếc xe và chồng hộp. Cô chiếu đèn pin lên chồng hộp. Mạng nhện chằng chịt chằng từ chồng hộp sang xe. Chủ yếu là nhện bụng tròn, mạng nhện lấp lánh vỏ côn trùng đã chết khô bị quấn chặt.

Được rồi, nhện nâu ẩn dật là loài duy nhất phải sợ, nhưng chúng không sống trong không gian mở. Starling tự nhủ. Đám còn lại thì không làm sừng da nhiều.

Bên cạnh chần bùn sau sẽ có chỗ để đứng. Cô bò tiếp đến khi chui hẳn ra khỏi gầm xe, mặt gần chạm đến cái lốp xe có sườn lốp trắng. Nó đã mục nát gần hết. Cô có thể đọc dòng chữ GOODYEAR DOUBLE EAGLE trên đó. Cô cẩn thận đứng lên trong khoảng không gian hẹp để tránh bị va đầu, tay khua mạng nhện trước mặt. Không hiểu cảm giác khi đeo chàng mạng giống thế này không?

Tiếng ông Yow hỏi từ bên ngoài, “Ồn chứ cô Starling?”

“Ồn.” Có tiếng chạy nhón nháo khi giọng cô vang lên, bên trong cây đàn dương cầm có thứ gì đó leo lên mấy nốt cao. Ánh đèn xe chiếu chân cô sáng tới bắp chân.

“Vậy là cô tìm thấy cây đàn dương cầm rồi đấy, sĩ quan Starling,” ông Yow nói.

“Không phải tôi.”

“Ồ.”

Chiếc xe vừa to vừa cao vừa dài. Là một chiếc limousine Packard đời 1938, theo như bản kiểm kê của Yow. Nó được che

bằng một tấm thảm dày, mặt lông úp xuống dưới. Cô chiếu đèn pin lên trên tấm thảm.

“Có phải ông dùng cái thảm này phủ xe không, ông Yow?”

“Tôi thấy nó như thế rồi nên cũng cứ để nguyên không gỡ ra,” Yow nói vọng dưới cửa. “Tôi không thể làm gì được một cái thảm bụi bặm. Đây là do Raspail làm. Tôi chỉ đảm bảo là chiếc xe có ở đó. Công nhân khuân vác của tôi đặt cây đàn dương cầm vào sát tường, phủ kín nó và xếp hộp bên cạnh chiếc xe rồi về. Tôi trả công họ theo giờ. Đống hộp trong đây chủ yếu là đựng sách và nhạc phổ.”

Tấm thảm dày và nặng, tung bụi lên luồng sáng của chiếc đèn pin khi cô giật ra. Cô hắt hơi hai lần liên. Đứng nhón chân lên thì cô có thể gập chiếc thảm đến lưng chừng chiếc xe cao cổ lỗ này. Kính chắn sau được kéo rèm kín. Tay nắm cửa xe phủ đầy bụi. Cô phải rướn người qua những cái hộp các-tông mới với tới. Chỉ chạm tới đầu tay nắm, cô cố gắng vặn nó xuống. Khóa rồi. Cửa sau không có lỗ khóa, cô phải gạt thêm mấy cái hộp để tới được cửa trước, nhưng chẳng có mấy chỗ để dẹp chúng đi. Cô có thể nhìn thấy khoảng trống giữa tấm rèm và thanh chống cửa sổ sau.

Starling nghiêng người qua mấy cái hộp để gi sát mắt vào kính rồi chiếu đèn qua khe hở. Cô chỉ nhìn thấy hình phản chiếu của mình nên phải khum tay che bớt ánh sáng. Một mảnh sáng bị tấm kính bám bụi làm tán xạ chiếu qua ghế ngồi. Trên ghế sau có một cuốn album đang mở. Màu sắc rất mờ nhạt trong ánh sáng yếu, nhưng cô có thể nhìn thấy những trái tim Valentine dán trên các trang giấy. Những trái tim Valentine cũ kỹ bằng ren, phẳng phiu trên trang giấy.

“Cảm ơn nhiều, bác sĩ Lecter.” Khi nói, hơi thở của cô thổi bay bụi trên thành cửa sổ và làm mờ kính. Cô không muốn lau nên cô phải đợi cho nó sạch đi. Ánh sáng chiếu tiếp, qua một tấm chăn đắp chân nhàu nát nằm dưới sàn xe và tới một đôi giày da dạ hội của đàn ông đầy bụi. Phía trên đôi giày là đôi tất đen và phía trên đôi tất đen là chiếc quần dài của bộ lễ phục dạ hội với một cặp chân trong đó.

Năm năm nay chưa có ai vào đây — bình tĩnh, bình tĩnh, bình tĩnh cô bé.

“Ô, ông Yow. Ông Yow?”

“Gì vậy sĩ quan Starling?”

“Ông Yow, có vẻ như trong xe có ai đó đang ngồi.”

“Ôi trời, có lẽ cô nên ra thì hơn, cô Starling.”

“Vẫn chưa tới lúc, ông Yow. Vui lòng cứ đợi tôi ở đó nhé.”

Giờ thì quan trọng là phải nghĩ đã. Lúc này quan trọng hơn tất cả những thứ rác rưởi mà mày sẽ tự nói với cái gối của mày trong cả phần đời còn lại. Không được chùn bước và làm cho đúng. Mình không muốn làm hỏng bằng chứng. Mình muốn được trợ giúp. Nhưng điều mình ít muốn nhất là tru tréo lên. Nếu mình khuấy động cả văn phòng Baltimore và cảnh sát chẳng vì lý do gì thì mình lãnh đủ. Mình nhìn thấy thứ nhang nhác như cặp giò. Ông Yow sẽ chẳng đưa mình đến đây nếu như ông ta biết trong xe có một xác chết lạnh ngắt. Cô nặn ra được một nụ cười tự giễu. “Xác chết lạnh ngắt” đúng là hợp cảnh thật. ☺ Không có ai ở đây từ lần cuối cũng Yow tới. Được rồi, điều đó có nghĩa là những cái hộp được đưa vào đây sau cái thứ khỉ gió gì ở trong xe kia. Và điều đó có nghĩa là mình có thể dịch

những cái hộp này mà không làm mất thứ gì quan trọng.

“Được rồi, ông Yow.”

“Tôi đây. Ta có cần gọi cảnh sát không, hay mình cô là đủ rồi sĩ quan Starling?”

“Tôi phải xem đã. Làm ơn cứ đợi ở đó nhé.”

Sắp xếp mấy cái hộp cũng rắc rối như xếp khối rubic. Cô cố làm việc với đèn pin cặp dưới nách nhưng đánh rơi hai lần, cuối cùng phải đặt nó lên nóc xe. Cô phải chuyển đồng hộp ra sau mình, mấy cái hộp các–tông thấp hơn thì đút dưới gầm xe. Vết cắn của con gì đó hay cái dằm làm đầu ngón cái cô ngứa ngáy.

Bây giờ cô có thể nhìn qua lớp kính bụi bặm của cửa sổ trước bên phải sang khoang của tài xế. Một tấm mạng nhện giăng giữa cái vô-lăng to tướng và cần số. Vách ngăn giữa khoang trước và sau đã đóng.

Cô ước gì mình nghĩ ra chuyện bôi dầu chìa khóa chiếc Packard trước khi chui qua cửa, nhưng khi cô cắm chìa vào ổ thì vẫn mở được.

Khoảng trống chật hẹp làm cho gần như không còn chỗ để mở cửa quá một phần ba. Cánh cửa va mạnh vào những cái hộp khiến lũ chuột chạy loạt soạt và bật lên vài nốt trên cây đàn dương cầm. Mùi thối rữa lưu cữu và mùi hóa chất bốc ra từ chiếc xe. Nó đưa trí nhớ của cô đến một nơi cô chẳng thể gọi tên.

Cô nghiêng người vào trong, mở vách ngăn phía sau ghế lái và chiếu đèn pin vào khoang sau của chiếc xe. Một chiếc áo sơ mi lễ phục đầy đinh tán là thứ đầu tiên bắt sáng, chùm sáng nhanh chóng lướt từ vạt áo lên mặt, không thấy mặt, lại đi xuống lướt qua đám

đỉnh tán lấp lánh và ve áo satin, xuống tới chiếc quần có khóa đang mở tung, rồi đi lên tới cổ áo cài nơ gọn gàng, từ đó nhô ra cái cổ màu trắng của một con ma–nơ–canh. Nhưng phía trên cái cổ lại có thứ gì đó phản xạ lại một chút ánh sáng. Vài phũ, một chiếc mũ trùm đầu che kín chỗ đáng ra phải là cái đầu, to lớn, như thể nó đang phủ lên một cái lồng chim. *Là nhung*, Starling nghĩ. Nó được đặt trên một cái giá gỗ dán kéo dài từ cái giá để bưu phẩm phía sau qua cổ con ma–nơ–canh.

Cô chụp vài tấm ảnh từ phía ghế trước, bật đèn flash, lấy nét, và nhắm mắt khi đèn flash chớp. Sau đó cô đứng thẳng người lên bên ngoài xe. Đứng trong bóng tối, ẩm ướt, mạng nhện vương trên người, cô suy tính xem nên làm gì tiếp.

Điều cô sẽ *không* làm là gọi đặc vụ toàn quyền chi nhánh Baltimore tới nghiên cứu con ma–nơ–canh mở khóa quần và cuộn album Valentine.

Sau khi quyết định sẽ vào ghế sau để gỡ tấm vải trùm ra khỏi thứ đó, cô không muốn suy nghĩ quá nhiều về điều này nữa. Cô chui qua vách ngăn của lái xe, mở khóa cửa sau và sắp xếp lại vài cái hộp để có thể mở được cửa. Mọi thứ có vẻ mất khá nhiều thời gian. Mùi trong khoang sau xe có vẻ còn nặng hơn nhiều khi cô mở cửa. Cô chui vào và thận trọng cầm lấy một góc, nhấc cuốn album Valentine lên cho vào túi vật chứng rồi để trên nóc xe. Cô mở một túi vật chứng nữa đặt trên ghế.

Lò xo giảm xóc xe rên rầm khi cô ngồi vào trong xe, hình nhân xê dịch một chút khi cô ngồi xuống cạnh nó. Bàn tay phải đi găng trắng trượt khỏi đùi rơi xuống ghế. Cô chạm ngón tay vào chiếc găng. Bàn tay bên trong cứng. Cô thận trọng kéo chiếc găng tay xuống đến cổ

tay. Cổ tay làm từ thứ vật liệu tổng hợp nào đó. Có một chỗ lồi lên ở cái quần dài khiến cho cô thoáng ngượng ngùng nhớ tới vài chuyện thời trung học.

Có tiếng sột soạt nhỏ vang lên từ phía dưới ghế cô ngồi.

Nhẹ nhàng như đang ve vuốt, tay cô chạm vào tấm vải phủ. Tấm vải dễ dàng trôi đi trên thứ gì đó cứng và trơn bên dưới. Khi cô cảm nhận thấy cái núm tròn trên đỉnh thì cô đã biết. Cô biết đó là lọ ngậm mẫu vật lớn trong phòng thí nghiệm và cô biết trong đó có thể có cái gì. Sợ hãi, nhưng kiên quyết, cô kéo tấm vải phủ.

Cái đầu bên trong lọ bị cắt gọn gàng ngay dưới cằm. Nó nhìn cô, đôi mắt đã đục như sữa vì bị ngậm lâu ngày trong cồn bảo quản. Cái miệng mở và lưỡi thè ra một chút, màu xám đậm. Qua năm tháng, cồn đã bị bốc hơi tới mức cái đầu chìm tới đáy lọ, đỉnh đầu thò lên trên bề mặt chất lỏng làm thành một cái mũ thối rữa. Nghiêng một góc kỳ quái với cái thân hình bên dưới, nó há hốc mồm một cách ngu xuẩn với cô. Cả khi ánh sáng chiếu lấp loáng trên khuôn mặt, trông nó vẫn đờ đẫn và chết chóc.

Lúc này, Starling tự đánh giá lại bản thân. Cô đã hài lòng. Cô rất thỏa mãn. Trong một thoáng, cô từng tự hỏi không biết đây có phải những cảm xúc thích đáng không. Bây giờ, vào lúc này, ngồi trong chiếc xe cũ này với một cái đầu và mấy con chuột, cô đã có thể suy nghĩ rành mạch, và cô thấy tự hào về điều đó.

“Được rồi, Toto,” cô nói, “ta không còn ở Kansas nữa đâu.”[Ⓢ] Lúc nào cô cũng muốn nói câu đó khi căng thẳng, nhưng cô lại thấy mình rờm đòi khi làm chuyện đó, và cô mừng là không ai nghe thấy gì. Còn có việc phải làm.

Cô lại cẩn thận ngồi xuống và nhìn xung quanh.

Đây là nơi được tạo ra và lựa chọn bởi một kẻ có đầu óc cách xa cả ngàn năm ánh sáng so với những kẻ đang mò mẫm trên Đại lộ 301.

Những cánh hoa khô rơi xuống từ mấy chiếc bình pha lê cao cổ chạm khắc đặt trên đôn. Cái bàn của chiếc xe limosine được mở ra và phủ bằng một mảnh vải lạnh. Trên đó có một bình rượu thủy tinh lấp lánh qua lớp bụi. Mạng nhện giăng giữa bình rượu và một giá nền thấp cạnh đó.

Cô thử hình dung ra Lecter, hay ai đó, ngồi với người bạn hiện tại của cô ở đây, uống rượu và cho anh ta xem món quà Valentine. Và rồi còn gì nữa? Thật thận trọng, cố gắng làm hình nhân càng ít bị xê dịch càng tốt, cô lục người nó tìm giấy tờ. Không có gì. Trong túi áo khoác cô tìm thấy những dải vải thừa sau khi cắt ống quần bị dài quá — bộ dạ phục có lẽ là đồ mới khi được mặc cho hình nhân.

Starling chọc vào chỗ phòng lên trong quần. *Cứng quá, kể cả đối với bọn trai trung học*, cô nghĩ. Cô vạch chỗ khóa quần ra và chiếu đèn vào trong, soi lên một cái dương vật giả ghép bằng gỗ được đánh bóng. Cũng tương đối lớn. Cô tự hỏi không hiểu mình có truy lục quá không. Cô thận trọng xoay cái bình xem hai bên và phía sau đầu có vết thương nào không. Không thấy có vết thương nào. Tên của công ty sản xuất được khắc trên bình.

Nhìn khuôn mặt một lần nữa, cô tin rằng mình đã chứng kiến một điều sẽ dai dẳng đeo bám cô. Nhìn một cách có chủ ý khuôn mặt đó, với cái lưỡi đã đổi màu chỗ nó chạm vào thủy tinh, cũng không tệ bằng Miggs tự nuốt lưỡi mình trong những giấc mơ của cô. Cô cảm thấy mình có thể nhìn mọi thứ, nếu đó là việc cần thiết. Starling còn

trẻ.

Chưa tới mười giây sau khi nhóm phóng viên tin tức lưu động WPIK-TV của cô ta phanh kít lại, Jonetta Johnson đã đeo xong hoa tai, đánh phấn khuôn mặt nâu xinh đẹp và đánh giá tình hình. Cô ta và nhóm nhân viên làm bản tin của mình, nhờ theo dõi bộ đàm của Cảnh sát hạt Baltimore, đã đến Split City trước xe tuần tra.

Tất cả những gì mà nhóm làm bản tin nhìn thấy trong ánh đèn pha là Clarice Starling, đang đứng trước cửa ga-ra với cây đèn pin và tấm thẻ nhận dạng ép plastic nhỏ bé, tóc bết lại vì nước mưa.

Jonetta Johnson luôn đánh hơi ra lính mới. Cô ta chui ra khỏi xe với nhân viên quay phim đi sau và lại gần Starling. Ánh sáng bùng lên.

Ông Yow thụt sâu vào trong chiếc Buick của mình tới mức chỉ nhìn thấy mỗi chiếc mũ của ông ta bên trên thành cửa sổ.

“Jonetta Johnson, chương trình thời sự WPIK, có phải cô thông báo về vụ giết người không?”

Starling trông không giống nhân viên Tư pháp mấy và cô biết điều đó. “Tôi là sĩ quan cảnh sát liên bang, đây là hiện trường vụ án. Tôi cần bảo vệ nó cho tới khi nhà chức trách Baltimore...”

Người phụ tá quay phim tóm lấy rìa dưới cánh cửa ga-ra và cố nâng lên.

“Để nguyên đó,” Starling nói. “Tôi đang nói với ông đấy, thưa ông. Để nguyên đó. Và làm ơn lùi lại đi. Tôi không đùa với ông đâu. Ra khỏi đây giúp tôi.” Sao mà cô muốn có huy hiệu, đồng phục, bắt

cứ thứ gì đó đến thế.

“Được rồi Harry,” người nữ phóng viên nói. “À, thưa sĩ quan, chúng tôi mong muốn được cộng tác bằng mọi cách. Nói thực, nhóm này cũng tốn khá tiền và tôi cũng chỉ muốn biết liệu có nên giữ họ ở đây cho tới khi các nhân viên chức trách khác đến hay không thôi. Xin cho biết trong đó có cái xác nào không? Máy quay tắt rồi, chỉ có tôi với cô thôi. Xin cho tôi biết và chúng tôi sẽ đợi. Chúng tôi sẽ cư xử đúng mực, tôi hứa đấy. Thế nào hả?”

“Nếu tôi là cô thì tôi sẽ đợi,” Starling nói.

“Cảm ơn, cô sẽ không hối tiếc đâu,” Jonetta Johnson nói. “Xem này, tôi có mấy thông tin về tiểu kho Split City mà tôi biết có thể có ích cho cô. Cô làm ơn chiếu đèn vào cái bảng này được không? Để xem tôi có tìm thấy nó ở đây không.”

“Nhóm lưu động của WEYE vừa rẽ vào cổng rồi, Joney,” người đàn ông tên Harry nói.

“Để xem tôi có tìm thấy nó ở đây không, thưa sĩ quan. Đây rồi. Có một vụ rắc rối cách đây hai năm khi người ta cố chứng minh chỗ này là nơi lưu kho và vận chuyển... pháo hoa thì phải?” Jonetta Johnson liếc qua vai Starling hơi quá nhiều.

Starling quay lại và nhìn thấy tay quay phim đang nằm ngửa, đầu và vai anh ta đã thò vào bên trong ga-ra, tay phụ tá đang ngồi xổm bên cạnh, sẵn sàng chuyển cho anh ta chiếc máy quay mini qua khe cửa.

“Này!” Starling nói. Cô quỳ xuống nền đất ẩm bên cạnh và kéo áo anh ta. “Anh không được vào đó. Này! Tôi đã bảo anh đừng có mà làm thế.”

Và lúc nào giọng mấy người đàn ông nói với cô cũng đều đặn, dịu dàng. “Bọn anh sẽ không động chạm thứ gì cả. Bọn anh là dân chuyên nghiệp cơ mà, em yên tâm đi. Kiểu gì thì cảnh sát cũng sẽ cho bọn anh vào thôi. Ổn mà, cưng.”

Trò lừa đảo của họ làm cô hết chịu nổi.

Cô chạy tới chỗ chiếc xích phía cuối cửa và ấn tay cầm: cánh cửa hạ xuống khoảng 5cm với tiếng rít ghê người. Cô ấn thêm lần nữa. Lúc này cánh cửa đã chạm vào ngực người đàn ông. Khi anh ta không chịu chui ra, cô tháo tay cầm khỏi ổ và đem nó lại chỗ tay quay phim đang nằm. Có thêm đèn máy quay sáng lên. Đứng trong khoảng sáng chói lòa của ánh đèn, cô đập mạnh cánh cửa bên trên anh ta bằng cái tay cầm xích, tưới lên anh ta một trận mưa bụi và gỉ sắt.

“Chú ý tôi đây này,” cô nói. “Anh không chịu nghe, đúng không. Ra khỏi đây ngay. Ngay bây giờ. Anh sắp sửa bị bắt vì cản trở người thi hành công vụ rồi đấy.”

“Nhẹ nhàng thôi,” tay phụ tá nói. Anh ta đặt tay lên người cô. Cô quay lại phía anh ta. Phía dưới ánh đèn chói gắt có tiếng quát hỏi và cô nghe thấy tiếng còi hú.

“Bỏ tay ra và lùi lại, anh kia.” Cô giẫm lên mắt cá tay quay phim và đối diện với tay phụ tá, cần xích sẵn bên người. Cô không vung cần xích lên. Thật là tốt. Chỉ thế thôi nhưng cô đã trông quá tệ hại trên truyền hình rồi.

Mùi của khu giam tội phạm bạo lực có vẻ nặng hơn trong khung cảnh tranh tối tranh sáng. Trong hành lang, vô tuyến đang bật, chỉ có hình mà không tiếng, hắt bóng Starling lên những song sắt của xà lim giam bác sĩ Lecter.

Cô không thể nhìn vào bóng tối sau song sắt, nhưng cô cũng không bảo người hộ lý bật đèn từ phòng anh ta. Cả khu này sẽ bật sáng cùng lúc và cô biết rằng cảnh sát Baltimore đã bật đèn suốt nhiều giờ liền khi họ tra hỏi Lecter. Ông ta không chịu mở miệng mà phản ứng bằng cách gấp cho họ một con gà bằng giấy có thể mổ khi đuôi nó bị ấn xuống hay kéo lên. Người sĩ quan cấp cao, rất giận dữ, đã vò nát con gà trong chiếc gạt tàn ở sảnh khi ra hiệu cho Starling vào.

“Bác sĩ Lecter?” Cô nghe thấy tiếng thở của chính mình, tiếng thở hai bên hành lang nhưng không thấy tiếng thở trong xà lim trống không của Miggs. Xà lim của Miggs thật trống trải. Cô cảm thấy sự yên lặng của nó giống như một làn gió.

Starling biết Lecter đang theo dõi cô từ trong bóng tối. Hai phút đã trôi qua. Chân và lưng cô ê ẩm vì phải đánh vật với cánh cửa ga-ra, quần áo thì ẩm ướt. Cô trải áo khoác ngồi trên sàn nhà, cách xa song sắt, bàn chân giấu dưới thân người và nhấc mái tóc ướt

nhèm, rồi bù bỏ ngoài cổ áo để không bị chạm vào cổ.

Phía sau cô, trên màn hình vô tuyến có một nhà truyền giáo đang vung tay.

“Bác sĩ Lecter, cả tôi và ông đều biết là chuyện gì rồi đây. Họ nghĩ ông sẽ chịu nói chuyện với tôi.”

Im lặng. Cuối hành lang ai đó huýt sáo bài “Over the Sea to Skye.”[Ⓢ]

Sau năm phút cô nói. “Thật lạ khi vào trong đó. Đôi khi tôi muốn nói với ông về chuyện đó.”

Starling giật mình khi khay thức ăn được đẩy ra từ xà lim của Lecter. Trên cái khay có chiếc khăn mặt sạch sẽ được gấp gọn. Cô không nghe tiếng cử động của ông ta.

Cô nhìn cái khăn và, với cảm giác chơi vơi, cầm nó lên lau tóc.

“Cảm ơn,” cô nói.

“Sao cô không hỏi tôi về Bill Bò mộng?” Giọng hằn thật gần, ngang tầm với cô. Chắc hẳn cũng đang ngồi trên sàn.

“Ông có biết gì về hắn ta không?”

“Có thể nếu tôi được đọc hồ sơ.”

“Tôi không có hồ sơ vụ này,” Starling nói.

“Cô sẽ không có cả vụ này nữa, mặc dù họ đang lợi dụng cô.”

“Tôi biết.”

“Cô có thể lấy hồ sơ về Bill Bò mộng. Các báo cáo và hình chụp. Tôi cũng muốn được xem.”

Ông muốn quá đi chứ. “Bác sĩ Lecter ạ, ông khơi ra vụ này mà. Còn bây giờ nói tôi nghe về người trong chiếc Packard đi.”

“Cô tìm thấy nguyên người à? Lạ nhỉ. Tôi chỉ thấy có cái đầu. Thế cô nghĩ phần còn lại đến từ đâu vậy?”

“Được rồi. Đây là *đầu* của ai vậy?”

“Nói xem cô biết được gì nào?”

“Họ mới chỉ khám nghiệm sơ bộ. Đàn ông da trắng, khoảng 27 tuổi, chăm sóc răng cả ở Mỹ và châu Âu. Anh ta là ai?”

“Người tình của Raspail. Raspail, cây sáo nhóp nhép.”

“Hoàn cảnh ra sao — anh ta chết như thế nào?”

“Muốn quanh co phải không, sĩ quan Starling?”

“Không, tôi sẽ hỏi sau vậy.”

“Để tôi tiết kiệm thời gian cho cô. Tôi không làm chuyện đó; là Raspail. Raspail thích thủy thủ. Đó là một tay người Bắc Âu tên là Klaus hay gì đó. Raspail không nói cho tôi biết họ của hắn ta.”

Giọng bác sĩ Lecter đi xuống thấp hơn. *Hình như hắn đang nằm trên sàn nhà*, Starling nghĩ.

“Klaus lên bờ từ một con tàu Thụy Điển ở San Diego. Raspail đang dạy hè tại nhạc viện ở đó. Hắn ta phát rồ lên vì người thanh niên. Anh chàng Thụy Điển thấy món hời bèn bỏ tàu. Chúng mua một chiếc xe cắm trại xấu xí rồi chung sống khỏa thân trong rừng. Raspail nói anh chàng kia không chung thủy và rồi hắn bóp cổ anh ta.”

“Raspail kể cho ông à?”

“Đúng vậy, theo quy định bảo mật của các phiên trị liệu. Tôi nghĩ hấn nói dối. Raspail luôn tô vẽ sự thật. Hấn muốn tỏ ra nguy hiểm và lẳng mạn. Anh chàng Thụy Điển chắc chết ngạt trong một cuộc tình thô thiển nào đó. Raspail ẻo lả và yếu ớt ấy sao dám bóp cổ anh chàng kia chứ. Hãy chú ý là đầu Klaus bị cắt sát cầm. Có thể là để cắt đi vết dây rất rõ do treo cổ.”

“Ra thế.”

“Giấc mơ hạnh phúc của Raspail bị tan tành. Hấn cho đầu Klaus vào cái túi đựng bóng bowling rồi quay về miền Đông.”

“Hấn ta làm gì với phần cơ thể còn lại?”

“Chôn trên đồi.”

“Hấn cho ông xem cái đầu trong xe à?”

“Đúng vậy, trong quá trình trị liệu hấn cảm thấy có thể nói với tôi mọi chuyện. Hấn thường đến ngồi với Klaus và cho anh ta xem món quà Valentine.”

“Nhưng sau đó đến lượt Raspail... chết. Sao vậy?”

“Thành thực mà nói, tôi phát ốm và mệt mỏi vì hấn rên rỉ. Thực ra thế lại tốt nhất cho hấn. Việc trị liệu không có kết quả. Tôi cho rằng hầu hết bác sĩ tâm thần đều muốn chuyển cho tôi một vài bệnh nhân. Trước giờ tôi không nói năng gì, nhưng lúc này thì tôi chán rồi.”

“Và bữa tối của ông với quan chức dàn nhạc giao hưởng nữa.”

“Cô đã bao giờ rơi vào tình huống có khách mà không còn thời gian mua bán gì chưa? cô sẽ phải sử dụng những thứ mà mình có trong tủ lạnh, *Clarice* ạ. Tôi gọi cô là Clarice được chứ?”

“Được. Có lẽ tôi nghĩ sẽ gọi ông là...”

“Bác sĩ Lecter — như thế có vẻ phù hợp với tuổi tác và vị thế của cô hơn,” ông ta nói.

“Đồng ý.”

“Cô cảm thấy thế nào khi vào cái ga-ra ấy?”

“Lo sợ.”

“Vì sao?”

“Chuột và côn trùng.”

“Cô có gì đó để dùng khi muốn nâng tinh thần không?” bác sĩ Lecter hỏi.

“Với những thứ tôi biết thì không gì có tác dụng, ngoại trừ việc muốn có cho bằng được thứ tôi đang theo đuổi.”

“Khi đó có ký ức hay hoạt cảnh gì hiện ra trong cô không, dù cô có cố gắng hay không?”

“Có thể. Tôi chưa hề nghĩ tới việc này.”

“Những sự việc hồi cô còn nhỏ.”

“Tôi phải theo dõi xem đã.”

“Cô cảm thấy thế nào khi biết tin về người hàng xóm đã khuất của tôi, Miggs? Cô không hỏi gì tôi về chuyện đó.”

“Tôi đang định đây.”

“Cô không *vui* khi biết tin à?”

“Không.”

“Cô có *buồn* không?”

“Không. Ông có thuyết phục anh ta làm chuyện đó không?”

Bác sĩ Lecter cười lặng lẽ. “Sĩ quan Starling, phải chăng cô đang hỏi tôi là có phải tôi *xúi bẩy* hắn ta tự tử không? Đừng khù khờ thế chứ. Cô không thấy dù sao thì việc hắn nuốt cái lưỡi thô tục của mình cũng đáng sao?”

“Không hề.”

“Sĩ quan Starling, cô nói dối rồi. Lời nói dối đầu tiên của cô với tôi. *Một chuyện buồn*, Truman sẽ nói thế.”

“Tổng thống Truman?”

“Bỏ qua đi. Sao cô nghĩ tôi sẽ giúp cô?”

“Tôi không biết.”

“Jack Crawford thích cô, đúng không?”

“Tôi không biết.”

“Điều này có lẽ không đúng. Cô có thích ông ta thích cô không? Nói tôi nghe, cô có cảm thấy muốn làm ông ta hài lòng và điều đó có làm cô lo lắng không? Cô có lo lắng về mong muốn làm hài lòng ông ta không?”

“Ai cũng muốn được yêu quý, bác sĩ Lecter.”

“Không phải ai cũng thế. Cô có nghĩ Jack Crawford ham muốn cô không? Tôi chắc chắn là ngay lúc này ông ta đang rất bức bối. Cô có nghĩ là ông ta có hình dung... kịch bản, hành động... ông ta chơi cô không?”

“Đây không phải chuyện tôi tò mò muốn biết, thưa bác sĩ Lecter, và đó là thứ mà chỉ kẻ như Miggs mới hỏi.”

“Thôi vậy.”

“Ông có bảo anh ta tự nuốt lưỡi không?”

“Trong câu nghi vấn cô dùng thường có giả định cách. Với thổ ngữ của cô thì nó nghe sách vở quá. Rõ ràng Crawford thích cô và tin là cô có đủ năng lực. Chắc chắn cô đã gặp những sự kiện trùng hợp rất may mắn, Clarice ạ, cô được Crawford giúp và cả tôi nữa. Cô nói cô không biết tại sao Crawford giúp cô. Cô có biết vì sao tôi giúp không?”

“Không, ông nói tôi nghe xem nào.”

“Cô có nghĩ rằng đó là vì tôi thích nhìn cô và nghĩ về việc ăn cô — về mùi vị của cô không?”

“Có đúng vậy không?”

“Không. Tôi muốn thứ mà Crawford có thể cho tôi và tôi muốn trao đổi với ông ta để có nó. Nhưng ông ta lại không đến gặp tôi. Ông ta không yêu cầu tôi giúp vụ Bill Bò mộng, dù ông ta biết rằng sẽ còn nhiều thiếu nữ phải chết.”

“Tôi không tin, thưa bác sĩ Lecter.”

“Tôi chỉ muốn thứ rất đơn giản, và ông ta có thể kiếm được nó.” Lecter chậm rãi bật công tắc điện trong xà lim của mình. Sách và những bức tranh của hắn đã không còn. Bộ vệ sinh của hắn cũng không còn. Chilton đã dọn sạch xà lim để trừng phạt vụ Miggs.

“Tôi đã ở trong căn phòng này được tám năm, Clarice ạ. Tôi biết là họ sẽ không bao giờ thả tôi chừng nào tôi còn sống. Thứ mà tôi muốn là được nhìn quang cảnh. Tôi muốn một cái cửa sổ, nơi tôi có thể nhìn thấy một cái cây, hoặc cả nước nữa.”

“Luật sư của ông đã đề nghị...?”

“Chilton đặt cái TV ấy ở hành lang, bật một kênh tôn giáo. Ngay sau khi cô ra về, tay hộ lý sẽ lại vặn tiếng to lên, và luật sư của tôi không ngăn được chuyện đó, đó là cách mà tòa án muốn hành xử với tôi. Tôi muốn được ở trong một cơ sở liên bang. Tôi muốn lấy lại sách và một cái cửa sổ. Tôi sẽ có thứ quý giá để đổi lấy điều đó. Crawford có thể làm chuyện đó. Cô hãy yêu cầu ông ta.”

“Tôi có thể nói lại với ông ta những gì ông vừa nói.”

“Ông ta sẽ lờ nó đi thôi. Và Bill Bò mộng thì vẫn ra tay. Cứ chờ đến lúc hấn lột da đầu một người rồi xem cô có thích không. Hừmmm... Tôi sẽ nói với cô một chuyện về Bill Bò mộng mà không cần xem hồ sơ, và khi hấn bị bắt sau nhiều năm nữa, nếu như hấn có bị bắt, thì cô sẽ thấy tôi nói đúng và tôi đã có thể giúp. Tôi có thể giúp cứu mạng người đấy. Clarice?”

“Tôi nghe đây.”

“Bill Bò mộng có một ngôi nhà hai tầng,” bác sĩ Lecter nói rồi tắt đèn.

Hấn không nói thêm gì nữa.

Clarice Starling dựa vào bàn xúc xắc trong sòng bạc của FBI và cố gắng tập trung chú ý vào bài giảng về rửa tiền trong đánh bạc. Đã ba mươi sáu giờ trôi qua từ khi cảnh sát hạt Baltimore lấy lời khai của cô (qua một nhân viên đánh máy mỗ cò liên tục rít thuốc lá: “Nếu khó làm cô khó chịu thì cứ thử xem có mở cái cửa sổ kia ra được không nhé.”) và cho cô về với lời nhắc nhở rằng giết người không phải tội liên bang.

Chương trình thời sự tối Chủ nhật chiếu vụ rắc rối của cô với mấy tay quay phim truyền hình và cô cảm thấy bế tắc hoàn toàn. Mặc dù vậy, vẫn không có lấy một lời từ Crawford hoặc từ chi nhánh Baltimore. Cứ như thể cô vừa quăng cái báo cáo của mình xuống hố.

Sòng bạc nơi cô đang đứng không lớn — nó từng hoạt động trong một chiếc xe rơ-móc di động cho tới khi bị FBI bắt và đặt ở trường làm phương tiện dạy học. Căn phòng hẹp đang chật ních cảnh sát từ nhiều địa phương. Clarice cảm ơn và từ chối ghế do hai anh biệt động Texas và một thám tử Scotland Yard nhường.

Những học viên còn lại của lớp cô đang ở trong sảnh của tòa nhà Học viện, tìm tóc trên một tấm thảm lấy từ nhà nghỉ bên đường trong bài “Phòng ngừa Tội phạm tình dục” và rắc bột lấy vân tay trong

“Ngân hàng điển hình”. Starling đã trải qua nhiều giờ tìm kiếm và lấy dấu tay khi còn là nghiên cứu sinh Pháp y nên cô được cử đến dự bài giảng này — một phần trong chương trình dành cho cảnh sát khách mời.

Cô băn khoăn không hiểu có còn lý do nào khác khiến cô bị tách khỏi lớp: có thể ta bị cách ly trước khi bị đuổi.

Starling tì cùi chỏ lên bàn xúc xắc và cố gắng tập trung vào việc rửa tiền trong đánh bạc. Nhưng điều cô nghĩ đến lại là FBI rất ghét phải nhìn thấy đặc vụ của mình trên truyền hình, ngoại trừ các cuộc họp báo chính thức.

Bác sĩ Lecter là gia vị cho giới truyền thông, và cảnh sát Baltimore đã vui mừng đưa tên Starling cho đám phóng viên. Cô liên tục thấy mình trên các bản tin tối Chủ nhật của tất cả các kênh tin tức. Nơi thì có *Starling nhân viên FBI* ở Baltimore đang phang tay cần kích vào cửa ga-ra trong khi nhân viên quay phim đang trườn bên dưới. Chỗ thì là *Đặc vụ Liên bang Starling* đang quay sang người phụ tá với cái cần kích trong tay.

Trên đài đối thủ, WPIK, khi không tự quay được phim, lại công bố một vụ kiện về chấn thương thân thể chống lại *Starling nhân viên FBI* và Cục FBI vì nhân viên quay phim bị hạt bụi và gỉ sắt rơi vào mắt khi Starling phang cửa.

Jonetta Johnson của đài WPIK lên sóng toàn quốc với tiết lộ về việc Starling đã tìm được hài cốt trong ga-ra nhờ “quan hệ đáng sợ với một người mà các nhà chức trách đã phải gọi là... một *con quái vật!*” Rõ ràng là WPIK có nguồn tin tại bệnh viện.

CÔ DÂU CỦA FRANKENSTEIN! Báo *National Tattler* gào lên từ giá

báo trong các siêu thị.

FBI không đưa ra bình luận công khai nào nhưng Starling chắc chắn rằng nội bộ Cục thì nhiều.

Vào bữa sáng, một trong những người bạn cùng lớp của cô, một chàng thanh niên xúc đầy nước hoa sau cạo râu hiệu Canoe, đã gọi Starling là Melvin Pelvis[©], một kiểu chơi chữ ngu xuẩn biến tấu tên của Melvin Purvis — đặc vụ số một của giám đốc Hoover trong thập niên 1930. Điều Ardelia Mapp nói với anh ta khiến anh ta tái mặt bỏ đi, để lại trên bàn bữa sáng chưa động đến.

Lúc này Starling thấy mình rơi vào một trạng thái kỳ lạ là không thể có cảm giác ngạc nhiên.

Suốt một ngày đêm cô cảm thấy mình rơi vào trạng thái yên lặng ù tai như một thợ lặn. Cô tính sẽ tự bảo vệ mình nếu có cơ hội.

Giảng viên vừa giảng vừa quay vòng roulette, nhưng ông ta không để trái bóng rơi xuống.

Nhìn ông ta. Starling chắc chắn rằng trong đời mình ông ta chẳng bao giờ để cho trái bóng rơi[©]. Bây giờ ông ta đang nói gì đó: “Clarice Starling.”

Vì sao ông ta lại nói “Clarice, Starling?” *Là mình mà.*

“Vâng,” cô nói.

Giảng viên hất cằm về phía cánh cửa phía sau cô. Nó đây rồi. Nghiệp chướng như rơi xuống chân khi cô quay đầu lại nhìn. Nhưng đó là Brigham, giảng viên bắn súng, đang nghiêng người vào phòng chỉ cô qua đám đông. Khi cô nhìn thấy anh, anh ta vẫy tay.

Trong một giây cô thoáng nghĩ họ sắp đuổi học cô, nhưng đây

không phải việc của Brigham.

“Chuẩn bị yên cương nào. Starling. Đồ hiện trường của cô để đâu?” Anh ta nói trong sảnh.

“Phòng tôi — khu C.”

Cô phải rào bước để theo kịp anh ta.

Anh ta đem theo một bộ công cụ lấy dấu vân tay lớn từ phòng tài sản — loại tốt chứ không phải loại vừa học vừa chơi trong trường — và một cái túi vải bố nhỏ.

“Hôm nay cô đi với Jack Crawford. Hãy đem theo đồ dùng qua đêm. Có thể cô sẽ về sớm, nhưng tốt nhất cứ đem theo.”

“Đi đâu?”

“Mấy tay săn vịt ở Tây Virginia tìm thấy một cái xác trên sông Elk lúc sáng. Giống kiểu giết người của Bill Bò mộng. Cảnh sát đang vớt cái xác lên. Đây thực sự là một khu hoang vắng nên Jack không mấy mong chờ dựa vào những anh chàng này để lấy thông tin chi tiết.”

Brigham dừng lại ở cửa vào khu C. “Ông ấy cần ai đó giúp lấy dấu tay của một xác chết trôi, và những việc khác nữa. Cô từng làm trong phòng thí nghiệm — cô làm được việc ấy chứ?”

“Vâng, cho tôi kiểm tra đồ nào.”

Brigham giữ bộ lấy dấu tay mở nắp trong khi Starling lấy những cái khay ra. Trong đó có đầy đủ lọ và ống tiêm nhưng thiếu máy ảnh.

“Anh Brigham. Tôi cần một chiếc máy ảnh Polaroid chụp tỷ lệ 1:1, loại CU-5, phim và pin nữa.”

“Từ kho tài sản? Có ngay.”

Anh ta đưa cô chiếc túi bố nhỏ, và khi cô cảm nhận được sức nặng của nó, cô đã hiểu vì sao Brigham lại là người đến gọi cô.

“Cô vẫn chưa có đồ công vụ, đúng không?”

“Chưa.”

“Cô phải có đủ bộ. Đây là đồ như cô vẫn mang ở bãi bắn. Khẩu súng là của tôi. Đó cũng là loại Smith K-frame mà cô đã tập nhưng bộ phận nạp đạn đã được lau chùi. Tối nay có cơ hội thì thử bắn không đạn trong phòng cô đi. Tôi sẽ ở trong xe đằng sau khu C trong đúng mười phút nữa cùng máy ảnh. Nghe này, trên Blue Canoe không có nhà vệ sinh. Tôi khuyên cô nên đi ngay khi có cơ hội. Nhanh nhanh lên. Starling.”

Cô định hỏi thêm một câu nhưng anh ta đã bỏ đi.

Chắc phải là Bill Bò mộng thì Crawford mới thân chinh đi. Blue Canoe là cái thứ chết tiệt gì? Nhưng khi đóng đồ thì ta phải nghĩ đến chuyện đóng đồ. Starling đóng đồ nhanh và gọn gàng.

“Đây là...”

“Thế được rồi,” Brigham ngắt lời khi cô vào xe. “Nếu ai sẫm soi sẽ thấy bóng súng hơi phồng một chút dưới áo khoác của cô, nhưng bây giờ thì ổn.”

Cô đeo khẩu súng lục ổ quay nòng hếch bên dưới áo vest trong một cái bao súng hình bánh kẹp đeo cạnh sườn và một ổ đạn nạp nhanh treo trên thắt lưng bên kia.

Brigham lái xe đúng tốc độ giới hạn tới đường băng Quantico.

Anh ta háng giọng. “Trên bãi tập có một điều rất tốt, Starling ạ. Ở

đó không có chính trị.”

“Phải thế không?”

“Ở Batimore, cô đã đúng khi bảo vệ cái ga-ra ấy. Cô có lo lắng về truyền hình không?”

“Tôi có nên lo không?”

“Đây là chuyện riêng của chúng ta, đúng không?”

“Đúng vậy.”

Brigham chào đáp lễ người lính thủy đánh bộ đang điều khiển giao thông.

“Bằng việc Crawford đem cô theo ngày hôm nay, sẽ không ai có thể không nhận ra sự tin tưởng Crawford dành cho cô,” anh ta nói. “Vì nhớ đâu có ai đó ở Văn phòng Trách nhiệm Nghiệp vụ chính cho cô một trận ngay trước mặt ông ấy và làm ông ấy cáu tiết lên... Cô hiểu ý tôi nói gì chứ?”

“Ừm...”

“Crawford là người bảo vệ quân. Khi cần, ông ấy sẵn sàng khẳng định rằng cô cần bảo vệ hiện trường. Ông ấy để cô trần trụi vào đấy... đúng vậy, trần trụi, không có tất cả những dấu hiệu về quyền hạn có thể nhìn thấy được, và chính ông ấy cũng nói vậy. Và cảnh sát Baltimore lại phản ứng quá chậm. Với lại hôm nay Crawford cần trợ giúp, và ông ấy sẽ phải đợi một tiếng đồng hồ để Jimmy Price kiểm ai đó từ phòng thí nghiệm. Vậy nên cô nhận được việc này, Starling ạ. Xác chết trôi cũng không phải chuyện dễ chịu đâu. Đây không phải cách trừng phạt cô, nhưng nếu cần phải để người ngoài nhìn nhận như thế, thì họ sẽ thấy như thế. Thấy không, Crawford là

người rất tinh tế, nhưng ông ấy không thích giải thích mọi việc, đây là lý do tôi nói với cô... Nếu làm việc với Crawford, cô cần phải biết ông đang đối mặt với chuyện gì... Cô biết không?”

“Thực tình tôi không biết.”

“Ngoài Bill Bò mộng, ông ấy còn rất nhiều điều phải để tâm. Bella, vợ ông ấy, đang ốm rất nặng. Bà ấy đang... ở giai đoạn cuối. Ông ấy để bà ấy ở nhà. Nếu không có Bill Bò mộng thì ông ấy đã nghỉ phép để chăm sóc vợ.”

“Tôi không biết chuyện ấy.”

“Không ai nói ra chuyện ấy. Đừng nói với ông ấy là cô muốn chia buồn hay bất cứ điều gì khác, như vậy không giúp được ông ấy đâu... Họ đã có thời gian hạnh phúc bên nhau.”

“Tôi rất vui vì anh kể chuyện đó cho tôi.”

Brigham tươi tỉnh hẳn lên khi họ tới đường băng. “Tôi có một vài bài giảng quan trọng sau khóa bắn súng. Starling, cố gắng đừng bỏ lỡ đấy.”

Anh ta đi tắt qua mấy khoang chứa máy bay.

“Chắc chắn rồi.”

“Nghe này, có thể cô sẽ chẳng bao giờ phải dùng đến những điều tôi dạy. Hy vọng cô không phải dùng đến. Nhưng cô có năng lực đấy Starling ạ. Nếu phải bắn là cô có thể bắn được. Luyện tập thường xuyên nhé.”

“Vâng.”

“Đừng bao giờ cho nó vào túi nhé.”

“Vâng.”

“Buổi tối tôi lòi nó ra vài lần trong phòng cô. Chắc sao cho cô có thể tìm thấy nó.”

“Tôi sẽ làm vậy.”

Một chiếc máy bay hai động cơ hiệu Beechcraft cũ kỹ đang đỗ trên đường dẫn máy bay tại đường băng Quantico với đèn báo hiệu đang quay và cửa mở. Một cánh quạt đang chạy thối dạt cô cạnh đường băng.

“Đây chắc là Blue Canoe,” Starling nói.

“Đúng rồi.”

“Có vẻ hơi bé và cũ.”

“Nó cũ rồi,” Brigham vui vẻ nói. “Bên Chồng Ma túy tịch thu ở Florida cách đây lâu rồi khi nó bị rơi ở Everglades. Bây giờ thì máy móc ổn cả rồi. Tôi hy vọng là Gramm và Rudman không phát hiện ra là ta dùng nó. Đáng ra chúng ta phải đi xe buýt.”

Anh ta đỗ xe cạnh chiếc máy bay, lấy hành lý hộ Starling từ ghế sau. Anh ta hơi lóng ngóng, anh ta đưa đồ cho cô và bắt tay cô.

Sau đó, anh ta buột miệng, “Chúa phù hộ cho cô. Starling.” Từ miệng một người lính thủy đánh bộ, mấy từ này nghe thật lạ lùng. Anh ta không biết chúng bật ra từ đâu và thấy mặt mình nóng lên.

“Cảm ơn... cảm ơn anh, anh Brigham.”

Crawford đã ngồi trên ghế phụ lái, mặc sơ mi và đeo kính mát. Ông quay ra nhìn Starling khi phi công sập cửa.

Cô không nhìn thấy mắt ông sau lớp kính và cô cảm thấy mình

không quen biết ông. Crawford trông nhợt nhạt và rần rởi, như một gốc cây mới bị xe ủi nhổ lên.

“Ngồi xuống đọc đi,” là tất cả những gì ông nói.

Một tập hồ sơ dày nằm trên ghế phía sau ông. Trên bìa đề Bill Bò mộng. Starling ôm nó thật chặt khi chiếc Blue Canoe kêu ầm ầm, rùng rùng và bắt đầu cất cánh.

II

Lề đường băng mờ dần và biến mất. Từ phía Đông, một tia nắng chiếu tới từ vịnh Chesapeake khi chiếc máy bay nhỏ biến mất khỏi dòng xe cộ.

Clarice Starling có thể nhìn thấy Học viện phía dưới được bao bọc bởi doanh trại lính thủy đánh bộ ở Quantico. Trên sân tập tấn công, những người lính thủy tí hon đang bò và chạy.

Nhìn từ trên cao mọi thứ trông như vậy đấy.

Một lần sau bài tập bắn đêm, đang đi bộ để tiện suy nghĩ trong bóng tối của Hogan's Alley[®] vắng vẻ, cô đã nghe thấy tiếng máy bay gầm rú trên đầu và sau đó, khi mọi vật tĩnh lặng lại, là tiếng người gọi nhau trên bầu trời đen ngòm trên đầu cô — lính dù nhảy đêm đang gọi nhau khi họ tiếp đất trong bóng tối. Và cô tự hỏi cảm giác khi đợi đèn cho phép nhảy bên cửa máy bay sẽ như thế nào và cảm giác lao vào bóng tối gầm rú bên dưới ra sao.

Có thể cảm giác là thế này đây.

Cô mở tập hồ sơ.

Họ biết năm vụ Bill làm, có thể nhiều hơn. Trong mười tháng qua hắn đã ít nhất năm lần bắt cóc một phụ nữ, sát hại và lột da cô ta. (Mắt Starling lướt nhanh qua biên bản khám nghiệm tử thi tới phần

xét nghiệm giải phóng histamine để khẳng định rằng hắn đã giết họ trước khi làm nốt những việc còn lại.)

Hắn chìm xác xuống dòng nước chảy khi đã làm xong mọi việc. Mỗi xác chết được tìm thấy ở một dòng sông chảy từ một giao lộ cao tốc liên bang, mỗi xác chết lại ở một bang khác nhau. Ai cũng biết Bill Bò mộng là kẻ đi nhiều. Đó là tất cả những gì pháp luật biết về hắn ta, gần như tất cả, trừ việc hắn ta có ít nhất một khẩu súng. Khẩu súng có sáu rãnh xoắn nòng, chiều xoay trái — có thể là một khẩu Colt ổ quay hoặc một khẩu Colt nhái. Hắn vết trên viên đạn tìm được cho thấy hắn thích bắn đạn cỡ .38 Special trong ổ đạn cỡ dài hơn dành cho đạn .357.

Nước sông xóa sạch dấu tay, không để lại dấu vết gì của tóc hay sợi vải.

Gần như chắc chắn hắn là một người đàn ông da trắng: da trắng vì thông thường những kẻ giết người hàng loạt thường ra tay với những nạn nhân trong cùng nhóm chủng tộc và tất cả nạn nhân đều da trắng, là đàn ông vì trong thời đại của chúng ta gần như không có tên giết người hàng loạt nào là phụ nữ.

Hai phóng viên đã giật tít bằng một câu trong bài thơ tử thần ngắn của E. E. Cumming, “Bill Bò mộng”: ... *anh có thích chàng Tử thần mắt xanh?*

Ai đó, có thể là Crawford, đã dán câu này bên trong bìa tập hồ sơ.

Không có mối liên hệ rõ rệt nào giữa nơi Bill bắt cóc những người phụ nữ trẻ và nơi hắn vứt thi thể họ.

Trong những vụ mà thi thể được tìm thấy đủ sớm để xác định

chính xác thời gian chết, cảnh sát phát hiện thêm một việc mà tên sát nhân đã làm: Bill giữ họ sống một thời gian. Những nạn nhân này chưa chết ngay trong vòng 7 — 10 ngày sau khi họ bị bắt cóc. Điều đó có nghĩa là hắn phải có một nơi để giam họ và một nơi để làm việc được riêng tư.

Thế tức là hắn không phải kẻ lang bạt. Hắn giống loài nhện hang. Có những cái hang riêng của mình. Ở đâu đó.

Biết hắn giam họ cả tuần hoặc lâu hơn, và hắn sẽ giết họ — điều đó làm công chúng hoảng sợ hơn hết thảy.

Hai người bị treo cổ, ba người bị bắn. Không có bằng chứng cho thấy có hiếp dâm hay bị lạm dụng trước khi chết và biên bản khám nghiệm tử thi cho thấy không có *biến dạng đặc thù của cơ quan sinh dục* mặc dù các nhà bệnh học ghi nhận rằng gần như không thể xác định được các dấu hiệu đó trong những thi thể bị phân hủy quá nhiều.

Tất cả nạn nhân đều được tìm thấy trần truồng. Trong hai vụ, quần áo ngoài của nạn nhân được tìm thấy bên đường gần nhà họ, bị xẻ phía sau như phục trang cho người chết.

Starling bình tĩnh xem hết chỗ ảnh chụp. Về mặt vật lý, những thi thể chết trôi là kiểu thi thể khó xử lý nhất. Có gì đó vô cùng bi ai về chúng, như thường có ở những nạn nhân bị sát hại ngoài trời. Sự phi nhân tính mà nạn nhân phải chịu đựng, việc bị phơi bày thân thể ra giữa thanh thiên bạch nhật và bao con mắt nhòm ngó, khiến ta giận dữ, nếu như công việc của ta cho phép ta căm giận.

Thông thường trong các vụ sát nhân tại nhà riêng thì bằng chứng của những hành vi cá nhân không dễ chịu của nạn nhân và

những nạn nhân của chính nạn nhân — những người vợ bị bạo hành, những đứa trẻ bị lạm dụng — có đầy xung quanh để thì thầm với ta rằng kẻ ấy chết là xứng đáng, và trong nhiều trường hợp thì quả đúng như vậy.

Nhưng không ai đáng bị như vậy. Ở đây họ còn mất hết da khi nằm trên bờ sông rác rưởi, giữa những chai dầu bị vớt khỏi thuyền và những cái túi đựng sandwich có đầy trong những bãi rác của chúng ta. Những người bị giết khi trời lạnh hầu hết giữ được mặt mình. Starling tự nhủ rằng rằng họ nhẹ ra không phải vì đau mà đó là vì bọn rùa cá đã làm ra vẻ mặt đó khi ăn họ. Bill chủ yếu lột da phần thân và không động chạm đến chân tay.

Starling nghĩ những bức ảnh cũng không đến nỗi khó xem lắm nếu như khoang máy bay không nóng đến thế, nếu như cái máy bay giờ đánh không bị chệch hướng bay ngoằn ngoèo như vậy, nếu cánh quạt quạt khí tốt hơn và nếu như ông mặt trời khôn kiếp không nổ tung ra như thế trên những ô cửa sổ xước xước và chọc vào cô như một con đũa đầu.

Có thể tóm được hần ta. Starling bám chặt vào ý nghĩ đó để giúp cô ngồi được trong khoang chiếc máy bay bé xíu, trên đầu gối để đầy những thông tin ghê sợ. Cô có thể giúp ngăn chặn hần ta. Sau đó họ có thể trả tập hồ sơ bìa trơn dính này vào ngăn tủ rồi khóa lại.

Cô nhìn chăm chăm vào gáy Crawford. Nếu muốn ngăn chặn Bill Bò mộng thì cô đang ở đúng hội. Crawford đã tổ chức truy tìm thành công ba tên giết người hàng loạt. Nhưng không phải không có tổn thất. Người ta nói Will Graham, thợ săn giỏi nhất từ trước đến nay trong nhóm của Crawford — một huyền thoại trong Học viện — hiện là một tay nghiện rượu ở Florida với một khuôn mặt không thể nhìn

nổi.

Có thể Crawford cảm thấy cô đang chăm chăm nhìn gáy ông. Ông leo ra khỏi ghế lái phụ. Người phi công chạm tay vào cần lái trong lúc Crawford xuống chỗ cô và cài dây an toàn ngồi trên ghế cạnh cô. Khi ông tháo kính râm và đeo lại cặp kính hai tròng, cô lại cảm thấy mình quen biết ông.

Khi ông nhìn từ mặt cô sang bản báo cáo rồi từ bản báo cáo sang mặt cô, trên khuôn mặt ông thấp thoáng nét gì đó rồi nhanh chóng biến mất. Một cái nhăn mặt sinh động hơn bình thường của Crawford cho thấy sự hối tiếc của ông.

“Tôi nóng quá, cô có thấy nóng không?” ông nói. “Bobby, trong này nóng dã man,” ông nói với người phi công. Bobby điều chỉnh gì đó và không khí lạnh tràn vào. Vài bông tuyết xuất hiện trong không khí ẩm ướt của khoang máy bay và đậu trên tóc Starling.

Ngay lập tức, Crawford như trở thành một người thợ săn, mắt ông giống như một ngày mùa đông tươi sáng.

Ông mở tập hồ sơ tới chỗ tám bản đồ vùng Trung và Đông Mỹ. Địa điểm thi thể được tìm thấy được đánh dấu trên bản đồ — những dấu chấm rải rác cam lạng và ngoằn ngoèo như chòm sao Thiên Lang.

Crawford lấy bút trong túi ra đánh dấu địa điểm mới nhất, mục tiêu của họ.

“Sông Elk, cách đường cao tốc U.S 79 khoảng 9km,” ông nói. “Lần này chúng ta gặp may. Thi thể bị mắc vào giàn câu — dây cần câu đặt trên sông. Họ không nghĩ là cô ta đã bị ngâm nước quá lâu. Họ đưa cô ta đến Potter, trung tâm của hạt. Tôi muốn biết ngay cô ta

là ai để chúng ta có thể tìm nhân chứng của vụ bắt cóc. Chúng ta sẽ gửi dấu tay về qua đường điện thoại cố định ngay khi lấy được.”

Crawford ngẩng đầu nhìn Starling qua viền kính phía dưới. “Jimmy Price nói cô có thể lấy được dấu tay trên xác chết trôi.”

“Thực ra tôi chưa khi nào có nguyên một cái xác chết trôi,” Starling nói. “Tôi lấy dấu tay từ những bàn tay được ông Price nhận hàng ngày qua bưu điện. Nhưng dù sao thì trong số đó cũng có nhiều bàn tay trên xác chết trôi.”

Những ai chưa làm việc dưới quyền Jimmy Price tin rằng ông ta là một ông già thô lỗ đáng mến. Giống như tất cả các ông già thô lỗ khác, ông ta thực sự là một ông già xấu tính. Jimmy Price là giám sát viên bộ phận Dấu tay Ẩn tại phòng thí nghiệm Washington. Starling từng làm việc với ông ta hồi còn là nghiên cứu sinh Pháp y.

“Jimmy đó,” Crawford trù mến nói. “Họ gọi cái việc ấy là gì nhỉ...”

“Vị trí đó được gọi là ‘ăn mày phòng thí nghiệm’ hay vài người thích gọi là ‘Igor’[©] — Đó là chữ in trên cái tạp dề cao su mà người ta phát cho chúng tôi.”

“Ra thế.”

“Họ bảo chúng tôi giả vờ đang mổ ếch.”

“Tôi hiểu...”

“Sau đó họ đem cho chúng tôi một bưu phẩm gửi qua UPS. Tất cả bọn họ cùng theo dõi — vài người bận đi lấy cà phê cũng vội vã quay về, hy vọng là chúng tôi sẽ ói. Tôi có thể lấy dấu tay trên xác chết trôi rất tốt. Thực ra...”

“Tốt, giờ cô xem cái này đi. Nạn nhân đầu tiên của hấn mà chúng

ta biết được tìm thấy trên sông Blackwater ở Missouri, ngoại vi Lone Jack vào tháng Sáu năm ngoái. Bimmel, cô ta được báo mất tích ở Belvedere, Ohio, ngày 15 tháng Tư, hai tháng trước đó. Chúng ta không biết gì nhiều về vụ này — phải mất tới ba tháng chỉ để nhận dạng cô ta. Nạn nhân tiếp theo hấn bắt được tại Chicago vào tuần thứ ba của tháng Tư. Cô ta được tìm thấy trên sông Wabash ở khu thương mại Lafayette, Indiana, chỉ mười ngày sau khi bị bắt cóc, vì vậy chúng tôi có thể biết được chuyện gì đã xảy ra với cô ta. Sau đó chúng ta lại có một phụ nữ da trắng, khoảng đầu hai mươi, bị vớt xuống sông Rolling Fork gần cao tốc liên bang I-65, khoảng 38 dặm về phía Nam Louisville, Kentucky. Không nhận dạng được cô ta. Và một phụ nữ tên Vamer, bị bắt ở Evansville, Indiana, và bị thả xuống sông Embarras ngay dưới cao tốc liên bang I-70 ở Đông Illinois.

“Sau đó hấn đi về phía Nam và vớt một nạn nhân xuống Conasauga bên dưới Damascus, Georgia, phía Nam cao tốc liên bang I-75, đó là một cô gái tên Kittridge từ Pittsburgh — đây là ảnh cô ấy lúc tốt nghiệp. Hấn cực kỳ may mắn — không ai nhìn thấy hấn bắt người cả. Trừ việc các thi thể đều gần đường cao tốc liên bang, chúng ta vẫn chưa thấy có khuôn mẫu nào ở đây cả.”

“Nếu ta truy theo các tuyến giao thông lưu lượng cao nhất từ những nơi vớt thi thể, liệu chúng có gặp nhau không?”

“Không.”

“Nếu như... *công nhận*... rằng hấn vớt xác và bắt cóc nạn nhân mới trong cùng một chuyến đi thì sao?” Starling hỏi, thận trọng tránh từ húi *giả định*. “Trước hết hấn sẽ vớt cái xác, có phải vậy không, để không gặp rắc rối khi bắt nạn nhân tiếp theo? Sau đó, nếu bị bắt khi đang tóm lấy ai đó, hấn có thể ra tòa vì tội tấn công, nhưng có

thể xin thoát tội nếu trong xe hấn không có cái xác nào. Vậy nếu ta vẽ các đường mũi tên ngược từ những nơi bắt cóc tới nơi vứt xác thì sao? Ông thử xem sao.”

“Ý tưởng hay, nhưng hấn cũng nghĩ được như thế. Nếu hấn *làm* cả hai việc trong cùng một chuyến đi hấn sẽ phải đi zigzac. Chúng tôi đã mô phỏng bằng máy tính, trước hết giả định hấn đi theo đường cao tốc liên bang về phía Tây, sau đó là sang phía Đông, sau đó là những tổ hợp khác nhau với ngày tháng chính xác nhất chúng tôi có thể gán cho các vụ vứt xác và bắt cóc. Nhập vào máy tính thì chả được cái khi mốc gì. Hấn sống bên miền Đông, máy tính nói với chúng tôi như vậy. Hấn không làm việc theo lịch mặt trăng, máy tính nói như vậy. Không có liên hệ gì với ngày tổ chức hội nghị tại các thành phố. Chẳng có gì ngoài chút vụn vặt. Hấn nhìn thấy chúng ta đang tới. Starling ạ.”

“Ông nghĩ rằng hấn quá thận trọng để có thể tự tử.”

Crawford gật đầu. “Chắc chắn là, quá thận trọng rồi. Hấn đã tìm được cách để có một mối quan hệ có ý nghĩa vào lúc này, và hấn rất muốn làm việc đó. Tôi không đặt hy vọng vào việc hấn tự sát đâu.”

Crawford đưa cho phi công một cốc nước rót trong phích ra. Ông đưa cho Starling một cốc và tự pha thuốc Alka-Seltzer cho mình.

Dạ dày cô cuộn lên khi chiếc máy bay bắt đầu hạ độ cao.

“Có mấy việc Starling ạ. Tôi cần ở cô một chuyên gia pháp y hạng nhất, nhưng tôi còn cần hơn thế nữa. Cô không nói nhiều thế là tốt, tôi cũng vậy. Nhưng đừng bao giờ cảm thấy rằng phải có sự kiện mới mẻ nào đó thì cô mới khơi vấn đề ra với tôi. Không có câu hỏi nào là ngớ ngẩn cả. Cô sẽ thấy được những thứ mà tôi không

nhìn thấy và tôi muốn biết những thứ đó là gì. Có thể cô có sở trường về chuyện đó. Tự nhiên chúng ta lại có cơ hội tìm hiểu xem cô có sở trường không.”

Lắng nghe ông nói, trong khi dạ dày cuộn lên còn khuôn mặt lộ vẻ phẫn khích. Starling bắn khoản tự hỏi từ khi nào Crawford đã biết là ông sẽ dùng cô trong vụ này, ông muốn có cơ hội cho cô làm việc đó đến mức nào. Ông là một thủ lĩnh, với sự thẳng thắn thân thiện đến tột cùng của một thủ lĩnh, đúng vậy.

“Cô đã suy nghĩ đủ về hắn ta rồi, cô đã thấy hắn từng ở đâu, cô đã có cảm nhận về hắn,” Crawford nói tiếp. “Dẫu khó tin, nhưng không phải lúc nào cô cũng ghét hắn. Và rồi nếu cô may mắn, từ những thứ cô biết, sẽ có thứ kéo tay cô, cố gắng thu hút sự chú ý của cô. Bao giờ cũng phải nói cho tôi biết khi có thứ gì đó giật tay cô đấy.

“Nghe tôi này, một vụ án bản thân nó đã khá rắc rối kể cả khi chưa bị bên điều tra khuấy tung lên. Đừng để một đám cảnh sát làm cô lẫn. Hãy ẩn mình sau đôi mắt. Hãy lắng nghe bản thân mình. Cách ly vụ án ra khỏi những gì diễn ra quanh cô ngay lúc này. Đừng cố áp đặt một khuôn mẫu hay sự tương ứng nào cho gã này. Hãy cởi mở và để hắn ta lộ diện cho cô xem.

“Một việc nữa: những vụ điều tra như thế này giống như một vườn bách thú. Nó rải trên nhiều địa phương, một số nơi do những kẻ ăn hại điều hành. Không được làm mất lòng họ để họ không giấu giếm ta điều gì. Chúng ta đang đến Potter, Tây Virginia. Tôi không biết ai ở đó. Có thể họ sẽ ồ hoặc có thể họ nghĩ chúng ta là những tay đi thu thuế.”

Người phi công tháo tai nghe và nói qua vai. “Hạ cánh đây. Jack

ạ. Ông sẽ ngồi dưới đây chứ?”

“Ừ,” Crawford nói. “Bài học kết thúc, Starling ạ.”

Nhà tang lễ Potter, ngôi nhà khung trắng lớn nhất trên phố Potter ở Potter, Tây Virginia, được sử dụng làm nhà xác của hạt Rankin. Nhân viên điều tra các vụ tử vong bất thường là một bác sĩ gia đình được gọi là bác sĩ Akin. Nếu ông ta cho rằng cái chết có nghi vấn thì thi thể được chuyển tới Trung tâm Y tế Khu vực Claxton ở hạt lân cận, nơi có các nhà bệnh học được đào tạo chuyên môn.

Clarice Starling, đang tới Potter từ sân bay trên ghế sau chiếc xe cảnh sát quận, phải áp sát mặt vào tấm ngăn tù nhân để nghe được người cảnh sát đang lái xe giải thích những chuyện đó cho Jack Crawford.

Trong nhà tang lễ đang chuẩn bị có một đám tang. Những người đi đưa tang mặc trang phục Chủ nhật đẹp nhất của mình đứng đầy trên vỉa hè giữa những cây hoàng dương khảnh khiu hoặc túm tùm trên bậc thang, chờ được vào. Tòa nhà mới được sơn lại và những bậc thang, mỗi bậc theo cách riêng của mình, đã có phần xiêu vẹo.

Trong bãi đỗ xe riêng phía sau tòa nhà, nơi đỗ xe tang, có ba cảnh sát quận, hai trẻ một già đứng cùng với hai cảnh sát bang dưới một cây du căn cối. Trời chưa đủ lạnh để khiến hơi thở họ bốc khói.

Khi tiến xe vào bãi đỗ. Starling nhìn những người đàn ông này, và ngay lập tức cô biết về họ. Cô biết rằng họ đến từ những ngôi

nhà dùng tủ ngăn kéo thay vì tủ đứng[©] và cô cũng biết được khá rõ trong ngăn kéo có những thứ gì. Cô biết rằng những người đàn ông này có người thân đựng quần áo của họ trong túi complet và treo lên thành xe rơ-moóc. Cô biết rằng người cảnh sát lớn tuổi hơn đã lớn lên cùng với một cái bơm dưới mái hiên và lúc xuân sang thì lội bùn bắt xe buýt đi học với đôi giày buộc dây treo lủng lẳng trên cổ như cha cô đã làm. Cô biết rằng họ đem bữa trưa đến trường trong những cái túi giấy đầy mỡ và được dùng đi dùng lại, và rằng sau bữa trưa họ gấp gọn túi lại để đút vào túi sau quần bò.

Cô băn khoăn không hiểu Crawford hiểu biết về họ đến mức nào.

Cửa sau chiếc xe cảnh sát quận không có tay nắm. Starling phát hiện ra khi người lái xe và Crawford ra khỏi xe đi về phía sau nhà tang lễ. Cô phải đập tay vào kính cho tới khi mấy cảnh sát đứng dưới tán cây nhìn thấy cô và người lái xe đỏ mặt quay lại mở cửa cho cô ra.

Mấy nhân viên cảnh sát nhìn theo cô khi cô đi ngang qua họ. Một người nói, “Chào cô.” Cô gật đầu với họ và nở một nụ cười đúng mực trong lúc cô tới chỗ Crawford dưới hàng hiên sau nhà.

Khi cô đã đi đủ xa, một trong hai cậu cảnh sát quận trẻ tuổi, mới lấy vợ, gãi gãi hàm dưới và nói, “Cô ta không đẹp bằng một nửa cô ta tưởng.”

“Ờ, nếu cô ấy chỉ nghĩ rằng cô ấy *xinh bỏ mẹ đi được*, thì tớ sẽ phải đồng ý với cô ấy,” cậu cảnh sát trẻ tuổi thứ hai nói. “Tớ có thể đeo cô ta như cái mặt nạ phòng độc Mark V vậy.”

“Còn tôi thì chỉ muốn một quả dưa hấu to, phải lạnh nữa,” người cảnh sát lớn hơn nói, phân nửa là tự nói với mình.

Crawford đang nói chuyện với phó cảnh sát trưởng quận, một người đàn ông nhỏ con, dáng căng thẳng, đeo kính gọng sắt và đi đôi boot cổ mềm được ghi trong những cuốn catalog là boot Romeo. Họ đã đi vào hành lang hậu mờ tối của nhà tang lễ, chỗ chiếc máy bán Coke đang rỉ rả và có đủ thứ linh tinh kỳ quặc nằm sát tường — một chiếc máy khâu đạp chân, cái xe xích lô, một cuộn cỏ nhân tạo và một tấm bạt che nắng quấn quanh mấy cái cột của nó. Trên tường là một bức tranh cũ màu nâu đỏ in hình Thánh Cecilia đang chơi đàn phong cầm. Tóc bà tết lại quấn quanh đầu, hoa hồng mọc từ đầu đấy leo lên bàn phím.

“Tôi rất cảm kích vì ông đã cho chúng tôi biết tin sớm thế này, thưa ngài phó cảnh sát trưởng,” Crawford nói.

Phó cảnh sát trưởng chẳng có gì để nói. “Có ai đó từ văn phòng công tố quận gọi cho ông đấy,” ông ta nói. “Tôi biết cảnh sát trưởng không gọi cho ông — cảnh sát trưởng Perkin đang đi Hawaii với vợ. Tôi đã gọi điện thoại đường dài cho ông ấy lúc tám giờ sáng nay, khi đó là ba giờ sáng ở Hawaii. Ông ấy sẽ gọi lại cho tôi trong ngày nhưng ông ấy lại bảo tôi rằng việc đầu tiên là cần tìm hiểu xem đây có phải là một cô gái trong quận không. Có thể đây là một vụ mà nơi khác quảng sang chỗ chúng tôi. Chúng tôi sẽ lo chuyện đó trước khi có bất kỳ hành động nào khác. Chúng nó có khi lôi xác từ tít thành phố Phoenix bang Alabama đến tận đây ấy chứ.”

“Đây chính là điểm chúng tôi có thể giúp được các ông. Nếu như...”

“Tôi đã nói điện thoại với chỉ huy bộ phận dịch vụ hậu cần của cảnh sát bang ở Charleston. Ông ta đang cử mấy nhân viên từ Bộ phận điều tra tội phạm — mà ta vẫn biết là CIS[®] — đến rồi. Họ sẽ

cho chúng tôi mọi hỗ trợ cần thiết.”

Hành lang đầy cảnh sát quận và cảnh sát bang; phó cảnh sát trưởng có quá đông cử tọa. “Chúng tôi sẽ quay lại với các vị ngay khi có thể và sẽ hỗ trợ hết sức, hợp tác với các vị theo *mọi cách* có thể, nhưng giờ thì...”

“Ông cảnh sát, kiểu tội phạm tình dục này có những khía cạnh mà tôi nghĩ chỉ nên nói riêng giữa đàn ông chúng ta với nhau, ông hiểu ý tôi chứ?” Crawford nói, khẽ hất đầu ám chỉ sự có mặt của Starling. Ông ta đẩy người đàn ông nhỏ con hơn mình từ sảnh vào một văn phòng ồn ào bên sảnh rồi đóng cửa lại. Starling chỉ còn cách cố che giấu sự phật ý của cô trước đám đông cảnh sát. Cô nghiêng chặt răng nhìn chằm chằm bức hình Thánh Cecilia, đáp trả lại nụ cười thoát tục trong khi cố nghe trộm qua cánh cửa. Cô có thể nghe thấy tiếng người cao giọng, sau đó là loáng thoáng một cuộc điện thoại. Chưa đến bốn phút sau họ đã quay trở lại sảnh.

Phó cảnh sát trưởng mím chặt miệng. “Oscar, ra ngoài kia gọi bác sĩ Akin. Ông ấy có trách nhiệm tham gia những nghi lễ này, nhưng tôi cho rằng ngoài kia họ vẫn chưa bắt đầu đâu. Nói với ông ta là Claxton đang chờ điện thoại.”

Nhân viên điều tra các vụ tử vong bất thường — bác sĩ Akin — bước vào văn phòng nhỏ, đứng gác chân lên ghế và gõ cây quạt có hình Chúa Chiên lành vào răng cửa trong khi trao đổi nhanh với nhà bệnh học ở Claxton. Sau đó ông ta đồng tình với mọi chuyện.

Vậy là trong một phòng ướp xác với những bông bách điệp hồng trên giấy dán tường và một bức tranh đắp nổi trên trần nhà cao tít, trong một ngôi nhà màu trắng mà cô quen thuộc, Clarice Starling gặp bằng chứng đầu tiên của Bill Bò mộng.

Cái tủ đựng xác màu xanh lá nhạt, được kéo khóa kín là đồ vật hiện đại duy nhất trong phòng. Nó được đặt trên cái bàn ướp xác kiểu cổ làm bằng sứ bị phản xạ nhiều lần vào các tấm kính của những cái tủ đựng dùi chọc[©] và các gói dung dịch ướp xác.

Crawford ra xe lấy máy truyền dấu vân tay trong khi Starling dỡ các thiết bị của cô đặt lên bệ thoát nước của một chiếc bồn rửa đôi lớn sát tường.

Trong phòng có quá nhiều người. Mấy cảnh sát, phó cảnh sát trưởng, tất cả những người đi vào cùng với họ và không hề có ý định bỏ đi. Không đúng chút nào. *Sao Crawford không đến để đuổi họ đi?*

Giấy dán tường phòng lên theo gió, xếp lại khi bác sĩ bật cái quạt thông gió to tướng, bụi bặm.

Clarice Starling, đứng bên chậu rửa, cảm thấy mình cần đến một tấm gương về lòng dũng cảm mạnh hơn nhiều so với một lính thủy đánh bộ trước cú nhảy dù. Một hình ảnh chợt đến với cô, giúp cho cô nhưng nó cũng xuyên vào cô:

Mẹ cô, đứng bên chậu rửa, đang rửa sạch máu từ chiếc mũ của cha cô, xối nước lạnh lên cái mũ và nói, “Ta sẽ ổn thôi Clarice. Con bảo các anh chị rửa ráy rồi ra bàn ăn đi. Ta sẽ nói chuyện rồi ăn tối.”

Starling lấy khăn vấn lên tóc như một bà đỡ miền núi. Cô lấy ra một đôi găng tay phẫu thuật từ hộp dụng cụ. Khi lần đầu tiên cô mở miệng nói ở Potter, giọng cô dính âm mũi nhiều hơn bình thường, sức mạnh của nó khiến Crawford phải lại gần cửa để lắng nghe. “Thưa các ông. Các ông! Thưa các vị sĩ quan và các quý ông! Làm ơn nghe tôi một chút. Làm ơn. Hãy để cô ấy cho tôi.” Cô giơ tay lên

trước mặt họ trong khi đi găng tay vào. “Chúng tôi cần làm vài việc cho cô ấy. Các vị đã đưa được cô ấy tới đây và tôi tin chắc cha mẹ cô ấy sẽ nói cảm ơn các vị nếu họ có thể. Còn bây giờ làm ơn ra ngoài và để cô ấy cho tôi.”

Crawford thấy họ đột nhiên im lặng và tỏ rõ thái độ tôn trọng, thềm thì giục nhau ra khỏi phòng: “Nào Jess. Ra sân thôi.” Và Crawford nhận thấy không khí ở đây đã thay đổi bởi sự hiện diện của người chết, thấy rằng dù nạn nhân có là ai, đến từ đâu thì con sông cũng đã đem cô ta đến đây và khi cô ta đang nằm bất lực trong căn phòng này thì Clarice Starling đã có một mối quan hệ đặc biệt với cô ta. Crawford nhận thấy rằng, tại nơi này, Starling là người kế tục của những người đàn bà cao tuổi, những người đàn bà thông thái, những bà lang, những người đàn bà nhà quê mạnh khỏe luôn tháo vát, trông nom săn sóc người bệnh và khi người bệnh trở thành người chết thì họ lại thay quần áo cho người đó.

Sau đó thì chỉ còn Crawford, Starling và người bác sĩ ở lại trong phòng với nạn nhân. Bác sĩ Akin và Starling nhìn nhau với ánh mắt nhận ra người quen. Cả hai người đều cảm thấy hài lòng một cách khác thường, bối rối khác thường.

Crawford lấy một lọ dầu Vick VapoRub đưa cho mọi người để xoa xú khí. Starling quan sát xem cần phải làm gì và khi thấy Crawford và người bác sĩ bôi dầu vào mũi, cô làm theo.

Cô lôi chiếc máy ảnh ra khỏi túi thiết bị đặt trên bệ thoát nước, quay mặt khỏi phòng. Cô nghe thấy tiếng khóa kéo của chiếc túi đựng xác mở ra từ phía sau lưng cô.

Starling chớp mắt nhìn những bông hồng trên giấy dán tường, hít một hơi rồi thở ra. Cô quay lại và nhìn vào cái xác trên bàn.

“Đáng lẽ họ phải lồng túi giấy vào tay cô ấy,” cô nói. “Tôi sẽ cho tay cô ấy vào túi sau khi ta xong việc.” Tất chế độ phơi sáng mở rộng tự động của máy ảnh[©], cô thận trọng chụp thi thể.

Nạn nhân là một phụ nữ hông nở, chiều cao 1m70 theo thước Starling đo. Nước chảy ra từ phần thân thể màu xám chỗ bị lột da, nhưng nó vốn là nước lạnh và cô ta rõ ràng không bị ngâm trong đó quá vài ngày. Cơ thể bị lột da gọn gàng bằng một đường cắt từ dưới ngực tới đầu gối, rộng bằng chiếc quần và khăn của võ sĩ đấu bò cộng lại.

Ngực cô ta nhỏ và ngay ở giữa, phía trên xương ức là nguyên nhân rõ ràng gây tử vong, một vết thương hình sao bung bét rộng bằng bàn tay.

Cái đầu tròn trịa của cô ta bị lột sạch da từ ngay trên lông mày và tai ra sau gáy.

“Bác sĩ Lecter nói hẳn sẽ bắt đầu lột da đầu,” Starling nói.

Crawford đứng khoanh tay trong khi cô chụp ảnh. “Chụp tai cô ta bằng máy Polaroid đi.” Ông chỉ nói có thế.

Cho tới lúc này thì ông mới chỉ vừa trề môi vừa đi vòng quanh thi thể. Starling tháo găng tay để vuốt ngón tay dọc bắp chân. Một đoạn dây câu và những lưỡi câu ba ngạnh mắc vào nhau đã giữ thi thể lại trong dòng chảy giờ vẫn còn đang quẩn quanh cẳng chân cô ta.

“Cô thấy gì, Starling?”

“À, cô ta không phải người quận này — mỗi bên tai cô ta xỏ ba lỗ và đánh móng tay bóng. Có vẻ là người thành phố. Lông chân cô ta đã mọc được khoảng hai tuần. Ông có thấy nó mềm không? Tôi nghĩ cô ta tẩy lông chân. Nách nữa. Xem cô ta tẩy lông tơ trên mép

này. Cô ta là người khá chăm chút bản thân, nhưng cô ta đã không thể chăm chút một thời gian rồi.”

“Còn vết thương thì sao?”

“Tôi không biết,” Starling nói. “Nếu không phải nó vừa giống vành vết lõm đạn bắn lại vừa giống vết bầm đạn vào ở trên này thì tôi đã nghĩ đó là vết đạn ra.”

“Tốt lắm. Đây là vết đạn vào bên trên xương ức. Khí nổ giữa xương và da tạo ra hình sao quanh vết thương.”

Bên kia bức tường, cây đàn đại phong cầm đang khò khè trong lúc buổi lễ được tiến hành trước nhà tang lễ.

“Chết thật chẳng đáng,” bác sĩ Akin gật đầu nói. “Tôi phải ra đây đây, ít nhất cũng phải dự một phần tang lễ. Gia đình người ta luôn trông chờ tôi đi tiễn đoạn đường cuối cùng. Lamar sẽ tới đây giúp quý vị ngay sau khi anh ta chơi xong bản nhạc lễ. Tôi tin ông sẽ giữ bằng chứng cho nhân viên bệnh học ở Claxton, ông Crawford.”

“Cô ấy bị gãy hai móng tay trái, chỗ này,” Starling nói khi bác sĩ đã đi. “Gãy bừa ra lúc còn sống và có vẻ như dưới mấy móng tay khác có bụi bắn hay thứ hạt cứng gì đó. Ta có được lấy bằng chứng không?”

“Hãy lấy mẫu hạt cứng và mấy mảnh sơn móng tay,” Crawford nói. “Ta sẽ nói với họ sau khi có kết quả.”

Lamar, nhân viên trợ lý nhà tang lễ gầy gò, mặt đỏ vì whiskey, đi vào trong lúc cô đang làm. “Chắc trước đây cô từng là thợ làm móng,” anh ta nói.

Họ mừng khi thấy trong lòng bàn tay người phụ nữ trẻ này không

có vết móng tay — điều đó cho thấy rằng cũng giống như những người khác, cô ta chết trước khi phải chịu đựng bất cứ điều gì.

“Starling, cô nên lật sấp cô ấy xuống để lấy dấu tay,” Crawford nói.

“Dễ hơn đấy.”

“Xem rằng trước, sau đó Lamar có thể giúp ta lật cô ấy xuống.”

“Chụp ảnh thôi hay lấy cả dấu răng?” Starling gắn bộ dụng cụ răng miệng vào trước máy ảnh chụp vân tay, lòng cảm thấy nhẹ nhõm vì trong túi có đủ mọi thứ.

“Ảnh thôi,” Crawford nói. “Không có chụp X-quang thì biểu đồ có thể làm ta nhầm lẫn đấy. Ta có thể dựa vào ảnh để loại trừ một vài phụ nữ mất tích.”

Bằng đôi tay nghệ sĩ phong cầm của mình, theo chỉ dẫn của Starling, Lamar nhẹ nhàng mở miệng người thanh nữ và vạch môi cô ta ra cho Starling đặt chiếc máy ảnh Polaroid tỷ lệ 1:1 trước khuôn mặt và chụp chi tiết răng cửa. Phần việc này không khó, nhưng cô phải chụp răng hàm qua gương soi vòm miệng và nhìn xem má nạn nhân có hồng lên không để bảo đảm đèn quanh ống kính chiếu đủ sáng trong miệng. Cô chỉ mới thấy người khác làm việc này trong lớp pháp y.

Starling xem bức hình răng hàm đầu tiên được máy Polaroid in ra, điều chỉnh ánh sáng và chụp lại. Bức hình này đã khá hơn. Chất lượng rất tốt.

“Trong cổ họng cô ấy có thứ gì đó,” Starling nói.

Crawford nhìn tấm ảnh. Nó cho thấy một vật thể hình trụ tối màu

nằm ngay sau ngực mềm. “Đưa cho tôi cái đèn pin.”

“Khi thi thể được vớt dưới nước lên, nhiều khi trong miệng có lá cây hay những thứ khác,” Lamar nói trong khi giúp Crawford nhìn.

Starling lấy trong túi ra vài cái kẹp. Cô nhìn Crawford qua xác chết. Ông gật đầu. Cô chỉ cần vài giây là lấy được nó.

“Cái gì vậy, có phải là vỏ hạt không?” Crawford nói.

“Không thưa ông, đấy là một cái kén côn trùng,” Lamar nói. Anh ta đúng.

Starling cho nó vào trong lọ.

“Cô nên để chuyên gia nông nghiệp xem thứ đó,” Lamar nói.

Được lật sắp thì dấu tay của xác chết rất dễ lấy. Starling luôn sẵn sàng cho điều tồi tệ nhất nhưng lần này không cần đến biện pháp tiêm chần ngán và tỉ mỉ hay là phải dùng đến kẹp giữ ngón tay. Cô lấy dấu tay lên những tấm thẻ mỏng được cất trong một dụng cụ có hình giống cái độn gót giày. Cô cũng lấy một loạt dấu ngón chân, đề phòng trường hợp trong bệnh viện chỉ có dấu chân trẻ con để tham chiếu.

Trên vai nạn nhân thiếu hai miếng da hình tam giác. Starling chụp ảnh.

“Cần đo nữa,” Crawford nói. “Hắn đã cắt vào da cô gái ở Akron khi hắn rách quần áo cô ấy, không lớn hơn một vết xước, nhưng nó trùng với vết cắt sau lưng áo cô ấy khi người ta tìm thấy nó bên lề đường. Còn cái này mới đây, tôi chưa nhìn thấy bao giờ.”

“Trông như có vết bỏng dọc bắp chân cô ấy,” Starling nói.

“Người già rất hay bị thế,” Lamar nói.

“Gì vậy?” Crawford nói.

“TÔI NÓI LÀ NGƯỜI GIÀ RẤT HAY BỊ THẾ.”

“Tôi nghe rõ cậu nói, ý tôi là muốn cậu giải thích. Sao người già lại hay bị thế?”

“Những người già chết lúc đắp chăn điện, khi họ chết, thứ đó làm họ bỏng cho dù nó không quá nóng. Ông sẽ bị bỏng vì chăn điện khi ông đã chết. Khi đó không khí không đối lưu bên trong.”

“Ta sẽ yêu cầu nhân viên bệnh học kiểm tra vết thương xem có phải bị sau khi chết hay không,” Crawford nói với Starling.

“Có lẽ là ông bỏ xe hơi,” Lamar nói.

“Cái gì?”

“**ÔNG BỎ XE** — ông bỏ xe hơi. Billy Petrie bị bắn chết rồi vút vào cốp xe của anh ta. Cô vợ lái xe hai ba ngày liền để tìm anh ta. Khi người ta đem anh ta đến đây, ông bỏ xe hơi dưới cốp xe bị nóng lên và làm anh ta bị bỏng cũng như thế này, có điều là bị dọc hông,” Lamar nói. “Tôi không để đồ ăn trong cốp xe vì kem luôn bị chảy.”

“Ý hay đấy, Lamar. Giá mà cậu làm việc cho tôi thì tốt,” Crawford nói. “Cậu có biết những người tìm thấy cô ấy dưới sông không?”

“Jabbo Franklin và em hấn, Bubba.”

“Họ làm nghề gì?”

“Đánh nhau ở Moose, trêu chọc những người không động chạm đến chúng – những người đến Moose chỉ để uống vài ly, quá mệt mỏi vì phải nhìn thân quyến những người quá cố suốt cả ngày. Và rồi ‘ngồi xuống đây Lamar, chơi bài Filipino Baby đi’. Bắt người ta chơi đi chơi lại bài Filipino Baby trên cái đàn piano cũ kỹ kẹt phím

ấy. Và đó là thứ Jabbo thích. ‘Cứ bịa lời nếu mày không thuộc,’ hắn nói, ‘mà lần này chơi cho có giai điệu tí.’ Hắn ta có tiền lương hưu cựu chiến binh và Giáng sinh nào cũng phải đi cai ở Cục Cựu chiến binh. Tôi mong thấy hắn ta nằm trên cái bàn này từ mười lăm năm nay rồi.”

“Ta sẽ cần xét nghiệm serotonin ở những chỗ móc vào lưới câu,” Crawford nói. “Tôi đang gửi yêu cầu cho nhân viên bệnh học.”

“Lưới câu của họ quá dày,” Lamar nói.

“Cậu nói gì?”

“Anh em Franklin dùng dây câu nhiều lưới rất sát nhau. Như thế là phạm luật. Có thể chính vì thế mà tới tận sáng nay họ mới gọi điện.”

“Ông cảnh sát trưởng nói bọn họ là dân săn vịt cơ mà.”

“Tôi cho rằng họ đã khai thố với ông ấy,” Lamar nói. “Họ sẽ nói với ông là đã từng vật nhau với đấu sĩ Duke Keomuka ở Honolulu, rồi cùng đội với Satellite Monroe[Ⓢ]. Có lẽ nếu muốn ông cũng sẽ tin chuyện đó. Vớ được cái túi dứa là họ sẽ đưa ông đi săn dễ giun, nếu ông thích chim dễ giun. Rồi đãi ông một cốc bi-a có thêm thứ đó[Ⓢ].”

“Vậy theo cậu thì chuyện xảy ra thế nào?”

“Anh em nhà Franklin đặt dây câu này, là dây câu của họ với bộ lưới câu phi pháp ấy, rồi họ kéo lên xem có bắt được con cá nào không.”

“Sao cậu lại nghĩ vậy?”

“Cô ta vẫn chưa đến lúc nổi lên phải không?”

“Chưa.”

“Thế thì nếu chưa kéo dây câu lên thì bọn họ sẽ không bao giờ phát hiện ra cô ta. Có thể họ phát hoảng và cuối cùng cũng phải gọi điện. Tôi nghĩ các vị nên gọi người của bên bảo tồn thiên nhiên tham gia vụ này.”

“Tôi cũng nghĩ thế,” Crawford nói.

“Họ hay mang theo kích quay tay đặt sau ghế trên chiếc Ramcharger, chuyện đó có thể làm họ bị phạt hành chính tương đối, đấy là chưa nói đến xộ khảm.”

Crawford nhướng mày.

“Để đánh cá,” Starling nói. “Đánh kích cá bằng cách thông dây điện xuống nước rồi quay tay quay. Cá sẽ nổi lên và chỉ việc vớt.”

“Đúng thế,” Lamar nói, “cô là người ở đây à?”

“Nhiều nơi người ta làm thế,” Starling nói.

Starling cảm thấy bị thôi thúc phải nói điều gì đó trước khi họ kéo khóa cái túi, làm một cử chỉ hay đưa ra một lời cam kết chẳng hạn. Nhưng cuối cùng cô lắc đầu và cho mẫu lấy được vào va-li.

Khi xác chết và vấn đề đã được giải quyết, cô lại thấy khang khác. Vào lúc thư thả này, cô mới nhận thức được những gì mình vừa làm. Starling cởi găng tay và vắn nước vào chậu rửa. Quay lưng vào phòng, cô để nước chảy vào cổ tay. Nước trong đường ống nước cũng không lạnh đến thế. Lamar nhìn cô rồi biến mất vào hành lang. Anh ta quay lại sau khi đến chỗ máy bán Coke, đưa cho cô một lon soda chưa mở lạnh như đá.

“Cảm ơn anh,” Starling nói. “Nhưng tôi không uống đâu.”

“Không, cô đặt nó vào cổ cô, chỗ này này,” Lamar nói, “và vào chỗ sưng sau đầu nữa. Hơi lạnh sẽ giúp cô thấy tốt hơn. Có hiệu quả với tôi đấy.”

Lúc Starling vừa gắn xong bản ghi chú cho nhà bệnh học trên khóa kéo của chiếc túi đựng xác thì máy truyền dấu tay của Crawford lạch cạch trên bàn làm việc.

Tìm được nạn nhân nhanh như thế sau vụ án là quá may mắn. Crawford quyết tâm nhanh chóng xác định căn cước nạn nhân để bắt đầu tìm kiếm nhân chứng của vụ bắt cóc quanh nhà cô ta. Phương pháp của ông gây rất nhiều phiền toái cho mọi người nhưng rất nhanh.

Crawford đem theo một máy truyền dấu tay hiệu Litton Policefax. Khác với những chiếc máy fax do chính quyền liên bang cấp, Policefax tương thích với hầu hết các hệ thống của các sở cảnh sát ở những thành phố lớn. Thẻ dấu tay mà Starling vừa lấy còn chưa kịp khô.

“Tải vào đi, Starling. Cần thận một chút.”

Ý của ông là *đừng có mà làm bẩn nó*, và Starling làm đúng như vậy. Rất khó để quán tẩm thẻ làm bằng chất liệu tổng hợp dán chặt quanh trục nhỏ hình chiếc trống trong lúc sáu phòng truyền tin trên cả nước đang chờ.

Crawford đang nói điện thoại với tổng đài của FBI và phòng truyền tin ở Washington.

“Dorothy, mọi người đã có đầy chưa? Được rồi, thưa các vị, ta sẽ đưa xuống tỷ lệ 1:20 cho đẹp và rõ — kiểm tra 1:20, mọi người làm chưa? Atlanta, thế nào rồi? Được rồi, tôi truyền ảnh đi đây... ngay

bây giờ.”

Sau đó chiếc máy chậm rãi quay để hình ảnh được rõ ràng, gửi dấu tay của người phụ nữ bị sát hại đồng thời tới phòng máy của FBI và phòng máy của những sở cảnh sát lớn thuộc miền Đông. Nếu Chicago, Detroit, Atlanta hay bất cứ nơi nào nhận dạng được dấu tay thì việc truy tìm sẽ được bắt đầu ngay sau vài phút.

Tiếp đó Crawford gửi ảnh răng và mặt nạn nhân, đầu cô ta đã được Starling che bằng khăn mặt để phòng trường hợp tấm ảnh rơi vào tay mấy tờ báo lá cải.

Họ định đi thì ba sĩ quan của Đơn vị Điều tra Tội phạm của Cảnh sát bang Tây Virginia vừa từ Charleston tới. Crawford phải bắt tay mãi, phát danh thiếp với số đường dây nóng của Trung tâm Thông tin Tội phạm Quốc gia. Starling thích thú quan sát cái cách ông nhanh chóng giao kết tình huynh đệ. Họ chắc chắn sẽ gọi điện nếu có được bất cứ điều gì, chắc chắn là như vậy. Chắc chắn phải lấy làm biết ơn về điều đó. Có thể đấy cũng chẳng phải chỉ là tình huynh đệ, bởi nó có tác dụng cả với cô nữa.

Lamar đứng ngoài hiên vẫy ngón tay chào khi Crawford và Starling đi cùng viên cảnh sát ra sông Elk. Lon Coke vẫn còn rất lạnh. Lamar đem nó vào phòng kho và tự thưởng cho mình.

“Jeff, cho tôi về phòng thí nghiệm,” Crawford nói với người lái xe.
“Sau đó tôi muốn cậu đợi sĩ quan Starling ở bảo tàng Smithsonian để đưa cô ấy đến Quantico.”

“Vâng thưa ông.”

Họ đang đi qua sông Potomac, ngược hướng với luồng xe cộ sau bữa tối, tiến vào khu thương mại của Washington từ sân bay quốc gia.

Người thanh niên ngồi sau tay lái có vẻ kính sợ Crawford và lái xe quá mức cẩn thận, Starling nghĩ. Cô không trách anh ta. Ở Học viện người ta tin rằng viên đặc vụ gần đây nhất từng phạm sai lầm chết người dưới trướng Crawford hiện đang điều tra các vụ trộm vật tại các trạm radar cảnh báo sớm đặt dọc vòng Bắc Cực.

Crawford không có tâm trạng đâu mà vui vẻ. Đã chín tiếng trôi qua từ khi ông truyền dấu tay và ảnh của nạn nhân đi mà vẫn chưa xác định được căn cước của cô ta. Ông và Starling đã cùng cảnh sát bang Tây Virginia đi điều tra ở cây cầu và bờ sông tới tối mà không có kết quả.

Starling đã nghe thấy ông gọi điện thoại trên máy bay bố trí y tá đến nhà vào buổi tối.

Sau chuyến bay trên Blue Canoe, chiếc xe tầm tầm của FBI có vẻ im lặng đến tuyệt vời, và nói chuyện cũng dễ dàng hơn.

“Tôi sẽ trực đường dây nóng và Chỉ mục Miêu tả Ngầm khi tôi đưa các bản in dấu tay của cô đi nhận dạng,” Crawford nói. “Còn cô thảo cho tôi một bản bổ sung vào hồ sơ. Một bản bổ sung chứ không phải mẫu 302[Ⓢ] đâu đấy — cô biết làm thế nào chứ?”

“Tôi biết.”

“Giả sử tôi là Chỉ mục, nói tôi biết có gì mới nào.”

Phải mất một giây cô mới hiểu ra — cô mừng là Crawford có vẻ quan tâm đến giàn giáo ở đài tưởng niệm Jefferson khi họ đi ngang qua.

Chỉ mục Miêu tả Ngầm trong máy tính của Bộ phận Nhận dạng so sánh đặc tính của một vụ án đang được điều tra với các khuynh hướng đã biết của những tên tội phạm trong hồ sơ. Khi tìm thấy những tương đồng rõ rệt, nó đưa ra gợi ý về nghi phạm và dấu tay của chúng. Sau đó một nhân viên so sánh dấu tay trong hồ sơ với các dấu tay ẩn tìm thấy tại hiện trường. Hiện giờ vẫn chưa có dấu tay của Bill Bò mộng, nhưng Crawford muốn chuẩn bị sẵn sàng.

Hệ thống đòi hỏi những mô tả ngắn gọn, chính xác. Starling cố nghĩ ra vài thứ.

“Phụ nữ da trắng, khoảng 19–20 tuổi, bị bắn chết, thân dưới và đùi bị lột da...”

“Starling, Chỉ mục đã biết hấn giết những phụ nữ trẻ da trắng và lột da họ... nhân tiện, nên dùng từ ‘lột da’. ‘Lóc da’ là thuật ngữ không phổ thông mà những nhân viên khác có thể không sử dụng, mà cô thì không thể chắc chắn là cái thứ của nợ đó có phải là từ

đồng nghĩa hay không. Nó biết rằng hắn vớt họ xuống sông. Chỉ mục không biết được có gì *mới* trong vụ này. Có gì mới ở đây vậy Starling?”

“Đây là nạn nhân thứ sáu, và là người đầu tiên bị lột da đầu, người đầu tiên bị lóc hai miếng da hình tam giác sau vai, người đầu tiên bị bắn vào ngực, người đầu tiên có một cái kén trong cổ họng.”

“Cô quên mất móng tay gãy rồi.”

“Không đâu, cô ta là người thứ hai bị gãy móng tay.”

“Cô đúng. Nghe này, trong bản bổ sung hồ sơ hãy ghi chú rằng cái kén là thông tin mật. Ta sẽ dùng nó để loại bỏ những lời khai giả mạo.”

“Tôi không biết trước đây hắn có làm thế không — đút vào họng một cái kén hay con côn trùng. Khi khám nghiệm tử thi rất có thể bỏ qua chuyện đó, nhất là với những thi thể chết trôi. Ông biết đấy, những người khám nghiệm y khoa nhìn thấy một nguyên nhân tử vong rõ ràng, thế là họ muốn sao cho xong việc... Ta có thể xem lại chuyện này được không?”

“Nếu cần. Cô có thể tin các nhà bệnh học khi họ nói không bỏ qua thứ gì, tất nhiên rồi. Jane Doe ở Cincinnati vẫn còn nằm trong tủ lạnh ở đó. Tôi sẽ bảo họ xem lại cô ta, nhưng bốn nạn nhân khác thì đã dưới đất rồi. Lệnh khai quật thường làm cho người ta bất ổn. Chúng ta đã phải làm chuyện đó với bốn nạn nhân chết khi được bác sĩ Lecter chăm sóc, chỉ để biết được vì sao họ chết. Tôi nói thực chuyện đó rất rắc rối và gây phiền toái cho người thân của nạn nhân. Cần thiết thì tôi sẽ làm, nhưng để xem cô tìm được gì ở bảo tàng Smithsonian đã rồi tính.”

“Lột da đầu... chuyện ấy cũng hiếm đúng không?”

“Không phổ biến lắm đâu.”

“Nhưng bác sĩ Lecter có nói Bill Bò mộng sẽ làm thế. Sao hấn biết được nhỉ?”

“Hấn không biết.”

“Nhưng hấn nói thế đấy.”

“Không ngạc nhiên lắm Starling ạ. Tôi không ngạc nhiên khi biết chuyện đó. Tôi phải nói rằng trước vụ Mengel thì chuyện đó hi hữu lắm. Vụ Mengel ấy, cô nhớ không? Người phụ nữ bị lột da đầu ấy? Sau đó có hai ba vụ bắt chước. Báo chí, khi viết bài về Bill Bò mộng thì họ nhắc tới không chỉ một lần là tên sát nhân này không lột da đầu. Và không có gì đáng ngạc nhiên là sau đó có thể hấn sẽ làm theo báo chí. Lecter đã đoán mò. Hấn không nói khi nào chuyện đó xảy ra, vì vậy hấn sẽ chẳng bao giờ sai. Nếu ta bắt được Bill mà không có vụ lột da đầu nào thì hấn sẽ nói là *chưa đến lúc* Bill làm việc đó.

“Bác sĩ Lecter nói Bill Bò mộng sống trong một ngôi nhà hai tầng. Ta chưa bao giờ nói đến chuyện này. Theo ông thì vì sao hấn lại nói thế?”

“Đây không phải đoán mò đâu. Rất có thể hấn đúng, và hấn có thể nói cho cô biết vì sao, nhưng hấn muốn lấy chuyện đó ra để trêu đùa cô. Đó là điểm yếu duy nhất mà tôi tìm thấy ở hấn — hấn phải tỏ ra thông minh, thông minh hơn tất cả mọi người. Hấn như thế nhiều năm rồi.”

“Ông bảo tôi không biết thì phải hỏi — vậy nên phiền ông giải thích cho tôi chuyện đó được không.”

“Được, hai nạn nhân đã bị treo cổ, đúng không? Vết dây rất rõ, trật xương cổ, rõ ràng bị treo. Và như bác sĩ Lecter đã biết từ kinh nghiệm bản thân, treo cổ người khác khi bị chống cự là vô cùng khó khăn. Người ta vẫn thường *tự* treo cổ vào nắm đấm cửa. Ngồi xuống để tự treo mình lên, chuyện ấy dễ thôi. Nhưng rất khó để treo người khác — kể cả khi họ đã bị trói, họ vẫn tìm được cách cho chân xuống dưới nếu chân có thể tìm thấy bất cứ điểm tựa nào. Thang cũng làm cho người ta sợ. Nạn nhân sẽ không trèo lên thang khi bị bịt mắt và chắn chắn họ sẽ không trèo nếu nhìn thấy thông lọng. Cách để làm chuyện đó là dùng cầu thang. Cầu thang là thứ quen thuộc. Chỉ cần nói với họ là cô đưa họ lên trên để đi vệ sinh, hay làm gì đó, trèo đầu lại rồi dẫn họ lên trên, tròng thông lọng vào và đẩy họ xuống từ bậc trên cùng với dây thừng buộc vào lan can chiếu nghỉ. Đây là cách làm tốt nhất trong nhà. Một tên ở California đã phổ biến cách đó. Nếu Bill không có cầu thang, hắn sẽ giết họ theo cách khác. Giờ thì cho tôi biết tên của họ, viên phó cảnh sát trưởng ở Potter và tay cảnh sát bang, tay sĩ quan cấp cao ấy.”

Starling giữ cái đèn pin nhỏ bằng miệng để tìm tên họ trong cuốn sổ ghi chép của mình.

“Tốt,” Crawford nói. “Starling, khi cô trực đường dây nóng, hãy luôn xưng hô bằng tên với cảnh sát. Họ nghe thấy gọi tên mình thì sẽ thân thiện hơn với đường dây nóng. Danh tiếng giúp họ nhớ gọi điện cho ta khi họ có thứ gì đó. Vết bọng ở chân cô gái nói gì với cô?”

“Tùy vào chuyện có phải nó xuất hiện sau khi chết không.”

“Nếu thế thì sao?”

“Nếu thế thì hắn có một chiếc xe tải thùng kín hay một chiếc xe

sedan thân dài, xe gì đó dài.”

“Vì sao?”

“Vì vết bỏng chạy dọc theo bụng bắp chân cô ấy.”

Họ đang ở giao lộ giữa phố Mười và đường Pennsylvania, trước mặt trụ sở mới của FBI mà chắc chắn chẳng chút liên hệ nào với Tòa nhà J. Edgar Hoover.

“Jeff, cho tôi xuống đây,” Crawford nói. “Ngay đây, đừng đi xuống dưới. Jeff, cậu ở trong xe, chỉ cần mở cốp ra thôi. Chỉ cho tôi xem đi Starling.”

Cô ra khỏi xe cùng với Crawford trong khi ông lấy chiếc máy fax dữ liệu và cặp từ ngăn đựng hành lý.

“Hắn lòi thi thể vào trong thứ gì đó đủ lớn để thi thể có thể duỗi ngửa ra,” Starling nói. “Đó là cách duy nhất khiến cho bụng bắp chân cô ấy nằm trên sàn xe bên trên ống xả. Xe có cốp như thế này thì cô ấy sẽ phải cuộn mình nằm nghiêng và...”

“Đúng vậy. Tôi cũng thấy thế.”

Cô nhận ra ông bảo cô ra khỏi xe để có thể nói chuyện riêng với cô. “Cô cảm thấy khó chịu khi tôi nói với viên cảnh sát ấy là chúng tôi không nên nói chuyện khi có mặt phụ nữ đúng không?”

“Chắc rồi.”

“Chỉ là hỏa mù thôi. Tôi chỉ muốn nói chuyện riêng với anh ta thôi.”

“Tôi biết.”

“Được rồi.” Crawford sập cốp và quay đi.

Starling vẫn không cho qua được chuyện đó.

“Chuyện ấy quan trọng đấy, ông Crawford.”

Ông quay lại phía cô, tay xách chiếc máy fax và cái cặp, nhưng cô đã có được toàn bộ sự chú ý của ông.

“Đám cảnh sát đó biết ông là ai,” cô nói. “Họ nhìn ông để biết phải hành động như thế nào.” Cô đứng vững, nhún vai và xòe tay. *Đúng thế, đó là sự thật.*

Crawford đã thực hiện khâu đánh giá theo tiêu chuẩn lạnh lùng của ông.

“Biết rồi, Starling. Giờ thì đi làm chuyện cái kén đi.”

“Vâng thưa ông.”

Cô nhìn ông đi khuất, một người đàn ông trung niên nặng gánh bởi các vụ án và nhàu nát vì chuyến bay, tay áo dính bùn từ bờ sông, về nhà với công việc phải làm ở nhà.

Cô có thể sẵn sàng chết vì ông. Đó là một trong những tài năng hiếm có của Crawford.

Bảo tàng Tự nhiên Quốc gia Smithsonian đã đóng cửa được mấy tiếng, nhưng Crawford gọi điện trước nên một nhân viên bảo vệ đã chờ sẵn và cho Clarice Starling vào cổng trên phố Hiến pháp.

Đèn đã được vặn tối bớt trong nhà bảo tàng đang đóng cửa, không khí tĩnh lặng. Chỉ có thân hình khổng lồ của một tộc trưởng vùng Nam Thái Bình Dương đang nhìn ra cửa là đủ cao để ánh đèn trần yếu ớt có thể chiếu sáng mặt ông ta.

Hướng dẫn viên của Starling là một người đàn ông da đen to lớn mặc bộ đồng phục bảo vệ của Smithsonian. Cô nghĩ anh ta trông giống như bức tượng thủ lĩnh khi ngửa mặt lên đèn thang máy. Liên tưởng vắn vơ ấy khiến cô cảm thấy một thoáng nhẹ nhõm, như vừa được xoa chỗ chuột rút.

Tầng hai ở bên trên một con voi nhồi khổng lồ, một tầng nhà rộng không mở cửa cho công chúng, được hai ban Nhân chủng học và Côn trùng học dùng chung. Các nhà nhân chủng học gọi đó là tầng bốn. Các nhà côn trùng học coi đó là tầng ba. Vài nhà khoa học từ ban Nông nghiệp nói họ có bằng chứng cho thấy đó là tầng sáu. Bên nào cũng có lý trong một tòa nhà cũ đã được coi nới và phân chia lại.

Starling đi theo nhân viên bảo vệ vào một ma trận hành lang mờ

tôi được bao bọc bởi những cái hộp gỗ đựng mẫu vật nhân chủng học. Chỉ có những cái nhãn nhỏ cho biết bên trong hộp có gì.

“Hàng ngàn người nằm trong những cái hộp này,” nhân viên bảo vệ nói. “40.000 mẫu vật.”

Anh ta lấy đèn pin soi số văn phòng và quét luồng ánh sáng lên những cái nhãn khi họ đi ngang qua.

Những cái địu trẻ em của người Dyak và những chiếc sọt té lễ nhường lối cho lũ rệp cây, và họ rời bỏ loài Người để đến với thế giới cổ xưa và trật tự hơn của loài Côn trùng. Bây giờ thì hành lang được bao bởi những hộp kim loại lớn sơn màu lục nhạt.

“Ba mươi triệu con côn trùng — chưa tính đến nhện. Đừng gom nhện với côn trùng,” nhân viên bảo vệ khuyên. “Vì những tay nghiên cứu nhện sẽ nhảy bổ vào cô đấy. Đây rồi, văn phòng đang bật đèn ấy. Đừng tự đi ra một mình. Nếu họ không nói sẽ đưa cô xuống thì gọi tôi theo số máy lẻ này. Đây là phòng bảo vệ. Tôi sẽ đón cô.” Anh ta đưa cho cô một tấm thẻ và bỏ đi.

Cỗ đang ở ngay trung tâm của ban Côn trùng học, trong một gian triển lãm mái vòm cao tít bên trên con voi nhồi khổng lồ. Ở đó có một văn phòng đang có đèn sáng và mở sẵn cửa.

“Hết giờ. Pilch!” Một giọng đàn ông, rít lên vì phấn khích. “Đi đi. Hết giờ!” Starling dừng lại ở bậc cửa. Hai người đàn ông đang ngồi bên bàn thí nghiệm chơi cờ vua.

Cả hai đều khoảng 30 tuổi, một người gầy tóc đen, người kia béo với mái tóc đỏ cứng queo. Họ có vẻ bị cuốn hút vào bàn cờ. Cho dù có nhìn thấy Starling chẳng nữa thì họ cũng không biểu lộ. Cho dù có thấy con bọ cánh cứng khổng lồ chậm chạp bò qua bàn cờ, khua

cánh giữa các quân cờ thì họ cũng chẳng biểu lộ gì.

Rồi con bọ bò đến mép bàn cờ. “Hết giờ, Roden,” anh gầy lập tức nói.

Anh béo đi con tượng và ngay lập tức xoay ngược con bọ lại và nó bắt đầu bò ngược lại.

“Con bọ bò qua góc bàn cờ là hết giờ à?” Starling hỏi.

“Tất nhiên là hết giờ,” anh béo quát, không ngẩng đầu nhìn lên. “*Tất nhiên* là hết giờ. Thế cô chơi thế nào? Cô có bắt nó bò hết cả bàn không? Cô đang chơi với ai vậy, con lười chẳng?”

“Tôi có mẫu vật mà đặc vụ Crawford nói tới khi gọi điện cho các anh.”

“Không hiểu sao chúng tôi lại không nghe được tiếng còi hụ của em nhỉ,” anh béo nói. “Chúng tôi đang đợi cả đêm ở đây để nhận dạng một con *bọ* cho FBI. Chúng tôi chỉ chuyên về bọ thôi. Không ai nói gì về mẫu vật của đặc vụ Crawford cả. Lẽ ra ông ta phải đưa riêng *mẫu vật* ấy cho bác sĩ gia đình nhà ông ấy xem chứ. Hết giờ. Pilch!”

“Tôi muốn được xem các anh chơi nhưng chắc phải để lúc khác, còn đây là chuyện khẩn cấp, nên hãy làm ngay đi. Hết giờ. Pilch.”

Anh tóc đen ngoảnh ra nhìn cô, thấy cô đang dựa lưng vào khung cửa, cầm theo chiếc cặp. Anh ta đặt con bọ cánh cứng vào chỗ mấy miếng gỗ mục trong một cái hộp và che nó lại bằng một cái lá rau diếp.

Anh ta đứng dậy mới thấy đây là một người rất cao.

“Tôi là Noble Pilcher. Còn đây là Albert Roden. Cô cần một người

nhận dạng côn trùng à? Hân hạnh được giúp cô.” Pilcher có khuôn mặt dài, thân thiện, nhưng đôi mắt đen lại có chút tinh quái và quá gần nhau, một bên mắt hơi lác khiến cho nó có vẻ nhìn đi chỗ khác. Anh ta không chìa tay ra bắt. “Cô là...”

“Clarice Starling.”

“Cho chúng tôi xem cô có gì nào?”

Pilcher giờ cái lọ nhỏ ra chỗ sáng.

Roden đến gần để xem. “Em tìm thấy nó ở đâu? Em có *bắn* chết nó không đấy? Em có thấy *mẹ* nó không?”

Starling chột nghĩ sẽ rất tốt cho Roden nếu được tặng một cái cùi chỏ vào hàm.

“Suyt,” Pilcher nói. “Nói chúng tôi biết cô tìm được nó ở đâu. Nó có bị dính vào thứ gì không — một cái que hay một cái lá — hay là nó nằm dưới đất?”

“Tôi hiểu rồi,” Starling nói. “Hóa ra chưa ai nói gì với các anh.”

“Ông Chủ tịch nhờ chúng tôi ở lại nhận dạng một con bọ cho FBI,” Pilcher nói.

“*Sai* chúng tôi,” Roden nói. “*Sai* chúng tôi ở lại.”

“Chúng ta vẫn làm chuyện này cho bên Hải quan với bên Bộ Nông nghiệp suốt đấy thôi,” Pilcher nói.

“Nhưng không phải vào buổi tối,” Roden nói.

“Tôi cần nói với các anh vài chuyện có liên quan đến một vụ phạm tội,” Starling nói. “Tôi được phép làm chuyện đó nếu đảm bảo các anh giữ bí mật cho tới khi vụ này được phá. Quan trọng đấy.

Liên quan tới tính mạng của nhiều người, và tôi không nói suông đâu. Tiến sĩ Roden, anh có thể nói nghiêm túc với tôi là anh sẽ giữ bí mật chứ?”

“Tôi không phải tiến sĩ. Tôi có phải ký giấy tờ gì không?”

“Không cần nếu như lời nói của anh có giá trị. Các anh sẽ phải ký nhận mẫu vật nếu các anh cần giữ nó. Chỉ có thể thôi.”

“Tất nhiên là tôi sẽ giúp cô. Tôi không phải người vô *cảm*.”

“Tiến sĩ Pilcher?”

“Đúng vậy,” Pilcher nói. “Cậu ấy không phải người vô *cảm*.”

“Bí mật?”

“Tôi sẽ không tiết lộ.”

“Pilch cũng chưa phải là tiến sĩ,” Roden nói. “Chúng tôi có trình độ học vấn ngang nhau. Nhưng thấy nhé, cậu ta để em gọi mình như vậy.” Roden đặt đầu ngón tay trở lên cằm, tựa như đang chỉ vào câu nhận xét chí lý của mình. “Cho chúng tôi mọi chi tiết. Những gì có vẻ như không liên quan đối với cô lại có thể là thông tin tối quan trọng đối với một chuyên gia.”

“Con côn trùng này được tìm thấy sau ngực mềm của một nạn nhân bị giết hại. Tôi không biết làm sao nó lại vào đấy được. Thi thể cô ta được tìm thấy trên sông Elk ở Tây Virginia và khi đó cô ta chết chưa quá vài ngày.”

“Là Bill Bò mộng. Tớ nghe vụ này trên đài.”

“Anh không nghe được vụ con côn trùng trên đài, phải không?”

“Không, nhưng họ có nhắc đến sông Elk — hôm nay em vừa từ

đấy đến nên mới tới đây muộn thế này hả?”

“Đúng vậy.”

“Chắc em mệt lắm. Em uống cà phê không?” Roden nói.

“Không, cảm ơn anh.”

“Nước?”

“Không.”

“Coke?”

“Tôi không nghĩ thế. Chúng tôi muốn biết nơi người phụ nữ này bị giam và nơi cô ta bị giết. Chúng tôi hy vọng rằng con côn trùng này có nơi sinh sống cụ thể nào đó hoặc có vùng sinh sống giới hạn, anh biết đấy, hoặc là nó chỉ ngủ trên một loại cây nào đó — chúng tôi muốn biết con côn trùng này từ đâu ra. Tôi yêu cầu các anh giữ bí mật vì nếu tên giết người bỏ con côn trùng vào đó có chủ đích thì chỉ có mình hấn ta mới biết những thứ đó và chúng tôi có thể dùng nó để loại bỏ lời khai man cho đỡ mất thời gian. Hấn đã giết ít nhất sáu người. Thời gian đang không ủng hộ chúng tôi.”

“Liệu cô có cho rằng ngay lúc này hấn ta đang giam giữ một phụ nữ khác, trong lúc chúng ta đang nhìn con bọ này không?” Roden nhìn thẳng mặt cô hỏi. Mắt anh ta trợn lên, miệng anh ta mở ra. Cô có thể nhìn vào miệng anh ta, và trong một giây có gì đó khác lạ nhoáng lên trong cô.

“*Tôi không biết.*” Có một chút cao giọng. “Tôi không biết,” cô nhắc lại câu đó lần nữa, bỏ đi phần âm sắc lạnh.

“Hấn sẽ lại làm việc đó sớm nhất có thể.”

“Vậy chúng ta cũng sẽ làm việc này sớm nhất có thể,” Pilcher

nói. “Đừng lo, chúng tôi giỏi việc này. Cô không tìm được người nào giỏi hơn đâu.”

Anh ta dùng một cái kẹp nhỏ kẹp vật màu nâu nhấc ra khỏi lọ và đặt lên một tờ giấy trắng dưới ánh đèn. Anh ta xoay chiếc kính lúp được gắn vào chân để linh hoạt lên trên nó.

Con côn trùng dài và trông như cái xác ướp. Nó được bọc trong một lớp vỏ đục bám theo hình thể nó như một cái quan tài. Râu ria chân cẳng quăn chặt vào cơ thể tựa như chúng được khắc nổi. Khuôn mặt bé nhỏ nhìn có vẻ thông minh.

“Nhìn qua, đây không phải loại bình thường sẽ chui vào trong xác người và không thể tự nhiên mà ở dưới nước được,” Pilcher nói. “Không biết cô có biết nhiều về côn trùng không và cô muốn nghe những gì?”

“Cứ cho là tôi không biết gì, và tôi muốn nghe mọi thứ.”

“Được rồi. Đây là một con nhộng, một con côn trùng chưa trưởng thành, nằm trong một cái gọi là kén khi nó biến đổi từ ấu trùng thành côn trùng,” Pilcher nói.

“Nhộng sâu hả Pilch?” Roden chun mũi để nâng kính.

“Phải, tớ nghĩ vậy. Cậu có muốn xem cuốn của Hung-fu Chu về côn trùng chưa trưởng thành không? Được rồi, đây là giai đoạn nhộng của một con côn trùng lớn. Hầu hết những loài côn trùng tiến hóa hơn đều có giai đoạn nhộng. Nhiều loài ngủ đông dưới dạng này.”

“*Tìm* hay *nhìn*, Pilch?” Roden hỏi.

“Tớ chọn *nhìn*,” Pilcher đặt mẫu vật dưới kính hiển vi và cúi

xuống quan sát với một cái đĩa dùng khám răng trên tay. “Đây rồi: không có cơ quan hô hấp rõ ràng ở vùng sau đầu, lỗ thở ở ngực giữa và có một số ở bụng, ta sẽ bắt đầu từ đây.”

“Ừm ừm...” Roden nói trong lúc lật *tìm* một cuốn sách nhỏ. “Có hàm dưới chức năng không?”

“Không.”

“Cặp lá ngoài hàm trên ở bụng giữa?”

“Có, có.”

“Râu nằm ở đâu?”

“Sát đường gân giữa của cánh. Hai cặp cánh, cặp bên trong bị che khuất hoàn toàn. Chỉ có ba khoang bụng cuối cùng là hở. Móc hậu môn nhọn — tôi sẽ nói đó là bộ cánh vậy.”

“Trong này cũng nói vậy,” Roden nói.

“Đây là một bộ bao gồm cả bướm ngày và bướm đêm. Sống ở nhiều nơi,” Pilcher nói.

“Nếu cánh bị ướt thì sẽ khó đấy. Tớ sẽ tìm tài liệu,” Roden nói. “Tớ đoán là chẳng có cách nào tớ cảm được cậu không nói đến tớ khi tớ không có đây.”

“Tớ cũng đoán là chẳng có cách,” Pilcher nói. “Roden cũng được,” anh ta nói với Starling ngay sau khi Roden vừa ra khỏi phòng.

“Tôi chắc chắn thế.”

“Giờ cô đang chắc chắn thế?” Pilcher có vẻ ngạc nhiên. “Chúng tôi học đại học cùng nhau, làm việc và săn tất cả các loại học bổng

có thể. Cậu ấy nhận được một học bổng buộc cậu ấy phải ngồi trong mỏ than để chờ proton phân rã. Có điều cậu ấy đã phải ngồi quá lâu trong bóng tối. Cậu ấy ổn. Chỉ đừng nhắc đến phân rã proton.”

“Tôi sẽ nói tránh đi.”

Pilcher quay mặt khỏi chỗ ánh sáng chói lòa. “Đây là một bộ lớn, bộ cánh vầy này này. Có thể khoảng 30.000 loài bướm ngày và 130.000 loài bướm đêm. Tôi muốn lấy nó ra khỏi kén. Tôi sẽ phải làm thế nếu ta cần thu hẹp diện tìm kiếm.”

“Được thôi. Anh có thể giữ nguyên vẹn nó chứ?”

“Tôi nghĩ là được. Xem này, con này đã bắt đầu chui ra khỏi kén trước khi chết. Nên mới có vết rạn bất thường trên kén, chỗ này này. Việc này có thể tốn chút thời gian đấy.”

Pilcher xé vết nứt tự nhiên trên cái vỏ và kéo con côn trùng ra ngoài. Những chiếc cánh cuộn vào nhau bị sưng nước. Tách chúng ra giống như tách những tờ khăn giấy ướt vo viên lại với nhau. Không thấy có hình gì trên cánh.

Roden đem sách tới.

“Sẵn sàng chưa?” Pilcher nói. “Được rồi, xương đốt ngực được che kín.”

“Còn râu ở môi trên thì sao?”

“Không có râu ở môi trên,” Pilcher nói. “Cô làm ơn tắt giúp đèn được không, sĩ quan Starling?”

Cô đứng cạnh tường đợi đèn pin của Pilcher sáng lên. Anh ta lùi ra xa cái bàn và chiếu đèn lên mẫu vật. Mắt con côn trùng sáng lên dưới ánh đèn, phản xạ ánh sáng từ luồng sáng hẹp.

“Cú con,” Roden nói.

“Có thể, nhưng là loài nào?” Pilcher hỏi. “Làm ơn bật đèn lên, sĩ quan Starling. Đây là một con Noctuid, một loài bướm đêm. Roden, có bao nhiêu loài bướm đêm Noctuid vậy?”

“2.600 và khoảng... khoảng 2.600 loài được mô tả trong này.”

“Nhưng không có nhiều loài to như thế này đâu. Được rồi, hãy tỏa sáng đi anh bạn.”

Cái đầu tóc đồ cứng quèo của Roden che kín chiếc kính hiển vi.

“Giờ ta phải dùng đến môn phân loại lông — nghiên cứu da côn trùng để thu hẹp xuống còn một loài,” Pilcher nói. “Roden là tay giỏi môn này nhất.”

Starling có cảm giác trong căn phòng toát lên không khí ân cần.

Roden phản ứng bằng cách bắt đầu một cuộc tranh luận nảy lửa với Pilcher về chuyện liệu ỏ của con ấu trùng mẫu này có phải là hình tròn không. Sau đó chuyển sang vấn đề kiểu lông bụng.

“Là loài *Erebus odora*,” cuối cùng Roden cũng nói.

“Đi xem thôi,” Pilcher nói.

Họ cầm theo mẫu vật, đi thang máy xuống tầng ngay bên trên con voi nhồi khổng lồ, quay lại chỗ cái giếng trời lớn chất đầy những hộp màu lục nhạt. Nơi từng là đại sảnh nay được chia thành hai tầng có sàn để có thêm nơi cất giữ côn trùng của bảo tàng Smithsonian. Lúc này họ đang ở khu Trung Nam Mỹ và di chuyển sang khu Noctuid. Pilcher nhìn sỗ tay và dừng lại bên một cái hộp — nằm cao trên một cái giá tường lớn.

“Ta phải cẩn thận với những thứ này,” anh ta nói, kéo cái nắp kim

loại nặng nề ra khỏi hộp và đặt xuống sàn. “Để nó rơi vào chân là tập tễnh cả tuần đấy.”

Anh ta lướt ngón tay trên những ngăn kéo chồng lên nhau, chọn lấy một cái và kéo ra. Trong cái khay, Starling nhìn thấy những cái trứng bé tí tẹo được bảo quản, con sâu bướm trong ống ngậm cùn, một cái kén bị bóc ra khỏi một mẫu vật rất giống mẫu vật của cô, và con bướm — một con bướm đêm lớn màu nâu–đen có sải cánh gần 15cm, phần thân lông lá, và cặp râu mỏng mảnh.

“*Erebus odora*“, Pilcher nói. “Bướm đêm phù thủy đen.”

Roden đã lật sách. “Những loài vùng nhiệt đới, đôi khi lạc tới tận Canada vào mùa thu. Giai đoạn còn là sâu, chúng ăn lá cây keo, cây xấu hổ và những loại cây tương tự. Gốc ở quần đảo Tây Ấn, Nam Hoa Kỳ, được xem là sâu hại ở Hawaii!”

Mẹ kiếp, Starling nghĩ. “Điên à,” cô nói lớn. “Nó sống khắp nơi.”

“Nhưng không phải lúc nào cũng ở khắp nơi.” Pilcher cúi đầu xuống. Anh ta vuốt vuốt cằm. “Roden, có phải chúng đẻ một năm hai lứa không?”

“Đợi tí... phải rồi, ở vùng cực Nam Florida và Nam Texas.”

“Khi nào?”

“Tháng Năm và tháng Tám.”

“Tôi chợt nghĩ,” Pilcher nói, “mẫu vật của cô phát triển hơn một chút so với mẫu chúng tôi có, và nó vẫn còn mới. Nó đã bắt đầu tách kén để chui ra. Ở quần đảo Tây Ấn hoặc ở Hawaii, có lẽ thế, thì tôi còn hiểu được, nhưng ở đây giờ đang là mùa đông. Trừ phi tình cờ có cái nhà kính nào hoặc có ai đó nuôi nó.”

“Làm thế nào mà nuôi được?”

“Trong lồng, ở một nơi ấm áp, với vài cái lá keo cho sâu ăn cho tới khi chúng kéo kén. Chuyện này cũng không khó lắm.”

“Đấy có phải là một thú vui phổ biến không? Ngoài công việc nghiên cứu chuyên môn thì có nhiều người làm thế không?”

“Không, chủ yếu là các nhà côn trùng học cố kiếm một mẫu vật hoàn hảo, có thể là vài nhà sưu tầm. Cả ngành dệt lụa nữa, họ nuôi bướm đêm, nhưng không phải loại này.”

“Các nhà côn trùng học phải có tạp chí chuyên môn, xuất bản phẩm định kỳ, những người bán thiết bị,” Starling nói.

“Đương nhiên và hầu hết các xuất bản phẩm định kỳ đều có ở đây.”

“Cô thích tôi sẽ cho cô cả lồng,” Roden nói. “Ở đây có mấy người đặt riêng một tờ báo nhỏ hơn — khóa trong tủ và bắt cô trả vài xu chỉ để được xem những thứ xuẩn ngốc đó. Sáng nào tôi cũng phải nhận cái mớ ấy.”

“Tôi sẽ cho người đến lấy, cảm ơn anh Roden.”

Pilcher sao những tài liệu liên quan đến con *Erebus odora* đưa cô, cùng với con côn trùng.

“Tôi sẽ tiễn cô xuống,” anh ta nói.

Họ đứng đợi thang máy. “Phần lớn ta thích bướm ngày chứ không ai ưa bướm đêm,” anh ta nói. “Nhưng lũ bướm đêm lại thú vị hơn, hấp dẫn hơn.”

“Chúng là bọn côn trùng gây hại.”

“Một số loại như vậy, nhiều loài như vậy, nhưng chúng có nhiều cách sống khác nhau. Cũng giống như chúng ta thôi.”

Im lặng suốt một tầng gác.

“Có một loài bướm đêm, phải nói là vài loài mới đúng, chỉ sống bằng nước mắt,” anh ta nói. “Chúng chỉ ăn và uống thứ ấy thôi.”

“Nước mắt kiểu gì? Nước mắt của ai?”

“Nước mắt của loài có vú lớn, kích thước cỡ chúng ta. Định nghĩa cũ về loài bướm đêm là ‘bất cứ con gì từ từ, lặng lẽ ăn, tiêu thụ và lãng phí bất cứ thứ gì khác’. Thậm chí cũng được dùng như một động từ chỉ sự gây hại nữa... Lúc nào cô cũng làm việc này à? Truy tìm Bill Bò mộng ấy?”

“Tôi làm tất cả những gì có thể.”

Pilcher lau răng, lưỡii anh ta di chuyển sau môi như một con mèo dưới tấm chăn. “Cô có bao giờ ra ngoài ăn bánh kẹp pho mát với cốc bia hay ly rượu vang nhà làm không?”

“Gần đây thì không.”

“Cô có muốn ăn một chút với tôi không? Không xa lắm đâu.”

“Thôi, nhưng tôi sẽ chiêu đãi khi mọi chuyện kết thúc, và mời thêm cả anh Roden, đương nhiên rồi.”

“Chẳng có gì đương nhiên trong đó cả,” Pilcher nói. Và lúc ở cửa, “Tôi hy vọng là cô sẽ nhanh chóng kết thúc được chuyện này, sĩ quan Starling.”

Cô vội vã ra chỗ xe đang đợi.

Ardelia Mapp để lại thư của Starling và một nửa thanh kẹo Mounds trên giường. Mapp đã ngủ.

Starling đem chiếc máy chữ xách tay xuống phòng giặt đồ, đặt nó lên giá gấp đồ và cho giấy than vào. Cô đã sắp xếp những ghi chú của mình về con *Erebus odora* sẵn trong đầu trên đường về Quantico nên gõ lại rất nhanh.

Sau đó cô ăn thanh kẹo Mounds và viết một bức thư cho Crawford khuyến nghị đối chiếu danh sách thư điện tử của các tạp chí về côn trùng học với hồ sơ những tội phạm FBI có và hồ sơ bắt cóc trong tủ tài liệu các thành phố, cộng với hồ sơ tội phạm nghiêm trọng và tội phạm tình dục của Metro Dade, San Antonio và Houston, những khu vực có nhiều bướm đêm nhất.

Còn thêm một việc nữa mà cô phải đưa ra lần thứ hai: *Hãy hỏi bác sĩ Lecter vì sao hắn nghĩ tên tội phạm sẽ lột da đầu.*

Cô đưa bức thư cho sĩ quan trực đêm và lặn vào cái giường êm ấm của cô. Những giọng nói của buổi ban ngày vẫn còn thềm thì, êm ái hơn cả tiếng thở của Mapp từ phía bên kia phòng. Trong bóng tối đặc quánh, cô nhìn thấy khuôn mặt nhỏ nhắn khôn ngoan của con bướm đêm. Đôi mắt lấp lánh ấy đã từng nhìn vào Bill Bò mộng.

Ý nghĩ khép lại một ngày của cô đến từ hình ảnh về vũ trụ trong chuyến viếng thăm bảo tàng Smithsonian: *Ở cái thế giới kỳ lạ này, một nửa đang chìm trong bóng tối, còn mình thì phải truy tìm một thứ sống bằng nước mắt.*

Ở Đông Memphis, Tennessee, Catherine Baker Martin và người bạn trai thân thiết nhất đang vừa xem chương trình phim muộn trên TV trong căn hộ của anh ta vừa hít cần sa bằng ống điều. Quảng cáo giữa phim ngày càng dài và nhiều.

“Em đi tìm cái gì nhảm nháp cái, anh có thích một ít bỏng ngô không?” cô nói.

“Để anh đi lấy cho, đưa anh chìa khóa của em.”

“Cứ ngồi yên đấy. Đằng nào em cũng cần xem mẹ có gọi điện không.”

Cô đứng dậy khỏi sofa, một phụ nữ cao, xương to thịt đầy, gần như nặng nề, với khuôn mặt xinh đẹp và mái tóc dày sạch sẽ. Cô tìm giày dưới gầm bàn và ra ngoài.

Buổi tối tháng Hai không lạnh mà hanh. Làn sương mù nhẹ bốc lên từ sông Mississippi bay lơ lửng ngang tầm ngực trong khu đỗ xe rộng. Ngay trên đầu, cô có thể nhìn thấy vàng trắng hạ huyền, nhợt nhạt và mỏng mảnh như một chiếc lưới câu bằng xương. Cô thấy chóng mặt vì nhìn lên trên. Cô bắt đầu đi qua bãi đỗ xe, bước thẳng đến cửa trước nhà cô cách đó khoảng 30m.

Một chiếc xe tải bịt thùng bằng vải màu nâu đang đỗ cạnh căn hộ

của cô, giữa mấy cái nhà lưu động, và thuyền đặt trên rơ-moóc.

Cô chú ý tới nó vì nó giống chiếc xe buýt chính thường chở quà của mẹ đến cho cô.

Khi cô đi ngang qua chiếc xe tải, một cây đèn sáng lên trong sương mù. Đây là cây đèn có chụp, đứng trên đường phía sau chiếc xe. Dưới cây đèn là một chiếc ghế bành căng phồng bọc vải hoa đỏ, những bông hoa nở tung trong sương mù. Hai đồ vật này giống như một món đồ nội thất đặt trong phòng trưng bày.

Catherine Baker Martin chớp mắt vài cái rồi đi tiếp. Cô thầm nghĩ *siêu thực* rồi đổ lỗi cho cái ống điều. Cô đã đúng. Có ai đó đang chuyển đến hay dọn đi. Đến. Đi. Luôn luôn có ai đó chuyển nhà ở khu Stonehinge Villas. Rèm trong căn hộ của cô lay động và cô nhìn thấy con mèo của mình trên bậu cửa, đang cong lưng và tì người vào kính.

Cô lấy sẵn chìa khóa, trước khi mở cửa cô quay đầu nhìn lại. Một người đàn ông leo ra từ sau chiếc xe tải. Dưới ánh đèn cô có thể nhìn thấy tay anh ta bị bó bột và đeo lên cổ. Cô vào nhà rồi khóa cửa lại.

Catherine Baker Martin nhìn qua rèm cửa thì thấy người đàn ông đang cố kéo cái ghế vào trong xe. Anh ta nắm lấy nó bằng cái tay lành và cố đẩy bằng đầu gối. Cái ghế đổ xuống. Anh ta dựng nó lên, liếm ngón tay và cọ chỗ bụi bẩn từ bãi đỗ xe dính lên vải.

Cô ra ngoài.

“Anh cần giúp chứ?” Cô giữ giọng đúng mực — sẵn lòng giúp đỡ và chỉ thế thôi.

“Vậy sao? Cảm ơn cô.” Một giọng nói khác lạ, căng thẳng. Không

phải thổ âm địa phương.

Cây đèn chiếu sáng mặt anh ta từ bên dưới, làm biến dạng nét mặt, nhưng cô có thể nhìn rõ người anh ta. Anh ta mặc chiếc quần khaki là phẳng và áo kiểu sơ mi da thuộc, không cài khuy làm hở bộ ngực tàn nhang. Cằm và má không có râu, nhẵn nhụi như phụ nữ. Dưới ánh đèn, đôi mắt anh ta chỉ là những tia sáng lập lòe ở trên gò má.

Anh ta cũng nhìn cô, và cô khá nhạy cảm với chuyện đó. Đàn ông thường ngạc nhiên với kích thích của cô khi cô đến gần họ. Một số người che giấu sự ngạc nhiên đó tốt hơn người khác.

“Tốt quá,” anh ta nói.

Người đàn ông này bốc mùi khó chịu và cô khó chịu nhận thấy cái áo da thuộc của anh ta vẫn còn lông, những sợi lông xoắn trên vai và dưới cánh tay.

Nhắc cái ghế lên sàn xe thấp là chuyện dễ dàng.

“Đẩy sâu vào trong, cô không phiền chứ?” Anh ta trèo vào xe và dọn dẹp mấy thứ linh tinh, những cái chảo to mà ta có thể để dưới gầm xe để hứng dầu và một cái tời quay tay nhỏ được gọi là tời quan tài.

Họ đẩy cái ghế đến sát ghế ngồi trên xe.

“Cô mặc cỡ mười bốn à?”

“Gì cơ?”

“Làm ơn đưa cho tôi sợi dây kia. Ngay dưới chân cô ấy.”

Khi cô cúi người xuống nhìn, hân phang bàn tay bó bột vào gáy cô. Cô nghĩ mình bị đập đầu và đưa tay lên sờ thì cánh tay bó bột lại

phang xuống lần nữa, đập các ngón tay của cô vào xương sọ, và lần nữa, lần này vào sau tai cô, một loạt đòn liên tiếp, không cú nào quá mạnh làm cô sụm dần xuống ghế. Cô trượt xuống sàn xe và nằm nghiêng trên đó.

Gã đàn ông nhìn cô trong giây lát, đoạn tháo chỗ bó bột và cái dây đeo. Rất nhanh, hắn ta cắt dây đèn vào trong xe và đóng cửa sau.

Hắn vạch cổ áo cô ra và chiếu đèn pin đọc nhãn ghi cỡ áo của cô.

“Tốt,” hắn ta nói.

Hắn ta xẻ lưng cái áo bằng chiếc kéo cắt băng, lột ra và còng tay cô ra sau lưng. Trải một chiếc cáng ra sàn xe, hắn lật ngửa cô.

Cô không mặc áo ngực. Hắn chọc tay vào bộ ngực lớn của cô, xem sức nặng và độ đàn hồi của nó.

“Tốt,” hắn nói.

Trên vú trái cô có vết bớt hồng. Hắn liếm ngón tay rồi cọ cọ như hắn vừa cọ cái ghế hoa bị bẩn và gật đầu khi thấy màu xám biến mất khi bị ấn nhẹ. Hắn lật sấp cô xuống và lấy ngón tay vạch tóc cô kiểm tra da đầu. Cái khung bó bột không làm rách da đầu cô.

Hắn đặt hai ngón tay vào cổ cô để xem mạch và thấy mạch khỏe.

“Tóooooóóóóóóóó,” hắn nói. Hắn còn phải lái xe rất xa để về ngôi nhà hai tầng nên không muốn lột da cô luôn ở đây.

Con mèo của Catherine Baker Martin nhìn ra cửa sổ khi chiếc xe lăn bánh, ánh đèn hậu dần dần nhập làm một.

Phía sau con mèo, điện thoại đang reo. Máy điện thoại trong phòng ngủ trả lời, nhấp nháy cái đèn đỏ trong bóng tối.

Người gọi điện là mẹ Catherine, thượng nghị sĩ trẻ tuổi của bang Tennessee.

Trong thập niên 80 của thế kỷ 20, kỷ nguyên vàng của chủ nghĩa khủng bố, đã có các thủ tục để xử lý tình huống bất có ảnh hưởng đến thành viên Nghị viện.

2 giờ 45 phút sáng, đặc vụ toàn quyền văn phòng FBI ở Memphis báo cáo cho trụ sở chính tại Washington việc con gái duy nhất của thượng nghị sĩ Ruth Martin đã mất tích.

3 giờ sáng, hai chiếc xe tải không mang biển cảnh sát chạy ra từ ga-ra dưới tầng hầm ẩm thấp tại chi nhánh Washington, Buzzard Point. Một chiếc chạy tới tòa nhà văn phòng thượng nghị sĩ, nơi các kỹ thuật viên lắp thiết bị giám sát và ghi âm vào điện thoại trong văn phòng thượng nghị sĩ Ruth Martin và đặt một thiết bị nghe lén (theo Khoản 3 Đạo luật Kiểm soát Tội phạm và An ninh Đường phố) vào những chiếc điện thoại công cộng nằm gần văn phòng thượng nghị sĩ nhất. Bộ Tư pháp đánh thức thành viên trẻ nhất của ủy ban Tình báo Thượng viện để cấp giấy phép nghe lén.

Chiếc xe còn lại — “xe nhả cầu” với lớp kính một chiều và thiết bị giám sát — đỗ trên đường Virginia để giám sát mặt tiền của Watergate West, là nhà ở của thượng nghị sĩ Martin tại Washington. Hai nhân viên trong xe vào nhà lắp đặt thiết bị giám sát vào điện thoại nhà của thượng nghị sĩ.

Hãng viễn thông Bell Atlantic cho rằng thời gian truy tìm trung bình cho bất cứ cuộc gọi tổng tiền nào phát xuất từ hệ thống tổng đài số nội địa sẽ vào khoảng 70 giây.

Đội Phản ứng tại Buzzard Point tăng ca gấp đôi trong trường hợp có tổng tiền trong vùng Washington. Thủ tục liên lạc vô tuyến của họ đã được chuyển sang chế độ mã hóa bắt buộc để vụ tổng tiền không bị trục trặc của các hãng tin nhúng mũi vào. Kiểu làm ăn vô trách nhiệm này của các hãng tin từng xảy ra, dù rất hiếm.

Nhóm giải cứu con tin chuyển sang trạng thái cảnh báo thấp hơn cảnh báo không tắc một bậc. Ai cũng hy vọng vụ Catherine Baker Martin mất tích là vụ bắt cóc tổng tiền chuyên nghiệp — khả năng này nâng cao cơ hội sống sót cho cô.

Không ai nhắc đến khả năng tệ hại nhất.

Sau đó, ngay trước buổi bình minh tại Memphis, một cảnh sát thành phố đang điều tra khiếu nại về những kẻ lang thang trên đại lộ Winchester đã chặn một người đàn ông trung niên nhặt vỏ lon và bới rác trên lề đường. Trong chiếc xe đẩy của ông ta, viên cảnh sát tìm thấy một chiếc áo cánh phụ nữ vẫn còn cài cúc. Chiếc áo bị xẻ dọc lưng như áo cho người chết. Mác giặt là cho thấy đó là áo của Catherine Baker Martin.

Sáu giờ rưỡi, khi Jack Crawford đang lái xe từ nhà mình ở Arlington xuống phía Nam thì điện thoại trong xe reo lần thứ hai trong vòng hai phút.

“92240.”

“40 chờ Alpha 4.”

Crawford tìm thấy một khu dừng xe, lái xe vào và dừng lại để tập trung nghe điện thoại. Alpha 4 là Giám đốc FBI.

“Jack, anh biết vụ Catherine Martin chứ?”

“Sĩ quan trực đêm vừa gọi cho tôi.”

“VẬY anh đã biết về cái áo cánh. Báo cáo đi.”

“Buzzard Point đã chuyển sang chế độ cảnh báo bắt cóc,” Crawford nói. “Tôi muốn họ tiếp tục công việc. Khi họ dừng thì tôi vẫn muốn duy trì giám sát điện thoại. Có cái áo cánh bị xẻ lưng hay không thì chúng ta vẫn không chắc được đó là Bill. Nếu đó là kẻ giả danh, hắn có thể sẽ đòi tiền chuộc. Ở Tennessee ai phụ trách nghe lén và truy vết điện thoại vậy, họ hay là chúng ta?”

“Là họ. Cảnh sát bang. Họ cũng giỏi lắm. Phil Adler vừa gọi từ Nhà Trắng cho tôi biết về ‘sự quan tâm cao độ’ của Tổng thống. Jack, ta có thể có lợi thế trong vụ này.”

“Tôi cũng nghĩ đến chuyện đó rồi. Thượng nghị sĩ đang ở đâu?”

“Trên đường tới Memphis. Bà ấy mới gọi điện cho tôi một phút trước. Anh hình dung được rồi đấy.”

“Ừ.” Crawford đã biết thượng nghị sĩ Martin từ những buổi điều trần về ngân sách.

“Bà ấy sẽ làm mọi điều có thể.”

“Không thể trách bà ấy được.”

“Tôi cũng không trách,” Giám đốc nói. “Tôi nói với bà ấy là chúng ta đã dùng hết sức, giống như trước đây chúng ta vẫn luôn như thế. Bà ấy... bà ấy biết tình hình của anh và đề nghị anh dùng chiếc máy bay Lear của công ty. Anh cứ dùng đi — để tối đến về nhà được thì

về.”

“Tốt. Bà thượng nghị sĩ rần đấy, Tommy ạ. Nếu bà ấy mà muốn điều hành việc này thì ta sẽ mệt đấy.”

“Tôi biết. Cứ lấy tôi làm bình phong nếu anh cần. Chúng ta có nhiều nhất là bao nhiêu — sáu hay bảy ngày hả Jack?”

“Tôi không biết. Nếu hắn cuống lên khi phát hiện cô ta là ai... Rất có thể hắn sẽ giết và phi tang cô ta.”

“Anh đang ở đâu?”

“Cách Quantico khoảng hai dặm.”

“Máy bay Lear có thể hạ cánh được ở sân bay Quantico không?”

“Được.”

“Hai mươi phút.”

“Vâng thưa sếp.”

Crawford bấm điện thoại và hòa vào dòng xe cộ.

Uể oải sau một tối không yên giấc, Clarice Starling mặc áo tắm và xỏ đôi dép thỏ, khăn vắt trên vai, đợi vào phòng tắm mà cô và Mapp dùng chung với phòng bên cạnh. Tin từ Memphis trên đài khiến cô chết điếng chừng nửa nhịp thở.

“Trời ơi!” cô nói. “Ôi trời. ĐƯỢC RỒI CÔ GÌ TRONG KIA! PHÒNG TẮM NÀY BỊ TỊCH THU. MẶC QUẦN VÀO RỒI RA NGOÀI NGAY. ĐÂY KHÔNG PHẢI DIỄN TẬP ĐÂU!” Cô trèo vào phòng tắm có cô lúng giằng đang giật mình hoảng sợ. “Tránh ra. Grade, và làm ơn đưa tôi cục xà phòng nào.”

Vừa kẹp điện thoại giữa đầu và vai, cô vừa sắp xếp đồ dùng qua đêm và đặt bộ dụng cụ khám nghiệm pháp y cạnh cửa. Cô đảm bảo chắc chắn là bên tổng đài biết cô vẫn đang trong phòng và bỏ bữa ăn sáng để chờ điện thoại. Khi còn mười phút nữa đến giờ vào học, không nói một lời, cô vội vàng tới ban Khoa học Hành vi cùng với bộ dụng cụ của mình.

“Ông Crawford đã đi Memphis cách đây 45 phút,” người thư ký ngọt ngào nói với cô. “Burroughs cũng đi rồi, Stafford của phòng thí nghiệm cũng vậy.”

“Tối qua tôi có để một bản báo cáo ở đây cho ông ấy. Ông ấy có nhắn gì cho tôi không? Tôi là Clarice Starling.”

“Ừ, tôi biết cô là ai. Tôi có ghi ba lần số điện thoại của cô ở ngay đây và có mấy số nữa trên bàn ông ấy, tôi nghĩ thế. Ông ấy không nhắn gì cho cô cả, Clarice ạ.” Người phụ nữ nhìn hành lý của Starling. “Cô có muốn nhắn gì ông ấy nếu ông ấy gọi về không?”

“Ông ấy có để lại số điện thoại nào của... Memphis không?”

“Không, ông ấy sẽ gọi lại. Hôm nay cô không phải đi học hả Clarice? Cô vẫn đang đi học phải không?”

“Đúng, đúng vậy.”

Clarice vào lớp muộn, và Grade Pitman, cô gái bị cô đuổi ra khỏi phòng tắm sáng nay lại làm cho việc này trở nên tệ hại hơn. Grade ngồi ngay sau Starling. Có vẻ lối đến chỗ cô ngồi thật là dài. Cái lưỡi của Grade Pitman có đủ thời gian xoay đủ hai vòng qua cái má đầy lông tơ trước khi Starling có thể ngồi vào lớp.

Bụng rỗng, cô phải ngồi suốt hai giờ trong lớp học “Những ngoại lệ thiện chí của nguyên tắc loại trừ trong lục soát và bắt giữ” mới được ra máy tự động mua một lon Coke.

Cô kiểm tra hộp thư vào buổi trưa và không thấy có gì. Đến lúc này cô nhận ra rằng, cũng như đã từng xảy ra vài lần trong cuộc đời mình, cái cảm giác bồn chồn khó chịu này có vị giống như loại biệt dược có tên là Fleet mà cô phải uống hồi bé.

Có những ngày việc thức dậy buổi sáng của ta bị thay đổi. Buổi sáng hôm nay của Starling cũng vậy, cô có thể nhận thấy điều đó. Những gì cô nhìn thấy ngày hôm qua ở Nhà tang lễ Potter đã tạo ra trong cô một cơn choáng váng.

Starling đã học tâm lý học và tội phạm học ở một trường tốt. Trong đời mình cô từng nhìn thấy những cách thức phá hoại lạ lùng,

ghê rợn của thế gian này. Nhưng khi ấy cô vẫn chưa thực sự biết, nhưng giờ thì cô đã *hiểu*: loài người đôi khi sinh ra — bên dưới khuôn mặt người — một trí óc mà sự khoái lạc của nó nằm trên chiếc bàn gỗ tại Potter, Tây Virginia, trong một căn phòng dán giấy dán tường hoa hồng. Nhận thức đầu tiên của Starling về điều đó tồi tệ hơn bất cứ thứ gì cô có thể thấy trên cân pháp y. Nhận thức này sẽ bám lên da thịt cô, và cô biết mình phải tạo ra một lớp chai da để tự vệ nếu không nó sẽ ăn mòn cô.

Bài học ở trường không giúp gì được cho cô. Cả ngày cô có cảm giác mọi thứ đang diễn ra mãi tận chân trời. Cô như thể nghe thấy những tiếng rì rầm ồn ào của những sự kiện, tựa như âm thanh từ một sân vận động xa xa.

Những dấu hiệu của chuyển động làm cô thấy bất an: những nhóm người đi qua hành lang, bóng của những đám mây bay qua, tiếng máy bay...

Sau giờ học, Starling chạy nhiều vòng rồi đi bơi. Cô bơi cho tới khi cô nghĩ đến những người chết trôi và rồi cô không muốn có nước dính vào người mình nữa.

Cô xem bản tin bảy giờ cùng với Mapp và hơn chục sinh viên khác trong phòng nghỉ. Vụ bắt cóc con gái thượng nghị sĩ Martin không phải tin chính, dù nó là tin thứ hai sau các cuộc đàm phán vũ khí ở Geneva.

Có một bộ phim chiếu ở Memphis, bắt đầu bằng biển hiệu của khu Stonehinge Villas, được quay trong ánh đèn xoay của một chiếc xe cảnh sát. Báo chí đang oanh tạc câu chuyện và vì có rất ít tin mới để đưa, các phóng viên quay sang phỏng vấn nhau trong bãi đỗ xe của Stonehinge. Nhà chức trách của Memphis và hạt Shelby cúi đầu

xuống những dây micro lạ lẫm. Trong mớ hỗn độn chen chúc náo nhiệt của đèn máy quay và âm thanh phản hồi, họ liệt kê ra những thứ họ không biết. Những tay thợ ảnh khom khom người lúi vào màn hình máy quay truyền hình nhỏ khi có bất cứ nhân viên điều tra nào ra vào căn hộ của Catherine Baker Martin.

Tiếng ồ ồ ngắn gọn, chầm biểm rộ lên trong phòng nghỉ khi khuôn mặt của Crawford thoáng hiện trong cửa sổ căn hộ. Starling cười nhếch mép.

Cô tự hỏi không hiểu Bill Bò mộng có xem không. Cô tự hỏi hẳn nghĩ gì về khuôn mặt của Crawford hoặc liệu hẳn có biết Crawford là ai hay không.

Có vẻ những người khác nghĩ rằng Bill Bò mộng có thể cũng xem.

Và đây là thượng nghị sĩ Martin, trực tiếp trên truyền hình với Peter Jennings. Bà đứng một mình trong phòng con gái, một lá cờ hiệu của Đại học Southwestern, mấy tấm áp phích in hình nhân vật hoạt hình Wile E. Coyote và bản Tu chính án Bình quyền treo trên tường sau lưng bà.

Bà là một phụ nữ cao lớn, với khuôn mặt mạnh mẽ, đơn điệu.

“Lúc này tôi đang nói với người đang giữ con gái tôi,” bà nói. Bà lại gần chiếc máy quay khiến máy đột nhiên phải lấy nét lại, rồi nói như thể bà chưa bao giờ phải nói chuyện với một kẻ khủng bố.

“Anh có đủ quyền năng để thả con gái tôi đi mà nó không bị tổn hại gì. Tên con bé là Catherine. Nó là một cô bé rất dịu dàng và nhân hậu. Làm ơn thả con gái tôi, làm ơn thả nó ra, đừng làm hại nó. Anh là người kiểm soát tình huống này. Anh có quyền năng. Anh

có trách nhiệm. Tôi biết anh có thể yêu thương. Anh có thể bảo vệ nó chống lại bất cứ thứ gì có thể làm tổn hại nó. Giờ đây anh có một cơ hội tuyệt vời cho thế giới thấy rằng anh có thể là người vô cùng nhân từ, rằng anh đủ vĩ đại để đối xử với người khác tử tế hơn cách thế giới này đối xử với anh. Tên con bé là Catherine.”

Đôi mắt của thượng nghị sĩ Martin biến mất khỏi máy quay khi hình ảnh chuyển sang bộ phim gia đình về một cô bé đang tập đi bằng cách bám vào bờm một con chó to thuộc giống Collie.

Giọng thượng nghị sĩ Martin tiếp tục: “Đoạn phim anh đang xem là Catherine lúc còn bé. Hãy thả Catherine. Thả con bé an toàn ở bất cứ nơi nào trên đất nước này và anh sẽ có sự trợ giúp và tình bạn của tôi.”

Tiếp theo là một loạt ảnh Catherine Martin lúc tám tuổi, đang cầm bánh lái thuyền buồm. Chiếc thuyền được đưa lên cạn và cha cô đang sơn phần thân. Rồi đến hai bức ảnh gần đây nhất của một người phụ nữ trẻ, một bức toàn thân và một bức cận mặt cô ta.

Màn hình trở lại cận cảnh bà thượng nghị sĩ: “Tôi hứa với anh trước toàn bộ đất nước này, anh sẽ nhận được sự trợ giúp hào phóng của tôi bất cứ khi nào anh cần. Tôi có đủ điều kiện để giúp anh. Tôi là thượng nghị sĩ Mỹ. Tôi phục vụ trong ủy ban Quân sự. Tôi đóng vai trò nòng cốt trong Sáng kiến Phòng thủ Chiến lược, là hệ thống vũ khí vũ trụ mà mọi người vẫn gọi là ‘Chiến tranh giữa các vì sao’. Nếu anh có kẻ thù, tôi sẽ chiến đấu với chúng. Nếu bất cứ ai làm phiền anh, tôi có thể ngăn chặn họ. Anh có thể gọi tôi bất cứ lúc nào, ngày cũng như đêm. Catherine là tên con gái tôi. Làm ơn cho chúng tôi thấy sức mạnh của anh,” thượng nghị sĩ Martin nói thay lời kết luận, “làm ơn hãy thả Catherine nguyên vẹn.”

“Trời, thông minh quá,” Starling nói. Cô run rẩy như một con chó sục. “Chúa ơi, thông minh quá.”

“Cái gì, Chiến tranh giữa các vì sao?” Mapp nói. “Nếu người ngoài hành tinh tìm cách kiểm soát suy nghĩ của Bill Bò mộng từ hành tinh khác thì thượng nghị sĩ Martin có thể bảo vệ hấn ta — có phải ý là thế không?”

Starling gật đầu. “Nhiều kẻ tâm thần phân liệt hoang tưởng có ảo giác đặc biệt như thế — bị người ngoài hành tinh điều khiển. Nếu Bill như vậy, có thể cách này sẽ dụ được hấn ra. Bắn hay tuyệt, và bà ấy đứng đó và nổ súng. Ít nhất cũng kiếm cho Catherine được thêm mấy ngày. Họ có thể có thêm chút thời gian tìm hiểu về Bill. Hoặc không. Crawford nghĩ chu kỳ của hấn đang rút ngắn lại. Họ có thể thử làm cái này, họ có thể thử những cách khác.”

“Tớ thì không gì *không* thử nếu hấn bắt một đứa của tớ. Sao bà ấy cứ nói mãi ‘Catherine’, vì sao lúc nào cũng nói tên cô bé?”

“Bà ấy cố gắng để Bill Bò mộng coi Catherine như một người. Họ nghĩ rằng hấn sẽ phải phi nhân hóa cô bé, hấn sẽ phải coi cô ta như một đồ vật thì mới có thể xé xác cô ta. Một vài kẻ trong số bọn giết người hàng loạt nói thế trong những buổi hỏi cung. Chúng nói chuyện đó giống như chơi với búp bê vậy thôi.”

“Cậu có nghĩ Crawford đứng đằng sau tuyên bố của thượng nghị sĩ Martin không?”

“Có thể, hoặc có thể đấy là tiến sĩ Bloom — ông ấy kia kìa,” Starling nói. Trên màn hình đang chiếu một cuộc phỏng vấn quay mấy tuần trước với tiến sĩ Alan Bloom của Đại học Chicago về chủ đề giết người hàng loạt.

Tiến sĩ Bloom từ chối so sánh Bill Bò mộng với Francis Dolarhyde hoặc Garrett Hobbs, hoặc bất cứ tên nào khác mà ông đã có kinh nghiệm. Ông ta từ chối sử dụng cái tên “Bill Bò mộng”.

Thực ra ông ta không nói nhiều, nhưng ông ta nổi tiếng là một chuyên gia, có lẽ là chuyên gia trong lĩnh vực này, nên truyền hình muốn chiếu mặt ông ta.

Họ dùng tuyên bố cuối cùng của ông ta để kết thúc chương trình: “Chúng ta chẳng có gì khủng khiếp hơn những thứ hấn đang phải đối mặt hàng ngày để mà đe dọa hấn. Ta chỉ có thể thuyết phục hấn đến với ta. Ta có thể hứa hẹn đối xử tử tế và giải thoát, ta có thể hứa một cách tuyệt đối trung thực và chân thành.”

“Chẳng phải ai cũng đều cần một chút giải thoát hay sao,” Mapp nói. “Mẹ kiếp, chính tớ cũng cần có chút giải thoát. Mị dân và nói nhăng nói cuội quá khéo, tớ thích đấy. Ông ta không nói gì với họ cả, nhưng ông ta cũng không đánh động Bill quá mức.”

“Có nhiều khi tớ không thể không nghĩ đến cô gái ở Tây Virginia ấy,” Starling nói, “những ý nghĩ đó thường biến đi khoảng nửa tiếng, rồi lại thọc vào cổ họng tớ. Những mẩu sơn trên móng tay cô ấy... Đừng để tớ phải đào sâu vào chuyện ấy nữa.”

Vận dụng những thứ hay ho mình biết, Mapp đã mua vui được cho Starling trong bữa tối và thu hút những tay nghe trộm bằng cách so sánh cách gieo vần phụ trong sáng tác của Stevie Wonder với nữ thi sĩ Emily Dickinson.

Trên đường về phòng. Starling vò lấy một tin nhắn trong hộp thư của cô và đọc thấy: *Làm ơn gọi Albert Roden*, kèm theo một số điện thoại.

“Thứ này vừa chứng minh lý thuyết của tớ,” cô nói với Mapp khi họ ôm sách nhảy lên giường.

“Gì thế?”

“Cậu gặp gỡ hai anh chàng, đúng không? Anh không thích hợp cứ nhằm đúng cái lúc trời đánh mà gọi cho cậu.”

“Tớ *biết* thừa chuyện ấy rồi.”

Điện thoại reo.

Mapp chạm bút chì vào chóp mũi.

“Nếu đấy là Bobby Lowrance ‘nóng bỏng’, cậu làm ơn bảo tớ đang ở thư viện nhé,” Mapp nói. “Mai tớ gọi lại cho anh ấy, bảo anh ấy thế.”

Đó là Crawford gọi từ trên máy bay, giọng lạo xạo qua điện thoại.

“Starling, đóng đồ dùng cho hai đêm và gặp tôi sau một giờ nữa.”

Cô tưởng ông đã nói xong, chỉ còn tiếng rì rầm trong điện thoại, nhưng rồi giọng nói lại bất ngờ xuất hiện: “... không cần bộ dụng cụ đâu, quần áo thôi là đủ.”

“Gặp ông ở đâu đây ạ?”

“Bảo tàng Smithsonian.” Chưa kịp bỏ máy ông bắt đầu nói chuyện với ai đó.

“Jack Crawford,” Starling nói, quăng túi xách lên giường.

Mapp nhô đầu ra từ trên cuốn *Luật Tố tụng Hình sự Liên bang*. Cô nhìn Starling sắp xếp quần áo, nháy một bên mắt đen đẹp tuyệt của mình.

“Tớ không muốn bơm gì vào đầu cậu đâu,” cô nói.

“Có, có đấy,” Starling nói. Cô biết sắp có chuyện gì.

Mapp đã tốt nghiệp khoa Luật của Đại học Maryland trong khi vẫn làm việc buổi tối. Ở Học viện cô xếp thứ hai trong lớp, cô tôn thờ sách vở.

“Ngày mai cậu phải thi môn Luật Hình sự và ngày kia kiểm tra Thể dục. Cậu phải bảo cho Thủ lĩnh tối cao Crawford biết rằng ông ta mà không cẩn thận là cậu có thể bị quăng vào sọt rác. Khi ông ta nói ‘Làm rất tốt, học viên Starling’ thì đừng có vội mà nói ‘Tôi rất vinh hạnh.’ Cậu phải nói thẳng vào cái bộ mặt gớm ghiếc của lão ta rằng, ‘Tôi trông cả vào ông để không bị vứt vào sọt rác vì bỏ học!’ Hiểu tớ nói gì chứ?”

“Tớ có thể bù môn Luật,” Starling nói, dùng răng mở kẹp tóc.

“Đúng thế, và cậu trượt vì không có thời gian học, cậu nghĩ là họ không quăng cậu đi à? Cậu đùa tớ đấy à? Này cô bé, họ sẽ quăng cậu ra cầu thang hết như một con gà Phục sinh chết toi. Lòng biết ơn không thọ được lâu đâu, Clarice. Bất ông ta hứa sẽ không có chuyện *đuổi học*. Điểm của cậu tốt — hãy bắt ông ta nói thế. Tớ sẽ không bao giờ tìm được một cô bạn cùng phòng nào có thể là quần áo nhanh như cậu khi chỉ còn một phút là đến giờ lên lớp đâu.”

Starling lái chiếc Pinto cũ của mình trên con đường bốn làn, với tốc độ ổn định, thấp hơn một dặm trên giờ so với tốc độ làm chiếc xe rung lên. Mùi dầu nóng và nấm mốc, tiếng lạch cạch phía dưới, tiếng rên rĩ của bộ truyền động cộng hưởng với những ký ức về chiếc xe bán tải của cha cô, những ký ức của cô về những chuyến đi bên cạnh ông cùng với những người anh em luôn ngó ngoáy.

Giờ thì cô là người lái xe, lái xe trong đêm tối, đè qua dải phân

cách vạch trắng với những tiếng bíp bíp bíp. Cô có thời gian để suy nghĩ. Nỗi sợ hãi phả hơi thở lên cô thật gần sau cổ. Những ký ức tươi mới ngó ngoáy bên cô.

Starling rất sợ người ta đã tìm thấy thi thể Catherine Baker Martin. Khi Bill Bò mộng phát hiện ra cô ta là ai, có thể hắn sẽ hoảng loạn. Hắn có thể giết cô ta và vứt xác với một con bọ nhét trong họng.

Có thể Crawford đem con bọ ấy đi xác định. Còn lý do gì nữa khiến ông muốn gặp cô ở bảo tàng Smithsonian? Nhưng bất cứ đặc vụ nào cũng có thể mang con bọ đến Smithsonian, một người đưa tin của FBI có thể làm việc đó cơ mà. Và ông bảo cô xếp đồ cho hai ngày.

Cô hiểu Crawford không giải thích với cô chuyện đó qua đường truyền vô tuyến không được bảo mật, nhưng sự băn khoăn làm ta phát điên.

Cô tìm được kênh tin tức truyền thanh và chờ cho hết dự báo thời tiết. Song bản tin sau đó cũng không giúp được gì. Bản tin từ Memphis chỉ lặp lại bản tin lúc 7 giờ. Con gái thượng nghị sĩ Martin bị mất tích. Cái áo cánh của cô ta bị xẻ dọc lưng theo phong cách của Bill Bò mộng. Không có nhân chứng, vẫn chưa xác định được căn cước nạn nhân ở Tây Virginia.

Tây Virginia. Giữa những ký ức của Starling về Nhà tang lễ Potter là thứ gì đó không dễ chịu nhưng có giá trị. Là thứ bền lâu, được soi sáng một phần từ những khái huyền đen tối. Là thứ để cất giữ. Cô đang cố gắng nhớ lại nó và cảm thấy mình có thể siết chặt

lấy nó như một lá bùa hộ mệnh. Trong Nhà tang lễ Potter, đứng bên cạnh cái bồn rửa, cô đã tìm thấy sức mạnh từ một cội nguồn làm cô ngạc nhiên và mừng vui — ký ức về mẹ cô. Starling là một người có sức sống bền bỉ nhờ vào tình thương yêu của người cha quá cố đã được mấy người anh em trai truyền lại cho cô. Cô ngạc nhiên và cảm động khi tìm thấy tặng phẩm ấy.

Cô đỗ chiếc Pinto dưới hầm trụ sở chính FBI trên phố Mười giao với đường Pennsylvania. Hai nhóm quay phim đã sẵn sàng trên vỉa hè, đám phóng viên trông có vẻ quá chải chuốt dưới ánh đèn. Họ đang làm phóng sự tại chỗ với phong nền là tòa nhà J. Edgar Hoover. Starling vừa tránh ánh đèn vừa đi qua hai khối nhà đến Bảo tàng Lịch sử tự nhiên quốc gia Smithsonian.

Cô có thể nhìn thấy mấy ô cửa sổ trên cao của tòa nhà cũ còn sáng. Một chiếc xe tải của cảnh sát hạt Baltimore đỗ trên lối đi hình vòng cung. Lái xe của Crawford, Jeff, đang chờ sau tay lái của chiếc xe tải giám sát mới ngay sau nó. Thấy Starling đến, anh ta nói vào máy bộ đàm cầm tay.

Người bảo vệ đưa Starling tới tầng hai bên trên con voi nhồi khổng lồ của Smithsonian. Cửa thang máy mở ra một căn phòng rộng mờ tối và ở đó Crawford đã đứng đợi, tay cho vào túi áo khoác đi mưa.

“Chào Starling.”

“Chào ông,” cô nói.

Crawford nói qua vai cô với người bảo vệ. “Chúng tôi có thể tự đi tiếp, cảm ơn anh.”

Crawford và Starling đi bên nhau theo một hành lang đầy khay thùng chồng chất lên nhau đựng các mẫu vật nhân chủng học. Chỉ có vài cái đèn trần được bật, không nhiều. Khi cô cùng ông rơi vào không khí trầm tư mặc tưởng như một cuộc tản bộ trong khuôn viên đại học, Starling dần nhận ra rằng Crawford muốn đặt tay lên vai cô, rằng ông sẽ làm thế nếu ông có quyền chạm vào cô.

Cô chờ ông nói gì đó. Cuối cùng cô dừng lại và cũng cho tay vào túi, họ nhìn nhau qua lối đi trong sự yên lặng của những bộ xương.

Crawford ngửa đầu dựa vào những chiếc thùng và hít sâu một hơi qua mũi. “Catherine Martin có thể vẫn còn sống.”

Starling gật gật đầu, cúi đầu xuống sau lần gật cuối. Có thể ông

sẽ dễ nói chuyện hơn nếu cô không nhìn ông. Ông bình thản, nhưng hình như có gì đó đã chiếm lấy ông. Starling thoáng bắn khoăn phải chăng vợ ông đã mất. Hoặc đó là kết quả của việc ở bên cạnh bà mẹ đau khổ của Catherine suốt cả ngày.

“Memphis gần như sạch bong,” ông nói. “Hắn bắt cô ấy trong bãi đỗ xe, tôi nghĩ thế. Không ai nhìn thấy chuyện xảy ra. Cô ấy đã vào nhà rồi không hiểu sao lại quay ra. Cô ấy không định ở ngoài lâu — vẫn để cửa mở và ấn chốt chết để cửa không bị sập lại. Chìa khóa cô ấy vẫn để trên nóc TV. Không có gì trong nhà suy suyễn. Tôi không nghĩ là cô ấy ở lâu trong căn hộ. Cô ấy chưa vào tới chỗ máy tự động trả lời điện thoại trong phòng ngủ. Đền báo thư thoại còn nháy khi cậu bạn trai ngớ ngẩn của cô ấy cuối cùng cũng chịu gọi cho cảnh sát tới.” Crawford lơ đãng thả rơi tay xuống một cái khay xương và rồi nhanh chóng co lại.

“Giờ thì hắn đã có cô ấy rồi. Starling. Các hãng tin đã nhất trí không hiện đếm thời gian trong những bản tin chiều — tiến sĩ Bloom nghĩ là chuyện đó sẽ thúc giục hắn ra đầu thú. Nhưng mấy tờ báo sẽ làm thế đấy.”

Trong một vụ bắt cóc trước đó, bộ quần áo bị xẻ phía sau đã sớm được tìm thấy để xác định được một nạn nhân của Bill Bòmộng khi cô ta vẫn đang bị giam giữ chứ chưa bị sát hại. Starling vẫn nhớ những số đếm viên đen trên trang nhất của những tờ báo lá cải. Đến ngày thứ mười tám người ta tìm thấy thi thể nổi lên.

“Vậy là Catherine Baker Martin đang đợi trong phòng chờ của Billy, Starling, và có thể chúng ta sẽ có một tuần. Tội đa là thế — Bloom nghĩ chu kỳ của hắn đang thu ngắn lại.”

Có vẻ lần này Crawford đã nói hơi nhiều. Sự gợi nhắc đến

“phòng chờ” nhà hát thoang thoảng mùi khó ngửi. Starling chờ ông bày tỏ quan điểm, và ông đã làm.

“Nhưng lần này. Starling ạ, lần này ta có thể giải lao chút.”

Cô tròn mắt ngược nhìn ông, hy vọng và cả nghi ngờ.

“Ta có thêm một con côn trùng nữa. Hai anh chàng của cô, Pilcher và... cậu kia.”

“Roden.”

“Họ đang nghiên cứu.”

“Nó ở đâu? Cincinnati? Cô gái trong tủ lạnh à?”

“Không. Đi nào, tôi sẽ cho cô xem. Để xem cô nghĩ gì về nó.

“Ban Côn trùng học lỗi khác, ông Crawford.”

“Tôi biết,” ông nói.

Họ đi vòng qua góc tối của ban Nhân chủng học. Ánh sáng và giọng nói lọt ra qua tấm kính mờ. Cô vào trong.

Ba người đàn ông trong bộ quần áo phòng thí nghiệm đang làm việc bên một cái bàn ở giữa phòng dưới ánh sáng chói lóa. Starling không nhìn thấy họ đang làm gì. Jerry Burroughs từ ban Khoa học Hành vi đang nhìn qua vai họ và ghi chép vào một kẹp giấy. Trong phòng có mùi gì đó quen thuộc.

Đoạn một người mặc đồ trắng đi thả gì đó vào chậu rửa và cô có thể nhìn thấy nó rõ ràng.

Trong một cái khay thép không gỉ trên giá làm việc là “Klaus”, cái đầu cô tìm thấy trong Tiểu kho Split City.

“Klaus có một con bọ trong cổ họng,” Crawford nói. “Chờ một

phút, Starling. Jerry, cậu có nói chuyện với phòng truyền tin không đấy?”

Burroughs đang đọc ghi chép trên kẹp giấy vào điện thoại. Ông ta lấy tay che ống nói. “Có, Jack. Họ đang tìm hồ sơ của Klaus.”

Crawford lấy ống nói từ tay ông ta. “Bobby, đừng đợi Interpol cung cấp thông tin. Hãy lấy máy truyền ảnh và gửi ngay mấy bức hình cùng với thông tin y tế. Các nước Bắc Âu, Tây Đức và Hà Lan. Nhớ phải nói rằng Klaus có thể là một thủy thủ tàu buôn bỏ tàu. Nhắc họ rằng dịch vụ y tế quốc gia của họ có thể đã tiếp nhận trường hợp vỡ xương má. Gọi nó là cái gì nhỉ, là cung gò má. Nhớ phải truyền đủ cả hai loại mẫu răng, cả loại phổ thông và loại của Liên đoàn Nha khoa Quốc tế. Có thể những mẫu này theo tuổi, nhưng hãy nhấn mạnh rằng đó chỉ là đánh giá thô — ta không thể chỉ dựa vào đường khớp sọ trong việc này được.”

Ông trả ống nói lại cho Burroughs. “Đồ của cô đâu, Starling?”

“Ở phòng bảo vệ dưới tầng.”

“Viện John Hopkins tìm thấy con côn trùng,” Crawford nói trong lúc họ đợi thang máy. “Họ đang xử lý cái đầu cho cảnh sát Baltimore. Nó ở trong vỏ họng, giống hệt như cô gái ở Tây Virginia.”

“Giống hệt như Tây Virginia.”

“Cô nói đúng. Viện John Hopkins tìm thấy nó khoảng 7 giờ tối nay. Công tố viên hạt Baltimore gọi điện cho tôi trên máy bay. Họ gửi tất cả các thứ đến, cả Klaus, mọi thứ, để ta có thể nhìn tận mắt. Họ cũng muốn có nhận định của tiến sĩ Angel về tuổi của Klaus và anh ta bao nhiêu tuổi khi bị vỡ xương gò má. Họ cũng xin Smithsonian tư vấn như ta đã làm.”

“Tôi phải giải quyết vụ này ngay bây giờ. Ông nói rằng có thể Bill Bò mộng đã giết *Klaus*? Nhiều năm trước?”

“Thế có phải là đi xa quá không, có trùng hợp quá chẳng?”

“Ngay bây giờ thì đúng là như thế.”

“Hãy chờ một chút xem sao.”

“Bác sĩ Lecter cho tôi biết phải tìm Klaus ở đâu,” Starling nói.

“Đúng vậy.”

“Bác sĩ Lecter nói với tôi là bệnh nhân của ông ta, Benjamin Raspail, nói rằng mình đã giết Klaus. Nhưng Lecter nói ông ta tin rằng có thể đó chỉ là do anh ta bị ngạt khi làm trò loạn dâm.”

“Đúng là ông ta có nói vậy.”

“Ông có nghĩ là có thể bác sĩ Lecter biết chính xác Klaus chết như thế nào, và không phải là Raspail giết anh ta, và không phải là loạn dâm gây ngạt?”

“Klaus có một con bọ trong cổ họng, cô gái ở Tây Virginia có một con bọ trong cổ họng. Tôi chưa thấy chuyện như thế bao giờ ở bất kỳ đâu. Chưa bao giờ đọc được, chưa bao giờ nghe thấy. Cô nghĩ thế nào?”

“Tôi nghĩ ông bảo tôi xếp đồ cho hai ngày. Ông muốn tôi hỏi bác sĩ Lecter, phải không?”

“Cô là người mà hẳn chịu nói chuyện. Starling.” Crawford trông thật buồn khi ông nói, “Tôi cho là cô sẽ đồng ý.”

Cô gật đầu.

“Ta sẽ nói chuyện trên đường đến bệnh viện,” ông nói.

“**B**ác sĩ Lecter có một phòng trị liệu tâm thần lớn trong nhiều năm trước khi chúng ta bắt hắn vì tội giết người,” Crawford nói.

“Hắn đã tiến hành đánh giá tâm thần cho tòa án bang Maryland và Virginia và vài tòa án khác dọc theo Bờ Đông. Hắn đã thấy rất nhiều ca tâm thần phạm tội. Ai mà biết được hắn có thả thứ gì ra không, chỉ để cho vui thôi? Đó là một cách hắn có thể biết thông tin. Ngoài ra, hắn cũng biết Raspail ngoài xã hội và Raspail kể cho hắn nhiều thứ khi trị liệu. Có thể Raspail nói với hắn ai đã giết Klaus.”

Crawford và Starling ngồi đối diện nhau trên hai chiếc ghế xoay phía sau chiếc xe giám sát, đi lên phía Bắc trên đường U.S 95 về phía Baltimore, cách đó 37 dặm. Jeff đang ở trong khoang lái, rõ ràng đã nhận được lệnh ngồi ở đó.

“Lecter đề nghị giúp, còn tôi thì không muốn hắn tham gia. Trước đây hắn từng giúp tôi rồi. Hắn không cho chúng tôi điều gì hữu ích và hắn giúp Will Graham bị đâm dao vào mặt. Chỉ cho vui.

“Nhưng còn con bọ trong cổ họng Klaus, con bọ trong cổ họng cô gái ở Tây Virginia, tôi không thể bỏ qua được. Alan Bloom chưa bao giờ biết đến hành vi cá biệt này, tôi cũng vậy. Cô đã bao giờ gặp chuyện này chưa. Starling? Cô đã đọc tài liệu như tôi đấy.”

“Chưa bao giờ. Những thứ khác thì có, nhưng chưa bao giờ là

một con côn trùng cả.”

“Có hai việc để bắt đầu. Thứ nhất, chúng ta xác định là bác sĩ Lecter có biết điều gì đó cụ thể. Thứ hai, chúng ta nhớ rằng bác sĩ Lecter chỉ muốn mua vui. Đừng bao giờ quên chuyện vui vẻ. Hắn muốn Bill Bò mộng bị bắt trong lúc Catherine Baker vẫn còn sống. Tất cả lợi lộc và vui vẻ phải từ đó mà ra cả. Ta không có gì để đe dọa hắn — hắn đã bị mất cái tủ đầu giường và sách rồi. Hắn chẳng còn gì để bị thu giữ nữa.”

“Nhưng nếu chúng ta nói rõ tình hình và đề nghị dành cho hắn thứ gì đó — một xà lim có cửa sổ chẳng hạn. Đó là thứ hắn yêu cầu khi hắn đề nghị giúp.”

“Hắn đề nghị *giúp*, Starling ạ. Hắn không đề nghị làm chỉ điểm. Làm chỉ điểm không cho hắn cơ hội thể hiện. Cô luôn ngờ vực. Cô thích sự thật. Nghe này, Lecter không hề vội vàng. Hắn theo dõi vụ này như xem một trận bóng chày. Ta mà yêu cầu hắn làm chỉ điểm, hắn sẽ đợi. Hắn sẽ không làm ngay lập tức đâu.”

“Kể cả khi có phần thưởng? Thứ mà hắn không thể có nếu Catherine Martin chết?”

“Giả sử chúng ta nói với hắn là ta *biết* hắn có thông tin và ta muốn hắn chỉ điểm. Hắn sẽ rất vui vẻ chờ và giả vờ như là đang cố gắng nhớ lại hết tuần này sang tuần khác, để thưởng nghị sĩ Martin cứ thấp thỏm hy vọng và để Catherine chết, và sau đó là giày vò một người mẹ tiếp theo, rồi người khác nữa, cho họ hy vọng, luôn làm ra vẻ như sắp nhớ ra đến nơi — thế còn thích hơn là có cửa sổ. Hắn sống bằng những thứ đó. Đó là đồ ăn của hắn.

“Tôi không dám chắc là người ta càng già thì càng thông thái đâu

Starling ạ, nhưng người ta có thể học cách tránh được nhiều chuyện rắc rối. Ở đây ta cũng có thể tránh được vài chuyện đấy.”

“VẬY bác sĩ Lecter phải nghĩ rằng ta chỉ đến chỗ hấn tham khảo lý thuyết và xin nhận định thôi,” Starling nói.

“ĐÚNG VẬY.”

“Sao ông lại nói với tôi chuyện này? Sao ông không cử tôi đi hỏi hấn đúng như thế?”

“Tôi sẽ sổ toẹt ra với cô đây. Cô cũng sẽ làm như thế khi cô chỉ huy. Không còn gì khác có hiệu quả hơn.”

“Như vậy là không nhắc đến con côn trùng trong cổ họng Klaus, không nhắc đến mối liên hệ giữa Klaus và Bill Bò mộng.”

“Không. Cô quay lại gặp hấn vì cô rất ấn tượng về chuyện hấn có thể đoán trước được Bill Bò mộng sẽ bắt đầu lột da đầu. Tôi thì chính thức kiềng mặt hấn rồi và Alan Bloom cũng vậy. Nhưng tôi sẽ để cô vui đùa với chuyện đó. Cô có thể đề nghị hấn một vài đặc quyền — những thứ mà chỉ có người quyền lực như thượng nghị sĩ Martin mới làm được. Hấn cần phải tin rằng mình cần nhanh lên vì đề nghị đó sẽ đi tong nếu Catherine chết. Thượng nghị sĩ sẽ không thèm quan tâm đến hấn nữa nếu chuyện đó xảy ra. Và nếu hấn thất bại thì nguyên nhân là do hấn không đủ thông minh và hiểu biết để làm những gì hấn có thể làm — không phải do hấn câu giờ để chọc tức chúng ta.”

“*Liệu* thượng nghị sĩ có không quan tâm tới hấn nữa không?”

“Tốt nhất là cô có thể tuyên thệ trước tòa rằng cô không hề biết câu trả lời của câu hỏi ấy.”

“Tôi hiểu.” Vậy là thượng nghị sĩ Martin chưa biết chuyện.

Hơi gay đây. Rõ ràng là Crawford đang sợ bị can thiệp, sợ rằng thượng nghị sĩ có thể mắc sai lầm là đi cầu xin bác sĩ Lecter.

“Cô có hiểu không?”

“Có. Làm thế nào mà hấn có thể nói đủ cụ thể để dẫn chúng ta tới Bill Bò mộng mà không thể hiện là hấn có biết cụ thể? Hấn làm sao làm được chuyện đó nếu chỉ có lý thuyết và nhận định?”

“Tôi không biết. Starling ạ. Hấn đã có rất nhiều thì giờ để nghĩ đến chuyện đó. Hấn đã đợi đến nạn nhân thứ sáu rồi.”

Chiếc điện thoại mã hóa trong xe tải reo và nhấp nháy đèn khi cuộc gọi đầu tiên trong những cuộc gọi mà Crawford đặt với tổng đài của FBI đến. Trong 20 phút tiếp theo ông nói chuyện với những sĩ quan mà ông quen biết ở Cảnh sát Quốc gia và Tư pháp Hoàng gia Hà Lan, một trung tá Cảnh sát kỹ thuật Thụy Điển đang nghiên cứu tại Quantico, một mối quen cá nhân là trợ lý cho Giám đốc Cảnh sát quốc gia Đan Mạch và ông làm cô ngạc nhiên khi chuyển sang nói tiếng Pháp với tổ trực đêm của Cảnh sát Hình sự Bỉ. Lúc nào ông cũng nhấn mạnh nhu cầu phải nhanh chóng xác định căn cước Klaus và nhóm người trên tàu cùng với anh ta. Từng cơ quan có thể cũng đã nhận được điện yêu cầu của Interpol nhưng nhờ cách liên lạc kiểu bạn cũ này mà những yêu cầu ấy sẽ không phải nằm hàng giờ trên máy.

Starling có thể thấy Crawford đã chọn chiếc xe tải này vì phương tiện liên lạc của nó — hệ thống Mã hóa Giọng nói mới — nhưng công việc này sẽ dễ dàng hơn nếu được thực hiện ở văn phòng ông. Ở đây ông phải cố giữ cuốn sổ tay trên cái bàn làm việc bé tí

tạo cho khỏi rơi dưới ánh sáng lò mờ, và tất cả những thứ đó cùng nảy tung lên khi lốp xe tới chỗ gờ giảm tốc trên đường. Starling không có nhiều kinh nghiệm ngoài hiện trường nhưng cô biết rằng việc một giám đốc ban lại phải chạy vòng vòng trong một chiếc xe tải để xử lý một vụ lật vật như thế này là chuyện hoàn toàn không bình thường. Ông có thể thông báo cho cô qua điện thoại vô tuyến cơ mà. Nhưng cô mừng là ông đã không làm thế.

Starling có cảm giác sự yên tĩnh và bình an trong chiếc xe tải này, thời gian có được để thực hiện chiến dịch một cách bài bản, đều được mua với cái giá khá cao. Lắng nghe Crawford nói điện thoại đã giúp cô khẳng định điều đó.

Ông đang nói chuyện với Giám đốc, lúc này ông ta đang ở nhà. “Không thưa sếp. Họ có đầu hàng không?... Bao nhiêu lâu? Không thưa sếp. Không dùng máy nghe. Tommy, tôi đề xuất như thế. Tôi cương quyết đấy. *Tôi không muốn* cô ấy phải đeo máy. Tiến sĩ Bloom cũng nói vậy. Ông ta đang bị vướng sương mù ở O’Hare. Ông ta sẽ đến ngay sau khi trời quang. Vâng.”

Sau đó Crawford có một cuộc điện đàm được mã hóa với người y tá trực đêm ở nhà mình. Nói xong, ông nhìn ra cửa sổ một chiều của chiếc xe trong khoảng một phút, chiếc kính móc vào ngón tay đặt trên đầu gối, khuôn mặt của ông phơi bày ra hết khi ánh sáng từ ngoài chiếu vào. Đoạn ông đeo kính lên và quay sang Starling.

“Chúng ta có Lecter trong ba ngày. Nếu chúng ta không thu được kết quả gì, Baltimore sẽ cho hắn như đòn cho đến lúc tòa phải lôi họ ra.”

“Lần trước tra tấn hắn cùng có tác dụng gì đâu. Bác sĩ Lecter không ngán tra tấn lắm.”

“Sau tất cả những thứ đó hẳn đã đưa cho họ cái gì ấy nhỉ? Một con gà giấy?”

“Một con gà, đúng vậy.” Con gà gấp nhàu nát vẫn đang nằm trong ví Starling. Cô vuốt thẳng nó ra trên cái bàn nhỏ và làm cho nó mỗ.

“Tôi không đổ lỗi cho cảnh sát Baltimore. Hẳn là tù nhân của họ. Nếu Catherine bị trôi sông thì họ sẽ phải nói với thượng nghị sĩ Martin là họ đã thử mọi biện pháp.”

“Thượng nghị sĩ Martin thế nào rồi?”

“Vẫn chiến nhưng đau khổ. Bà ấy là một phụ nữ thông minh, mạnh mẽ và hiểu chuyện. Có thể cô sẽ thích bà ấy đấy.”

“Liệu Viện John Hopkins và bên điều tra án mạng hạt Baltimore có giữ im lặng về con bọ trong cổ họng Klaus không? Ta có thể giữ không để chuyện đó rơi lên mặt báo được chứ?”

“Ít nhất là được ba ngày.”

“Cũng phải mất công một chút đấy.”

“Chúng ta không thể tin tưởng Frederick Chilton, hoặc bất cứ ai trong bệnh viện,” Crawford nói. “Nếu Chilton biết, cả thế giới sẽ biết. Chilton cần phải biết cô đang ở đó, nhưng đó chỉ đơn giản là cô giúp cho bên điều tra án mạng của Baltimore để đóng được hồ sơ vụ Klaus — không liên quan gì đến Bill Bò mộng cả.”

“Và tôi phải làm chuyện đó vào lúc tối muộn như thế này?”

“Là thời điểm duy nhất tôi cho phép cô. Tôi cần phải nói với cô rằng câu chuyện về con bọ ở Tây Virginia sẽ lên báo buổi sáng. Văn phòng điều tra tử vong bất thường ở Cincinnati đã lộ chuyện, và như

vậy là không còn gì bí mật nữa. Đó là thông tin nội bộ mà Lecter có thể khai thác được ở cô, và nó thực sự không quan trọng chừng nào hắn chưa biết là chúng ta cũng tìm được một con trong ổ hòng Klaus nữa.”

“Chúng ta có gì để trao đổi với hắn?”

“Tôi đang làm việc này,” Crawford nói, và quay lại với cái điện thoại.

Một phòng tắm lớn, lát gạch men trắng, có ánh sáng tự nhiên và thiết bị vệ sinh Ý bóng loáng bắt vào tường gạch cũ không trát. Một bàn trang điểm tinh xảo, hai bên là những cây cao chất đầy mỹ phẩm. Một chiếc gương lấm tấm nước bốc hơi từ vòi hoa sen. Dưới vòi sen vang ra tiếng rền rĩ của một giọng hát có tông cao khác thường. Bài hát là “Cash for Yours Trash” của Fats Walter trong vở nhạc kịch *Kẻ hư đốn*. Đôi khi giọng hát tách rõ thành lời:

“Giữ lại hết báo CŨ
Chồng lên cho thật cao,
Cao đến tận trời CAO
ĐA ĐAĐAĐA ĐA ĐAĐA
ĐA ĐA...”

Mỗi khi ca từ vang lên, một con chó xù cào chân vào cửa phòng tắm.

Dưới vòi sen là Jame Gumb, một người đàn ông da trắng, 34 tuổi, cao 1m85, nặng 93kg, tóc nâu, mắt xanh, không có dấu vết đặc biệt. Hắn phát âm tên mình là *James* không có chữ s. Jame. Hắn dứt khoát là phải như thế.

Sau lần tráng thứ nhất, Gumb lấy kem Friction des Bains, dùng tay xoa đều lên ngực và mông rồi dùng miếng bọt biển để xoa vào chỗ mà hắn không thích đụng đến. Chân hắn hơi béo, nhưng hắn

quyết định là như thế cũng được.

Gumb lau người cho tới lúc đổ au và bôi kem dưỡng da. Chiếc gương cao bị che bởi tấm rèm nhà tắm treo trên một thanh ngang.

Gumb lấy miếng bọt biển rửa bát đĩa nhét dương vật và tinh hoàn của hắn vào giữa hai chân. Hắn gạt tấm rèm che phòng tắm sang một bên và đứng trước gương, tạo dáng đứng lệch hông mặc dù tư thế đó làm cho cái ấy của hắn bị nghiêng chặt.

“Làm gì em đi, anh yêu. Làm gì em *ngay đi* anh.” Hắn sử dụng dải âm cao của giọng nói trầm tự nhiên của mình và hắn tin rằng mình đã có tiến bộ. Những thứ hormone hắn uống — Premarin trong một thời gian và sau đó là diethylstilbestrol[®] — không thể làm được gì cho giọng nói của hắn, nhưng chúng cũng có tác dụng làm thưa bớt lông trên bộ ngực hơi nở ra của hắn. Phương pháp nhổ lông tóc bằng điện phân cũng đã triệt đi bộ râu của Gumb, và làm viền chân tóc trước trán của hắn thành hình chữ V, nhưng trông hắn không giống phụ nữ. Hắn giống một người đàn ông có thiên hướng đánh lộn bằng cách cào cấu cũng như đấm đá.

Với những người mới quen, khó mà biết được hành vi của hắn là một nỗ lực phô diễn nghiêm túc nhưng lạc lõng hay sự châm chọc đầy căm ghét. Và hắn chỉ biết những người mới quen.

“Anh định làm gì cho eeem?”

Con chó lại cào cửa khi nghe thấy giọng hắn. Gumb mặc áo choàng tắm rồi thả cho con chó vào. Hắn bế con chó xù nhỏ màu vàng nhạt lên và hôn cái lưng núng nính của nó.

“Ừừừừ. Mày sắp *chết đói* chưa, Bảo bối? Tao cũng thế đây.”

Hắn chuyển con chó xù từ tay này sang tay kia để mở cửa

phòng ngủ. Con chó xù giãy giụa đòi xuống.

“Đợi tí tẹo, bé yêu.” Bên tay vịn của hắn nhặt khẩu carbine Mini-14 dưới nền nhà cạnh giường đặt lên gối. “*Ngay đây, ngay đây.* Bọn mình sẽ đi ăn tối ngay đây.” Hắn thả con chó xuống sàn để đi lấy bộ đồ ngủ. Con chó gắng chạy theo hắn xuống cầu thang vào bếp.

Jame Gumb lấy ba suất tối chế biến sẵn ra khỏi lò vi sóng. Hai suất Hungry Man cho hắn và một suất Lean Cuisine cho con chó xù.

Con chó xù tham lam ăn hết món khai vị và tráng miệng, để lại chỗ rau. Jame Gumb chỉ để lại xương trên hai cái khay.

Hắn thả con chó xù ra cửa sau và vừa buộc chặt chiếc áo choàng tắm cho đỡ lạnh hắn vừa nhìn con chó ngồi chồm hổm trên vạch sáng hẹp chiếu ra từ khung cửa.

“Mày vẫn chưa đi vũ trụ... ừ... ừ... ☺ à. Được rồi, tao không nhìn.” Nhưng hắn lại ti hí nhìn qua kẽ tay. “Ôi chao, *hết sảy*, đồ rác rưởi bé nhỏ, mày chẳng phải là quý bà hoàn hảo hay sao? Nào, lên giường thôi.”

Ông Gumb thích lên giường. Hắn ta lên giường vài lần một đêm. Hắn cũng thích dậy, và ngồi giữa một trong nhiều căn phòng trong nhà mà không bật đèn, hoặc làm việc một chút vào ban đêm, khi hắn thấy ham một thứ gì đó sáng tạo.

Hắn toan tắt đèn bếp, nhưng chợt dừng lại, hắn thận trọng bĩu môi nhìn chỗ thức ăn thừa. Hắn gom ba khay thức ăn và lau bàn.

Cái công tắc đầu cầu thang bật đèn dưới tầng hầm. Jame Gumb bắt đầu đi xuống dưới, đem theo những cái khay. Con chó xù tru lên trong bếp và lấy mũi đẩy cửa chạy theo hắn.

“Được rồi, Billy khờ.” Hấn cấp theo con chó xù xuống hầm. Con chó ngó ngoáy và sục mõm vào những cái khay trên tay hấn.
“Không được, mày ăn đủ rồi.” Hấn thả nó xuống và nó bám đuôi hấn xuống dưới tầng hầm bữa bọn.

Trong một phòng tầng hầm ngay dưới gian bếp là một cái giếng đã cạn từ lâu. Thành giếng bằng đá, được gia cố thêm bằng những vòng giếng hiện đại và xi-măng, nhô cao hơn nền cát khoảng 60cm. Nắp an toàn bằng gỗ nguyên tấm, rất nặng để trẻ con không nhấc lên được, vẫn đặt trên miệng giếng. Trên cái nắp có một lỗ đủ lớn để thả xô qua. Cái lỗ đang mở và Jame Gumb vớt mấy cái khay của hấn và của con chó xuống đó.

Những cái xương và mấy cọng rau biến mất khỏi tầm nhìn rơi vào trong bóng tối đen đặc của cái giếng. Con chó ngồi xuống xin xỏ.

“Không, không được, hết rồi,” Gumb nói. “Mày quá béo rồi.”

Hấn leo lên cầu thang tầng hầm, vừa đi vừa thì thầm “bánh mì mỡ, bánh mì mỡ” với con chó. Hấn không tỏ ra dấu hiệu gì chứng tỏ hấn có nghe thấy tiếng kêu, vẫn còn khá khỏe và tỉnh táo, vọt lên từ cái hố đen.

“XIN LÀM ỒNNNNNN.”

Clarice Starling vào Bệnh viện Tội phạm Tâm thần bang Baltimore ngay sau 10 giờ tối. Cô đi một mình. Starling hy vọng bác sĩ Frederick Chilton không có ở đó, nhưng ông ta đã chờ sẵn cô trong văn phòng mình.

Chilton mặc vest kẻ ô vuông kiểu Anh. Lưng áo xẻ tà hai bên và xòe ra làm cho nó trông như một cái váy, Starling nghĩ. Cô hy vọng không phải là ông ta ăn mặc như vậy để đón mình.

Khoảng không gian phía trước bàn làm việc của ông ta hoàn toàn trống trải, ngoại trừ một chiếc ghế thẳng được bắt vít xuống nền nhà. Starling đứng cạnh nó trong lúc câu chào của cô lửng lơ trong không khí. Cô có thể ngửi thấy những cái tẩu lạnh lùng xếp trên giá bên cạnh hộp giữ ẩm xì gà của Chilton.

Bác sĩ Chilton thôi ngắm nghía bộ sưu tập đầu tàu của hãng Franklin Mint và quay lại phía cô.

“Cô có muốn một cốc cà phê tách caffeine không?”

“Không, cảm ơn ông. Tôi xin lỗi đã làm phiền đến buổi tối của ông.”

“Cô vẫn đang cố gắng tìm kiếm điều gì đó từ vụ cái đầu đó à?” bác sĩ Chilton hỏi.

“Vâng. Văn phòng Chương lý Baltimore nói với tôi là họ đã có thỏa thuận với ông, thưa bác sĩ.”

“À vâng. Tôi cộng tác *rất* chặt chẽ với nhà chức trách ở đây, thưa cô Starling. Nhân tiện, cô có đang làm luận văn hay viết bài báo nào không vậy?”

“Tôi không.”

“Cô đã có bài nào đăng trên các tạp chí chuyên ngành chưa?”

“Chưa. Tôi chưa có bài nào cả. Đây chỉ là một việc vặt mà văn phòng Chương lý Hoa Kỳ cử tôi làm cho Bộ phận Điều tra Án mạng hạt Baltimore mà thôi. Chúng tôi chuyển cho họ một vụ chưa xong và đang giúp họ giải quyết những khâu cuối cùng,” Starling nhận thấy ác cảm của cô với Chilton khiến cho việc nói dối trở nên dễ dàng hơn.

“Cô có đeo máy không đấy cô Starling.”

“Tôi có gì...”

“Cô có mang theo một thiết bị nhỏ để ghi lại những gì bác sĩ Lecter nói không? Thuật ngữ của cảnh sát là ‘đeo máy’[Ⓢ], tôi chắc cô cũng biết.”

“Không.”

Bác sĩ Chilton lấy chiếc máy ghi âm hiệu Pearlorder nhỏ trên bàn và nhét băng cassette vào. “Vậy hãy để cái này trong túi. Tôi sẽ sao lại và chuyển cho cô một bản. Cô có thể dùng nó để bổ sung cho những ghi chép của cô.”

“Không, tôi không thể làm thế được, thưa bác sĩ Chilton.”

“Làm quái gì mà không được chứ? Nhà chức trách Baltimore

luôn luôn đề nghị tôi phân tích bất cứ thứ gì mà Lecter nói về vụ Klaus này.”

Tránh Chilton, nếu cô có thể, Crawford đã nói với cô. Ta có thể vùi dập ông ta trong một phút bằng trát tòa, nhưng Lecter sẽ đánh hơi thấy ngay. Hắn có thể nhìn thấu Chilton như máy chụp cắt lớp CT.

“Chưởng lý Hoa Kỳ muốn ban đầu chúng tôi sử dụng phương pháp không chính thức. Nếu tôi ghi âm bác sĩ Lecter mà không cho hắn biết, và nếu hắn phát hiện ra, thì nó sẽ thực sự chấm dứt mọi hình thức cộng tác có thể. Tôi chắc là ông đồng ý thế chứ.”

“Làm thế nào mà hắn phát hiện ra được?”

Hắn sẽ đọc được chuyện đó trên báo với tất cả những thứ khác mà ông biết, đồ ngu ngốc khốn nạn ạ. Cô không trả lời. “Nếu chuyện này có đi đến đâu và hắn ta phải chuyển đi thì ông sẽ là người đầu tiên được đọc tài liệu và tôi chắc chắn là ông sẽ được mời với tư cách là nhân chứng chuyên gia. Giờ thì chúng tôi chỉ cần tìm đầu mối từ hắn mà thôi.”

“Cô có biết vì sao hắn ta lại nói chuyện với cô không Starling?”

“Không, thưa bác sĩ Chilton.”

Ông ta nhìn ngấm từng tờ chứng chỉ và bằng cấp treo trên bức tường sau bàn làm việc tựa như đang xin biểu quyết. Và từ từ quay lại với Starling. “Cô có *thực sự* cảm thấy cô biết mình đang làm gì chứ?”

“Chắc chắn rồi.” *Quá chắc chắn đi ấy chứ.* Chân Starling run rẩy vì quá mệt. Cô không muốn phí sức với Chilton. Cô cần sức lực khi gặp Lecter.

“Cô đang đến bệnh viện của tôi để phỏng vấn và từ chối chia sẻ thông tin với tôi đấy.”

“Tôi đang làm theo lệnh, thưa bác sĩ Chilton. Tôi có số trực ban đêm của Chương lý Hoa Kỳ ở đây. Còn bây giờ thì xin ông vui lòng nói chuyện với ông ấy hoặc để tôi làm công việc của mình.”

“Cô Starling, tôi không phải người giữ khóa ở đây. Tôi không đến đây ban đêm chỉ để cho người ta ra vào. Tôi còn có một vé đi xem trình diễn *Ngày nghỉ trên băng*® đấy.”

Ông ta nhận ra mình đã nói một vé. Trong khoảnh khắc đó Starling nhìn thấy cuộc đời ông ta, và ông ta biết thế. Cô nhìn thấy chiếc tủ lạnh trơn trợt của ông ta, những mảnh vụn bánh mì trên chiếc kệ TV nơi ông ta ăn uống một mình, những đồng đồ nằm hàng tháng mới được dọn dẹp. Cô cảm thấy nỗi đau của cả một cuộc đời cô độc, giả tạo — và nhanh như chớp cô biết mình không được thương hại ông ta, không nói gì và không được nhìn đi chỗ khác. Nhìn thẳng vào mặt ông ta, nghiêng đầu rất nhẹ để cho ông ta thấy sắc đẹp của mình và xoáy những gì cô biết vào ông ta, thọc như một ngọn giáo, biết rằng ông ta sẽ không thể chịu đựng tiếp cuộc nói chuyện này nữa.

Ông ta cho cô vào cùng một người hộ lý tên là Alonzo.

Đi cùng với Alonzo xuống bệnh viện tâm thần tới phòng giam cuối cùng, Starling đã gắng bỏ ngoài tai những tiếng sập cửa và la hét, dù cô cảm thấy chúng làm cho không khí tiếp xúc với làn da cô run rẩy. Áp lực tăng dần lên cô tựa như cô đang chìm xuống nước, sâu và sâu nữa.

Sự cận kề với những người điên — ý nghĩ về Catherine Baker Martin đang bị trói và cô đơn, bị một kẻ như chúng hít ngửi, trong lúc lục túi tìm dụng cụ — giúp Starling có thêm nghị lực tiếp tục công việc của mình. Nhưng cô không chỉ cần đến quyết tâm. Cô còn cần phải bình thản, điềm tĩnh, phải là loại công cụ sắc bén nhất. Cô phải bình tĩnh khi thời gian đang dần trở nên gấp gáp một cách đáng sợ. Nếu bác sĩ Lecter biết câu trả lời, cô phải tìm ra nó trong những ý nghĩ rối rắm của ông ta.

Starling thấy mình đang nghĩ đến Catherine Baker Martin như một cô bé mà cô đã thấy trên đoạn phim trong chương trình tin tức, cô gái nhỏ trên chiếc thuyền buồm.

Alonzo bấm chuông cánh cửa nặng nề cuối cùng.

“Dạy chúng ta quan tâm và hờ hững, dạy chúng ta ngồi yên trong tịch lặng.”[©]

“Xin lỗi?” Alonzo nói và Starling nhận ra rằng cô đang nói thành lời.

Anh ta để cô lại với người hộ lý to lớn vừa ra mở cửa. Khi Alonzo quay đi, cô nhìn thấy anh ta làm dấu thánh.

“Chào mừng cô trở lại,” người hộ lý nói và đóng then cửa sau lưng cô.

“Xin chào, Barney.”

Cuốn sách bìa giấy kẹp ngón tay trở to lớn của Barney trong lúc anh ta đứng nguyên tại chỗ. Đó là cuốn *Lý trí và tình cảm* của Jane Austen. Starling đã sẵn sàng để ghi nhận mọi thứ.

“Cô muốn đèn sáng mức nào?” anh ta hỏi.

Hành lang giữa các dãy xà lim đang mờ tối. Ở gần cuối hành lang cô có thể nhìn thấy ánh sáng rực rỡ từ xà lim cuối cùng chiếu lên nền hành lang.

“Bác sĩ Lecter còn thức.”

“Vào ban đêm, lúc nào cùng vậy — kể cả khi hấn tắt đèn.”

“Vậy cứ để đèn như cũ.”

“Cô đi giữa hành lang, và không chạm vào song sắt, được chứ?”

“Tôi muốn tắt cái TV kia đi.” Cái TV đã được chuyển chỗ. Nó đang ở phía cuối, quay mặt ra trung tâm hành lang. Vài tù nhân có thể nhìn thấy nó nếu tì đầu vào song sắt.

“Được thôi, tắt tiếng nhưng vẫn để hình nếu như cô không phản đối. Vài người họ vẫn muốn xem. Ghế thì ở ngay kia nếu như cô cần.”

Starling đi một mình dọc theo hành lang mờ tối. Cô không nhìn vào những gian xà lim ở hai bên. Tiếng chân cô nghe có vẻ quá to. Duy chỉ có hai âm thanh khác là một tiếng ngáy ưót át trong một gian xà lim, có thể là hai, và tiếng khúc kha khúc khích từ một xà lim khác.

Gian của Miggs quá cổ đã có chủ nhân khác. Cô có thể nhìn thấy đôi chân dài duỗi ra trên sàn, đỉnh đầu tựa vào song sắt. Cô nhìn khi đi ngang qua. Một người đàn ông ngồi trên nền xà lim trên một đồng giấy xi măng bị xé vụn. Mặt anh ta trống rỗng. Chiếc TV phản chiếu trong mắt anh ta và một dải nước dãi lấp loáng nổi từ mép tới vai.

Cô không muốn nhìn vào xà lim của bác sĩ Lecter cho tới khi cô chắc chắn hẳn đã nhìn thấy cô. Cô đi qua chỗ xà lim, cảm thấy ngứa ngáy giữa hai vai, đi tới chỗ chiếc TV và tắt tiếng.

Bác sĩ Lecter mặc bộ pyjama trắng của bệnh viện trong gian xà lim trắng của hẳn. Màu sắc duy nhất trong gian xà lim là màu đôi mắt, tóc và cái miệng đỏ của hẳn, trên một khuôn mặt đã lâu không được tiếp xúc với ánh mặt trời đến mức hòa tan vào trong sắc trắng xung quanh. Đường nét gương mặt hẳn như thể lửng lơ trên cổ áo sơ mi. Hẳn ngồi bên chiếc bàn sau tấm lưới nylon giữ cho hẳn không ra đến song sắt. Hẳn đang phác thảo lên giấy gói hàng, dùng tay mình làm mẫu. Trong khi cô nhìn thì hẳn lật tay lại, duỗi thật căng các ngón tay và vẽ lên bụng tay. Hẳn dùng ngón út làm bút tạo bóng mờ để điều chỉnh các nét vẽ than chì.

Cô tiến tới gần hàng song sắt, và hẳn ngẩng đầu lên. Starling cảm thấy toàn bộ bóng tối trong xà lim bay vào mắt và đường chân tóc hình chữ V trên trán hẳn.

“Xin chào bác sĩ Lecter.”

Đầu lưỡi hắn xuất hiện, đỏ như chính đôi môi của hắn. Nó chạm đúng vào giữa môi trên và lại thụt vào trong. “Clarice.”

Cô nghe trong giọng hắn có tiếng kim loại ken két và tự hỏi đã bao lâu rồi hắn không nói chuyện. Những nhịp đập của sự yên lặng...

“Còn đi học mà cô thức tới tận giờ này là quá muộn,” hắn nói.

“Đây là trường học ban đêm,” cô nói, thầm mong giọng nói của mình mạnh mẽ hơn. “Hôm qua tôi ở Tây Virginia...”

“Cô có khiến mình bị thương không?”

“Không, tôi...”

“Cô có miếng băng mới dán đây Clarice.”

Lúc đó thì cô nhớ ra. “Tôi bị xước vào thành bể, lúc đi bơi sáng nay.” Miếng băng không lộ ra ngoài, dán ở bụng chân bên trong quần cô mặc. Chắc chắn hắn đã nghĩ thấy nó. “Ngày hôm qua tôi ở Tây Virginia. Họ tìm được một thi thể ở đó, nạn nhân mới nhất của Bill Bò mộng.”

“Không hắn là *mới nhất* đâu, Clarice.”

“Gần mới nhất.”

“Đúng rồi.”

“Cô ấy bị lột da đầu. Giống như trước đó ông có nói.”

“Cô không phản đối nếu tôi vẽ trong lúc ta nói chuyện chứ?”

“Không, ông cứ tự nhiên.”

“Cô có xem xét thi thể không?”

“Có.”

“Cô đã thấy những việc làm trước đó của hắn chưa?”

“Chưa. Chỉ trên hình thôi.”

“Cô thấy thế nào?”

“Cũng sợ. Nhưng rồi sau đó tôi bận.”

“Rồi sau đó nữa?”

“Chấn động.”

“Cô vẫn làm được mọi việc bình thường chứ?” Bác sĩ Lecter xóa chỗ than chì trên mép tờ giấy gói để chỉnh sửa.

“Rất tốt. Tôi làm mọi việc rất tốt.”

“Làm cho Jack Crawford? Hay ông ta vẫn phải về nhà?”

“Ông ấy có ở đó.”

“Chiều tôi một chút thôi, Clarice. Cô có thể làm ơn gục đầu ra trước, cứ để nó gục ra trước như là cô đang ngủ ấy. Thêm một giây nữa thôi. Cảm ơn cô. Tôi xong rồi. Ngồi xuống đi, nếu cô muốn. Cô đã nói với Jack Crawford những gì tôi nói trước khi người ta tìm thấy cô ấy chứ?”

“Có. Nhưng ông ấy gạt đi.”

“Sau khi ông ta nhìn thấy thi thể ở Tây Virginia thì sao?”

“Ông ấy có nói chuyện với chuyên gia chính của mình, từ Đại học...”

“Alan Bloom.”

“Đúng thế. Tiến sĩ Bloom nói Bill Bò mọng đang tìm cách làm

đúng như nhân vật mà báo chí đã dựng lên cho hắn, hình ảnh Bill Bò mộng lột da đầu mà các tờ báo đang dựng nên. Tiến sĩ Bloom nói ai cũng có thể nhìn ra chuyện này cả.”

“Tiến sĩ Bloom có biết chuyện đó sẽ đến không?”

“Ông ấy nói có.”

“Ông ấy có thấy, nhưng giữ im lặng. Tôi hiểu. Cô thì nghĩ thế nào Clarice?”

“Tôi không chắc lắm.”

“Cô có học chút kiến thức tâm lý, chút kiến thức về pháp y. Nơi hai dòng chảy hợp lưu là chỗ cô câu cá, đúng không? Có bắt được gì không, Clarice?”

“Tới nay thì vẫn tệ.”

“Vậy hai ngành cô đã học nói gì với cô về Bill Bò mộng?”

“Theo sách vở thì hắn là kẻ bạo dâm.”

“Cuộc sống quá rắc rối so với sách vở — Clarice ạ — cown giận dữ đôi khi lại là sự ham muốn, bệnh lupus đôi khi lại biểu hiện như phát ban đỏ.” Bác sĩ Lecter thôi vẽ lên tay trái bằng tay phải, chuyển miếng than chì sang tay kia và bắt đầu vẽ lên tay phải bằng tay trái, cũng thành thục như vậy. “Ý cô là sách của tiến sĩ Bloom?”

“Vâng.

“Và cô cũng tìm tên tôi trong đó, đúng không?”

“Vâng.”

“Ông ấy tả tôi thế nào?”

“Một tay rối loạn nhân cách chống xã hội thuần túy.”

“Vậy cô có cho là bác sĩ Bloom lúc nào cũng đúng không?”

“Tôi vẫn đang chờ xem có chút minh chứng nho nhỏ nào không.”

Nụ cười của bác sĩ Lecter làm lộ ra hàm răng trắng nhỏ. “Chúng ta có chuyên gia ở mọi nơi, Clarice ạ. Bác sĩ Chilton nói Sammie — đằng sau cô kia kìa — là một bệnh nhân tâm thần phân liệt đa nhân cách dạng thanh xuân và đã mất trí không thể khôi phục được. Ông ta giam Sammie vào xà lim cũ của Miggs, vì ông ta nghĩ Sammie đã nói lời tạm biệt. Cô có biết người tâm thần phân liệt thể thanh xuân thường thế nào không? Đừng lo, anh ta không nghe thấy cô đâu.”

“Họ là những bệnh nhân khó chữa trị nhất,” cô nói. “Thông thường họ rơi vào trạng thái khép mình lại hoàn toàn và hủy hoại nhân cách.”

Bác sĩ Lecter lấy ra thứ gì đó giữa mớ giấy gói và đặt lên cái khay trượt chuyển thức ăn. Starling kéo nó ra.

“Mới ngày hôm qua Sammie gửi nó cho tôi cùng với bữa tối,” ông nói. Đó là một mẫu giấy xi măng với những nét chữ viết bằng sáp màu.

Starling đọc:

*toi muốn đến vậy jesa
toi muốn đi cùng chúa
toi sẽ đi di vớ jesa
nếu toi là việc tốt
Sammie*

Starling ngoái đầu lại nhìn. Sammie vẫn ngồi dựa vào tường xà lim với khuôn mặt trống rỗng, đầu gục vào song sắt.

“Cô làm ơn đọc to lên được không? Anh ta không nghe thấy cô đâu.”

Starling bắt đầu đọc. “Tôi muốn đến với Jesus. Tôi muốn đi cùng Chúa. Tôi sẽ được đi với Jesus. Nếu tôi làm việc tốt.”

“Không, không. Cô phải đọc diễn cảm vào, có nhấn nhá như đọc đồng dao ấy. Nhịp thơ thay đổi nhưng cường độ thì giữ nguyên.”

Lecter vỗ tay nhẹ nhàng lấy nhịp. “Thả đĩa ba ba, chớ bắt đàn bà phải tội đàn ông. Mạnh mẽ, cô thấy chưa. Nhiệt tình. ‘Toi muốn đến vầy Jesa, toi muốn đi cùng Chúa.’ ”

“Tôi hiểu rồi,” Starling nói, trả tờ giấy vào cái khay.

“Không, cô chẳng hiểu gì hết.” Bác sĩ Lecter nhảy lên, thân hình nhỏ bé của hắn bỗng trở nên kỳ cục, gập lại trong tư thế ngồi xổm như của một người lùn, và hắn nhảy tung tưng, vỗ tay bắt nhịp, giọng hắn réo lên như còi tàu, “Toi muốn đến vầy Jesa...”

Giọng Sammie nổ tung phía sau cô, buồn bã như tiếng ho của loài báo, to hơn tiếng la của loài khỉ hét. Sammie đứng dậy và đập mặt vào song sắt, tím tái và căng thẳng, gân cổ nổi lên:

*toi muốn đến vầy jesa
toi muốn đi cùng chúa
toi sẽ đi với jesa
nếu tôi là việc tóooooót*

Im lặng. Starling thấy mình đã đứng dậy và chiếc ghế gập đổ ra sau. Giấy tờ trên đùi cô rơi lung tung.

“Ngồi xuống đi,” bác sĩ Lecter nói, lại đứng thẳng và thanh nhã như một vũ công, mời cô ngồi xuống. Hắn nhẹ nhàng ngồi xuống

ghế và tì cằm vào tay. “Cô không hiểu gì cả,” hần nhắc lại. “Sammie là người rất sùng đạo. Đơn giản là anh ta thất vọng vì Jesus đến quá muộn. Tôi có thể nói Clarice nghe vì sao anh ở đây không, Sammie?”

Sammie giữ lấy phần dưới khuôn mặt mình, cố ngăn một chuyển động.

“Làm ơn đi,” bác sĩ Lecter nói.

“Được...” Sammie nói qua các ngón tay.

“Sammie đặt đầu mẹ hần lên đĩa quyền tiền tại Nhà thờ thánh Xa lộ ở Trune. Họ đang hát bài ‘Hãy dâng hiến điều tốt đẹp nhất cho Đấng tối cao’ và đó là thứ tốt đẹp nhất mà anh ta có.” Lecter nói qua vai mình. “Cảm ơn Sammie. Mọi thứ ổn cả. Giờ xem TV đi.”

Người đàn ông lệnh khênh ngồi xuống nền nhà dựa đầu vào song sắt như trước. Hình ảnh trên TV mờ ảo trong đồng tử anh ta, trên mặt anh ta có ba dòng nước ánh bạc, nước dãi và nước mắt.

“Còn bây giờ, hãy xem liệu cô có thể vận dụng những thứ đã học vào vấn đề của anh ta và có thể tôi sẽ áp dụng những điều tôi biết vào vấn đề của cô. Quid pro quo[Ⓢ]. Anh ta không nghe đâu.”

Starling phải nỗ lực hết mình. “Bài thơ chuyển từ ‘đến với Jesus’ sang ‘đi cùng Chúa,’ ” cô nói. “Một chuỗi hành động có chủ ý: đến, tới nơi, đi cùng.”

“Đúng vậy, đây là chuỗi tuyến tính. Tôi đặc biệt mừng là anh ta biết rằng ‘Jesa’ và ‘Chóa’ là một. Vậy là có tiến bộ. Ý tưởng một Chúa trời đồng thời lại là ba ngôi thật khó hiểu, đặc biệt là đối với Sammie, người không biết chính bản thân anh ta là bao nhiêu

người. Eldridge Cleaver cho chúng ta câu chuyện ngụ ngôn về loại Dầu ba trong một, và ta thấy đó là câu chuyện bồ ích.”

“Anh ta thấy được mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và mục đích của mình, đấy là tư duy có cấu trúc,” Starling nói. “Việc nắm bắt được nhịp điệu cũng vậy. Anh ta không phải loại trơ lì — anh ta khóc. Ông có cho rằng anh ta mắc chứng tâm thần phân liệt giảm trương lực không?”

“Có chứ. Cô có ngửi thấy mùi mồ hôi của anh ta không? Cái mùi dê hơi rất đặc thù này là mùi acid trans-3-methyl-2-hexenoic. Nhớ lấy, đấy là mùi của bệnh tâm thần phân liệt.

“Và ông tin là có thể chữa được cho anh ta?”

“Cụ thể là ngay lúc này, khi mà anh ta thoát khỏi trạng thái đờ đẫn. Xem má anh ta sáng bừng lên kìa.”

“Bác sĩ Lecter, sao ông nghĩ rằng Bill Bò mộng không phải là kẻ bạo dân?”

“Vì báo chí đã đưa tin rằng các thi thể có vết dây trói cổ tay, nhưng không có trên mắt cá. Cô có nhìn thấy dấu dây trói nào ở mắt cá thi thể tìm thấy ở Tây Virginia không?”

“Không.”

“Clarice, khi bị lột da với mục đích tiêu khiển, nạn nhân luôn bị treo ngược để huyết áp trên đầu và ngực được duy trì để đối tượng tỉnh táo được lâu hơn. Chắc cô biết chứ?”

“Không.”

“Lúc nào quay lại Washington, hãy tới Phòng triển lãm Quốc gia và xem bức họa *Lột da Marsyas* của họa sĩ Titian người Ý trước khi

người ta gửi trả nó về Tiệp Khắc. Chi tiết đến tuyệt vời, Titian — hãy xem anh chàng Pan mau mắn đang xách xô nước tới.”

“Bác sĩ Lecter, ở đây chúng ta đang có những tình huống đặc biệt và một số cơ hội cũng khác thường.”

“Dành cho ai?”

“Dành cho ông, nếu chúng ta cứu được người này. Ông có xem thượng nghị sĩ Martin trên TV chứ?”

“Có, tôi có xem mục tin tức.”

“Ông nghĩ gì về phát ngôn của bà ấy trên truyền hình?”

“Sai lầm nhưng vô hại. Người ta đã tư vấn cho bà ta rất tệ.”

“Bà ấy rất quyền lực — thượng nghị sĩ Martin ấy. Và quyết đoán.”

“Nói xem.”

“Tôi nghĩ ông có những nhận định đặc biệt. Thượng nghị sĩ Martin đã nói rõ là nếu ông giúp chúng tôi tìm ra Catherine Baker Martin còn sống và không bị tổn hại thì bà ấy sẽ giúp ông chuyển sang một cơ sở liên bang, và nếu ở đó có phòng có cửa sổ thì ông sẽ được ở phòng đó. Ông có thể được đề nghị nghiên cứu bản đánh giá tâm lý của các bệnh nhân mới đến — nói cách khác là một công việc. Nhưng không giảm nhẹ các biện pháp an ninh.”

“Tôi không tin đâu, Clarice.”

“Ông nên tin.”

“Ồ, tôi tin cô chứ. Nhưng còn nhiều thứ về hành vi con người mà cô chưa biết, ngoài chuyện lột da thể nào cho đúng cách. Cô làm ơn chuyển lời này cho bà thượng nghị sĩ Hoa Kỳ được chứ, kể ra thì

chọn cô làm người đưa tin cũng hơi lạ lùng.”

“Tôi là lựa chọn *của ông*, bác sĩ Lecter ạ. Ông lựa chọn để nói chuyện với tôi. Giờ thì ông có muốn ai đó khác không? Không thì chắc ông nghĩ mình không thể kiếm được ai khác.”

“Vừa láo vừa điều, Clarice ạ. Tôi không tin Jack Crawford lại chịu để tôi được nhận bất cứ bù đắp nào... Có thể tôi sẽ nói cho cô một chuyện mà cô có thể nói với bà thượng nghị sĩ, nhưng nguyên tắc làm việc bất biến của tôi là tiền trao cháo múc. Có thể tôi sẽ đổi lấy một thông tin nho nhỏ về cô. Được hay không?”

“Phải xem ông hỏi gì đã.”

“Được hay không? Catherine đang chờ đợi, phải vậy không? Đang nghe tiếng mài dao đúng không? Vậy cô nghĩ cô ta sẽ bảo cô phải làm gì?”

“Ông hỏi về tôi đi đã.”

“Ký ức tệ hại nhất thời thơ ấu của cô là gì?”

Starling hít một hơi dài.

“Nhanh hơn đi,” bác sĩ Lecter nói. “Tôi không quan tâm đến sáng kiến tệ hại nhất của cô đâu.”

“Cái chết của cha tôi,” Starling nói.

“Kể tôi nghe.”

“Ông ấy là cảnh sát Tư pháp của thành phố. Một đêm ông ấy làm hai tên trộm — hai kẻ nghiện — giật mình khi xuất hiện từ phía sau một cửa hàng. Khi ra khỏi chiếc xe bán tải của mình, ông kéo cò khẩu súng nhưng kéo cò không hết và chúng đã bắn ông ấy.”

“Kéo cò không hết?”

“Ông ấy không kéo thanh trượt hết cỡ. Đây là một khẩu súng cũ nạp đạn kiểu bơm, một khẩu Remington 870, và viên đạn bị kẹt trong ổ đạn. Khi bị thế thì khẩu súng không bắn được và phải hạ xuống để thông. Tôi nghĩ ông ấy đã làm thanh trượt va vào cửa khi ra khỏi xe.”

“Ông ấy có chết ngay không?”

“Không. Ông ấy rất khỏe. Ông ấy còn sống thêm được một tháng nữa.”

“Cô có gặp ông ấy trong bệnh viện không?”

“Bác sĩ Lecter... Có chứ.”

“Nói cho tôi nghe một chi tiết cô còn nhớ trong bệnh viện.”

Starling nhắm mắt. “Có một người lảng giềng đến, một người phụ nữ có tuổi, một quý bà độc thân và bà ấy đọc đoạn cuối bài thơ ‘Thanatopsis’[Ⓢ] cho ông nghe. Tôi đoán đấy là tất cả những gì bà ấy biết để mà nói. Thế thôi. Chúng ta trao đổi xong rồi.”

“Phải rồi. Cô rất thẳng thắn, Clarice ạ. Tôi luôn biết thế mà. Tôi nghĩ được biết một phần trong cuộc sống riêng tư của cô là chuyện rất xứng đáng.”

“Quid pro quo.”

“Cô có nghĩ cô gái được tìm thấy ở Tây Virginia ngoài đời xinh đẹp không?”

“Cô ấy ăn mặc đẹp.”

“Đừng phí thời gian của tôi với kiểu thành thực ấy.”

“Cô ấy nặng nề.”

“To cao chứ?”

“Vâng.”

“Bị bắn vào ngực?”

“Vâng.”

“Ngực phẳng, tôi nghĩ vậy.”

“Với cỡ người của cô ta thì đúng vậy.”

“Nhưng hông rộng. Rất rộng.”

“Đúng vậy. Đúng.”

“Còn gì nữa không?”

“Trong cổ họng cô ấy có một con côn trùng bị cố tình nhét vào — chuyện này chưa được công bố.”

“Có phải là một con bướm không?”

Hơi thở cô khựng lại trong một thoáng. Cô hy vọng ông ta không nghe thấy. “Là một con bướm đêm,” cô nói. “Làm ơn cho tôi biết sao ông lại đoán được điều đó.”

“Clarice, tôi sẽ nói cho cô biết Bill Bò mộng muốn có Catherine Baker Martin để làm gì, và sau đó là chúc ngủ ngon. Đây là lời cuối của tôi theo điều khoản hiện tại. Cô có thể nói với thượng nghị sĩ hấn muốn gì ở Catherine và bà ta sẽ đưa ra một đề nghị hấp dẫn hơn cho tôi... không thì bà ta có thể đợi cho tới khi Catherine nổi lên trên mặt nước và thấy rằng tôi đã đúng.”

“Hấn ta muốn có cô ấy để làm gì, bác sĩ Lecter?”

“Hắn muốn một cái áo vest có nút vú,” bác sĩ Lecter nói.

Catherine Baker Martin nằm dưới nền tảng hầm 5m. Trong bóng tối vang lên tiếng thở, tiếng trái tim cô. Đôi khi nỗi sợ nổi dậy trong ngực cô như khi kẻ đánh bẫy giết con cáo. Đôi khi cô nghĩ: cô biết mình bị bắt cóc, nhưng không biết là do ai. Cô biết mình không mơ. Trong bóng tối tuyệt đối, cô có thể nghe được tiếng chớp mắt của chính mình.

Giờ đây cô thấy tình hình của mình tốt hơn so với lúc mới tỉnh lại. Con chóng mặt đã đỡ nhiều, và cô biết ở đây có đủ không khí. Cô có thể phân biệt được *trên dưới* và cô đã cảm nhận được vị trí cơ thể mình.

Vai, hông và đầu gối cô đau vì tì vào nền xi măng chỗ cô nằm. Phía này là ở *dưới*. Bên *trên* là tấm thảm ram ráp mà cô đã bò bên dưới trong khoảnh khắc ánh sáng chói lòa, rực rỡ cuối cùng. Đầu óc cô đã thôi giật giật, và cơn đau thực sự hiện giờ chỉ là ở những ngón tay trái. Ngón đeo nhẫn đã gãy, cô biết.

Cổ mặc một bộ áo liền quần chần bông khiến cô có cảm giác là lạ. Nó sạch sẽ và có mùi nước làm mềm vải. Nền đất cũng sạch, ngoại trừ mấy cái xương gà và những cọng rau mà kẻ bắt giữ cô đã bỏ xuống cái hố này. Ngoài cô ra, ở đó chỉ có tấm thảm và một cái xô đi vệ sinh bằng nhựa có một sợi dây mảnh buộc vào quai. Có

cảm giác nó là dây dùng để buộc đồ ăn và chạy lên vùng bóng tối cao ngoài tầm cô với.

Catherine Martin có thể thoải mái di chuyển, nhưng dưới này chẳng có chỗ nào để đi. Nền hồ có hình bầu dục, kích thước khoảng 2,5m × 3m, với một cái ống thoát nước nhỏ ở giữa. Đây là đáy của một cái hồ sâu có nắp đậy. Thành hồ bằng xi măng hơi khum lại phía miệng.

Có tiếng động ở trên hay đó là tiếng tim cô đập? Tiếng động từ bên trên. Tiếng động vọng đến rõ ràng từ phía trên đầu cô. Cái hầm giam bí mật này là một phần của tầng hầm ngay dưới bếp. Tiếng những bước chân đang đi qua nền bếp, tiếng nước chảy. Tiếng chó cào móng vào vải sơn lót sàn. Im lặng và rồi sau đó là một vòng ánh sáng vàng yếu ớt chiếu qua miệng hồ mở khi đèn trong tầng hầm được bật lên. Sau đó là ánh sáng chói mắt trong hồ, và lần này thì cô ngồi vào luồng ánh sáng, tấm thảm trên hai chân, riết ráo nhìn ra xung quanh, cố gắng nhìn qua kẽ ngón tay để đôi mắt điều tiết, cái bóng của cô lắc lư xung quanh khi cái đèn chiếu được thả xuống hồ đu đưa trên sợi dây ở cao tít bên trên.

Cô co rúm người lại khi thấy cái xô dùng đi vệ sinh của mình chuyển động, bị nhấc lên, đu đưa lên trên cao với sợi dây mỏng mảnh, chậm chậm xoay trong lúc được kéo lên gần ánh sáng. Cô cố gắng nuốt nỗi sợ, do vậy hít vào quá nhiều không khí nhưng cũng gắng nói được nên lời.

“Gia đình tôi sẽ trả tiền,” cô nói. “Tiền mặt. Mẹ tôi sẽ trả tiền ngay, không cần hỏi thêm câu nào. Đây là số... *ôi!*” Một cái bóng đen chạm vào cô, chỉ là một cái khăn mặt. “Đây là số điện thoại riêng của bà ấy. Là 202...”

“Tự rửa ráy đi.”

Vẫn là giọng nói khác thường cô đã nghe nói chuyện với con chó.

Một cái xô khác được thả xuống bằng một sợi dây nhỏ. Cô ngửi thấy mùi nước xà phòng ấm.

“Cởi ra và tự lau người đi, nếu không mày sẽ bị phun nước đấy.” Và nói với con chó, giọng nhỏ dần, “Phải, nó sẽ bị xối nước, phải không nào Tình yêu, nó sẽ bị xối nước đấy.”

Catherine Martin nghe thấy tiếng chân và tiếng móng chó trên nền nhà bên trên tầng hầm. Những hình ảnh nhòe nhoẹt cô nhìn thấy ngay sau khi đèn tắt đã biến mất. Cô có thể nhìn được. Miệng hở cao bao nhiêu, cái dây treo ngọn đèn chiều có chắc không? Liệu cô có thể với tới nó bằng bộ quần áo này không, hay dùng khăn mặt vin vào được cái gì đấy. *Làm gì đó đi chứ, chết tiệt.* Bức tường thật nhẵn, một cái ống nhẵn thín dựng đứng.

Có một khe nứt trong xi măng phía trên tầm với của cô khoảng 30cm, khiêm khuyết duy nhất mà cô có thể nhìn thấy. Cô cuộn tấm thảm chặt hết sức và lấy khăn mặt buộc lại. Đứng lên trên đó, loạng choạng với cái khe nứt, cô bấm móng tay vào đó để giữ thăng bằng và nhìn lên chỗ có ánh sáng. Liếc nhìn vào chỗ sáng. Đây là một cái đèn chiều có chao đèn, treo cách miệng hở chỉ khoảng 30cm và cao hơn tầm với của cô chừng 3m, nó cách xa cứ như mặt trăng, và hần đang đến, thẳm lại chao đảo khiến cô phải bấu vào khe nứt trên tường để giữ thăng bằng. Lúc nhảy xuống, một mảnh vụn rơi sượt qua mặt cô.

Một thứ gì đó nữa được đưa xuống qua chỗ sáng, một cái vôi.

Một lần xịt nước lạnh như băng, một lần dọa dẫm.

“Tự lau người đi. Hết cả người.”

Trong xô có một cái khăn lau người và trên mặt nước nổi một cái chai nhựa đựng kem dưỡng da nước ngoài đất tiền.

Cô làm theo, tay và đùi nổi gai ốc còn hai núm vú đau nhức, và co rúm người trong không khí lạnh giá, cô ngồi xuống cạnh xô nước ấm gần sát vào tường và tắm.

“Giờ thì lau người và bôi kem đi. Bôi cả người.”

Kem đã ấm lên nhờ nước tắm. Chất ẩm của nó làm bộ áo liền quần dính vào da cô.

“Giờ thì nhặt rác và lau sàn đi.”

Cô cũng làm theo, thu gom chỗ xương gà và nhặt chỗ hạt đậu. Cô cho chúng vào xô và thấm những vết mỡ nhỏ trên xi măng. Có thứ gì khác nữa gần tường. Những mảnh vụn rơi xuống từ vết nứt bên trên. Đây là một cái móng tay người, được sơn bóng và bị bật rất sâu vào thịt trong lúc vội vàng.

Cái xô được kéo lên.

“Mẹ tôi sẽ trả tiền,” Catherine Martin nói. “Mà không hỏi han gì. Bà ấy sẽ trả đủ để tất cả các người thành giàu có. Nếu đó là vì sự nghiệp, Iran hay Palestine hay Giải phóng người da đen, bà ấy sẽ trả tiền. Các người chỉ cần...”

Đèn tắt. Bóng tối bất thành linh và hoàn toàn.

Cô co rúm người lại rồi “uuuuuu!” khi chiếc xô vệ sinh được thả xuống cạnh cô. Cô ngồi lên tắm thử, đầu óc quay cuồng. Giờ thì cô tin rằng kẻ bắt cô có một mình, rằng hắn là một người Mỹ da trắng.

Cô cố tạo ra ấn tượng là cô không biết hắn là người thế nào, da màu gì hay có bao nhiêu người, rằng ký ức của cô về bãi đỗ xe đã bị xóa sạch vì những cú đánh vào đầu. Cô hy vọng hắn tin rằng hắn có thể an toàn khi thả cô. Đầu cô liên tục làm việc, làm việc và ít nhất là nó làm việc quá tốt.

Cái móng tay, ai đó đã từng ở đây. Một phụ nữ, một cô gái đã ở đây. Giờ thì cô ta ở đâu? Hắn đã làm gì cô ta?

Nếu không bị sốc và mất phương hướng thì cô cũng không mất nhiều thời gian lắm để hiểu ra. Và lọ kem dưỡng da đã giúp cô. Da. Cô đã biết kẻ bắt cô là ai. Nhận thức đó rơi xuống cô như một thứ khủng khiếp bỗng rất nhất trên đời, và cô la hét, la hét mãi bên dưới tấm thảm, đứng dậy để cổ trèo lên, cào cấu vào tường, la hét cho tới khi bật ho ra thứ âm ỉm và mằn mặn trong miệng, hai tay bưng mặt, máu dính dính trên mu bàn tay và rồi cô nằm co quắp bất động trên tấm thảm, hai tay ôm đầu.

Đồng 25 xu của Clarice Starling rơi vào hộp điện thoại trong phòng nghỉ tồi tàn dành cho hộ lý. Cô quay số gọi chiếc xe tải.

“Crawford.”

“Tôi đang gọi điện thoại công cộng bên ngoài trại giam an ninh tối đa,” Starling nói. “Bác sĩ Lecter hỏi tôi xem con côn trùng ở Tây Virginia có phải bướm không. Hắn không nói gì thêm. Hắn nói Bill Bò mộng cần Catherine Martin vì, tôi trích nguyên văn, ‘hắn muốn một cái áo vest có nút vú.’ Bác sĩ Lecter muốn trao đổi. Hắn muốn ‘một đề nghị thú vị hơn’ từ thượng nghị sĩ.”

“Hắn có dừng ở đó không?”

“Có.”

“Theo cô thì mất bao lâu nữa hắn mới nói chuyện lại?”

“Tôi nghĩ vài ngày nữa, nhưng tôi nghĩ nên tấn công hắn ngay bây giờ nếu tôi có được một đề nghị dạng khẩn cấp nào đó từ phía bà thượng nghị sĩ.”

“Phải khẩn cấp thôi. Chúng ta đã xác định được căn cước cô gái ở Tây Virginia, Starling à. Một tấm thẻ dấu tay của người mất tích từ Detroit đã đánh động bộ phận Nhận dạng khoảng nửa tiếng trước. Kimberly Jane Emborg, 24 tuổi, mất tích ở Detroit từ ngày 7 tháng

Hai. Chúng ta đang tìm kiếm nhân chứng tại nơi cô ấy ở. Nhân viên giám định pháp y ở Charlottesville nói cô ấy chết trước ngày 11 tháng Hai, có thể là trước đó một ngày, ngày 10.”

“Hắn chỉ giữ cô ta sống có ba ngày,” Starling nói.

“Chu kỳ của hắn ngày càng ngắn hơn. Tôi không nghĩ điều đó có gì ngạc nhiên.” Giọng Crawford đều đều. “Hắn đã bắt Catherine Martin khoảng 26 giờ đồng hồ. Tôi nghĩ nếu Lecter có thể nhả được tin gì thì hắn sẽ nhả ra trong cuộc nói chuyện tới với cô. Tôi đang ở văn phòng chi nhánh Baltimore, chiếc xe chỉ chuyển cuộc gọi của tôi đến cho tôi thôi. Tôi có một phòng cho cô tại Hojo, cách bệnh viện hai dãy nhà nếu cô cần chợp mắt.”

“Hắn ranh mãnh lắm, ông Crawford. Hắn không tin ông sẽ để cho hắn có thứ gì đó tốt đẹp. Hắn chỉ chịu nói về Bill Bò mòng khi tôi trao đổi thông tin cá nhân cho hắn. Tôi không nghĩ là ở đây có bất cứ mối liên hệ trực tiếp nào giữa những câu hỏi của hắn và vụ án... Ông có muốn biết những câu hỏi ấy là gì không?”

“Không.”

“Có phải đấy là lý do mà ông không bắt tôi phải đeo máy không? Ông nghĩ rằng như thế sẽ dễ dàng hơn cho tôi, tôi sẽ thoải mái nói cho hắn nghe chuyện của tôi và làm hắn hài lòng, nếu không có ai khác nghe được.”

“Đây là một khả năng khác cho cô: nếu tôi tin vào nhận định của cô thì sao hả Starling? Nếu tôi nghĩ cô là phát súng tốt nhất của tôi và tôi muốn tránh cho cô phiền hà từ những kẻ đoán già đoán non thì sao? Liệu như thế thì tôi có bắt cô phải đeo máy không?”

“Không, thưa ông.” Ông *nổi tiếng về khả năng dùng quân, phải*

không thừa ông Tôm càng? “VẬY chúng ta có đề nghị gì cho bác sĩ Lecter?”

“Có vài thứ tôi gửi đến cho cô đây. Năm phút nữa là có thôi, trừ phi cô muốn nghỉ ngơi một chút trước đã.”

“Tôi muốn làm ngay bây giờ,” Starling nói. “Ông bảo họ chuyển lời cho Alonzo. Nói với Alonzo là tôi sẽ gặp anh ta ở hành lang ngoài Ban 8.”

“Năm phút,” Crawford nói.

Starling đi đi lại lại trên lớp vải lót sàn của gian phòng nghỉ tồi tàn sâu dưới đất. Cô là vật sáng duy nhất trong phòng.

Không mấy ai trong chúng ta chuẩn bị sẵn sàng khi ở ngoài đồng cỏ hay trên các lối đi rải sỏi; chúng ta thường làm việc đó một cách vội vàng ở những nơi không có cửa sổ, trong hành lang bệnh viện, trong những căn phòng như căn phòng này với chiếc ghế sofa nhựa nứt vỡ và gạt tàn Cizano, nơi những tấm rèm lửng che đi lớp bê tông trần trụi. Trong những căn phòng như thế này, có rất ít thời gian, chúng ta chuẩn bị sẵn những cử chỉ, tập chúng đến thuần thục để chúng ta có thể thực hành khi bị số phận làm cho kinh hãi. Starling đủ lớn để biết điều đó. Cô không để cho căn phòng ảnh hưởng đến mình.

Starling đi đi lại lại. Cô ra dấu vào không khí. “Đừng nản chí, cô gái,” cô nói thành tiếng. Cô nói câu đó với Catherine Martin và cô nói câu đó với chính mình. “Chúng ta hơn căn phòng này nhiều. Chúng ta tốt hơn cái chỗ khốn kiếp này nhiều,” cô nói ra miệng. “Chúng ta tốt hơn bất cứ chỗ nào mà hấn nhốt em. Giúp tôi. Giúp tôi. Giúp tôi đi.” Trong một thoáng cô nghĩ đến cha mẹ đã khuất. Cô tự hỏi liệu

họ có xấu hổ vì cô lúc này không — chỉ câu hỏi ấy thôi, không phải là sự phù hợp của nó, không phải sự thích đáng — mà chỉ là câu hỏi người ta hay hỏi vậy thôi. Câu trả lời là không, họ sẽ không phải xấu hổ vì cô.

Cô rửa mặt rồi đi ra hành lang.

Hộ lý Alonzo đã đứng ở hành lang với một bưu phẩm dán kín từ Crawford. Bên trong là một bản đồ và những chỉ đạo. Cô đọc nhanh chỉ đạo trong ánh đèn hành lang và bấm nút để Barney cho cô vào.

Bác sĩ Lecter đang ngồi ở bàn xem xét thư từ. Starling thấy thoải mái đến gần cái xà lim hơn khi hắn không nhìn cô.

“Bác sĩ.”

Hắn giơ một ngón tay lên ra hiệu im lặng. Đọc xong bức thư, hắn ngồi trầm ngâm, ngón tay cái của bàn tay sáu ngón đỡ cằm, ngón tay trở đặt cạnh mũi. “Cô nghĩ thế nào về chuyện này?” hắn nói, đặt bức thư vào khay thức ăn.

Đó là bức thư từ Văn phòng Bằng sáng chế Mỹ.

“Là về cái đồng hồ Chúa bị đóng đinh trên thập ác của tôi,” bác sĩ Lecter nói. “Họ không cấp bằng sáng chế cho tôi, nhưng họ khuyên tôi đăng ký bản quyền mặt đồng hồ. Cô xem đi.” Hắn đặt một bản vẽ to bằng chiếc khăn ăn vào khay và Starling kéo ra. “Hắn cô biết là trong hầu hết các bức đóng đinh thập giá thì cánh tay chỉ, ờ, 3 giờ kém 15 hay 2 giờ kém 10 là sớm nhất, trong khi đó chân thì chỉ 6 giờ. Trên mặt cái đồng hồ này thì Jesus đang ở trên thập giá, như cô thấy đấy, và cánh tay thì quay để chỉ giờ, giống như những cánh tay trên những cái đồng hồ rất phổ biến của Disney. Chân vẫn chỉ 6 giờ và ở trên cùng là một kim giây nhỏ quay trong vòng hào quang. Cô thấy thế nào?”

Bản phác thảo cơ thể người rất đẹp. Cái đầu là đầu cô.

“Ông sẽ bị mất nhiều chi tiết khi thu nhỏ nó thành mặt đồng hồ đeo tay,” Starling nói.

“Đúng vậy, thật không may, nhưng nghĩ tới đồng hồ treo tường xem. Cô có nghĩ là nó sẽ an toàn nếu không có bằng sáng chế chứ?”

“Ông sẽ mua đồng hồ đeo tay chạy pin, phải không? Và chúng cũng đã được bảo hộ sáng chế rồi. Tôi không chắc lắm, nhưng tôi nghĩ bằng sáng chế chỉ áp dụng cho những thiết bị cơ khí độc đáo còn bản quyền thì áp dụng cho thiết kế.”

“Nhưng cô không phải luật sư, phải không? FBI không đòi hỏi như vậy nữa.”

“Tôi có một đề nghị cho ông,” Starling nói và mở cặp tài liệu.

Barney đang đến. Cô lại đóng cặp tài liệu vào. Cô ghen với sự bình thản cao độ của Barney. Mắt anh ta không có biểu hiện dưng ma túy và đằng sau đó là trí thông minh không tòi.

“Xin lỗi,” Barney nói. “Nếu cô cần xử lý nhiều giấy tờ thì trong tủ kia có một cái bàn học sinh mà các bác sĩ tâm thần vẫn dùng. Cô cần chứ?”

Trường học, hình ảnh. Có hay không?

“Giờ ta có thể nói chuyện được chứ, bác sĩ Lecter?”

Gã bác sĩ giơ bàn tay lên.

“Được, Barney. Cảm ơn anh.”

Cô đã yên vị còn Barney ở một khoảng cách đủ an toàn. “Bác sĩ

Lecter, bà thượng nghị sĩ có một đề nghị đáng xem xét đấy.”

“Còn phải xem thế nào đã. Cô nói chuyện với bà ấy sớm thế à?”

“Vâng. Bà ấy không tiếc thứ gì hết. Đây là tất cả những gì bà ấy làm được, nên kỳ kèo cũng vô ích. Một đề xuất cuối cùng, lấy hoặc bỏ.” Cô ngược nhìn lên từ chiếc cặp tài liệu.

Bác sĩ Lecter, kẻ đã giết hại chín người, chống ngón tay dưới mũi và đang nhìn cô. Đằng sau đôi mắt hắc là màn đêm không đáy.

“Nếu ông giúp chúng tôi kịp tìm ra Bill Bò mộng và cứu được Catherine Martin an toàn, ông sẽ có những thứ dưới đây: được chuyển sang bệnh viện Quản lý Cựu chiến binh ở Oneida Park New York, sang một xà lim có cửa sổ nhìn ra cánh rừng quanh bệnh viện. Các biện pháp an ninh tối đa vẫn được áp dụng. Ông sẽ được yêu cầu đánh giá các bản trắc nghiệm tâm lý của một số tù nhân liên bang, và đó có thể là những người không bị giam ở chỗ ông. Ông sẽ đánh giá mà không biết người đó là ai. Không danh tính. Ông sẽ được đọc một lượng sách hợp lý.” Cô ngừng đầu.

Im lặng cũng có thể chế nhạo người ta.

“Điều tốt nhất, đáng kể nhất: mỗi năm ông được ra khỏi bệnh viện để tới đây một tuần.” Cô để bản đồ lên khay thức ăn. Bác sĩ Lecter không kéo vào.

“Đảo Plum,” cô nói tiếp. “Mỗi buổi chiều trong tuần đó ông được đi dạo trên bãi biển hoặc tắm biển mà không bị giám sát trong phạm vi 70m, nhưng đội đặc vụ sẽ chịu trách nhiệm theo dõi. Vậy đấy.”

“Nếu tôi từ chối?”

“Có thể ông được treo vài bức rèm lửng ở đó. Có thể sẽ hữu ích.

Chúng tôi không có gì để đe dọa ông cả, bác sĩ Lecter. Cái mà tôi có là một cách để ông có thể nhìn thấy ánh sáng ban ngày.”

Cô không nhìn hắn. Cô không muốn chơi trò đấu mắt vào lúc này. Đây không phải là cuộc xung đột.

“Catherine Martin có đến nói chuyện với tôi không — chỉ về kẻ bắt cóc cô ta thôi — nếu tôi đồng ý? Chỉ nói chuyện *độc quyền* với tôi thôi.”

“Có. Ông có thể coi đó là chuyện đương nhiên.”

“Sao cô biết là đương nhiên? Ai cho phép?”

“Chính tôi sẽ đưa cô ấy đến.”

“Nếu cô ấy chịu đến.”

“Vậy ta phải hỏi cô ấy trước, đúng không?”

Hắn kéo khay vào. “Đảo Plum.”

“Ở mũi của Long Island nhìn ra, về phía Bắc ấy.”

“Đảo Plum. Trung tâm Bệnh truyền nhiễm súc vật đảo Plum (Liên bang, nghiên cứu bệnh lở mồm long móng). Nó viết thế. Nghe hấp dẫn đấy.”

“Đấy chỉ là một phần của đảo thôi. Nó có một bãi biển xinh đẹp và nhiều khu vực hay ho. Chim yến làm tổ ở đây vào mùa xuân.”

“Chim yến.” Bác sĩ Lecter thở dài. Hắn hơi nghiêng đầu và chạm đầu lưỡi đỏ vào giữa đôi môi đỏ. “Nếu chúng ta nói về chuyện này, thì Clarice ạ, tôi phải được gì đó. Quid pro quo. Tôi nói chuyện cho cô và cô nói cho tôi.”

“Ông nói đi,” Starling nói.

Cô phải đợi cả một phút hần mới nói. “Một con sâu bướm trở thành nhộng trong kén. Rồi nó xuất hiện, chui ra từ phòng biến hóa bí mật thành một con trùng đẹp đẽ. Cô có biết con trùng là gì không, Clarice?”

“Một con côn trùng có cánh trưởng thành.”

“Nhưng còn gì nữa?”

Cô lắc đầu.

“Đây là một thuật ngữ từ một nhánh đã chết của phân tâm học. Trùng là hình ảnh cha mẹ bị chôn vùi trong vô thức từ tuổi thơ và gắn với tình cảm thời thơ ấu. Từ này xuất phát từ những tượng chân dung bán thân bằng sáp của tổ tiên mà người La Mã cổ đem theo trong tang lễ... Thậm chí cả Crawford vô cảm cũng phải thấy được tầm quan trọng trong cái kén côn trùng chứ.”

“Không có cơ sở gì ngoài việc đối chiếu danh sách đăng ký các tạp chí côn trùng học với những tên tội phạm tình dục đã biết trong chỉ mục mô tả.”

“Trước hết, hãy bỏ qua Bill Bò mộng. Đây là một từ gây hiểu lầm và không liên quan gì đến kẻ cô muốn. Để thuận tiện ta hãy gọi hần là Billy. Tôi sẽ tóm lược cho cô những gì tôi nghĩ. Sẵn sàng chưa?”

“Sẵn sàng.”

“Ý nghĩa của cái kén là sự thay đổi. Con sâu thành con bướm, hay con bướm đêm. Billy nghĩ rằng hần ta muốn thay đổi. Hần may cho mình một bộ quần áo con gái từ những người thật. Do đó nạn nhân là những người to lớn — hần phải có bộ vừa người. Số nạn nhân cho thấy rằng hần có thể coi đó là một chuỗi lần thay lông. Hần làm việc đó trong một ngôi nhà hai tầng, cô đã tìm hiểu vì sao hần lại

chọn nhà hai tầng rồi chứ?”

“Có một đạo hán đã treo họ trên cầu thang.”

“Đúng vậy.”

“Bác sĩ Lecter, tôi chưa bao giờ nhìn thấy sự liên hệ nào giữa việc chuyển giới và bạo lực — những người chuyển giới thường là những người thụ động.”

“Đúng vậy, Clarice. Đôi khi cô thấy xu hướng nghiện phẫu thuật — về mặt thẩm mỹ, những kẻ chuyển giới là những kẻ rất kỹ tính — nhưng chỉ có thể thôi. Billy không thực sự là một kẻ chuyển giới. Cô đang đến rất gần, Clarice, gần tới cách bắt được hắn. Cô có nhận thấy không?”

“Không, bác sĩ Lecter.”

“Tốt. Vậy thì chắc cô không phiền kể cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra với cô sau cái chết của cha cô chứ?”

Starling nhìn xuống mặt bàn học xước xát.

“Tôi thì không nghĩ là câu trả lời có trong đồng giấy tờ của cô đâu, Clarice ạ.”

“Mẹ nuôi anh em chúng tôi cùng nhau trong hơn hai năm.”

“Làm việc gì?”

“Làm dọn phòng khách sạn vào ban ngày, tối đến thì nấu nướng ở quán cà phê.”

“Rồi sau đó?”

“Tôi đến nhà vợ chồng người em họ của mẹ ở Montana.”

“Mình cô thôi à?”

“Tôi lớn nhất mà.”

“Thị trấn không làm gì cho gia đình cô à?”

“Một tấm séc 500 đô.”

“Không có bảo hiểm thì cũng lạ nhỉ. Clarice, cô nói là cha cô va thanh trượt lên đạn súng vào cửa cái xe bán tải của ông ấy phải không?”

“Vâng.”

“Ông ấy không có xe tuần tra sao?”

“Không.”

“Chuyện đó xảy ra vào ban đêm phải không.”

“Vâng.”

“Ông ấy không có súng ngắn à?”

“Không.”

“Clarice, ông ấy làm việc ban đêm, trong một chiếc xe bán tải, chỉ được trang bị một khẩu súng trường... Nói tôi nghe xem ông ấy tình cờ có đeo máy đếm giờ[Ⓢ] trên thắt lưng không? Cái loại mà người ta đặt các trạm kiểm tra ở khắp thị trấn, và ta phải đi đến tất cả các trạm đó, dùng cái máy nhỏ nhỏ trong tay ta để xác nhận. Làm như vậy để những người quản lý thành phố biết rằng ta không đi ngủ, không bỏ bê công việc. Nói tôi biết ông ấy có mang một cái như thế không, Clarice.”

“Có.”

“Ông ấy là người tuần đêm thôi, phải không Clarice? Ông ấy chẳng phải là cảnh sát. Tôi sẽ phát hiện ra cô nói dối đấy.”

“Mô tả công việc ghi là canh sát tuần đêm.”

“Chuyện gì xảy ra với nó?”

“Chuyện gì xảy ra với cái gì?”

“Cái máy đếm giờ. Chuyện gì xảy ra với nó khi cha cô bị bắn?”

“Tôi không nhớ.”

“Nếu cô nhớ thì cô có nói cho tôi không?”

“Có. Chờ chút — ngài thị trưởng có đến bệnh viện và hỏi xin mẹ tôi cái máy và huy hiệu.” Cô không ngờ mình biết chuyện đó. Ngài thị trưởng mặc bộ vest đi dạo và đôi giày Hải quân đồ thừa. *Quân khố kiếp*. “Quid pro quo, bác sĩ Lecter.”

“Cô có bao giờ nghĩ chỉ một chút thôi, là cô bịa ra câu chuyện này không? Không, nếu cô bịa chuyện thì nó sẽ không bốc mùi. Chúng ta đang nói về những kẻ chuyển giới. Cô nói rằng bạo lực và hành vi hủy hoại dị thường không có quan hệ thống kê trong chuyển giới. Đúng vậy. Cô có nhớ chúng ta nói gì về cơn giận được biểu hiện như sự ham muốn, và bệnh lupus lại có biểu hiện như phát ban đỏ không? Billy không phải là kẻ chuyển giới, Clarice, nhưng hấn nghĩ mình như vậy, và hấn cố tỏ ra như vậy. Hấn cố tỏ ra là nhiều thứ, tôi cho là như thế.”

“Ông nói là điều đó giúp chúng tôi tiến gần tới cách để tóm hấn?”

“Có ba trung tâm phẫu thuật chuyển giới chính: Viện John Hopkins, Đại học Minnesota và Trung tâm Y tế Columbus. Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu hấn có đăng ký chuyển giới tính ở một hoặc tất cả các trung tâm này và đã bị từ chối.”

“Lấy căn cứ gì mà người ta từ chối hấn, có chuyện gì nổi cộm?”

“Cô rất nhanh trí, Clarice ạ. Lý do thứ nhất có thể là tiền án. Có tiền án thì không đủ điều kiện, ngoại trừ án đó tương đối vô hại và do kẻ gây án có vấn đề trong nhận thức về giới tính của mình. Mặc quần áo khác giới ở nơi công cộng chẳng hạn, một vụ nào tương tự như thế. Nếu hắn dối trá thành công về án tích nghiêm trọng thì dựa vào những bản điều tra nhân cách là tóm được hắn.”

“Bắt kiểu gì?”

“Ta phải biết cách để sàng lọc bọn họ, phải không?”

“Phải.”

“Sao cô không hỏi tiến sĩ Bloom xem?”

“Vì tôi muốn hỏi ông.”

“Cô được gì từ chuyện này hả Clarice, thăng chức hay tăng lương? Cô là gì vậy, một G-9? Thời buổi này thì một G-9 nhỏ bé thì có được cái gì?”

“Một chìa khóa mở ra một cánh cửa lớn, ít ra là thế. Hắn thể hiện như thế nào trong các chẩn đoán?”

“Cô có thích Montana không Clarice?”

“Montana cũng được.”

“Cô có quý chồng của em họ mẹ cô không?”

“Chúng tôi không hợp nhau.”

“Họ thế nào?”

“Mệt mỏi vì công việc.”

“Có những đứa trẻ khác không?”

“Không.”

“Cô sống ở đâu?”

“Trong một trang trại.”

“Trang trại nuôi cừu à?”

“Cừu và ngựa.”

“Cô ở đấy bao lâu?”

“Bảy tháng.”

“Khi đó cô bao nhiêu tuổi?”

“Mười.”

“Sau đấy cô đi đâu?”

“Trại tế bào dòng Luther ở Bozeman.”

“Nói thật với tôi đi.”

“Tôi đang nói sự thật.”

“Cô đang vòng vo quanh sự thật. Nếu cô mệt thì ta có thể nói chuyện vào cuối tuần. Bản thân tôi cũng thấy chán rồi. Hay cô muốn nói chuyện ngay bây giờ.”

“Ngay bây giờ, bác sĩ Lecter.”

“Được rồi. Một đứa trẻ bị tách khỏi mẹ mình và bị gửi đến một trang trại ở Montana. Một trang trại nuôi cừu và ngựa. Nhớ mẹ, hứng thú với lũ động vật...” Bác sĩ Lecter dang tay mời Starling nói tiếp.

“Ở đấy tuyệt vời. Tôi có phòng riêng trải thảm Ấn Độ. Họ cho tôi cưỡi ngựa — họ cho tôi cưỡi một con ngựa cái đi loanh quanh, nó

nhìn không được rõ lắm. Có cái gì đó không ổn với tất cả lũ ngựa. Què quặt và ốm yếu. Vài con ngựa được nuôi lớn cùng với lũ trẻ con, và chúng sẽ — ông biết đấy — hí lên với tôi lúc tôi ra xe buýt đến trường.”

“Sau đó thì sao?”

“Tôi tìm được một thứ kỳ lạ trong nhà kho. Trong đó họ có một phòng nhỏ chứa đồ dành cho ngựa. Tôi nghĩ thứ đó là một loại mũ bảo hiểm cũ. Lấy xuống xem thì tôi thấy trên đó có in chữ ‘Dụng cụ giết ngựa nhân bản của W. W. Greener’. Đó là một kiểu mũ sắt hình chuông, trên đỉnh có chỗ chứa một băng đạn. Có thể là đạn cỡ .32.”

“Có phải trang trại đó nuôi ngựa lấy thịt không, Clarice?”

“Phải, đúng vậy.”

“Họ có giết chúng trong trang trại không?”

“Chỉ những con dùng để lấy keo dán và phân bón. Người ta có thể xếp sáu con vào xe tải nếu chúng đã chết. Những con dùng làm thức ăn cho chó thì người ta kéo đi lúc còn sống.”

“Còn con ngựa cái mà cô thường cưỡi thì sao?”

“Chúng tôi bỏ trốn cùng với nhau.”

“Cô đi được bao xa?”

“Tôi đi được xa tới mức tôi sẽ đi cho tới khi ông nói rõ về chuyện chẩn đoán cho tôi.”

“Cô có biết thủ tục trắc nghiệm những người đàn ông đăng ký phẫu thuật chuyển giới không?”

“Không.”

“Sẽ có ích nếu cô đem cho tôi một bản sao phác đồ của bất cứ trung tâm nào, nhưng trước hết tôi cần: các bài trắc nghiệm thông thường bao gồm Thang trí tuệ người trưởng thành của Wechsler, Nhà-Cây-Người[Ⓢ], Rorschach, Tự phác thảo nhân cách, trắc nghiệm tổng giác theo chủ đề, tất nhiên là MMPI và một số bài trắc nghiệm nữa — Jenkins[Ⓢ], tôi nghĩ vậy, là bài trắc nghiệm do Đại học New York phát triển. Cô cần có thứ gì đấy mà cô có thể nhanh chóng nhìn ra, phải không? Phải không Clarice?”

“Càng nhanh càng tốt.”

“Xem nào... Giả định của chúng ta là ta đang tìm kiếm một người đàn ông trắc nghiệm khác với cách một người chuyển giới thực thụ trắc nghiệm. Được rồi — trong bài Nhà-Cây-Người, trước tiên hãy tìm ai đó không vẽ hình người phụ nữ. Những người chuyển giới nam luôn vẽ hình người phụ nữ trước và họ thường rất chú ý tới đồ trang sức của người phụ nữ họ vẽ. Hình người đàn ông do họ vẽ thường là những khuôn mẫu đơn giản — có một số ngoại lệ đáng ghi nhận khi họ vẽ ngài Hoa Kỳ[Ⓢ] — nhưng nhìn chung thì không có gì khác biệt nhiều.

“Hãy tìm kiếm một bức vẽ ngôi nhà không thể hiện một ‘tương lai tươi sáng’ — không có xe nô đùa em ngoài cửa, không có rèm, không có hoa trong sân.

“Về phần cây, với những người chuyển giới thực sự thường có hai chủ đề. Một là hình ảnh cây liễu rủ tươi tốt lá. Hai là những hình ảnh liên tưởng đến việc cắt xén, tức *thiến*. Những cái cây bị cắt do lẽ của bức tranh hoặc lẽ giấy — những hình ảnh cắt xén ấy — lại tràn đầy sự sống trong tranh của những người chuyển giới thực sự. Những cái cây bị cắt một phần nhưng lại sum suê hoa trái. Đây là

một sự khác biệt rất quan trọng. Chúng rất khác những cái cây bị cắt cụt, chết khô và hoảng sợ mà cô nhìn thấy trong tranh do những người không ổn định tâm lý vẽ. Đây là một ý hay này — cái cây của Billy sẽ rất khủng khiếp. Tôi có đi nhanh quá không?”

“Không đâu, bác sĩ Lecter.”

“Trên bức tranh tự vẽ mình, một người chuyển giới không bao giờ vẽ mình trần truồng. Đừng để bị đánh lừa bởi một lượng nhất định những hoang tưởng trong mấy tấm thẻ trắc nghiệm tổng giác theo chủ đề — điều đó tương đối phổ biến ở những đối tượng chuyển giới, những người thường xuyên mặc quần áo khác giới. Họ thường gặp rắc rối với nhà chức trách. Tôi có cần phải tóm tắt lại không?”

“Có, tôi muốn được tóm tắt.”

“Cô cần tìm cách lấy được danh sách của những người bị từ chối từ cả ba trung tâm thay đổi giới tính. Trước hết hãy kiểm tra những người bị từ chối do có tiền án — và trong số đó hãy tìm kỹ những tên trộm. Trong số những kẻ tìm cách che giấu tiền án, hãy tìm kiếm những kẻ có tuổi thơ không yên bình và phải chịu bạo hành, — có thể là bị giam khi còn nhỏ. Sau đó mới đến các bài trắc nghiệm. Cô đang tìm một người đàn ông da trắng, dưới 35 tuổi và có thể trạng khá to lớn. Hắn không phải là người chuyển giới, Clarice ạ. Hắn chỉ nghĩ hắn là thế mà thôi, hắn cảm thấy khó hiểu và giận dữ vì họ không giúp hắn. Đây là tất cả những gì tôi muốn nói, tôi nghĩ vậy, cho tới khi tôi đọc hồ sơ vụ án. Cô sẽ để nó lại cho tôi chứ?”

“Vâng.”

“Và cả những tấm hình nữa.”

“Chúng cũng nằm trong đó.”

“Còn cô thì nên nhanh lên với những gì cô có, Clarice ạ. Và chúng ta sẽ xem cô làm việc thế nào.”

“Tôi cần biết làm thế nào mà ông...”

“Không. Đừng quá tham lam, chúng ta sẽ nói chuyện vào tuần tới. Hãy quay lại chừng nào có tiến triển. Hoặc không có gì. Và Clarice này?”

“Vâng.”

“Lần sau cô sẽ nói với tôi hai chuyện. Thứ nhất là chuyện gì xảy ra cho con ngựa. Và điều khác nữa mà tôi muốn biết là cô xử lý cơn giận của mình như thế nào?”

Alonzo đến đón cô. Cô ôm sổ sách lên ngực, cúi đầu bước đi, cố gắng ghi nhớ tất cả. Háo hức bầu không khí ngoài trời, cô thậm chí còn không nhìn vào văn phòng Chilton khi rảo bước ra khỏi bệnh viện.

Đèn của bác sĩ Chilton vẫn bật. Người ta có thể nhìn thấy ánh sáng lọt ra dưới cửa.

Xa bên dưới rặng đông màu gỉ sắt của Baltimore, nhà tù an ninh tối đa đang sôi sục. Phía dưới — nơi chẳng bao giờ có bóng tối — những người bị giam cầm cảm nhận ngày mới khi những con hầu trong thùng há miệng chờ những cơn thủy triều đã mất. Những tạo vật của Chúa khóc than chìm vào giấc ngủ giờ lại khóc than lần nữa còn những kẻ điên loạn thì hăng giọng.

Bác sĩ Hannibal Lecter đứng thẳng đơ ở cuối hành lang, mặt hấn cách tường 30cm. Lớp vải bố nặng nề quán hấn chặt cứng vào một chiếc xe đẩy hàng cao như thể hấn là một chiếc đồng hồ quả lắc cũ kỹ. Bên trong lớp vải hấn mặc áo trói và bị xích chân. Một cái mặt nạ khúc côn cầu chụp lên mặt hấn để phòng cản xé. Nó làm một miếng rọ miệng rất hiệu quả, đồng thời lại không quá ẩm ướt vì nước miếng như khi dùng giẻ — làm cho công việc của những hộ lý trở nên dễ dàng hơn.

Phía sau bác sĩ Lecter, một hộ lý nhỏ bé, hơi gù đang lau chùi xà lim của hấn. Barney giám sát việc lau dọn được thực hiện ba tuần một lần này, đồng thời khám xét tìm hàng lậu. Lao công thường hay làm vội vàng vì họ thấy chỗ của bác sĩ Lecter hơi ma quái. Barney kiểm tra phía sau họ. Anh ta kiểm tra mọi thứ và không bỏ qua bất cứ thứ gì.

Chỉ một mình Barney giám sát việc xử lý bác sĩ Lecter vì Barney chưa bao giờ quên anh ta đang xử lý việc gì. Hai người trợ lý của anh ta xem chương trình điểm tin khúc côn cầu trên truyền hình.

Bác sĩ Lecter thì tự giải trí — hẳn có nguồn giải trí nội tại dồi dào nên có thể tự mua vui cho mình trong nhiều năm liền. Suy nghĩ của hẳn được giải phóng khỏi sự sợ hãi hay sự tử tế tầm thường cũng giống như Milton không bị ràng buộc bởi thực tại[©]. Trong suy nghĩ hẳn, hẳn đang tự do.

Thế giới nội tâm của hẳn đầy mùi vị và màu sắc, và không có nhiều âm thanh. Thực ra hẳn đã phải hơi căng tai ra để nghe được giọng nói của Benjamin Raspail quá cổ. Bác sĩ Lecter nghĩ ngợi về chuyện hẳn giao Jame Gumb cho Clarice Starling, thấy việc nhớ lại Raspail thật hữu ích. Và đây là anh chàng thối sáo béo phì trong ngày cuối cùng của đời mình, đang nằm trên ghế trị liệu của Lecter kể cho hẳn nghe về Jame Gumb:

Phòng của Jame là cái phòng tồi tệ nhất mà người ta có thể hình dung nổi trong cái tòa nhà tồi tàn ấy ở San Francisco, tường màu hoa cà với đầy đó những mảng sơn tự phát sáng mang tính phân tâm học từ thời kỳ hippy, mọi thứ cũ nát kinh khủng.

Jame — giấy khai sinh của cậu ấy viết như thế đấy — cậu ấy dùng đúng tên đấy và ông phải gọi là *Jame* không có s đằng sau, không là cậu ấy phát điên ngay, dù vẫn biết đấy là lỗi của bệnh viện — họ thuê mấy đứa ăn hại đến nỗi viết cả cái tên cũng không xong. Thời buổi này thậm chí còn tệ hại hơn nữa, đi bệnh viện khéo còn bị mất mạng ấy chứ. Lại nói về Jame, cậu ấy ngồi trên giường, tay ôm đầu trong căn phòng tởm lợm ấy, vừa bị cửa hàng bán đồ cổ đuổi việc vì lại làm chuyện tệ hại mà.

Tôi bảo tôi không thể chịu nổi cách cư xử của cậu ấy. Đúng vào khoảng thời gian Klaus vừa mới xuất hiện trong đời tôi. Tất nhiên Jame không đồng tính thật đâu, đấy chỉ là cái tật cậu ấy nhiễm trong tù. Cậu ấy thật sự không phải cái loại vớ vẩn, chỉ là kiểu như thiếu thốn mọi thứ và muốn lấp đầy thôi, cho nên cậu ấy uất ức lắm. Ông luôn có cảm giác căn phòng trống rỗng đi một chút khi cậu ấy bước vào. Ý tôi là cậu ấy *giết* ông bà mình lúc mới 12 tuổi. Người dễ tổn thương như thế thì nên được thừa nhận chứ, phải không?

Vậy là cậu ấy đây, thất nghiệp, cậu ấy sẽ lại làm chuyện xấu lần nữa với những kẻ giá áo

túi cơm bất hạnh. Tôi thì đi rồi. Cậu ấy đến bưu điện và lấy thư từ của người chủ cũ với hy vọng là có thể bán được cái gì đó. Thế rồi cậu ấy tìm được cái bưu phẩm gửi từ Malaysia, hay từ đâu đó ở khu đấy. Cậu ấy háo hức mở ra thì hóa ra đó là một cái va-li đầy bướm bướm chết.

Lão chủ cậu ấy gửi tiền cho giám đốc bưu điện ở tất cả mấy cái đảo kia và thế là họ gửi cho lão vô số hộp bướm chết. Lão nhúng chúng vào nhựa trong và rồi chế ra đủ các thứ đồ trang trí xấu xí nhất có thể hình dung ra — và lão còn dám gọi mấy thứ đó là tác phẩm nghệ thuật cơ. Bọn bướm này hoàn toàn vô tích sự đối với Jame nên cậu ấy thọc tay vào va-li, nghĩ rằng có thể có đá quý giấu bên dưới — đôi khi người ta kiếm được cả lác tay gửi đến từ Bali — nhưng cậu ấy chỉ kiếm được phần bướm dính trên ngón tay. Chẳng có cóc khô gì. Cậu ấy ngồi xuống giường, hai tay ôm đầu, tay và mặt lem luốc phần bướm. Cuộc đời cậu ấy thì đã thực sự chạm đáy vực rồi, ai trong chúng ta chẳng từng như thế, thế là cậu ấy khóc. Cậu ấy nghe thấy có tiếng động nhỏ, hóa ra đấy là một con bướm trong cái va-li đang mở. Nó đang cố chui ra khỏi một cái kén bị ném vào cùng với lũ bướm và nó trèo được ra ngoài. Trong không khí có bụi bay ra từ lũ bướm và bụi bay trong ánh nắng chiếu vào từ cửa sổ — ông hãy hình dung cái cảnh ấy nó chói lọi kinh khủng đến thế nào khi ai đó tả lại cho ông khi ông đang phê. Cậu ấy nhìn nó vươn cánh ra. *Con bướm to quá*, cậu ấy nói. Màu xanh lá. Cậu ấy mở cửa cho nó bay đi, thế rồi cậu ấy cảm thấy thật nhẹ nhõm và cậu ấy biết mình cần phải làm gì.

Jame tìm đến ngôi nhà nhỏ bên bờ biển mà Klaus và tôi sống chung, và sau một buổi tập trở về nhà, tôi thấy cậu ấy ở đó. Nhưng tôi không thấy Klaus đâu. Klaus không có đó. Tôi hỏi Klaus đâu thì cậu ấy nói đang đi bơi. Tôi biết thừa là cậu ấy nói dối vì Klaus có đi bơi bao giờ đâu. Thái Bình Dương sóng quá mạnh. Thế rồi lúc mở tủ lạnh — trời, ông biết tôi thấy cái gì không. Cái đầu của Klaus nhìn ra từ phía sau bình nước cam. Jame cũng đã làm cho mình một chiếc tạp dề — ông biết đấy — bằng da Klaus. Cậu ấy đeo vào và hỏi tôi có thích cậu ấy trong bộ dạng như thế không. Tôi đoán hẳn ông sẽ thấy kỳ lạ rằng tôi không hề động đến Jame. Cậu ấy đang bất ổn, cậu ấy thậm chí còn bất ổn hơn khi ông gặp cậu ấy. Tôi nghĩ một phần là do cậu ấy thấy kinh ngạc vì ông không sợ cậu ấy.

Rồi sau đó là những từ cuối cùng mà Raspail nói:

Tôi băn khoăn không hiểu tại sao bố mẹ tôi lại không giết chết tôi trước khi tôi đủ lớn để gạt họ.

Cái cán dài thanh mảnh của con dao găm nhỏ rung rinh khi quả tim bị đâm thủng của Raspail vẫn đập, và bác sĩ Lecter nói. “Giống cộng rơm đung đưa trước gió nhỉ?” Nhưng lúc đó đã là quá muộn để Raspail trả lời.

Bác sĩ Lecter nhớ từng lời và còn nhiều hơn nữa. Những suy

nghĩ thú vị để giết thời gian khi người ta làm vệ sinh xà lim của hân.

Clarice Starling rất thông minh, gã bác sĩ nghĩ. Cô ta có thể tìm ra Jame Gumb dựa vào những gì hân đã nói, nhưng sẽ khá tốn thời gian. Để bắt được hân đúng lúc, cô ta cần thông tin cụ thể hơn. Bác sĩ Lecter chắc chắn rằng khi hân đọc chi tiết của các vụ án, những gợi ý sẽ tự xuất hiện — có thể sẽ liên quan đến việc học nghề của Gumb trong trại cải tạo thanh thiếu niên sau khi hân giết chết ông bà mình. Hân sẽ trao Gumb cho cô ta vào ngày mai, và sẽ nói đủ rõ ràng sao cho cả Crawford cũng không thể không nhận ra. Ngày mai việc này sẽ xong.

Bác sĩ Lecter nghe thấy tiếng chân đằng sau và TV bị tắt đi. Hân cảm thấy chiếc xe bị đẩy nghiêng. Bây giờ sẽ bắt đầu một quy trình mất thời giờ, nhằm chán là thả hân vào xà lim. Việc này lúc nào cũng được làm theo cùng một cách. Trước hết, Barney và tay trợ thủ sẽ nhẹ nhàng đặt hân nằm sấp xuống giường. Sau đó Barney lấy khăn trói chân hân vào thanh chắn ở chân giường, tháo xiềng chân và sau đó, được yểm trợ bởi hai người trợ thủ được trang bị bình xịt hơi cay và dùi cui, sẽ tháo nút phía sau áo trói và đi lùi ra khỏi xà lim, khóa tấm lưới và cánh cửa bằng song sắt, để bác sĩ Lecter tự gỡ mình ra khỏi mớ dây trói. Sau đó bác sĩ sẽ đổi những thiết bị này lấy bữa sáng. Quy trình này được thực thi từ khi bác sĩ Lecter tấn công một y tá, và nó có tác dụng rất tốt đối với tất cả mọi người.

Nhưng hôm nay quy trình này bị gián đoạn.

Cái xe đẩy chở bác sĩ Lecter hơi nảy lên khi lăn qua ngưỡng cửa xà lim. Trong xà lim, bác sĩ Chilton đang ngồi trên giường, lật giở giấy tờ riêng tư của bác sĩ Lecter. Chilton đã cởi cà vạt và áo khoác. Bác sĩ Lecter có thể nhìn thấy thứ gì đó như cái huân chương treo trên cổ hắn.

“Dừng ông ta lên cạnh nhà vệ sinh, Barney,” bác sĩ Chilton nói mà không ngẩng đầu lên. “Anh và hai người kia đợi ở chỗ của mình.”

Bác sĩ Chilton đọc nốt bức thư trao đổi cuối cùng giữa bác sĩ Lecter và Tổng thư khố ngành Tâm thần học. Ông ta ném bức thư lên giường rồi ra ngoài xà lim. Một tia sáng lóe lên sau chiếc mặt nạ khúc côn cầu khi đôi mắt của bác sĩ Lecter dõi theo ông ta, nhưng đầu bác sĩ Lecter không hề động đậy.

Chilton đi tới chỗ cái bàn nhỏ trong hành lang, cúi xuống một cách cứng nhắc để lấy một thiết bị nghe trộm nhỏ đặt dưới ghế.

Hắn ve vẩy nó trước hai hốc mắt trên chiếc mặt nạ của bác sĩ Lecter và lại ngồi xuống chỗ lúc nãy trên giường.

“Tôi cứ nghĩ cô ta có thể đang tìm kiếm bằng chứng về xâm phạm quyền công dân trong cái chết của Miggs, nên tôi đã nghe,”

Chilton nói. “Nhiều năm rồi tôi chưa được nghe giọng ông — tôi nhớ lần gần đây nhất ông đã đưa ra các câu trả lời sai lệch khi tôi phỏng vấn ông rồi sau đó ông nhạo báng tôi trong các bài báo của ông đăng trên tờ *Journal*. Thật khó tin là nhận định của một tù nhân lại có giá trị gì đó trong cộng đồng chuyên gia phải không? Nhưng tôi vẫn còn đây. Còn ông thì vẫn ở kia.”

Bác sĩ Lecter im lặng.

“Hàng năm trời im lặng, và rồi Jack Crawford cử cô ả kia đến và ông nhũn như con chi chi, phải không? Cái gì làm ông thành ra như thế, Hannibal? Có phải là do cặp giò thon chắt kia? Hay mái tóc óng ả của cô nàng? Cô ta tuyệt đấy chứ? Xa cách và tuyệt vời. *Một buổi hoàng hôn mùa đông*, đó là cách tôi nghĩ về cô ta. Tôi biết đã lâu ông chưa nhìn thấy hoàng hôn mùa đông, nhưng hãy tin tôi đi.

“Ông chỉ còn một ngày nữa với cô ta thôi. Sau đó bên điều tra án mạng của Baltimore sẽ tiếp quản việc hỏi cung. Bọn họ sẽ bắt vít ghế xuống sàn cho ông trong phòng liệu pháp sốc điện. Cái ghế sẽ gắn bộ để tiện cho ông. Và cũng tiện cho họ nối dây điện nữa. Tôi thì sẽ dính dáng gì cả.

“Ông đã hiểu chưa? Họ *biết* đấy, Hannibal. Họ biết rằng ông biết đích xác Bill Bò mộng là ai. Họ nghĩ có thể ông đã chữa trị cho hắn. Khi tôi nghe cô Starling hỏi về Bill Bò mộng, tôi thấy thật ngạc nhiên. Tôi gọi điện cho một người bạn ở Phòng điều tra án mạng Baltimore. Họ tìm thấy một con côn trùng trong hòng Klaus, Hannibal ạ. Họ biết rằng Bill Bò mộng giết hắn ta. Crawford cố tình để ông nghĩ rằng ông thông minh. Tôi thì không nghĩ là ông biết rằng Crawford rất căm ông vì đã xé thịt quân của ông ta. Giờ thì ông ta tóm được ông rồi. Ông vẫn thấy mình thông minh chứ?”

Bác sĩ Lecter nhìn đôi mắt Chilton lướt trên những sợi dây buộc chiếc mặt nạ. Rõ ràng là ông ta muốn tháo nó ra để có thể nhìn mặt Lecter. Lecter tự hỏi liệu Chilton có làm việc đó theo cách an toàn, tức là từ phía sau hay không. Nếu ông ta làm từ phía trước, ông ta sẽ phải với tay vòng qua đầu bác sĩ Lecter, gí sát những mạch máu màu xanh trên cánh tay vào mặt Lecter. Nào, bác sĩ. Lại gần đây. Không, ông ta quyết định không làm vậy.

“Ông vẫn nghĩ là sẽ được chuyển tới chỗ nào đó có cửa sổ? Ông nghĩ là mình sẽ được đi dạo trên bãi biển và ngắm chim chóc? Tôi thì không nghĩ vậy. Tôi đã gọi cho thượng nghị sĩ Ruth Martin và bà ta chưa từng nghe nói đến một thỏa thuận nào với ông cả. Tôi phải nhắc bà ấy ông là ai. Bà ấy cũng chưa bao giờ nghe nói đến Clarice Starling. Lừa đảo cả đấy. Chúng ta thường cho rằng phụ nữ là những kẻ *tâm thường*, không thật thà, nhưng vụ này thì thật sốc, ông có nghĩ thế không?

“Khi họ đã vắt kiệt ông, Hannibal ạ, Crawford sẽ cáo buộc ông tội che giấu thông tin tội phạm. Ông sẽ thoát bằng luật M’Naghten[©], tất nhiên rồi, nhưng thẩm phán sẽ không thích đâu. Ông đã ngồi nhìn sáu người mất mạng. Thẩm phán sẽ chẳng bận tâm ông sống ổn hay không đâu.

“Không có cửa sổ đâu, Hannibal ạ. Ông sẽ dành cả phần đời còn lại ngồi trên nền nhà trong một bệnh viện bang để nhìn ngắm xe chở bĩm qua lại. Răng ông sẽ rụng, sức khỏe sẽ mất đi và không còn ai sợ hãi gì ông nữa và ông sẽ chuyển sang một nhà tù ở một nơi như Flendauer. Bọn tù nhân trẻ sẽ thúc vào đít ông và dùng ông để thỏa mãn tình dục khi chúng hưng chí. Tất cả những gì ông được đọc chỉ là những thứ ông viết lên tường. Ông nghĩ là tòa sẽ quan tâm ư?

Ông đã nhìn thấy những ông già rồi mà. Họ khóc than khi họ không thích món mơ hằm.

“Jack Crawford và cục bông của ông ta. Họ sẽ công khai đi lại với nhau sau khi vợ ông ta chết. Ông ta sẽ ăn mặc trẻ trung hơn và chơi môn thể thao nào đó mà họ có thể chơi chung với nhau. Họ đã thân mật với nhau ngay sau khi Bella Crawford bị ồm, và chắc chắn là họ không lừa được ai với những trò đó. Họ sẽ được cất nhắc và họ sẽ chẳng buồn nghĩ tới ông quá một lần một năm. Mà chưa biết chừng cuối cùng Crawford lại muốn đích thân đến để nói với ông là ông *nhận được* gì. Khoe khoang. Tôi chắc chắn là ông ta còn viết sẵn cả diễn văn.

“Hannibal, ông ta không biết ông rõ như tôi. Tôi nghĩ nếu ông ta dò hỏi ông thông tin, ông sẽ lại vắng tục mà thôi.”

Cũng đúng, bác sĩ Lecter nghĩ. Jack thật ranh ma — cái vẻ ngoài gốc Scotland-Ireland lù đù chậm hiểu đấy quả là dễ đánh lừa người khác. Mặt hắn ta đầy sọc nếu mình biết cách quan sát. Được rồi, có thể vẫn còn chỗ cho một hai cái nữa đây.

“Tôi biết ông sợ hãi điều gì. Không phải là đau đớn, không phải cô đơn. Mà ông không chịu được mất phẩm giá, Hannibal ạ, ông giống mèo ở điểm này đấy. Tôi lấy danh dự của tôi ra mà bảo đảm là tôi luôn quan tâm tới ông, Hannibal ạ, đúng vậy đấy. Trong mối quan hệ của chúng ta không hề có tính toán cá nhân nào, từ phía bản thân tôi. Và bây giờ tôi đang quan tâm tới ông đây.

“Chưa bao giờ có bất cứ thỏa thuận nào cho ông — với thượng nghị sĩ Martin — nhưng giờ thì có rồi. Hoặc có thể có. Tôi đã thay mặt cho ông và vì lợi ích của cô nàng kia mà gọi điện hàng giờ liền. Tôi sẽ nói với ông điều kiện thứ nhất: ông chỉ phát ngôn thông qua

tôi. Chỉ một mình tôi được đăng bài về cuộc phỏng vấn thành công tôi tiến hành với ông. Ông không gửi đăng bất cứ thứ gì. Tôi được đọc quyền bất cứ tài liệu nào từ Catherine Martin, nếu như cô ta còn sống.

“Điều kiện này sẽ không có thương lượng gì hết. Ông phải trả lời tôi ngay bây giờ. Ông có chấp nhận điều kiện này không?”

Bác sĩ Lecter cười thầm.

“Tốt nhất là ông nên trả lời tôi ngay hoặc ông sẽ phải trả lời cho Phòng điều tra án mạng Baltimore. Và ông sẽ có được những thứ này:

“Nếu ông cung cấp danh tính Bill Bò mộng và cô gái được tìm thấy đúng lúc, thì thượng nghị sĩ Martin — bà ấy sẽ xác thực điều này qua điện thoại — thượng nghị sĩ Martin sẽ để ông chuyển đến Nhà tù bang Brushy Mountain ở bang Tennessee, ngoài tầm với của nhà chức trách Maryland. Ông sẽ nằm dưới thẩm quyền của bà ấy, thoát khỏi Crawford. Ông sẽ ở trong một xà lim an ninh tối đa có cửa sổ nhìn ra rừng. Ông sẽ có sách đọc. Và vận động ngoài trời. Các chi tiết có thể được đưa ra sau, nhưng bà ấy biết lắng nghe. Khai tên hắn ta là ông có thể đi ngay. Cảnh sát bang Tennessee sẽ tiếp quản ông tại sân bay, ông thống đốc đã đồng ý.”

Cuối cùng bác sĩ Chilton đã nói được một thứ hay ho, và ông ta thậm chí còn không biết đó là gì. Bác sĩ Lecter liếc đôi môi đỏ sau chiếc mặt nạ. Cảnh sát tiếp quản. Bọn cảnh sát không khôn ngoan được như Barney. Chúng đã quen xử lý lũ tội phạm thông thường. Chúng ưa dùng xích chân và còng tay. Còng và xích thì mở bằng chìa khóa. Giống cái của mình.

“Hắn tên là Billy,” bác sĩ Lecter nói. “Tôi sẽ nói nốt với thượng nghị sĩ. Ở Tennessee.”

Jack Crawford từ chối cốc cà phê do bác sĩ Danielson mời, tự mình lấy cốc pha Alka-Seltzer cạnh cái chậu rửa bằng thép không gỉ đằng sau chỗ của y tá. Mọi thứ ở đây đều bằng thép không gỉ: cây nước nóng lạnh, quây, sọt rác, gong kính của bác sĩ Danielson. Thứ kim loại sáng choang gợi nhớ đến các thứ đồ nghề làm Crawford cảm thấy bụng dưới nhói lên.

Chỉ có ông và người bác sĩ trong gian phòng nhỏ.

“Không được nếu không có lệnh của tòa,” bác sĩ Danielson nhắc lại — lần này thật cộc cằn — để cân bằng lại sự hiếu khách mà ông ta đã thể hiện qua cốc cà phê.

Danielson là giám đốc phòng Xác định Giới tính trong Viện John Hopkins và ông ta đã đồng ý gặp Crawford ngay khi trời mới lờ mờ sáng. “Ông phải cho tôi trát tòa riêng cho từng vụ và chúng ta sẽ tranh cãi từng vụ một. Ở Columbus và Minnesota đã nói gì với ông — chắc cũng như vậy thôi, có phải không?”

“Bây giờ Bộ Tư pháp đang yêu cầu họ. Chúng tôi phải làm việc này thật nhanh, thưa bác sĩ. Nếu cô gái ấy chưa chết thì hẳn cũng sẽ giết cô ấy sớm thôi — tối nay hoặc sáng ngày mai. Sau đó hẳn sẽ tìm nạn nhân khác,” Crawford nói.

“Chỉ riêng việc liên hệ Bill Bò mộng với những vấn đề chúng tôi đang xử lý ở đây đã là ngu xuẩn, không công bằng và nguy hiểm, thưa ông Crawford. Nó làm tóc tôi dựng đứng. Phải mất nhiều năm — mà chúng tôi vẫn chưa làm xong — để cho công chúng thấy rằng người chuyển giới không phải *điên rồ*, họ không phải lũ đòi truy, không phải đồng tính, hoặc bất cứ từ gì ghê tởm mà người ta gán cho họ...”

“Tôi đồng ý với ông...”

“Chờ chút. Hành vi bạo lực ở những người chuyển giới ít hơn rất nhiều so với những người bình thường. Họ là những người đứng đắn nhưng có vấn đề nghiêm trọng — một vấn đề nổi tiếng là khó giải quyết. Họ xứng đáng được giúp đỡ và chúng tôi có thể giúp. Sẽ không có một cuộc săn lùng tội phạm mù quáng ở đây. Chúng tôi không bao giờ xâm phạm quyền riêng tư của bệnh nhân, và chúng tôi chắc chắn sẽ không bao giờ làm như vậy. Chúng ta hãy bắt đầu từ điểm này, thưa ông Crawford.”

Đã nhiều tháng trong cuộc sống riêng tư của mình, Crawford phải chiều chuộng các bác sĩ và y tá của vợ mình, cố gắng giành cho bà được chút thoải mái ngăn ngừa nào cũng hay chút ấy. Ông đã quá chán đám bác sĩ. Nhưng đây không phải đời tư của ông. Đây là Baltimore và là công việc. Hãy tỏ ra tử tế chút.

“Thế tức là tôi vẫn chưa nói thực rõ ràng, thưa bác sĩ. Là lỗi của tôi — còn sớm quá, mà tôi thì không phải người quen dậy sớm. Chuyện là người chúng tôi muốn *không phải là bệnh nhân của ông*. Đó là người mà các ông đã *từ chối* vì nhận ra rằng anh ta *không phải là người chuyển giới*. Chúng tôi không mù quáng đâu — tôi sẽ cho ông thấy cụ thể hẳn khác như thế nào so với hình mẫu chuyển

giới đặc trưng trong những bản điều tra nhân cách của ông. Đây là một danh sách ngắn để nhân viên của ông tìm kiếm trong số những người mà các ông đã từ chối.”

Bác sĩ Danielson lấy ngón tay xoa xoa cánh mũi trong khi đọc. Ông ta trả lại tờ giấy. “Hay đấy, thưa ông Crawford. Mặc dù nó cực kỳ lạ thường, mà *lạ thường* là từ mà tôi rất ít dùng. Tôi có thể hỏi xem ai là người cho ông cái danh sách... phỏng đoán này vậy?”

Tôi không nghĩ là ông muốn biết đâu, bác sĩ Danielson ạ. “Nhân viên của ban Khoa học Hành vi,” Crawford nói, “với sự tư vấn của tiến sĩ Alan Bloom tại Đại học Chicago.”

“Alan Bloom tán thành chuyện này à?”

“Và chúng tôi không chỉ trông cậy vào các bài trắc nghiệm. Bill Bò mộng còn nổi lên trong hồ sơ của các ông theo cách khác — hẳn có thể tìm cách giấu giếm tiền án tội phạm bạo lực hoặc làm giả hồ sơ lý lịch. Hãy cho tôi xem những kẻ mà ông từ chối, thưa bác sĩ.”

Bác sĩ Danielson lắc đầu quầy quậy suốt lúc nghe. “Kết quả khám và tài liệu phỏng vấn được bảo mật.”

“Bác sĩ Danielson, làm sao mà lừa gạt và giả mạo lại là tài liệu mật được? Làm sao mà tên thật của một tên tội phạm và lý lịch thực của hắn lại thuộc phạm vi bảo mật về mối quan hệ bác sĩ-bệnh nhân được khi mà hắn ta chưa bao giờ nói cho ông biết và ông phải tự tìm hiểu? Tôi biết Viện John Hopkins làm việc rất cẩn trọng. Các ông cũng đã gặp những trường hợp như thế rồi, tôi chắc chắn như vậy. Những kẻ nghiệm phẫu thuật đăng ký ở bất cứ nơi nào có làm phẫu thuật thẩm mỹ. Không băn khoăn gì về bệnh viện hay bệnh nhân hợp lệ. Ông nghĩ bọn điên rồ không xin vào làm việc ở FBI à?”

Chúng tôi thường xuyên gặp phải bọn họ. Tuần trước có một tay tóc như nồi đất úp đến xin việc ở St. Louis. Hắn ta có một khẩu súng chống tăng bazooka, hai quả đạn rocket và một cái mũ shako da gấu trong cái túi đựng đồ đánh golf.”

“Các ông có tuyển hắn không?”

“Hãy giúp tôi, bác sĩ Danielson. Chúng tôi không còn nhiều thời gian nữa. Trong khi chúng ta đang đứng ở đây thì Bill Bò mộng có thể đang biến Catherine Martin thành một trong những thứ này.” Crawford đặt một bức ảnh lên cái quầy sáng loáng.

“Đừng làm thế,” bác sĩ Danielson nói. “Đây là trò dọa trẻ con. Tôi từng là bác sĩ phẫu thuật trong chiến tranh, ông Crawford ạ. Cất cái ảnh của ông vào túi đi.”

“Tất nhiên rồi, một bác sĩ phẫu thuật có thể chịu được cảnh một thi thể bị cắt xẻo,” Crawford nói, bóp bẹp cái cốc và giẫm vào bàn đạp của cái thùng rác đóng kín. “Nhưng tôi không nghĩ bác sĩ lại có thể làm ngơ khi một người sắp mất mạng.” Ông vứt cái cốc vào thùng rác và cái nắp sập xuống kèm một âm thanh khẽ khàng. “Đề nghị tốt nhất của tôi là thế này: Tôi không đòi hỏi thông tin bệnh nhân mà chỉ thông tin về đơn đăng ký do ông lựa chọn khi tham khảo những hướng dẫn này. Ông và Ủy ban Nghiên cứu Tâm thần học của ông có thể xử lý những đơn đăng ký bị từ chối nhanh hơn tôi rất nhiều. Nếu chúng tôi tìm được Bill Bò mộng từ thông tin của ông, tôi sẽ không dǎ động đến Viện Hopkins. Tôi sẽ kiếm một cái cơ khác để báo cáo.”

“Liệu Viện John Hopkins có được trở thành nhân chứng được bảo vệ không, thưa ông Crawford? Liệu chúng tôi sẽ có danh tính mới không? Chuyển chúng tôi sang Cao đẳng Bob Jones chẳng

hạn? Tôi rất nghi ngờ việc FBI hay bất cứ cơ quan chính phủ nào có thể giữ bí mật được lâu.”

“Ông sẽ ngạc nhiên đấy.”

“Tôi nghi ngờ chuyện đó. Cố gắng thoát khỏi sự dối trá vụng về quan liêu thì còn nguy hại hơn là đơn giản nói ra sự thật. Làm ơn đừng bao giờ bảo vệ chúng tôi theo cách đó, cảm ơn ông rất nhiều.”

“Cảm ơn *ông*, bác sĩ Danielson, vì những nhận xét hài hước của ông. Chúng rất có ích cho tôi — tôi sẽ cho ông thấy ngay bây giờ. Ông thích sự thật — vậy thử cái này xem nhé. Hẳn ta bắt cóc những phụ nữ trẻ tuổi và lột da họ. Hẳn mặc những tấm da đó và làm đủ trò kỳ cục. Chúng tôi không muốn hấn lặp lại chuyện đó nữa. Nếu ông không giúp tôi nhanh nhất có thể, thì đây sẽ là những gì tôi làm với ông: đến khi trời sáng, Bộ Tư pháp sẽ công khai yêu cầu một trát tòa, với lý do ông đã từ chối giúp đỡ. Chúng tôi sẽ yêu cầu hai lần một ngày, thừa thời gian cho các bản tin sáng và tin chiều. Mọi thông cáo báo chí từ Bộ Tư pháp về vụ này cũng sẽ nói chúng tôi đã làm việc với bác sĩ Danielson ở Viện John Hopkins để thuyết phục ông ta hợp tác như thế nào. Mỗi khi có bản tin về vụ Bill Bò mộng — khi Catherine Martin chết trôi, khi nạn nhân tiếp theo chết trôi, và nạn nhân tiếp sau nữa — chúng tôi sẽ ngay lập tức phát thông cáo báo chí về việc chúng tôi đã làm việc như thế nào với bác sĩ Danielson ở Viện John Hopkins, kèm theo mấy lời hài hước của ông về Cao đẳng Bob Jones.

“Một việc nữa, thưa bác sĩ. Ông biết không, Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh ở ngay Baltimore này. Tôi đang nghĩ đến Văn phòng Chính sách Hợp lệ và tôi cũng cho là *ông* đã nghĩ đến nó rồi? Nếu như thượng nghị sĩ Martin, lúc nào đó sau tang lễ con gái, hỏi những

người ở Văn phòng này câu hỏi: liệu các ca phẫu thuật thay đổi giới tính mà các ông thực hiện ở đây có được coi là phẫu thuật thẩm mỹ không? Có thể họ sẽ gãi đầu gãi tai và quyết định, ‘Sao nhỉ, anh biết đấy, bà thượng nghị sĩ Martin *đúng* đấy.’ Đúng. Chúng tôi nghĩ đó là phẫu thuật thẩm mỹ. Và sau đó, chương trình này không còn được nhận hỗ trợ liên bang nữa, cũng giống như bất cứ bệnh viện sửa mũi nào khác.”

“Ông lãng mạ tôi đấy.”

“Không hề, đó là sự thật.”

“Ông đừng đe dọa, đừng khủng bố tôi...”

“Tốt. Tôi cũng chẳng muốn làm cả hai chuyện ấy, thưa bác sĩ. Tôi chỉ muốn ông biết là tôi nghiêm túc. Giúp tôi đi, bác sĩ, làm ơn đi.”

“Ông nói là ông đang làm việc với Alan Bloom phải không?”

“Đúng vậy. Đại học Chicago...”

“Tôi biết Alan Bloom, và tôi muốn thảo luận vấn đề này trên phương diện chuyên môn. Hãy nói với ông ấy là sáng nay tôi sẽ liên hệ với ông ấy. Tôi sẽ nói với ông quyết định của tôi trước giờ trưa. Tôi lo cho cô gái ấy chứ, ông Crawford. Và những người khác nữa. Nhưng có quá nhiều nghi vấn ở đây và tôi không nghĩ là nó lại quan trọng với ông đến như vậy... Ông Crawford, gần đây ông đã đo huyết áp chưa?”

“Tôi tự đo.”

“Và ông có tự kê đơn cho mình không?”

“Như thế là phạm luật, thưa bác sĩ Danielson.”

“Nhưng ông có bác sĩ chứ?”

“Có.”

“Hãy chia sẻ những gì ông phát hiện ra với ông ta nhé. Tất cả chúng tôi sẽ mất mát rất nhiều nếu ông đột tử đấy. Lát nữa ông sẽ nghe tin của tôi.”

“Lát nữa là bao lâu, bác sĩ? Một tiếng nữa được chứ?”

“Một tiếng nữa.”

Máy nhắn tin của Crawford vang lên khi ông ra khỏi thang máy ở tầng trệt. Lái xe của ông — Jeff — đang vẫy Crawford khi ông rảo bước đi tới chiếc xe tải. *Cô ấy chết rồi và họ đã tìm thấy cô ấy.* Crawford nghĩ khi ông vồ lấy điện thoại. Là Giám đốc gọi tới. Tin tức chưa đến mức tồi tệ nhất, nhưng đủ tồi tệ: Chilton đã thọc vào vụ này và bây giờ thì bà thượng nghị sĩ Martin can thiệp. Tổng chưởng lý bang Maryland, theo chỉ thị từ thống đốc, đã cho phép chuyển bác sĩ Hannibal Lecter sang bang Tennessee. Sẽ phải dùng đến toàn bộ quyền hạn của Tòa án liên bang và Chính quyền Maryland để có thể ngăn chặn hay trì hoãn vụ này. Ngài Giám đốc muốn có quyết định riêng của Crawford ngay bây giờ.

“Chờ chút,” Crawford nói. Ông giữ ống nghe trên đùi và nhìn ra ngoài cửa sổ xe. Tháng Hai không có nhiều màu sắc cho những tia sáng đầu tiên trong ngày tìm gặp. Tất cả đều màu xám. Thật ảm đạm.

Jeff toan nói gì đó nhưng Crawford giơ tay ngăn lại.

Cái bản ngã quái vật của Lecter. Tham vọng của Chilton. Sự lo lắng của bà thượng nghị sĩ đối với con gái mình. Mạng sống của Catherine. Quyết định đi.

“Hãy cứ để họ đi,” ông nói vào điện thoại.

Bác sĩ Chilton và ba cảnh sát bang Tennessee đồng phục chỉnh tề đứng sát vào nhau trên đường băng lộng gió vào lúc rạng đông, cao giọng nói át tiếng ồn của liên lạc vô tuyến phát ra từ cánh cửa đang mở của chiếc máy bay Grumman Gulfstream và từ chiếc xe cứu thương đang nổ máy đỗ ở bên cạnh.

Viên đại úy chỉ huy đưa cho bác sĩ Chilton cây bút máy. Những tờ giấy bay phấp phới vì gió lộng khiến viên cảnh sát phải cố giữ chúng nằm xuống.

“Không thể đợi đến sau khi cất cánh à?” Chilton hỏi.

“Thưa ngài, chúng tôi phải hoàn thành giấy tờ trước khi bàn giao phạm nhân. Đây là mệnh lệnh tôi nhận được.”

Viên phi công phụ đã cố định xong tám ván trượt trên bậc thang lên xuống của máy bay. “Được rồi,” anh ta gọi.

Những cảnh sát tập hợp cùng bác sĩ Chilton phía sau chiếc xe cứu thương. Khi ông ta mở cửa sau, họ căng thẳng như thể đang chờ thứ gì đó nhảy ra.

Bác sĩ Hannibal Lecter đứng thẳng trong chiếc xe đẩy, trói chặt bằng đai vải và đeo chiếc mặt nạ khúc côn cầu. Barney đang cầm xô cho hắn đi tiểu.

Một viên cảnh sát cười khinh khỉnh. Hai người kia nhìn đi chỗ khác.

“Xin lỗi,” Barney nói với bác sĩ Lecter rồi đóng cửa lại.

“Không sao, Barney,” bác sĩ Lecter nói. “Tôi xong rồi, cảm ơn anh.”

Barney chỉnh trang lại quần áo của bác sĩ Lecter, đoạn đẩy hắn ta ra sau xe cấp cứu.

“Barney?”

“Vâng, bác sĩ Lecter?”

“Lâu nay anh luôn tử tế với tôi. Cảm ơn anh.”

“Không có gì.”

“Lúc nào Sammie tỉnh táo, làm ơn tạm biệt cậu ta giúp tôi được chứ?”

“Chắc chắn rồi.”

“Tạm biệt Barney.”

Người hộ lý to lớn mở cửa và gọi ba người cảnh sát. “Các anh đỡ găm xe được chứ? Cầm cả hai bên nhé. Ta sẽ đặt ông ta xuống đất. Nhẹ nhàng thôi.”

Barney đẩy bác sĩ Lecter theo ván trượt lên máy bay. Ba chiếc ghế bên phải máy bay đã được tháo ra. Viên phi công phụ siết chặt chiếc xe đẩy vào khung ghế trên sàn.

“Đề ông ấy nằm à?” một cảnh sát hỏi. “Ông ấy có mặc quần lót cao su chưa đấy?”

“Ông phải nhịn tiểu cho tới Memphis đấy, ông bạn ạ,” một cảnh

sát khác nói.

“Bác sĩ Chilton, tôi nói chuyện với ông được chứ?” Barney nói.

Họ đứng bên ngoài máy bay trong lúc gió không ngừng xoáy rác và bụi xung quanh.

“Mấy anh chàng này không biết gì hết,” Barney nói.

“Phía bên kia tôi sẽ nhờ người giúp — những hộ lý có kinh nghiệm về thần kinh. Giờ thì ông ta thuộc trách nhiệm của họ rồi.”

“Ông nghĩ họ sẽ đối xử với ông ta tốt chứ? Ông biết ông ta mà — ông phải dọa ông ta bằng sự buồn chán. Ông ta chỉ sợ mỗi chuyện ấy thôi. Hành hạ ông ta không giúp ích gì đâu.”

“Tôi không bao giờ cho phép chuyện đó, Barney.”

“Ông sẽ có mặt khi họ thẩm vấn ông ta chứ?”

“Có.” *Còn anh thì không*, Chilton nghĩ thầm.

“Tôi có thể đi cùng để giúp sắp xếp cho ông ta ở đó và sẽ trở lại đây sau ca làm việc một hoặc hai tiếng thôi,” Barney nói.

“Ông ấy không còn là việc của cậu nữa rồi, Barney. Tôi sẽ ở đó. Tôi sẽ chỉ cho họ cách xử lý ông ta. Từng bước một.”

“Họ nên tập trung cao độ vào,” Barney nói. “*Ông ta* sẽ để ý đấy.”

Clarice Starling ngồi ở mép giường trong khách sạn và nhìn chăm chăm vào chiếc điện thoại màu đen tới gần một phút sau khi Crawford bỏ máy. Tóc rối bù, cô quần chiếc áo ngủ Học viện FBI quanh mình để lặn vào một giấc ngủ ngắn. Cô cảm thấy như mình vừa bị đá vào dạ dày.

Mới ba tiếng đồng hồ trôi qua từ khi cô tạm biệt bác sĩ Lecter, và mới hai giờ từ khi cô và Crawford làm xong danh sách các điểm đặc trưng để so sánh với những hồ sơ tại các trung tâm y khoa. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó — trong khi cô ngủ — bác sĩ Frederick Chilton đã làm hỏng hết mọi chuyện.

Crawford đang đến chỗ cô. Cô cần phải sẵn sàng, phải chuẩn bị để sẵn sàng.

Mẹ kiếp, MẸ kiếp, MẸ KIẾP. Ông giết cô ấy mất rồi, bác sĩ Chilton. Ông giết cô ấy rồi, bác sĩ Chó đẻ. Lecter còn biết nhiều chuyện và lẽ ra tôi đã moi được rồi. Mất hết rồi, mất sạch cả rồi. Mọi thứ vô nghĩa rồi. Khi xác Catherine Martin nổi lên, tôi sẽ đảm bảo là ông phải nhìn thấy cô ấy, thề là tôi sẽ làm thế. Ông lấy mất cuộc điều tra của tôi rồi. Mình phải nghĩ ra việc gì đó để làm. Ngay bây giờ. Bây giờ mình có thể làm gì nhỉ, ngay giây phút này mình có thể làm gì nhỉ? Đi tắm.

Trong phòng tắm có một cái giỏ đựng xà phòng thơm, dầu gội và sữa tắm, một bộ đồ khâu vá nhỏ, những thứ tiêu chuẩn của một phòng khách sạn tầm tầm ven đường.

Bước vào dưới vòi hoa sen. Starling thoáng thấy hình ảnh của mình lúc tám tuổi mang khăn, dầu gội và xà phòng cho mẹ khi mẹ cô dọn phòng cho một khách sạn bên đường như thế này. Khi cô tám tuổi, có một con quạ — một con trong đàn quạ hay chao liệng giữa những cơn gió rít của cái thành phố tồi tàn đó — thích ăn trộm đồ trên xe đẩy của khách sạn. Nó lấy bất cứ thứ gì lấp lánh. Con quạ sẽ chờ đợi cơ hội để lục lọi những thứ đồ trên xe đẩy. Thỉnh thoảng, lúc nháo nhác bay đi, nó bị vướng vào mớ vải trải giường sạch. Một cô dọn phòng hất thuốc tẩy vào nó — không có hiệu quả gì ngoài việc làm cho bộ lông của nó lốm đốm những vết trắng như tuyết. Con quạ đen trắng luôn chờ đến lúc Clarice rời chiếc xe đẩy để đưa thứ gì đó cho mẹ mình đang lau chùi phòng tắm. Mẹ cô đang đứng ở cửa phòng tắm khi bà nói với cô là cô phải đi xa, đến sống ở Montana. Mẹ cô đặt chỗ khăn mặt trên tay xuống rồi ngồi ở cạnh giường, ôm cô vào lòng. Starling vẫn còn mơ thấy con quạ, nhìn thấy nó ngay lúc này đây mà không có thời gian để nghĩ tại sao. Tay cô giờ lên định xua đuổi con quạ nhưng rồi như thể để bào chữa cho cử chỉ đó, cô tiếp tục đưa tay lên vuốt mớ tóc ảm ra sau.

Cô nhanh chóng mặc quần áo. Quần dài, áo cánh và một chiếc áo vest len nhẹ, khẩu súng ổ quay nòng ngắn đeo sát sườn trong bao súng màu vàng nhạt, ổ đạn nạp nhanh đeo bên kia. Áo vest của cô cần khâu lại một chút. Một đường may trên lớp vải lót mắc vào ổ đạn. Cô quyết tâm làm mình thật bận bịu, bận bịu cho tới khi bình tĩnh lại. Cô lấy bộ đồ khâu vá nhỏ trong gói giấy để khâu lại lớp vải lót. Một vài đặc vụ khâu vòng đệm vào dưới áo complet để nó khỏi

rách, chắc cô cũng phải làm thế...

Crawford đang gõ cửa.

Theo kinh nghiệm của Crawford, cơn giận làm cho phụ nữ trở nên xơ xác. Cơn thịnh nộ làm cho tóc họ rối bù, làm thần sắc họ thê thảm và nhiều khi họ còn quên kéo khóa quần. Bất cứ nét thiếu hấp dẫn nào cũng bị phóng đại. Starling có vẻ vẫn giữ được tỉnh táo khi mở cửa phòng khách sạn, nhưng thực chất cô đang nổi điên.

Crawford chợt nghĩ có lẽ ông đã biết thêm một sự thật mới mẻ, quan trọng về cô ngay lúc này.

Mùi xà phòng và không khí đầy hơi nước ủa vào ông khi cô đứng ở cửa. Tấm vải phủ giường phía sau cô bị kéo che lên gối.

“Cô sẽ *nói* gì, Starling?”

“Tôi nói *mẹ kiếp*, ông Crawford, còn *ông* thì sao?”

Ông hất đầu. “Cửa hàng ở góc phố đã mở rồi. Ta đi uống cà phê đi.”

Đó là một buổi sáng tháng Hai êm ả. Mặt trời vẫn còn thấp ở đằng Đông, tô đỏ mặt tiền bệnh viện tâm thần khi họ đi ngang qua. Jeff lái xe tải chậm chậm đi theo sau họ, máy bộ đàm xì xèo. Một lần anh ta đưa một chiếc điện thoại qua cửa sổ cho Crawford trả lời ngắn gọn.

“Tôi có thể kiện Chilton tội cản trở hành pháp không?”

Starling đi trước một chút. Crawford có thể nhìn thấy cơ hàm cô cứng lại sau khi cô hỏi.

“Không, thế không ăn thua.”

“Nếu Chilton làm hại cô ấy thì sao, nếu Catherine chết vì ông ta? Tôi muốn đâm vào mặt ông ta quá... Cho tôi tiếp tục theo vụ này đi, ông Crawford. Đừng trả tôi về trường.”

“Có hai điều cần phải làm rõ. Nếu tôi cho cô tiếp tục thì không phải là để đâm vào mặt Chilton. Chuyện đó để sau. Thứ hai, nếu tôi giữ cô lại lâu hơn, cô sẽ lỡ mất kỳ thi và phải học lại. Sẽ mất vài tháng đấy. Học viện không ưu tiên ai hết. Tôi có thể đảm bảo là cô vẫn được tiếp tục học, chỉ vậy thôi — sẽ có chỗ cho cô, tôi hứa như vậy.”

Cô ngoảnh đầu ra sau, rồi lại cúi xuống đi tiếp. “Có thể sẽ hơi thiếu tế nhị khi hỏi câu này với cấp trên, nhưng ông có bị rắc rối không đấy? Thượng nghị sĩ Martin có gây khó dễ gì cho ông không?”

Starling, hai năm nữa tôi sẽ về hưu. Nếu tôi có tìm được Jimmy Hoffa[®] hay kẻ giết người bằng Tylenol[®] thì tôi vẫn phải nghỉ. Vậy nên chẳng đáng quan tâm đâu.”

Crawford biết là mình ước ao sự khôn ngoan và ngờ vực sự ham muốn. Ông biết rằng một người đàn ông trung niên có thể khao khát thể hiện sự thông thái đến mức ông ta có thể bịa ra điều gì đó. Và sự thông thái giả tạo sẽ vô cùng nguy hiểm cho một người trẻ tuổi tin tưởng vào ông ta. Vì vậy ông nói thận trọng, và chỉ nói những điều ông biết.

Những gì mà Crawford nói với cô trên con phố tầm thường đó ở

Baltimore là những gì ông đã học được trong những buổi binh mình lạnh cóng ở Triều Tiên, trong một cuộc chiến xảy ra trước khi cô ra đời. Ông bỏ qua phần liên quan đến Triều Tiên, ông không cần đến nó để tăng trọng lượng cho câu chuyện.

“Đây là thời kỳ khó khăn nhất, Starling ạ. Hãy tận dụng thời gian này và nó sẽ tôi luyện cô. Còn đây là bài kiểm tra khó nhất — không để cho cơn giận và nỗi thất vọng làm ảnh hưởng đến suy nghĩ của cô. Đây chính là cốt lõi của việc cô có tiềm năng lãnh đạo được hay không. Lãng phí và ngu ngốc chỉ làm tình hình thêm tệ hại. Chilton là một tay ngu xuẩn khốn nạn và hẳn có thể làm Catherine Martin mất mạng. Nhưng cũng có thể không. Chúng ta là cơ hội của cô ấy, Starling. Nitrogen lỏng trong phòng thí nghiệm lạnh đến mức nào?”

“Gì cơ? À, nitrogen lỏng... -200°C , khoảng ấy. Nó sôi ở nhiệt độ cao hơn thế một chút.”

“Cô đã bao giờ dùng nó để làm lạnh các thứ chưa?”

“Có chứ.”

“Giờ thì tôi muốn cô đóng băng một vài thứ. Hãy đóng băng câu chuyện với Chilton. Hãy giữ thông tin cô có được từ Lecter và đóng băng cảm xúc. Tôi muốn cô chú ý đến phần thưởng, Starling ạ. Đó là thứ duy nhất quan trọng. Cô đã làm việc để có được một số thông tin — đã trả giá, thu thập và bây giờ ta sẽ dùng nó. Nó vẫn còn nguyên giá trị — có ích hoặc vô dụng — như trước khi Chilton thò mũi vào chuyện này. Điều khác biệt duy nhất là chúng ta có thể sẽ không khai thác thêm được thông tin gì từ Lecter nữa. Hãy tập trung vào những thứ về Bill Bò mộng mà cô đã lấy được, đóng băng hết những thứ còn lại. — sự lãng phí, mất mát, cơn giận của cô, Chilton. Khi nào xong việc, chúng ta sẽ đá cho Chilton ngã lộn nhào. Còn giờ

thì hãy đóng băng lại và để chúng sang một bên. Để cho cô tập trung vào phần thưởng, Starling ạ. Là mạng sống của Catherine Martin, và nơi ẩn náu của Bill Bò mộng đằng sau một cánh cửa nhà kho nào đó. Hãy chú ý vào phần thưởng. Nếu cô làm được việc đó thì tôi nhiệm vụ cho cô.”

“Làm việc với hồ sơ bệnh án?”

Họ đã tới trước cửa hàng tạp hóa.

“Chưa cần thiết — trừ phi các bệnh viện không hỗ trợ chúng ta và ta phải ép họ giao hồ sơ. Tôi muốn cô đến Memphis. Chúng ta phải hy vọng Lecter nói cho thượng nghị sĩ Martin điều gì đó có ích. Nhưng tôi muốn cô luôn ở gần hắn, biết đâu đấy — nếu hắn đã chán chơi đùa với bà ta thì có thể hắn sẽ trở lại nói chuyện với cô. Trước lúc đấy, tôi muốn cô cố tìm hiểu về Catherine, xem làm thế nào mà Bill phát hiện ra cô ấy. Cô cùng tầm tuổi với Catherine. Bạn bè cô ấy có thể nói cho cô những điều mà họ không muốn nói với cảnh sát.

“Những việc khác vẫn đang tiếp tục. Interpol đang cố nhận dạng Klaus. Khi đã biết anh ta là ai thì chúng ta có thể khoanh vùng những người có liên quan ở châu Âu và California — là nơi anh ta đan dứ với Benjamin Raspail. Tôi sẽ đến Đại học Minnesota — chúng ta đi nhằm một bước ở đấy — rồi tới tôi sẽ đến Washington. Giờ tôi sẽ uống cà phê. Huýt sáo gọi Jeff đánh xe đến đi. Bốn mươi phút nữa cô phải lên máy bay.”

Mặt trời đỏ đã lên tới ba phần tư độ cao của cây cột điện thoại. Vĩa hè vẫn còn màu tím. Starling có thể chạm tay vào ánh sáng khi cô vẫy gọi Jeff.

Cô cảm thấy nhẹ nhàng hơn, dễ chịu hơn. Crawford thực sự rất

tốt. Cô biết rằng câu hỏi nho nhỏ của ông về nitrogen lỏng chính là sự công nhận kiến thức cơ bản của cô về pháp y, cốt làm cô vui và kích thích thói quen tư duy có trật tự. Cô tự hỏi không biết đàn ông có thực sự coi cách xử lý như thế là khôn khéo hay không. Thật kỳ lạ khi các thứ vẫn có thể tác động đến ta cho dù ta lường trước được điều đó. Thật kỳ lạ khi tài năng lãnh đạo đôi khi lại được thể hiện qua những hành động vụng về.

Bên kia đường, một dáng người đang đi xuống những bậc thang của Bệnh viện Tội phạm Tâm thần bang Baltimore. Đó là Barney, trông còn to lớn hơn trong chiếc áo vest lưng thùng. Anh xách theo hộp cơm trưa.

Starling nói “Năm phút” với Jeff đang đợi trong xe. Cô đuổi kịp Barney khi anh mở khóa chiếc Studebaker cũ kỹ của mình.

“Barney.”

Anh ta quay lại nhìn cô, không biểu cảm. Mắt anh ta mở hơi rộng hơn bình thường. Trọng lượng dồn đều trên hai chân.

“Bác sĩ Chilton có nói với anh là anh sẽ ổn sau chuyện này không?”

“Ông ta còn nói gì với tôi được nữa.”

“Anh tin chứ?”

Khóe miệng anh ta kéo xuống. Anh ta không nói có hay không.

“Tôi muốn anh giúp tôi một chuyện. Tôi muốn anh làm ngay, không hỏi han. Tôi sẽ hỏi anh một cách lịch sự — ta sẽ bắt đầu như thế. Trong xà lim của Lecter còn lại gì?”

“Mấy cuốn sách — *Niềm vui nấu nướng*, tạp chí y khoa. Họ lấy chỗ tài liệu tòa án của ông ta rồi.”

“Những thứ trên tường — những bức vẽ thì sao?”

“Vẫn còn đấy.”

“Tôi muốn tất cả chỗ ấy và tôi đang vội khùng khiếp.”

Anh ta dò xét cô một giây. “Chờ tôi,” anh ta nói và leo ngược lên cầu thang, thật nhẹ nhàng đối với một người to lớn như vậy.

Crawford đang chờ cô trong xe khi Barney quay lại với những bức vẽ được cuộn tròn và giấy tờ cùng những cuốn sách đựng trong một cái túi mua hàng.

“Cô có tin là tôi biết có máy nghe trộm dưới cái bàn tôi đem cho cô không?” Barney nói khi đưa đồ cho cô.

“Tôi cũng có chút nghi ngờ. Bút đây, anh viết số điện thoại của anh lên túi đi. Barney, anh tin họ *đối phó* được bác sĩ Lecter không?”

“Tôi không chắc lắm và tôi đã nói với bác sĩ Chilton rồi. Cô hãy nhớ giúp chuyện này vì nhớ đâu ông ta quên bếng mất. Cô thì ổn, sĩ quan Starling. Mà này, khi nào thì cô tóm được Bill Bò mộng vậy?”

“Sao cơ?”

“Đừng đưa hán đến cho tôi chỉ vì chỗ tôi có phòng trống, được chứ?” Anh ta cười. Barney có hàm răng nhỏ như trẻ con.

Starling miễn cưỡng cười lại với anh ta. Cô vẫy tay qua vai chào trong khi chạy tới chỗ chiếc xe.

Crawford có vẻ hài lòng.

Chiếc Grumman Gulfstream chở bác sĩ Hannibal Lecter tiếp đất ở Memphis với hai cụm khối nhỏ màu xanh bốc lên từ lớp. Theo mệnh lệnh từ tháp điều hành, nó lăn bánh vào khoang chứa máy bay của Vệ binh Không lực Quốc gia, cách xa ga hành khách. Một chiếc xe cấp cứu của Dịch vụ Khẩn cấp và một chiếc limosine chờ bên trong khoang chứa máy bay đầu tiên.

Thượng nghị sĩ Ruth Martin nhìn qua lớp kính mờ của chiếc limosine trong khi cảnh sát bang đẩy bác sĩ Lecter ra khỏi máy bay. Bà ta muốn chạy tới chỗ thân hình đang bị trói chặt và đeo mặt nạ kia để tróc thông tin từ ông ta, nhưng bà ta thông minh hơn thế.

Điện thoại của thượng nghị sĩ Martin đổ chuông. Trợ lý của bà — Brian Gossage — lấy nó từ ghế phụ.

“Là FBI — Jack Crawford,” Gossage nói.

Thượng nghị sĩ Martin đưa tay cầm điện thoại, mắt vẫn không rời bác sĩ Lecter.

“Vì sao ông không nói với tôi về bác sĩ Lecter, ông Crawford?”

“Tôi sợ bà sẽ làm đúng việc bây giờ bà đang làm, thưa thượng nghị sĩ.”

“Tôi không đấu với ông, ông Crawford. Còn nếu ông đấu với tôi

thì ông sẽ hối tiếc đấy.”

“Lecter giờ đang ở đâu?”

“Tôi đang nhìn ông ta.”

“Ông ta có nghe được bà nói không?”

“Không.”

“Thượng nghị sĩ Martin, hãy nghe tôi đây. Bà muốn đưa ra những bảo đảm cá nhân cho Lecter — tốt thôi. Nhưng hãy làm việc này giúp tôi. Hãy để tiến sĩ Alan Bloom nói sơ qua tình hình cho bà trước khi bà gặp Lecter. Bloom có thể giúp được bà, hãy tin tôi đi.”

“Tôi đã được tư vấn chuyên môn.”

“Hy vọng không phải từ Chilton.”

Bác sĩ Chilton đang gõ gõ vào cửa sổ xe. Thượng nghị sĩ Martin bảo Brian Gossage ra ngoài tiếp chuyện ông ta.

“Đấu đá nội bộ chỉ làm lãng phí thời gian thôi, thưa ông Crawford. Ông cử một lính mới đến gặp bác sĩ Lecter với một đề xuất giả. Tôi có thể làm tốt hơn thế. Bác sĩ Chilton nói Lecter có thể đáp ứng những đề xuất thẳng thắn và tôi cho ông ta một đề xuất như thế — không giấy tờ rắc rối, không chỉ trích cá nhân, không vạ vạ về uy tín. Nếu chúng tôi đưa được Catherine về an toàn, ai cũng được kể công, kể cả ông. Nếu nó... chết, tôi sẽ không thêm quan tâm đến bất cứ lời biện hộ nào.”

“Vậy hãy để chúng tôi *giúp*, thượng nghị sĩ Martin.”

Bà ta không nghe thấy sự giận dữ trong giọng ông, chỉ nhận thấy một sự lạnh lùng chuyên nghiệp, dửng dưng. Bà ta trả lời, “Ông nói tiếp đi.”

“Nếu bà có được thông tin gì, hãy để chúng tôi hành động. Hãy đảm bảo cho chúng tôi có được mọi thứ. Hãy đảm bảo cả phần cảnh sát địa phương nữa. Đừng để họ nghĩ rằng họ sẽ làm bà hài lòng nếu gạt bỏ chúng tôi.”

“Paul Krendler từ Bộ Tư pháp đang đến. Ông ấy sẽ lo việc này.”

“Giờ ai là sĩ quan cấp cao nhất của bà ở đó?”

“Thiếu tá Bachman của Cục điều tra Tennessee.”

“Tốt. Nếu chưa quá muộn, hãy cố gắng chặn giới báo chí. Bà nên dọa Chilton về chuyện này — ông ta thích được báo chí chú ý lắm đấy. Chúng tôi không muốn Bill Bò mộng biết bất cứ chuyện gì. Khi chúng tôi tìm hắn, chúng tôi muốn huy động Đội Giải cứu Contin. Chúng tôi muốn bắt hắn thật nhanh và tránh bị chống cự. Bà sẽ tự mình thẩm vấn Lecter chứ?”

“Phải.”

“Bà có thể trao đổi với Clarice Starling trước được không? Cô ấy đang đến.”

“Để làm gì? Bác sĩ Chilton đã tóm tắt lại tài liệu cho tôi. Chúng ta đã làm trò ngớ ngẩn đủ lâu rồi.”

Chilton lại gõ vào cửa sổ xe lần nữa, mấp máy vài câu qua kính. Brian Gossage nắm cổ tay ông ta và lắc đầu.

“Tôi muốn được tiếp cận Lecter sau khi bà đã nói chuyện với ông ta,” Crawford nói.

“Ông Crawford, ông ta đã hứa sẽ khai ra Bill Bò mộng để đổi lấy những đặc quyền — những tiện nghi thì đúng hơn. Nếu ông ta không khai thì ông có thể có ông ta mãi mãi.”

“Thượng nghị sĩ Martin, tôi biết đây là chuyện nhạy cảm, nhưng tôi cần phải nói với bà: *dưới bất kỳ tình huống nào, đừng bao giờ van xin ông ta.*”

“Được rồi, ông Crawford. Giờ thì thực sự tôi không nói chuyện tiếp được nữa.” Bà ta đập máy. *Nếu tôi sai thì con bé cũng lại chết như sáu nạn nhân trước mà ông điều tra thôi*, bà ta nói thêm, đoạn vẫy Gossage và Chilton vào xe.

Bác sĩ Chilton đã yêu cầu thu xếp một văn phòng tại Memphis để thượng nghị sĩ Martin trao đổi với Hannibal Lecter. Nhưng vì để tiết kiệm thời gian, người ta sắp xếp qua loa một phòng họp của Không lực Vệ binh Quốc gia ngay trong khoang chứa máy bay cho họ gặp mặt.

Thượng nghị sĩ Martin phải chờ bên ngoài khoang chứa máy bay trong khi bác sĩ Chilton sắp xếp cho Lecter trong văn phòng.

Bà ta không chịu được việc phải ở lại trong xe. Bà ta đi thành một vòng tròn nhỏ dưới mái vòm vĩ đại của khoang chứa máy bay, ngẩng đầu nhìn lên những thanh xà đan mắt cáo trên cao rồi cúi nhìn những vạch sơn trên sàn. Một lần bà dừng lại cạnh một chiếc Phantom F-4 và dựa đầu vào thành máy bay lạnh lẽo, nơi có đề dòng chữ KHÔNG GIẢM LÊN. *Cái máy bay này chắc còn già hơn cả Catherine. Lạy Chúa, thôi nào.*

“Thượng nghị sĩ Martin.” Thiếu tá Bachman đang gọi bà.

Chilton đang vẫy tay ở cửa.

Trong phòng có một cái bàn dành cho Chilton, ghế cho thượng nghị sĩ Martin cùng trợ lý của bà và thiếu tá Bachman.

Một người quay phim đã sẵn sàng ghi lại cuộc gặp mặt. Chilton nói đó là một trong những yêu cầu của Lecter.

Thượng nghị sĩ Martin bước vào phòng với vẻ ngoài thật tuyệt. Bộ vest màu xanh navy của bà tỏa ra sức mạnh. Bà cũng làm cho Gossage trở nên tự tin hơn.

Bác sĩ Hannibal Lecter ngồi một mình giữa phòng trên cái ghế bành gỗ sồi vững chắc bắt vít xuống sàn. Một cái chắn che đi chiếc áo trói và xiềng chân, đồng thời che đi việc hắn bị xích vào ghế. Nhưng hắn vẫn đeo chiếc mặt nạ khúc côn cầu để không cản được người khác.

Sao vậy? Bà thượng nghị sĩ băn khoăn. Bà vốn định sắp xếp phòng sao cho bác sĩ Lecter vẫn giữ được chút nhân phẩm. Thượng nghị sĩ Martin nhìn Chilton rồi quay sang Gossage lấy giấy tờ.

Chilton vòng ra sau bác sĩ Lecter, nhìn vào máy quay, tháo dây và gỡ chiếc mặt nạ với cử chỉ hoa mỹ.

“Thượng nghị sĩ Martin, xin giới thiệu bác sĩ Hannibal Lecter.”

Nhìn thấy hành động khoa trương của bác sĩ Chilton, thượng nghị sĩ Martin cảm thấy sợ hãi không kém khi phải đương đầu bất cứ chuyện gì đã xảy ra từ khi con gái bà mất tích. Mọi sự tin tưởng đối với óc xét đoán của Chilton đã bị thay thế bởi nỗi sợ hãi lạnh lùng rằng ông ta là một tên ngốc.

Bà ta phải tùy cơ ứng biến.

Một lọn tóc của bác sĩ Lecter rơi xuống giữa đôi mắt màu hạt dẻ.

Mặt hấn nhợt nhạt không kém chiếc mặt nạ. Thượng nghị sĩ Martin và Hannibal Lecter đánh giá nhau — một người cực kỳ thông minh, người còn lại thì thâm sâu không thể lường.

Bác sĩ Chilton quay lại bàn, nhìn hết mọi người xung quanh và bắt đầu: “Thưa thượng nghị sĩ, bác sĩ Lecter đã nói với tôi rằng ông ta muốn đóng góp cho cuộc điều tra bằng một số điều đặc biệt ông ta biết, để đổi lại một số lưu ý tới điều kiện giam giữ.”

Thượng nghị sĩ Martin giơ một tài liệu lên. “Bác sĩ Lecter, đây là bản tuyên thệ mà tôi sẽ ký ngay bây giờ. Trong đó viết rằng tôi sẽ giúp ông. Ông có muốn đọc không?”

Bà ta nghĩ hấn sẽ không trả lời nên quay lại bàn để ký, nhưng hấn nói: “Tôi sẽ không lãng phí thời gian của bà và của Catherine để mặc cả những ân huệ lặt vặt. Những kẻ tìm cơ hội thăng tiến đã làm phung phí quá nhiều rồi. Hãy để tôi giúp bà ngay bây giờ, và tôi tin tưởng bà sẽ giúp tôi khi mọi chuyện kết thúc.”

“Ông có thể tin như thế. Brian?”

Gossage giơ quyển sổ ghi chép lên.

“Bill Bò mộng có tên thật là William Rubin. Hấn ta dùng tên Billy Rubin. Một bệnh nhân của tôi là Benjamin Raspail giới thiệu hấn với tôi vào tháng Tư hay tháng Năm gì đó năm 1975. Hấn nói hấn sống ở Philadelphia, tôi không nhớ địa chỉ, nhưng hấn từng ở với Raspail ở Baltimore.”

“Hồ sơ bệnh án của ông ở đâu?” thiếu tá Bachman chen vào.

“Hồ sơ bệnh án của tôi đã bị hủy theo lệnh của tòa ngay sau khi...”

“Hắn ta trông thế nào?” thiếu tá Bachman nói.

“Xin lỗi ông, thưa thiếu tá? Thượng nghị sĩ Martin là người duy nhất...”

“Cho tôi độ tuổi và nhân dạng, bất cứ thứ gì ông có thể nhớ được,” thiếu tá Bachman nói.

Bác sĩ Lecter lờ đi. Hắn nghĩ đến chuyện khác — những nghiên cứu về giải phẫu của Géricault cho tác phẩm *Bè của chiến thuyền Medusa* — và nếu có nghe thấy câu hỏi tiếp theo, thì hắn cũng chẳng tỏ vẻ gì.

Khi thượng nghị sĩ Martin lấy lại được sự chú ý của hắn thì trong phòng chỉ còn lại họ. Bà cầm cuốn sổ của Gossage.

Ánh mắt bác sĩ Lecter tập trung vào bà. “Tay đó sặc mùi xì gà,” hắn nói. “Bà có tự mình nuôi dưỡng Catherine không?”

“Xin lỗi? Tôi có...”

“Bà có cho con bé bú không?”

“Có.”

“Công việc thật vất vả và... có phải không?”

Khi mắt bà ta tối sầm lại, bác sĩ Lecter nhắm một ngậm đau đớn của bà ta và thấy nó thật tuyệt vời. Hôm nay thế là đủ rồi. Hắn tiếp tục: “William Rubin cao khoảng 1m80, và đến giờ sẽ vào khoảng 35 tuổi. Hắn là người to lớn — khoảng 85kg khi tôi biết hắn ta và từ đó đến nay có thể nặng thêm. Tóc hắn màu nâu và mắt xanh nhạt. Đưa thông tin cho bọn họ đi, rồi chúng ta sẽ tiếp tục.”

“Phải rồi, tôi sẽ làm thế,” thượng nghị sĩ Martin nói và đưa tờ ghi chép qua cửa.

“Tôi mới chỉ gặp hắn một lần. Hắn đặt một cuộc hẹn nữa nhưng không đến.”

“Vì sao ông nghĩ hắn là Bill Bò mộng?”

“Khi đó hắn đã giết người rồi, và làm những việc tương tự với họ, mấy cái việc giải phẫu ấy. Hắn nói hắn muốn có ai đó giúp hắn ngưng lại, nhưng thực ra là hắn muốn tán gẫu về chuyện ấy. *Trút bầu tâm sự*.”

“Ông đã không — hắn có chắc là ông sẽ không khai ra hắn không?”

“Hắn không nghĩ tôi sẽ làm thế, và hắn muốn thử vận may. Tôi đã tôn trọng bí mật của Raspail bạn hắn.”

“*Raspail* biết hắn làm chuyện đó?”

“Gu của Raspail là những trò dị hợm — người Billy thì đầy sẹo. Billy Rubin nói với tôi hắn có tiền án, nhưng không nói chi tiết. Tôi đã lập một bệnh án ngắn gọn. Không có gì bất thường, trừ một việc: Rubin có lần nói với tôi là hắn bị bệnh than gà voi. Đó là tất cả những gì tôi nhớ, thừa thượng nghị sĩ Martin và tôi nghĩ bà cũng muốn đi rồi. Nếu tôi nhớ ra được gì nữa, tôi sẽ nhắn cho bà.”

“Có phải Billy Rubin giết người có cái đầu trong xe không?”

“Tôi tin là như vậy.”

“Ông có biết đấy là ai không?”

“Không. Raspail gọi anh ta là Klaus.”

“Những chuyện ông nói với FBI có phải là sự thật không?”

“Ít nhất cũng thật như những gì FBI nói với *tôi*, thừa thượng nghị

sĩ Martin.”

“Tôi đã bố trí tạm thời mấy việc cho ông ở Memphis này. Chúng ta sẽ nói về hoàn cảnh của ông và ông sẽ tới Brushy Mountain khi nào... khi nào chúng tôi sắp xếp xong.”

“Cảm ơn bà. Tôi muốn có một cái điện thoại, để nếu như tôi nghĩ ra gì đó...”

“Ông sẽ có.”

“Và nhạc nữa. Glenn Gould, chơi *Các biến khúc Goldberg*? Thế có nhiều quá không?”

“Được.”

“Thượng nghị sĩ Martin, đừng giao phó hết mọi đầu mối cho FBI. Jack Crawford không bao giờ chơi đẹp với các cơ quan khác đâu. Với những người này thì đây chỉ là trò chơi. Ông ta quyết tâm tự mình tóm hắn. Một tay ‘cổ cồn’[⊙], người ta gọi thế.”

“Cảm ơn ông, bác sĩ Lecter.”

“Tôi thích bộ đồ của bà đấy,” ông ta nói khi bà đi ra cửa.

Phòng này đâm vào phòng khác, tầng hầm của Jame Gumb lộn xộn như một ma trận thường làm lạc lối ta trong những giấc mơ. Thuở hắn vẫn còn ngỡ ngàng — ở nhiều kiếp trước — quý ngài Gumb thấy vui vẻ trong những căn phòng ảm, xa cầu thang nhất. Có những căn phòng ở góc xa nhất — những căn phòng từ những kiếp sống trước — những căn phòng mà bao nhiêu năm nay Gumb vẫn chưa mở cửa. Một số căn phòng đến giờ vẫn còn có người — có thể nói như vậy — dù âm thanh từ sau những cánh cửa đã im lặng từ lâu.

Sàn của những căn phòng này cao thấp khác nhau có tới cả 30cm. Có những bậc cửa phải bước qua, những rầm cửa phải cúi người. Trong này không lăn được cũng chẳng kéo nổi thứ gì. Để đẩy một thứ — cái thứ đổ kênh ra đất, khóc lóc, van nài, cái đầu mê muội cứ va đập lung tung — là việc khó khăn, thậm chí là nguy hiểm.

Khi trở nên khôn ngoan và tự tin hơn, ngài Gumb cảm thấy nhu cầu của mình không còn thỏa mãn được trong các căn phòng ảm nữa. Giờ hắn dùng những phòng dưới tầng hầm, xung quanh cầu thang — những căn phòng lớn có nước máy và có điện.

Lúc này tầng hầm đang tối om.

Bên dưới căn phòng rải cát, trong hầm giam bí mật, Catherine Martin đang câm lặng.

Quý ngài Gumb đang ở đây, dưới tầng hầm, nhưng hẳn không ở trong phòng này.

Căn phòng phía dưới cầu thang tối đen trước mắt thường, nhưng nó lại đầy những âm thanh rì rầm. Ở đây có nước nhỏ giọt và có những cái bơm nhỏ kêu rè rè. Trong những tiếng vọng nho nhỏ, căn phòng có vẻ như rất rộng. Không khí ẩm và lạnh. Có mùi cây cỏ. Một đôi cánh đập lên má, vài tiếng lạch cạch trong không khí. Một âm thanh trầm trầm khoái lạc thoát ra từ lỗ mũi, một âm thanh của con người.

Trong phòng không có chút ánh sáng nào mắt người có thể nhìn thấy được, nhưng ngài Gumb lại có thể nhìn rất rõ, như thể hẳn có thể nhìn được mọi thứ qua sắc độ và cường độ của màu xanh. Hẳn đeo một cặp kính hồng ngoại thượng hạng (hàng thanh lý của quân đội Israel, chưa tới 400 đô-la), và đang chiếu luồng sáng của chiếc đèn pin hồng ngoại vào cái lồng dây thép trước mặt. Rồi hẳn ngồi trên mép một chiếc ghế thẳng, đề mê khoái lạc, nhìn một con côn trùng đang trèo lên cái cây trong lồng. Con thành trùng[©] vừa mới chui ra khỏi một cái kén rách đôi trên lớp đất ẩm dưới nền chuồng.

Nó thận trọng trèo lên một cành cây cà tím, tìm không gian để duỗi thẳng đôi cánh ẩm ướt mới tinh vẫn còn đang cuộn trên lưng. Nó chọn một cành ngang.

Ngài Gumb phải nghiêng đầu nhìn. Từng chút một, đôi cánh được bơm máu và không khí. Chúng vẫn đang dính vào nhau trên lưng con côn trùng.

Hai giờ trôi qua. Ngài Gumb hầu như không nhúc nhích. Hắn cứ bật tắt cái đèn hồng ngoại để làm mình ngạc nhiên về tiến triển của con côn trùng. Để giết thời gian, hắn chiếu đèn ra những chỗ khác trong phòng — chiếu lên cái bể lớn chứa đầy dung dịch thuốc da gốc thực vật. Trên những cái khuôn và khung căng ngâm trong bể, chiến tích mới nhất của hắn đứng như một bức tượng cổ bị sứt mẻ, ám xanh dưới đáy biển. Ánh đèn của hắn chiếu qua cái bàn làm việc to, mạ kền có ổ trục kim loại, tấm chắn tường và đường ống, chạm vào cái tời phía bên trên.

Sát tường là những bồn rửa công nghiệp dài. Tất cả đều là những hình ảnh màu xanh lá dưới mắt kính hồng ngoại. Có những con vật cuống cuống vỗ cánh, những vết phốt pho vút qua tầm nhìn của hắn — những vết sáng như sao chổi của những con bướm đêm bay tự do trong phòng.

Hắn quay lại với cái lồng vừa đúng lúc. Đôi cánh của con côn trùng lớn đã vươn thẳng trên lưng nó, che giấu và làm biến dạng những đốm màu. Bây giờ thì nó hạ đôi cánh xuống che phủ thân mình và những họa tiết đặc trưng hiện ra rõ ràng. Một cái sọ người, hiện lên đẹp tuyệt vời trên lớp vảy mịn như lông, chăm chăm nhìn ra từ lưng con bướm đêm. Bên dưới vòm sọ viền bóng mờ là hai lỗ mắt đen ngòm và cặp xương má gồ lên. Bên dưới cặp xương má là bóng tối nằm như mớ giẻ bịt miệng vắt ngang khuôn mặt ngay trên cằm. Cái sọ người nằm trên một đốm màu rực sáng giống mặt trên của bộ xương chậu.

Một hộp sọ chồng lên bộ xương chậu, tất cả được vẽ trên lưng của một con bướm đêm bởi sự tình cờ của tự nhiên.

Ngài Gumb cảm thấy lòng thật nhẹ nhàng và thanh thản. Hắn

ngiêng ra trước, thổi một hơi nhẹ lên con bướm đêm. Nó giương cái vòi nhọn và rít lên giận dữ.

Lòng thư thái, hắn khẽ khàng đi vào hầm giam. Hắn há miệng để hơi thở khẽ hơn. Hắn không muốn làm hỏng tâm trạng của mình vì quá nhiều tiếng ồn phát ra từ cái hố. Đôi mắt kính gắn trên hai ống nhỏ nhô ra như hai mắt cua. Ngài Gumb biết cặp kính trông chẳng hề hấp dẫn chút nào, nhưng hắn đã có thời gian giải trí rất tuyệt với nó dưới tầng hầm tối đen, chơi các trò chơi tầng hầm.

Hắn cúi người chiếu thứ ánh sáng vô hình đó xuống hầm.

Nguyên liệu đang nằm nghiêng, co quắp như con tôm. Cô ta có vẻ như đang ngủ. Cái xô vệ sinh để bên cạnh. Cô ta đã không còn tiếp tục ngu ngốc làm đứt sợi dây khi cố đu mình lên trên bức tường trơn trượt. Trong giấc ngủ, cô ta áp mặt vào góc thảm và mút ngón tay cái.

Ngắm nghía Catherine, chiếu đèn hồng ngoại lên lên xuống xuống người cô ta, ngài Gumb đang tự chuẩn bị sẵn sàng cho những vấn đề rất thực tế sắp tới.

Đa người là thứ vô cùng khó xử lý nếu tiêu chuẩn của người ta cao như tiêu chuẩn của ngài Gumb đây. Cần phải ra những quyết định mang tính cơ bản về mặt cấu trúc, mà quyết định đầu tiên là phải để khóa kéo ở đâu.

Hắn chiếu ánh sáng lên lưng Catherine. Thường thì hắn hay để khóa kéo ở sau lưng, nhưng nếu thế thì làm sao mà tự kéo khóa được? Đó không phải loại việc có thể nhờ người khác giúp, cho dù cái viễn cảnh đó có phần khích tới đâu đi chăng nữa. Hắn biết những nơi, những nhóm mà ở đó nỗ lực của hắn được nể phục —

có những chiếc du thuyền mà ở đó hẳn có thể làm dáng làm dấp — nhưng chuyện này để sau. Hẳn phải có những thứ mà tự hẳn có thể dùng. Nếu mà xẻ ra ở phía trước thì đúng là phá hoại — hẳn sẽ gạt bỏ lựa chọn này.

Dưới ánh đèn hồng ngoại, ngài Gumb không thể nói được gì về nước da của Catherine, nhưng trông cô gầy đi. Hẳn nghĩ lúc hẳn bắt cô hẳn cô đang ăn kiêng.

Kinh nghiệm dạy hẳn rằng cần đợi từ bốn ngày tới một tuần trước khi thu hoạch bộ da. Sự sụt cân đột ngột làm cho lớp da lỏng ra và dễ lột hơn. Ngoài ra, cái đói làm cho các đối tượng của hẳn yếu đi đáng kể nên dễ xử lý hơn. Tuân lệnh hơn. Một số người trong bọn họ cam chịu hoàn toàn. Đồng thời vẫn cần phải cho họ khẩu phần ăn nhất định để ngăn chặn sự tuyệt vọng và những cơn giận dữ có thể làm hỏng da.

Chắc chắn nó đang xuống cân. Điều này rất đặc biệt, rất quan trọng đối với những gì hẳn đang làm, hẳn không thể chờ lâu và hẳn cũng không cần phải chờ lâu. Chiều mai là hẳn có thể làm được rồi, hoặc đến tối mai. Muộn nhất là ngày kia. Sắp rồi.

Clarice Starling nhận ra biển hiệu của khu Stonehinge Villas trong chương trình thời sự trên truyền hình. Một khu chung cư vùng Đông Memphis, bao gồm các căn hộ và biệt thự, tạo thành chữ U lớn quanh bãi đỗ xe.

Starling đỗ chiếc Chevrolet Celebrity đi thuê ở giữa bãi đỗ xe rộng. Những nhân viên cổ cồn xanh được trả lương hậu hĩ và những nhà lãnh đạo cấp thấp sống ở đây — những chiếc xe TransAms và IROC-Z Camaros cho cô biết điều đó. Những căn nhà lưu động cho ngày nghỉ cuối tuần và những chiếc xe trượt tuyết bóng loáng lớp sơn trắng lệt ẹt ở khu riêng của mình trong bãi đỗ xe.

Stonehinge Villas — hai từ này thôi cũng đã làm Starling lộn ruột mỗi khi cô nhìn nó. Có thể là những căn hộ này chứa đầy đồ đan lát trắng và thảm trải màu hồng đào. Dưới tấm kính mặt bàn cà phê là những tấm ảnh. Những cuốn sách dạy nấu ăn dạng *Bữa tối dành cho hai người* và *Thực đơn xúp pho mát rượu vang*. Starling — vốn chỉ có duy nhất một nơi ở là phòng ký túc xá Học viện FBI — có cái nhìn mang tính phê phán nặng nề với những thứ đó.

Cô cần tìm hiểu về Catherine Baker Martin, và đây có vẻ như là một nơi ở không hẳn để dành cho con gái một thượng nghị sĩ. Starling đã đọc tiểu sử ngắn gọn do FBI thu thập, và nó cho thấy

Catherine Martin là sinh viên dưới trung bình. Cô ta thi trượt vào Farmington và có hai năm tồi tệ ở Middlebury. Bây giờ cô ta là sinh viên Đại học Southwestern và làm giáo viên thực tập.

Starling có thể dễ dàng hình dung ra cô ta là một cô học sinh nội trú ích kỷ, thô lỗ, một người không hề biết lắng nghe. Starling biết ở đây cô cần thận trọng vì cô có những căm ghét và thành kiến riêng của mình. Starling cũng đã trải qua thời gian trong trường nội trú, sống bằng tiền học bổng và điểm số cô nhận luôn đẹp hơn quần áo cô mặc. Cô từng gặp nhiều đứa trẻ con những gia đình giàu có nhưng không hạnh phúc, và chúng phải ở nội trú quá lâu. Cô không thêm quan tâm chút nào đến vài đứa trong bọn chúng, nhưng cô đã đủ lớn để hiểu rằng không quan tâm có thể là một mẹo để tránh đau đớn, và rằng nó thường bị hiểu nhầm thành hời hợt và lạnh nhạt.

Tốt hơn hãy nghĩ tới Catherine như một cô bé đi thuyền buồm cùng cha mình, như trong đoạn phim họ đã chiếu trên truyền hình với lời van xin của thượng nghị sĩ Martin. Cô tự hỏi liệu ngày bé Catherine có cố làm cha mình vui không. Cô tự hỏi Catherine đang làm gì khi họ đến nói với cô rằng cha cô đã mất vì truy tìm khi ông 42 tuổi. Starling chắc chắn là Catherine nhớ ông. Nhớ cha — vết thương chung — làm Starling cảm thấy gần gũi với cô gái này.

Starling thấy mình cần phải quý mến Catherine Martin vì điều đó giúp cô bình tâm lại.

Starling có thể nhìn thấy căn hộ của Catherine ở đâu. Hai chiếc xe tuần tra bang Tennessee đang đỗ ngay trước cửa căn hộ. Có những vết bột trắng vương vãi ở bãi đỗ xe gần đó. Chắc Cục điều tra bang Tennessee đã lấy vết dầu xe bằng đá bột biển[®] hay một thứ bột tro nào đó. Crawford nói Cục điều tra này rất giỏi.

Starling đi tới chỗ nhà lưu động và thuyền đang đỗ ở một khu đặc biệt của bãi đỗ phía trước căn hộ. Đây là chỗ Bill Bò mộng đã bắt cóc cô ta. Gần căn hộ nên cô ta vẫn để cửa mở khi ra ngoài. Có điều gì đó lôi kéo cô ta ra ngoài. Chắc chắn phải là sự sắp đặt nào đó trông vô hại.

Starling biết cảnh sát Memphis đã tiến hành thẩm tra không sót nhà nào nhưng không ai trông thấy gì, vì vậy có thể chuyện xảy ra giữa những cái nhà lưu động cao này. Chắc hẳn đã theo dõi từ đây. Chắc là phải ngồi trong một cái xe nào đó. Nhưng Bill Bò mộng biết Catherine đang ở đây. Chắc là hẳn đã thấy cô ở đâu đó và theo dõi cô, chờ cơ hội. Các cô gái cao to như Catherine không nhiều. Hẳn không thể nào chỉ ngồi ở một địa điểm ngẫu nhiên nào đó chờ người phụ nữ có khổ người phù hợp đi qua. Như thế hẳn có thể ngồi hàng ngày mà chẳng gặp được ai.

Tất cả các nạn nhân đều cao lớn. Tất cả các nạn nhân đều cao lớn. Một vài người béo, nhưng tất cả đều cao lớn. “Như thế hẳn có thể tìm được thứ vừa vặn.” Nhớ lại những lời của bác sĩ Lecter, Starling bỗng nổi gai ốc. Bác sĩ Lecter, một thành viên mới của Memphis.

Starling hít một hơi dài, phồng má lên và thở ra thật chậm. *Hãy xem chúng ta có thể nói gì về Catherine.*

Một cảnh sát bang Tennessee đội chiếc mũ hiệu Smokey the Bear mở cửa căn hộ của Catherine Martin. Khi Starling xuất trình giấy tờ, anh ta ra hiệu cho cô đi vào.

“Sĩ quan, tôi cần phải đi một vòng quanh cơ ngơi này đã.” Cơ ngơi có vẻ là một từ thích hợp để dùng với một người đàn ông vẫn đội mũ khi ở trong nhà.

Anh ta gạt đầu. “Nếu điện thoại reo thì cô cứ để nguyên. Tôi sẽ trả lời.”

Trên quầy bar trong căn bếp rộng rãi, Starling có thể nhìn thấy một máy ghi âm gắn với điện thoại. Bên cạnh nó là hai cái điện thoại mới. Một cái không có bàn quay số là đường dây trực tiếp tới An ninh Điện thoại Miền Nam, là trung tâm truy tìm cuộc gọi vùng Trung Nam.

“Tôi có thể giúp gì cho cô được không?” viên sĩ quan trẻ tuổi hỏi.

“Cảnh sát đã xong việc ở đây chưa?”

“Căn hộ đã được trả lại cho gia đình. Tôi chỉ ở đây để chờ điện thoại. Cô có thể chạm vào các thứ, nếu như đấy là điều cô muốn biết.”

“Tốt, thế tôi sẽ đi xem một vòng.”

“Tốt thôi.” Viên cảnh sát trẻ tuổi lấy ra tờ báo mà anh ta vừa nhét xuống dưới đi-văng và ngồi lại xuống đó.

Starling muốn được tập trung. Cô thầm mong chỉ có một mình cô ở trong căn hộ, nhưng cô biết việc nơi này không đầy áp cảnh sát đã là một sự may mắn.

Cô bắt đầu từ bếp. Đồ đạc không được sắm sửa bởi một đầu bếp nghiêm túc. Catherine đi lấy bỏng ngô, bạn trai cô ta khai như vậy với cảnh sát. Starling mở cửa tủ lạnh. Trong đó có hai hộp bỏng ngô nướng bằng lò vi sóng. Từ bếp không nhìn ra được bãi đỗ xe.

“Cô người đâu?”

Thoạt đầu Starling không hiểu câu hỏi.

“Cô người ở đâu?”

Người cảnh sát trên đi—văng ngồng cổ lên khỏi tờ báo nhìn cô.

“Washington,” cô nói.

Dưới chậu rửa — phải rồi — có vết xước trên khớp nối ống, họ hẳn đã tháo ra xem xét. Rất tốt cho TBI[®]. Dao cùn. Máy rửa bát đĩa đã được dùng nhưng bát đĩa rửa xong chưa được lấy ra. Trong tủ lạnh chỉ có pho mát tươi và món salad hoa quả. Catherine Martin đi chợ mua đồ ăn nhanh, có thể có một chỗ quen — một quán mua hàng ngay trên xe ở gần đây. Có thể ai đó cũng đã lượn ngoài cửa hàng chẳng. Việc này đáng phải kiểm tra lại.

“Cô là người của Tổng Chương lý à?”

“Không, FBI.”

“Chương lý sắp tới đây. Nghe nói thế. Cô làm cho FBI bao lâu rồi?”

Có một cái bấp cái bằng cao su để trong ngăn đựng rau của tủ lạnh. Người ta thường dùng nó để ngụy trang và giấu tiền bạc, trang sức, những thứ đồ có giá trị bên trong nó. Starling kiểm tra. Trống không.

“Cô làm cho FBI bao lâu rồi?”

Starling nhìn viên cảnh sát trẻ tuổi.

“Anh sĩ quan, tôi bảo này! Lát nữa đi xem xét một vòng xong có lẽ tôi cần hỏi anh vài chuyện. Lúc đó anh giúp tôi được chứ.”

“Chắc chắn rồi, nếu tôi có thể...”

“Thế thì tốt quá. Vậy lát nữa nói chuyện sau nhé. Bây giờ thì tôi phải suy nghĩ đã.”

“Không vấn đề.”

Phòng ngủ sáng sủa, vừa có nắng mà vẫn dịu mắt đúng kiểu Starling thích. Nó được trang hoàng bằng thứ rèm thảm và đồ đặc xịn hơn hẳn những thứ mà hầu hết phụ nữ trẻ có thể sắm. Có một tấm bình phong sơn mài, hai món đồ trang trí bằng kim loại tráng men màu trên kệ và một cái tủ liền bàn viết xịn bằng gỗ óc chó có vân. Hai cái giường đơn. Starling lật mép tấm phủ giường lên. Bánh xe giường bên trái bị khóa còn bên phải thì không. *Chắc Catherine đã đẩy chúng sát lại với nhau khi cô ta cần. Có thể có một người tình mà cậu bạn trai không biết đến. Hoặc có thể đôi khi họ ở đây với nhau. Máy trả lời điện thoại của cô ta không có bộ báo chuông từ xa. Cô ta có thể phải ở đây khi mẹ gọi điện.*

Máy trả lời điện thoại cũng giống loại của cô, kiểu Phone–Mate ít tính năng nhất. Cô mở nắp. Các cuộn băng ghi lời nhắn đến và đi đều đã biến mất. Ở chỗ đó là một tờ ghi chú, BĂNG TỪ TÀI SẢN TBI #6.

Căn phòng tương đối gọn gàng, nhưng nó vẫn còn vẻ lộn xộn để lại bởi những nhân viên khám xét với đôi bàn tay thô kệch, những người đàn ông dù đã cố gắng đặt đồ vật chính xác về chỗ cũ nhưng vẫn bị lệch đi mất một chút xíu. Starling có thể nhận ngay ra nơi này đã bị lục lọi mà không cần để ý đến những dấu tay nhan nhản trên tất cả những bề mặt nhẵn nhụi.

Starling không tin là có chút xíu nào của vụ án diễn ra trong phòng ngủ này. Có lẽ Crawford đã đúng, Catherine bị bắt ngoài bãi đỗ xe. Nhưng Starling muốn tìm hiểu về cô ta, và đây là nơi cô ta từng sống. *Đang sống* chứ. Starling sửa lại. Cô ta *sống* ở đây. Trong ngăn tủ của chiếc bàn đầu giường là một cuốn sổ điện thoại, một

hộp giấy ăn Kleenex, một hộp đồ trang điểm và sau cái hộp là một cái máy ảnh Polaroid SX-70 có dây bấm mềm và một cái chân máy ngắn được gấp lại để bên cạnh. *Ummmm*. Cô nhìn chăm chú như một con thần lẩn, nhưng không đụng vào đó.

Cái tủ thu hút sự quan tâm của Starling nhiều nhất. Catherine Baker Martin, phiếu giặt là mã CBM, có rất nhiều quần áo và có những bộ rất đẹp. Starling nhận ra nhiều thương hiệu, có cả Garfinkel's và Britches in Washington. *Quà mẹ tặng*, Starling tự nhủ. Catherine có những bộ quần áo đẹp, dáng cổ điển được may theo hai cỡ, vừa cho cô ta lúc nặng 65 và 75kg, Starling đoán. Trong tủ còn có vài chiếc quần và áo chui cổ dành cho người béo mua ở Statuesque Shop. Trên cái giá treo có khoảng hai mươi đôi giày, bảy đôi là của Ferragamo cỡ 10C, vài đôi Reebok và mấy đôi giày lười. Một cái ba lô nhẹ và chiếc vợt tennis nằm ở tầng trên cùng.

Đồ vật của một đứa con nhà giàu, một sinh viên và một giáo viên tập sự có cuộc sống khá giả hơn những người khác.

Trong ngăn bàn có rất nhiều thư. Những mẫu giấy ghi nhớ ngoằn ngoèo chữ nghiêng về bên trái của đám bạn cùng lớp cũ bên miền Đông. Tem, nhãn địa chỉ. Giấy gói quà ở ngăn kéo dưới cùng, một bó giấy nhiều màu sắc và họa tiết. Ngón tay Starling lướt qua nó. Đang nghĩ đến việc thăm vấn nhân viên cửa hàng phục vụ tận xe ở khu này thì ngón tay cô tìm thấy một tờ quá dày, quá cứng trong chồng giấy gói quà. Ngón tay cô đi lướt qua nó, rồi lại quay trở lại. Cô đã được đào tạo để nhận thấy những sự bất thường và cô kéo nó ra một nửa để quan sát. Tờ giấy màu xanh lam, làm từ một thứ vật liệu giống như giấy thấm nhẹ, và họa tiết trên đó là sự bắt chước vụng về hình mẫu chú chó hoạt hình Pluto. Những con chó nhỏ in

thành hàng trông đều giống Pluto, đúng cái màu vàng ấy nhưng không được chính xác về tỷ lệ.

“Catherine, Catherine,” Starling lầm bầm. Cô lấy trong túi ra mấy cái kẹp nhỏ để kẹp tờ giấy màu nhét vào một phong bì nhựa, đoạn đặt tạm xuống giường.

Hộp đồ trang sức trên bàn trang điểm là loại bằng da rạp hoa vẫn có trong bất cứ phòng ký túc xá nữ nào. Có hai ngăn kéo trước mặt và một ngăn có nắp đậy, bên trên đựng những đồ nữ trang cho quần áo, không có thứ gì quý giá. Starling tự hỏi những thứ tốt nhất có phải được giấu trong một cây bắp cải cao su để trong tủ lạnh hay không và nếu phải thì ai đã lấy chúng?

Cô luồn ngón tay bên dưới cái nắp và mở chiếc ngăn kéo bí mật sau lưng chiếc hộp đựng trang sức. Cái ngăn bí mật trống rỗng. Cô tự hỏi những cái ngăn này che giấu bí mật với ai — chắc chắn không phải kẻ trộm. Lúc cô đưa tay ra sau chiếc hộp trang sức để đóng ngăn kéo thì chạm phải chiếc phong bì được dán băng dính vào bên dưới ngăn kéo bí mật.

Starling đeo găng tay cotton rồi xoay chiếc hộp lại. Cô lấy chiếc ngăn kéo trống rỗng ra rồi lật úp nó xuống. Một chiếc phong bì màu nâu được dán vào đáy ngăn kéo bằng băng dính: nắp phong bì chỉ được nhét vào trong, không dán kín. Cô đưa chiếc phong bì lên mũi. Phong bì này vẫn chưa tiếp xúc với hóa chất lấy dấu tay. Starling lấy kẹp mở phong bì và lấy các thứ bên trong ra. Trong phong bì có năm bức ảnh chụp bằng máy Polaroid và cô lấy chúng ra từng cái một. Những tấm ảnh chụp một người đàn ông và một người đàn bà đang giao hợp. Không có mặt và đầu. Hai bức ảnh do người đàn bà chụp, hai do người đàn ông chụp và một tấm có vẻ như được chụp

từ chân máy đặt trên tủ đầu giường.

Khó mà đánh giá được tỷ lệ qua một tấm ảnh, nhưng với trọng lượng ấn tượng 65kg trong một khung xương dài, người phụ nữ đó chắc là Catherine. Người đàn ông đeo ở dương vật một thứ trông như một cái vòng chạm trổ bằng ngà voi. Độ phân giải của tấm ảnh không đủ để nhận ra các chi tiết trên đó. Người đàn ông từng bị cắt ruột thừa. Starling cho mỗi tấm ảnh vào một túi riêng rồi cho cả vào cái phong bì nâu của mình. Xong xuôi cô trả cái ngăn kéo về cho chiếc hộp nữ trang.

“Tôi đã cất những đồ có giá trị đi,” một giọng nói vang lên sau cô. “Tôi nghĩ không có thứ gì bị lấy trộm.” Starling nhìn vào gương. Thượng nghị sĩ Ruth Martin đứng ở cửa phòng ngủ. Trông bà ta mệt mỏi.

Starling quay lại. “Chào bà, thượng nghị sĩ Martin. Bà có muốn nằm không? Tôi sắp xong rồi.”

Cho dù kiệt sức nhưng thượng nghị sĩ Martin vẫn thể hiện sự mạnh mẽ. Dưới lớp vỏ cứng trọng của bà ta, Starling nhìn thấy một người đang muốn gây gổ.

“Xin cho biết cô là ai? Tôi nghĩ cảnh sát đã xong việc ở đây rồi.”

“Tôi là Clarice Starling. FBI. Bà đã nói chuyện với bác sĩ Lecter chưa thưa thượng nghị sĩ?”

“Ông ta đã nói cho tôi một cái tên.” Bà ta đốt một điếu thuốc và nhìn Starling từ đầu đến chân. “Chúng ta sẽ xem nó đáng giá hay không. Và cô tìm thấy gì trong cái hộp nữ trang vậy, sĩ quan Starling? Có gì đáng kể không?”

“Vài tài liệu mà chúng ta có thể xem ngay.” Đây là câu trả lời tốt

nhất Starling có thể nói ra.

“Trong hộp nữ trang của con gái tôi? Vậy xem đi.”

Starling nghe thấy có giọng nói ở phòng bên và hy vọng câu được chút thời gian. “Ông Copley có đi cùng bà không, viên đặc vụ Memphis trong...”

“Không, ông ta không đi cùng, và đây không phải là câu trả lời. Đừng tự ái thừa sĩ quan, nhưng tôi sẽ xem cô lấy được gì từ hộp nữ trang của con gái tôi.” Bà ta quay đầu và gọi với qua vai. “Paul, Paul, mời anh vào đây. Sĩ quan Starling, có lẽ cô cũng biết ông Krendler ở Bộ Tư pháp. Paul, đây là cô gái mà Crawford cử đến chỗ Lecter.”

Khoảng đầu hói của Paul r ám nắng, ông ta trông khá gọn gàng so với tuổi 40.

“Ông Krendler, tôi có biết ông. Xin chào,” Starling nói. *Đầu mối liên lạc Quốc hội nổi tiếng của Ban Tội phạm, chuyên gia xử lý sự cố, và lại còn là Phó Chương lý, Chúa ơi, hãy cứu vớt con.*

“Sĩ quan Starling tìm được gì đó trong hộp nữ trang của con gái tôi và nhét vào cái phong bì nâu của cô ấy. Tôi nghĩ chúng ta nên xem đây là cái gì chứ nhỉ?”

“Sĩ quan,” Krendler nói.

“Tôi nói chuyện với ông được không, Krendler?”

“Tất nhiên là được. Nhưng để sau.” Ông ta chìa tay ra.

Mặt Starling nóng lên. Cô biết thượng nghị sĩ Martin đang không tỉnh táo, nhưng cô sẽ không bao giờ tha thứ cho Krendler vì vẻ nghi ngờ trên khuôn mặt ông ta. Không bao giờ.

“Đây này,” cô đưa cho ông ta cái phong bì.

Krendler nhìn tấm hình đầu tiên và đóng nắp lại khi thượng nghị sĩ lấy cái phong bì từ tay ông ta.

Thật đau đớn khi phải nhìn bà ta xem những tấm ảnh. Xem xong bà ta đi ra cửa sổ, đứng đó, rồi nhắm mắt, ngửa mặt lên bầu trời đầy mây mù. Bà ta trông già đi trong ánh sáng ban ngày, và cố gắng châm thuốc lá bằng đôi tay run rẩy.

“Thượng nghị sĩ, tôi...” Krendler bắt đầu.

“Cảnh sát đã khám xét căn phòng này,” thượng nghị sĩ Martin nói. “Tôi chắc là họ đã tìm thấy những bức ảnh và cũng đủ tế nhị để đặt chúng vào chỗ cũ và giữ mồm giữ miệng.”

“Không, họ *không* tìm thấy,” Starling nói. Người đàn bà này đã bị tổn thương, nhưng mà, *kệ thôi*. “Thưa bà Martin, chúng tôi cần biết người đàn ông là ai, nếu bà đã nhìn thấy rồi. Nếu đó là anh bạn trai, thì ổn. Tôi có thể xác định được ngay sau năm phút. Không ai khác nên xem những bức hình này và Catherine thì không cần biết điều đó.”

“Tôi sẽ lo việc đó.” Thượng nghị sĩ Martin cho cái phong bì vào ví, và Krendler để yên cho bà ta làm chuyện đó.

“Thượng nghị sĩ, bà có lấy chỗ nữ trang trong cái bóp cái cao su ở bếp không?” Starling hỏi.

Trợ lý của thượng nghị sĩ Martin — Brian Gossage — thò đầu vào cửa. “Xin lỗi thưa thượng nghị sĩ, họ đã cài đặt xong thiết bị đầu cuối rồi. Ta có thể trực tiếp xem họ tìm tên William Rubin tại FBI.”

“Đi thôi, thượng nghị sĩ Martin,” Krendler nói.

“Tôi sẽ ra ngay.” Ruth Martin ra khỏi phòng mà không trả lời câu

hỏi của Starling.

Starling có cơ hội nhìn Krendler lần nữa khi ông ta đóng cửa phòng ngủ. Bộ complet của ông ta là một tuyệt tác của nghệ thuật may một đường chỉ và ông ta không đeo súng. Đôi giày bóng loáng bị mòn gót khoảng 1cm vì đi trên thảm quá dày, cạnh của đôi gót giày rất sắc. Ông ta dừng lại một thoáng, tay vẫn để trên nắm đấm cửa, đầu cúi xuống. “Tím tốt lắm,” ông ta nói khi quay lại.

Starling không thể chịu được cái trò rẻ tiền này. Cô nhìn lại ông ta.

“Ở Quantico họ đào tạo được những tay lục lợi giỏi đấy,” Krendler nói.

“Họ không đào tạo bọn kẻ trộm.”

“Tôi biết,” ông ta nói.

“Thật vậy không?”

“Bỏ qua cho tôi đi.”

“Chúng ta sẽ tiếp tục theo đuổi chuyện những tấm hình và cái bấp cái cao su chứ?” cô hỏi.

“Phải.”

“Cái tên ‘William Rubin’ có nghĩa là gì thưa ông Krendler?”

“Lecter nói đây là tên của Bill Bò mộng. Còn đây là thông tin chúng tôi gửi cho bộ phận nhận dạng và NCIC[®]. Xem đây này.” Ông ta đưa cho cô bản ghi chép cuộc phỏng vấn Lecter của thượng nghị sĩ Martin, một bản sao mờ in bằng máy in kim.

“Cô nghĩ sao?” ông ta nói khi cô đọc xong.

“Không có gì ràng buộc ông ta ở đây cả,” Starling nói. “Ông ta nói đây là một gã da trắng tên Billy Rubin, mắc bệnh than ngà voi. Nếu ông ta nói dối, chúng ta cũng không thể khẳng định được. Trường hợp tốt nhất là ông ta chỉ bị nhầm lẫn mà thôi. Nhưng sẽ rất là tệ nếu ông ta đang cố tình *đùa cợt* với bà ấy. Ông Krendler, ông ta hoàn toàn đủ khả năng làm chuyện ấy. Ông đã bao giờ... gặp ông ấy chưa?”

Krendler lắc đầu và khịt mũi.

“Theo chúng tôi biết, bác sĩ Lecter đã giết chín người. Ông ấy không được tự do đi lại, nhưng không quan trọng — kể cả ông ấy có thể dựng người đã chết dậy thì người ta cũng không thả ông ấy ra. Vậy tất cả những gì ông ấy còn lại là vui đùa. Chính vì vậy mà chúng tôi lừa ông ta...”

“Tôi biết các vị lừa ông ta. Tôi đã nghe băng ghi âm của Chilton. Tôi không nói chuyện đó sai — tôi nói là vụ đó đã kết thúc. Ban Khoa học Hành vi có thể tiếp tục với những gì các vị có — từ quan điểm chuyển giới — nếu thấy đáng làm. Còn cô thì ngày mai sẽ quay lại trường ở Quantico.”

Ôi trời. “Tôi còn tìm được một thứ nữa.”

Miếng giấy màu vẫn nằm trên giường mà không ai để ý đến. Cô đưa nó cho ông ta.

“Cái gì vậy?”

“Trông như một tờ giấy vẽ chó Pluto.” Cô để ông ta phải hỏi những thông tin còn lại. Ông ta dùng tay ra hiệu cho cô giải thích.

“Tôi chắc đó là giấy thấm LSD. Có từ khoảng giữa thập niên 1970 trở về trước. Bây giờ nó là hàng hiếm. Cũng nên tìm hiểu xem

cô ấy kiểm được nó ở đâu. Ta cần xét nghiệm cho chắc chắn.”

“Cô có thể đem nó về Washington và chuyển cho phòng thí nghiệm. Cô nên đi ngay sau vài phút nữa.”

“Nếu ông không muốn đợi thì chúng tôi có thể làm ngay tại đây với thiết bị khám nghiệm hiện trường. Nếu cảnh sát có dụng cụ xét nghiệm ma túy loại tiêu chuẩn — xét nghiệm J — thì chỉ mất hai giây chúng tôi có thể...”

“Về Washington, quay lại trường đi,” ông ta nói và mở cửa.

“Ngài Crawford chỉ thị cho tôi...”

“*Chỉ thị* của cô là những gì tôi nói với cô. Bây giờ cô không nằm dưới sự chỉ đạo của Jack Crawford. Cô phải trở lại dưới sự giám sát như bất cứ học viên nào khác ngay bây giờ, và việc của cô là ở Quantico. Cô hiểu tôi chứ? Có một chuyến bay lúc 2 giờ 10. Hãy bắt chuyến đó.”

“Ông Krendler, bác sĩ Lecter chịu nói chuyện với tôi dù đã từ chối nói chuyện với cảnh sát Baltimore. Ông Crawford nghĩ rằng...”

Krendler lại đóng cửa vào, mạnh hơn bình thường. “Sĩ quan Starling, đáng ra tôi không cần phải giải thích cho cô, nhưng nghe này. Thông tin của ban Khoa học Hành vi chỉ mang tính *tư vấn*, và nó luôn luôn như vậy. Và trở lại chuyện đó. Lẽ ra Jack Crawford phải về nghỉ phép vì việc riêng rồi. Tôi lấy làm ngạc nhiên là ông ta vẫn còn có thể làm việc như trước. Ông ta đã tóm lấy cơ hội ngó ngàng này, giữ kín chuyện với thượng nghị sĩ Martin, và ông ta đã bị xử lý. Nhưng vì thành tích của ông ta và việc ông ta gần đến tuổi nghỉ hưu, bà ấy không nỡ làm mạnh tay với ông ta. Vì thế, nếu tôi là cô thì tôi sẽ không phải quá lo lắng về tiền lương hưu cho ông ta đâu.”

Starling hơi mất bình tĩnh. “Ông có biết ai khác từng bắt được ba tên giết người hàng loạt chưa? Ông có biết người nào từng bắt được một tên chưa? Ông không nên để bà ấy điều hành vụ này, thưa ông Krendler.”

“Cô chắc là một học trò sáng dạ, nếu không thì Crawford đã chẳng quan tâm đến cô, vậy tôi sẽ nói với cô chỉ một lần thôi: liệu mà giữ miệng nếu không thì tương lai ngòi bút giấy đánh máy đang chờ cô đấy. Cô không hiểu sao — lý do duy nhất mà cô được cử đến gặp Lecter ngay từ đầu chỉ là để kiểm chút tin tức cho Giám đốc của cô sử dụng trên đồi Capitol mà thôi. Những thứ vô hại trong những vụ trọng án — ‘ruột gan’ của bác sĩ Lecter — sắp cô lấy những thứ đó ra làm mỗi khi ông ta muốn ngân sách được thông qua. Các nghị viên cần câu và họ đi ăn tối với thứ đó. Cô thì ngoài cuộc, sĩ quan Starling ạ và giờ thì cô cũng ra khỏi vụ này. Tôi biết cô có thể nhận dạng phụ. Đưa lại cho tôi.”

“Tôi cần có thể nhận dạng để được mang súng lên máy bay. Súng đó là của Quantico.”

“Súng. *Chúa ơi*. Hãy trả thẻ ngay sau khi cô về đến nơi.”

Thượng nghị sĩ Martin, Gossage, một kỹ thuật viên và mấy cảnh sát đang tụ tập quanh một màn hình video và một modem kết nối với đường dây điện thoại. Đường dây nóng của Trung tâm Thông tin Tội phạm Quốc gia NCIC vẫn đều đặn báo cáo tiến độ trong khi thông tin của bác sĩ Lecter được xử lý ở Washington. Có tin mới từ Trung tâm Quốc gia về Kiểm soát Bệnh dịch ở Atlanta: bệnh than ngà voi là bệnh do hít phải bụi mài ra từ ngà voi châu Phi, thường gặp phải trong quá trình chế tác mỹ thuật. Ở Mỹ căn bệnh này là bệnh của

thợ làm dao.

Nghe từ “thợ làm dao”, thượng nghị sĩ Martin nhắm mắt. Đôi mắt nóng và khô. Bà ta nắm chặt tờ giấy ăn trong tay.

Viên cảnh sát trẻ — người đã cho Starling vào căn hộ — đem cho bà thượng nghị sĩ một cốc cà phê. Anh ta vẫn đội cái mũ Smokey the Bear.

Starling sẽ không ra đi trong lặng lẽ. Cô dừng lại trước mặt người đàn bà và nói, “Chúc bà may mắn, thượng nghị sĩ. Tôi hy vọng Catherine sẽ ổn.”

Thượng nghị sĩ Martin gật đầu mà không nhìn cô. Krendler giục Starling đi ra.

“Tôi không biết là cô ta không được vào đây.” Viên cảnh sát trẻ nói khi cô ra khỏi phòng.

Krendler ra ngoài cùng cô. “Tôi không có thái độ gì khác ngoài lòng tôn trọng với Jack Crawford,” ông ta nói. “Làm ơn nói với ông ta là tất cả chúng tôi đều cảm thấy rất buồn vì... chuyện của Bella. Còn bây giờ thì quay lại trường và lo việc học của cô đi, được chứ?”

“Tạm biệt, ông Krendler.”

Cô ở một mình ngoài bãi đỗ xe, với một cảm giác mông lung là có lẽ cô không thể hiểu bất cứ chuyện gì trên đời này.

Cô ngắm con chim bồ câu đang đi lại dưới những ngôi nhà lưu động và những chiếc thuyền. Nó cặp một cái vỏ lạc lên rồi đặt xuống. Làn gió ẩm làm lông nó rối bù.

Starling mong mình được nói chuyện với Crawford. *Lãng phí và ngu ngốc chỉ làm tình hình thêm tệ hại*, đó là điều ông nói. *Đây là*

thời kỳ khó khăn nhất, Starling ạ. Hãy tận dụng thời gian này và nó sẽ tôi luyện cô. Còn đây là bài kiểm tra khó nhất — không để cho cơn giận và nỗi thất vọng làm ảnh hưởng đến suy nghĩ của cô. Đây chính là cốt lõi của việc cô có tiềm năng lãnh đạo được hay không.

Cô chẳng thèm quan tâm đến chuyện lãnh đạo. Cô thấy mình chẳng thèm quan tâm xem mình có trở thành Đặc vụ Starling không. Cô chẳng thèm quan tâm, nếu cứ phải chơi theo kiểu này.

Cô nghĩ tới cô gái to béo, tội nghiệp, bất hạnh đã chết mà cô nhìn thấy trên cái bàn trong Nhà tang lễ ở Potter, Tây Virginia. *Sơn móng tay bóng loáng cứ như mấy cái xe trượt tuyết khôn kiếp này.*

Họ cô ta là gì nhỉ? Kimberly.

Thật khôn nạn nếu những kẻ khôn ấy thấy mình khóc.

Chúa ơi, ai cũng họ Kimberly cả. Bốn người trong lớp cô. Ba anh chàng có tên là Sean. Kimberly — với cái họ như trong phim truyền hình dài tập — đã tìm cách sửa sang cho mình, đục lỗ tai để cổ trông đẹp hơn, cổ trang điểm bản thân. Còn Bill Bò mộng lại nhìn đôi vú phẳng bất hạnh của cô ấy, gí mũi súng vào giữa chúng và tạo thành một lỗ hình sao biển trên ngực cô.

Kimberly, người chị em bất hạnh, to béo của cô, người tự tẩy lông chân — chắc chắn là như vậy, đánh giá từ khuôn mặt, tay và chân thì làn da là nét đẹp nhất của cô ấy. *Kimberly, ở một nơi nào đó, em có đang giận dữ không?* Không có thượng nghị sĩ nào đi tìm cô ấy. Không có những chiếc máy bay phản lực chở những kẻ điên rồ bay đi khắp nơi. *Điên rồ* không phải là từ mà cô nên dùng. Có nhiều thứ cô không nên làm. *Kệ, một lũ điên.*

Starling nhìn đồng hồ. Cô còn một giờ rưỡi trước chuyến bay và

còn một việc nhỏ nữa mà cô có thể làm. Cô muốn nhìn thẳng vào mặt bác sĩ Lecter khi ông ta nói “Billy Rubin.” Nếu cô chịu được đôi mắt màu hạt dẻ đó đủ lâu, nếu cô nhìn thật sâu vào vùng bóng tối hút mất những đốm sáng, cô có thể thấy điều gì đó có ích. Cô nghĩ cô có thể nhìn thấy niềm hân hoan.

Ờn Chúa mình vẫn còn giữ cái thẻ.

Cô để lại vết lốp cao su dài chừng 3,5m khi lao ra khỏi bãi đỗ xe.

Clarice Starling vội vã lái xe qua những làn xe đông đúc của Memphis, hai làn nước mắt giận dữ đã khô đi trên má cô. Lúc này cô cảm thấy mình tự do, bay bổng một cách lạ thường. Sự tinh tường lạ thường trong nhìn nhận cảnh báo cô rằng cô đang hiểu chiến, vì vậy cô cần rất thận trọng với chính mình.

Cô nhớ là đã đi qua một tòa án cũ khi rời sân bay và cô dễ dàng tìm thấy nó để làm mốc.

Nhà chức trách Tennessee đã không liều lĩnh với Hannibal Lecter. Họ quyết tâm giam giữ hắn an toàn, không để hắn tiếp xúc với những nguy hiểm của nhà tù thành phố.

Phương án của họ là một tòa án kết hợp nhà tù cũ, một tòa nhà khổng lồ theo kiến trúc Gothic được xây với đá granite bằng những giờ lao động công ích. Hiện giờ nó là một tòa nhà văn phòng của thành phố, được phục chế hơi quá đà giữa cái thành phố phồn vinh và quan tâm tới lịch sử này.

Hôm nay trông nó giống như một pháo đài Trung cổ được cảnh sát bao vây.

Vô số xe cộ của các cơ quan Hành pháp — tuần tra xa lộ, Phòng cảnh sát hạt Shelby, Cục điều tra bang Tennessee và Cục cải tạo —

đỗ đầy trong bãi. Starling phải đi qua một trạm gác cảnh sát mới tìm được chỗ đỗ chiếc xe đi thuê của cô.

Bác sĩ Lecter còn làm phát sinh thêm một vấn đề an ninh từ bên ngoài. Những cuộc gọi đe dọa tới tấp đến từ khi chương trình bản tin ngày đưa tin về nơi giam giữ hắn. Nạn nhân của hắn có nhiều bè bạn và người thân muốn thấy hắn từ giã cõi đời.

Starling hy vọng đặc vụ địa phương của FBI — Copley — không có ở đây. Cô không muốn anh ta gặp rắc rối.

Cô nhìn thấy bóng lưng Chilton giữa một nhóm phóng viên đứng trên bãi cỏ cạnh cầu thang chính. Trong đám đông có hai cái máy quay truyền hình nhỏ. Starling mong mình có gì đó che đầu. Cô quay mặt đi khi bước tới cửa vào tòa tháp.

Một cảnh sát bang đứng canh trước cửa xem thẻ của cô trước khi cô được vào sảnh. Sảnh tòa tháp lúc này trông như một trạm canh. Một cảnh sát thành phố đứng canh ở cái thang máy duy nhất của tòa nhà và một người khác đứng ở cầu thang. Đám cảnh sát bang thay thế cho các đơn vị tuần tra được bố trí quanh tòa nhà đang đọc tờ *Commercial Appeal* trên những cái ghế dài nơi công chúng không thể nhìn thấy.

Một trung sĩ ngồi ở bàn đối diện thang máy. Thẻ tên của anh ta đề TATE, C. L. “Báo chí không được phép vào,” trung sĩ Tate nói khi thấy Starling.

“Không,” cô nói.

“Cô đi cùng người của Chương lý à?” anh ta hỏi khi xem thẻ của cô.

“Phó Chương lý Krendler,” cô nói. “Tôi vừa từ chỗ ông ấy đến.”

Anh ta gạt đầu. “Chúng tôi có tất cả các kiểu cốm ở Tây Tennessee tới đây chỉ để xem bác sĩ Lecter. Ông Chúa là chúng tôi không phải thường xuyên gặp chuyện này. Cô cần phải thông qua bác sĩ Chilton trước khi lên.”

“Tôi đã gặp ông ấy ngoài kia,” Starling nói. “Chúng tôi thỏa thuận vụ này ở Baltimore sáng nay rồi. Đây có phải là chỗ ký không, trung sĩ Tate?”

Viên trung sĩ tặc lưỡi suy nghĩ trong giây lát. “Ngay đấy,” anh ta nói. “Quy tắc giữ đồ, thưa cô. Khách đến thăm để lại vũ khí, cảnh sát hay không cũng vậy.”

Starling gạt đầu. Cô tháo đạn ra khỏi súng. Viên trung sĩ thấy vui khi nhìn tay cô xử lý khẩu súng. Cô đưa đầu bóng súng cho anh ta, và anh ta cầm cho vào ngăn kéo khóa lại.

“Vernon, đưa cô ấy lên.” Anh ta quay ba số và nói tên cô vào điện thoại. Chiếc thang máy — được lắp thêm hồi những thập niên 1920 — kêu ken két đi lên tầng trên cùng. Nó mở ra một chiếu nghỉ cầu thang và một hành lang ngắn.

“Ngay đối diện, thưa cô,” người cảnh sát bang nói.

Trên cánh cửa kính mờ có sơn dòng chữ ỦY BAN LỊCH SỬ HẠT SHELBY.

Gần như toàn bộ tầng trên cùng của tòa tháp là một căn phòng bát giác sơn trắng, nền nhà và đồ đạc bằng gỗ sồi bóng.

Nó tỏa mùi sáp ong và keo dán giấy. Có ít đồ đạc nên căn phòng tạo cảm giác giản dị thanh đạm. Lúc này trông nó ổn hơn khi còn là văn phòng của nhân viên tòa án.

Hai người đàn ông mặc đồng phục của Cục cải tạo bang Tennessee đang canh gác. Người đàn ông nhỏ nhắn đứng lên bên cạnh bàn của mình khi Starling bước vào. Người to lớn hơn ngồi trên một cái ghế gấp ở đầu xa của căn phòng, đối mặt với cánh cửa xà lim. Ông ta là người canh chừng tự tử.

“Cô có được phép nói chuyện với tù nhân không, thưa cô?” viên sĩ quan đứng cạnh bàn nói. Bảng tên của anh ta đề PEMBRY, T. W., và trên mặt bàn anh ta có một cái điện thoại, hai cây dùi cui và một hộp xìt hơi cay. Một bánh răng lớn dựng trong góc phía sau anh ta.

“Tôi có,” Starling nói. “Tôi từng thẩm vấn ông ta rồi.”

“Cô biết quy tắc chứ? Không vượt qua rào chắn.”

“Chắc chắn rồi.”

Thứ có màu sắc duy nhất trong phòng là cái rào chắn mà cảnh sát giao thông hay dùng — một cái giá răng cưa sơn sọc vàng–cam được gắn những bóng đèn nhấp nháy tròn màu vàng lúc này đang tắt. Nó được đặt trên nền nhà sáng bóng, cách cửa xà lim chừng 1,5m. Trên cái cây treo áo gần đó treo đồ của bác sĩ Lecter — cái mặt nạ khúc côn cầu và thứ gì đó mà Starling chưa từng nhìn thấy: một cái áo trói. Làm từ da dày, với cái còng tay có hai khóa ở eo lưng và khóa bấm sau lưng, có thể nó là cái áo trói chắc chắn nhất trên thế giới. Cái mặt nạ và cái áo trói đen treo lơ lửng trên cái cây treo áo tạo ra một bố cục bất ổn trên nền tường trắng.

Starling có thể nhìn thấy bác sĩ Lecter khi cô lại gần xà lim. Hắn đang đọc bên cái bàn bị bắt vít xuống nền nhà. Lưng hắn quay ra cửa. Hắn có mấy cuốn sách và một bản sao hồ sơ về Bill Bò mòng mà cô đã đưa cho hắn ở Baltimore. Một máy cassette nhỏ được

xích vào chân bàn. Thật lạ lùng khi nhìn thấy hắn bên ngoài bệnh viện tâm thần.

Hồi nhỏ Starling từng nhìn thấy những cái xà lim như thế này. Chúng được chế tạo sẵn bởi một công ty ở St. Louis hồi đầu thế kỷ, và không ai chế tạo chúng tốt hơn họ — cái lồng dạng ghép khối bằng thép tôi luyện có thể biến bất cứ gian phòng nào thành xà lim. Nền là một tấm thép gắn trên song sắt, các bức tường và trần là những thanh sắt tôi nguội bọc kín không gian bên trong. Không có cửa sổ. Cái xà lim trắng bóc và sáng choang. Một tấm bình phong giấy mỏng manh che kín chỗ đi vệ sinh.

Những thanh song sắt trắng như những đẽ xương quanh tường. Bác sĩ Lecter có cái đầu đen bóng.

Một con chồn ngứa địa. Cái tổ từ xương sườn, lót bằng những quả tim. Cô chớp mắt để xóa đi hình ảnh đó.

“Xin chào, Clarice,” hắn nói mà không cần quay lại. Hắn đọc nốt trang sách, đánh dấu lại và xoay người trên ghế để đối diện với cô, tay hắn chống lên tay ghế và đỡ cằm. “Dumas bảo mùa thu mà ta cho thêm một con quạ vào nồi canh, khi con quạ đã được vỗ béo bằng quả bách xù thì sẽ làm đậm màu sắc và hương vị nước lèo[©]. Cô có thích có nó trong món xúp của cô không, Clarice?”

“Tôi nghĩ có thể ông muốn có những bức vẽ của mình — những thứ trong xà lim cũ — trước khi ông có cái cửa sổ mới.”

“Thật chu đáo. Bác sĩ Chilton mê mẩn cô còn Jack Crawford bị đuổi khỏi vụ này. Hay là họ cử cô đến để nịnh nọt lần cuối?”

Viên sĩ quan canh phòng tự tử đã quay ra nói chuyện với Pembry ở bàn giấy. Starling hy vọng họ không nghe thấy.

“Họ không cử. Tôi tự đến.”

“Người ta nói rằng chúng ta yêu nhau đấy. Không phải là cô muốn hỏi về Billy Rubin chứ Clarice?”

“Bác sĩ Lecter, không phải là... nghi ngờ những gì ông nói với thượng nghị sĩ Martin đâu, nhưng làm ơn tư vấn tiếp xem tôi phải tiếp tục với ý tưởng của ông về...”

“*Nghi ngờ...* tôi thích đấy. Tôi không việc gì phải tư vấn cho cô. Cô đã tìm cách lừa tôi, Clarice ạ. Cô nghĩ tôi đang đùa với những kẻ đó à?”

“Tôi nghĩ ông nói thật với tôi.”

“Thật đáng tiếc là cô định lừa tôi, phải không?” Mặt bác sĩ Lecter chìm xuống sau cánh tay cho tới khi chỉ còn nhìn thấy đôi mắt. “Thật tiếc là Catherine Martin sẽ không bao giờ còn nhìn thấy ánh mặt trời. Mặt trời là tấm đệm lửa mà Chúa trời của cô ta chết trên đó, Clarice ạ.”

“Cũng thật đáng tiếc khi ông bị buộc phải nghe lời người khác, thậm chí liếm khô vài giọt lệ khi cần,” Starling nói. “Thật tệ là chúng ta không kết thúc được những gì chúng ta đã nhắc đến. Ý tưởng của ông về con thành trùng, về cấu trúc của nó, có điều gì đó... tinh tế nên rất khó bỏ qua. Bây giờ thì nó là một đồng đồ nát, một vòm cổng gãy đôi đứng trơ trọi.”

“Một nửa vòm cổng thì không đứng được. Lại nói về những vòm cổng, họ vẫn cho cô làm việc chứ? Hay họ thu phù hiệu của cô rồi?”

“Chưa.”

“Cái gì bên dưới áo cô thế, máy chấm công giống như cái của

cha cô à?”

“Không, đây là hộp nạp đạn nhanh.”

“Vậy là cô vẫn mang vũ khí khi ra đường?”

“Phải.”

“Vậy đáng ra cô phải mặc cái áo rộng hơn. Cô có may vá gì không?”

“Có.”

“Cô có may bộ này không?”

“Không. Bác sĩ Lecter ạ, ông biết hết mọi thứ. Ông không thể nói chuyện riêng tư với thằng cha Billy Rubin này mà chỉ biết rất ít về hắn.”

“Cô nghĩ là không à?”

“Nếu ông đã gặp hắn ta thì ông biết *mọi thứ*. Nhưng hôm nay ông mới chỉ nhớ ra một chi tiết. Hắn bị bệnh than ngà voi. Ông phải thấy họ nhảy dựng lên như thế nào khi Atlanta nói đây là bệnh của thợ làm dao. Họ mắc câu rồi, nhưng hắn điều đó nằm trong tính toán của ông. Ông phải được một phòng cao cấp ở Peabody vì chuyện này đây. Bác sĩ Lecter, nếu ông gặp hắn rồi thì ông biết hắn. Tôi nghĩ có thể ông chưa từng gặp hắn mà chỉ nghe kể qua Raspail thôi. Nhưng những tin tức hạng hai đó sẽ khó mà dễ thương lượng với thượng nghị sĩ Martin, phải không?”

Starling nhìn thoáng qua vai. Một viên sĩ quan đang cho người kia xem cái gì đó trong tạp chí *Guns & Ammo*. “Ở Baltimore ông còn có nhiều chuyện hơn để nói với tôi, bác sĩ Lecter ạ. Tôi tin những chuyện ấy là thật. Hãy nói cho tôi phần còn lại.”

“Tôi đã đọc hồ sơ các vụ án, Clarice, còn cô? Tất cả những gì cô cần để tìm hấn có hết trong đó, nếu như cô chú ý. Kể cả ngài thanh tra sắp về vườn Crawford cũng có thể nghĩ ra được. Cô có tình cờ đọc bài diễn văn *xuẩn ngốc* của Crawford năm ngoái tại Học viện cảnh sát quốc gia không? Phun ra tư tưởng của Marcus Aurelius về trách nhiệm, danh dự và ý chí quật cường — cứ chờ xem khi Bella không còn nữa thì ông ta sẽ trở thành Crawford khắc kỷ đến mức nào. Tôi cho là ông ta cóp nhặt triết lý của mình từ cuốn *Danh ngôn phổ thông Bartlett*. Nếu hiểu Marcus Aurelius thì ông ta đã có thể giải quyết được vụ này.”

“Như thế nào?”

“Những khoảnh khắc thông minh đột xuất của cô đôi khi khiến tôi quên rằng thế hệ của các cô không chịu đọc, Clarice ạ. Hoàng đế khuyên phải giản dị: những nguyên tắc đầu tiên của mỗi sự việc cụ thể là phải hỏi: Trong nó có những gì, trong cấu trúc riêng của nó ấy? Bản chất nhân quả của nó là gì?”

“Điều này không có ý nghĩa gì với tôi cả.”

“Hấn làm gì vậy, người mà cô muốn tìm ấy?”

“Giết người...”

“À...” Lecter thốt lên, thoáng quay mặt ra chỗ khác để khỏi phải nhìn thấy cái suy nghĩ thiên cặn này. “Đấy chỉ là tình cờ thôi. Công việc chính mà hấn làm là gì, hấn giết chóc để thỏa mãn nhu cầu gì?”

“Giận dữ, bất mãn cuộc đời, ấn ức tình...”

“Không.”

“Vậy thì là gì?”

“Hắn *thèm muốn*. Thực sự là hắn thèm muốn trở thành giống hệt như cô. Bản chất của hắn là thèm muốn. Chúng ta bắt đầu thèm muốn như thế nào hả Clarice? Chúng ta có tìm kiếm các thứ để thèm muốn không? Hãy cố tìm câu trả lời đi.”

“Không, chúng ta chỉ...”

“Đúng. Hoàn toàn không. Chúng ta bắt đầu thèm muốn những gì chúng ta nhìn thấy hằng ngày. Cô không cảm thấy những ánh mắt chạm vào cô hằng ngày sao, Clarice, trong những cuộc gặp gỡ tình cờ? Thật khó mà nghĩ rằng cô không hề cảm thấy gì. Và cô có thèm muốn thứ gì không?”

“Được rồi, vậy nói cho tôi biết làm thế nào mà...”

“Giờ đến lượt cô nói *tôi* nghe, Clarice. Cô không còn kỳ nghỉ ngoài bãi biển nào ở trạm kiểm soát bệnh lở mồm long móng để đổi chác với tôi nữa. Từ giờ trở đi mọi thứ hoàn toàn là *quid pro quo*. Tôi phải rất thận trọng khi trao đổi với cô rồi. Nói tôi nghe, Clarice.”

“Nói gì?”

“Hai chuyện mà cô còn nợ tôi từ trước. Chuyện gì xảy ra với cô cùng con ngựa và cô làm gì với cơn giận của mình?”

“Bác sĩ Lecter, khi nào có thời gian tôi sẽ...”

“Lúc cô có thời gian thì chưa chắc tôi có thời gian, Clarice. Đây chính là lúc cô có thời gian.”

“Để sau, ông nghe này, tôi sẽ...”

“Tôi phải nghe *ngay bây giờ*. Hai năm sau cái chết của cha cô, mẹ cô gửi cô tới sống với vợ chồng người chị em họ của bà tại một trang trại ở Montana. Khi đó cô mười tuổi. Cô phát hiện ra là họ nuôi

ngựa lấy thịt. Cô bỏ chạy với một con ngựa mắt kém. Và rồi?”

“... Khi đó là mùa hè và chúng tôi có thể ngủ ngoài trời. Chúng tôi đến được Bozeman bằng đường mòn.”

“Con ngựa có tên không?”

“Có thể, nhưng họ không... người ta không quan tâm chuyện đó khi người ta nuôi ngựa để lấy thịt. Tôi gọi nó là Hannah, có vẻ là một cái tên hay.”

“Cô dắt con ngựa hay cưỡi nó tới Bozeman?”

“Cả hai. Tôi phải dắt nó tới cạnh một hàng rào mới trèo lên được.”

“Cô vừa cưỡi ngựa vừa đi bộ cùng nó tới Bozeman.”

“Có một trại giữ ngựa thuê, kiểu trường dạy cưỡi ngựa hay gì đó ngay bên ngoài thị trấn. Tôi muốn nhờ họ chăm sóc nó. Giá là 20 đô một tuần cho một chỗ trong chuồng chung. Nếu là chuồng riêng thì đắt hơn. Họ nhận ra ngay là nó không nhìn được. Tôi nói *được, vậy tôi sẽ dắt nó*. Đám trẻ con có thể cưỡi lên nó trong khi tôi dắt nó đi vòng quanh, còn cha mẹ bọn trẻ — ông biết đấy — cưỡi ngựa như bình thường. Tôi có thể ở lại đó và dọn dẹp chuồng ngựa. Người chủ đồng ý với tất cả những gì tôi nói, trong khi vợ ông ta gọi điện cho cảnh sát trưởng.”

“Cảnh sát trưởng cũng là một cảnh sát như cha cô.”

“Nhưng lúc đầu tôi vẫn sợ ông ta. Ông ta có khuôn mặt to đồm lựng. Cuối cùng cảnh sát trưởng cũng bỏ ra 20 đô cho một tuần thuê giữ ngựa để chờ ông ta ‘xử lý mọi chuyện’. Ông ta nói trời âm thì không cần chuồng riêng. Chuyện đến tai cánh báo chí. Thế là to

chuyện. Cô tôi đồng ý cho tôi đi. Và tôi đến Cô nhi viện dòng Luther ở Bozeman.”

“Là trại tế bần?”

“Vâng.”

“Còn Hannah?”

“Nó cũng đi. Một nông dân dòng Luther cho nó cỏ khô. Trong trại tế bần có một chuồng gia súc. Chúng tôi dùng nó cày xới đất vườn. Dù vậy vẫn phải để ý xem nó đi đứng như thế nào. Nếu không nó sẽ đâm vào giàn đậu và giẫm lên tất cả những thứ cây rau nào quá thấp mà chân nó không thể cảm thấy được. Và rồi chúng tôi cho nó ra ngoài, kéo xe chở bọn trẻ con đi vòng vòng.”

“Rồi nó chết, phải không?”

“Vâng, đúng vậy.”

“Kể tôi nghe chuyện ấy.”

“Vào năm ngoái, họ gửi thư tới trường cho tôi. Họ nghĩ rằng nó được 22 tuổi, vẫn kéo xe chở đầy trẻ con vào ngày cuối cùng trong đời, và nó chết trong giấc ngủ.”

Bác sĩ Lecter có vẻ hơi thất vọng. “Thật cảm động,” hắn ta nói. “Cha nuôi của cô ở Montana có lạm dụng cô không?”

“Không.”

“Ông ta có cố làm thế không?”

“Không.”

“Vì sao cô lại bỏ đi cùng với con ngựa?”

“Người ta định giết nó.”

“Cô có biết lúc nào không?”

“Không biết chính xác. Lúc nào tôi cũng lo lắng về chuyện ấy. Nó béo lên nhiều.”

“Cái gì thúc đẩy cô? Điều gì khiến cô bỏ đi đúng vào ngày hôm đó?”

“Tôi không biết.”

“Tôi nghĩ là cô biết.”

“Lúc nào tôi cũng lo lắng về chuyện ấy.”

“Cái gì khiến cô ra đi? Cô bắt đầu đi lúc nào?”

“Sớm. Trời vẫn còn tối.”

“Vậy thì có gì đó đánh thức cô dậy. Cái gì đánh thức cô vậy? Cô có ngủ mê không? Cái gì vậy?”

“Tôi thức dậy và nghe tiếng kêu của lũ cừu. Tôi thức dậy trong bóng tối và nghe thấy tiếng lũ cừu.”

“Người ta đang xẻ thịt những con cừu vụ xuân à?”

“Phải.”

“Cô đã làm gì?”

“Tôi không thể làm được gì cho chúng. Tôi chỉ...”

“Cô đã làm gì với *con ngựa*?”

“Tôi dậy mặc quần áo mà không bật đèn và ra ngoài. Nó đang rất sợ hãi. Tất cả lũ ngựa trong chuồng đều sợ hãi và cứ chạy vòng tròn trong chuồng. Tôi thổi vào mũi nó và nó biết đấy là tôi. Cuối cùng thì nó gí mũi vào tay tôi. Đèn trong nhà kho và lán cạnh chuồng cừu

vẫn bật. Những bóng đèn không chao, bóng tỏa rộng. Xe tải đông lạnh đã đến và đang nổ máy. Tôi dắt nó trốn đi.”

“Cô có đóng yên cho nó không?”

“Không. Tôi không lấy bộ yên của họ. Chỉ có một bộ dây cương thôi.”

“Khi cô bỏ đi trong bóng tối, cô có nghe thấy tiếng lũ cừu ở nơi có đèn sáng không?”

“Không nhiều. Chỉ có khoảng mười hai con thôi.”

“Thỉnh thoảng cô vẫn tỉnh giấc phải không? Tỉnh giấc trong bóng đêm lạnh lẽo và nghe tiếng kêu của lũ cừu?”

“Đôi khi.”

“Cô có nghĩ rằng nếu cô tự mình bắt được Bill Bò mộng và nếu cô cứu được Catherine an toàn, cô có thể khiến cho lũ cừu ngừng kêu, cô có nghĩ rằng chúng sẽ ổn và cô không còn thức dậy trong bóng tối và nghe tiếng chúng kêu la nữa chứ, Clarice?”

“Phải... Tôi không biết... Có thể.”

“Cảm ơn, Clarice.” Bác sĩ Lecter có vẻ bình tâm một cách lạ thường.

“Nói cho tôi tên hắc tã, bác sĩ Lecter,” Starling nói.

“Bác sĩ Chilton,” Lecter nói. “Tôi tin là hai người biết nhau.”

Trong một thoáng Starling không nhận ra là Chilton đang đứng sau cô. Sau đó ông ta nắm lấy khuỷu tay cô.

Cô giằng tay ra, sĩ quan Pembry và tay cộng sự to lớn của anh ta đi cùng với Chilton.

“Vào thang máy,” Chilton nói. Mặt ông ta vẫn đỏ.

“Cô có biết là bác sĩ Chilton không có bằng y khoa không?” bác sĩ Lecter nói. “Về sau hãy vui lòng ghi nhớ điều này nhé.”

“Đi thôi,” Chilton nói.

“Ông không phải là người phụ trách ở đây, bác sĩ Chilton,” Starling nói.

Sĩ quan Pembry đi vòng qua Chilton. “Không thưa cô, nhưng tôi phụ trách. Ông ấy gọi cho sếp tôi và cả sếp cô. Tôi xin lỗi, nhưng tôi có lệnh đưa cô ra ngoài. Hãy đi với tôi, ngay lập tức.”

“Tạm biệt, Clarice. Cô sẽ cho tôi biết nếu bọn cừu ngừng kêu la chứ?”

Pembry nắm lấy tay cô. Hoặc là đi hoặc đấu với anh ta.

“Được,” cô nói. “Tôi sẽ nói cho ông.”

“Cô hứa chứ?”

“Vâng.”

“Vậy tại sao lại không hoàn thành cái công vòm nhỉ? Hãy đem hồ sơ vụ án của cô đi, Clarice, tôi không cần đến nó nữa đâu.”

Hắn thò tay đưa bộ hồ sơ qua song sắt, ngón trỏ của hắn đặt dọc theo gáy tập hồ sơ. Cô vươn tay qua rào chắn để cầm lấy. Đầu ngón tay trỏ cô thoáng chạm vào ngón tay bác sĩ Lecter. Sự động chạm làm mắt hắn lóe sáng.

“Cảm ơn, Clarice.”

“Cảm ơn, bác sĩ Lecter.”

Và ông ta đã ghi dấu ấn trong tâm trí Starling như vậy. Hình ảnh

đúng lúc hắn buông bỏ cái thói chế nhạo người khác, đứng trong căn xà lim sơn trắng, uốn mình như một vũ công, hai bàn tay chấp vào nhau trước ngực và đầu hơi nghiêng về một bên.

Cô đi qua một gờ giảm tốc trên đường đi ở sân bay nhanh tới mức đập đầu vào nóc xe và phải chạy đuổi theo chiếc máy bay mà Krendler lệnh cho cô phải lên.

Sĩ quan Pembry và sĩ quan Boyle là những người có kinh nghiệm được đặc biệt cử đến từ nhà tù bang Brushy Mountain để quản giáo bác sĩ Lecter. Họ là những người điềm đạm, thận trọng và không cảm thấy cần được bác sĩ Chilton giải thích cho họ về công việc họ làm.

Họ đến Memphis trước Lecter và cẩn trọng khám xét phòng giam. Khi bác sĩ Lecter được đưa đến tòa án cũ, họ cũng đã khám xét hắn. Hắn cũng bị một y tá nam khám trong người khi vẫn bị trói. Quần áo của hắn được khám xét kỹ lưỡng và dùng máy phát hiện kim loại dò các đường khâu.

Boyle và Pembry thỏa thuận với hắn, thì thầm bằng một giọng nói thấp, lịch thiệp vào tai hắn trong khi hắn bị khám xét.

“Bác sĩ Lecter, chúng ta sẽ hòa hợp với nhau tốt thôi. Ông cư xử đẹp với chúng tôi thì chúng tôi cũng vậy với ông. Hãy tỏ ra là một quý ông và ông sẽ được phần của mình. Nhưng chúng tôi không đùa cợt với ông đâu. Ông mà cần thì sẽ chẳng còn răng. Có vẻ như ông sắp có được thứ gì đó hay hóm ở đây. Ông không muốn bỏ phí nó, phải không?”

Bác sĩ Lecter thân thiện nháy mắt với họ. Nếu có ý định trả lời thì hắn cũng bị thanh gỗ ngang miệng cản trở khi người y tá soi đèn pin

vào mặt hắn và đưa ngón tay đeo găng vào khám trong miệng hắn.

Cái máy dò kim loại phát ra tiếng bíp ở má hắn.

“Cái gì vậy?” người y tá hỏi.

“Chì hàn răng,” Pembry nói. “Vạch môi ông ta lên mà xem. Ông đã hàn tương đối lâu rồi phải không, bác sĩ?”

“Theo tờ thấy thì ông ta tuyệt vọng rồi,” Boyle thổ lộ với Pembry sau khi họ đưa bác sĩ Lecter an toàn vào phòng giam. “Ông ta chắc không gây rắc rối gì đâu nếu không phát cuồng lên.”

Căn phòng giam, dù rất an toàn và chắc chắn, nhưng lại không có khay đầy thức ăn. Vào giờ ăn trưa, trong một không khí căng thẳng sau chuyến viếng thăm của Starling, bác sĩ Chilton gây khó chịu cho tất cả mọi người khi bắt Boyle và Pembry thực hiện một quy trình kéo dài để mặc áo trói và cùm chân vào cho bác sĩ Lecter trong khi hắn đứng dựa lưng vào song sắt, Chilton thì cầm sẵn hộp xìt cay, trước khi họ mở cửa và bưng cái khay của hắn vào.

Chilton không chịu gọi Boyle và Pembry bằng tên riêng, dù họ có đeo biển tên mà chỉ bừa bãi gọi họ là “anh này, anh kia.”

Về phần họ, sau khi hai quản giáo nghe thấy Chilton không phải là bác sĩ y khoa thực thụ, Boyle nói với Pembry rằng ông ta chỉ là một “thứ thầy giáo trường làng vớ vẩn nào đó.”

Pembry đã một lần thử thanh minh với Chilton rằng chuyến viếng thăm của Starling không phải do họ chấp thuận mà từ bàn giấy dưới gác nhưng thấy rằng trong cơn giận dữ của Chilton thì nói chuyện đó cũng bằng thừa.

Bác sĩ Chilton không có mặt trong bữa tối, và với sự hợp tác

đáng kinh ngạc của bác sĩ Lecter, Boyle và Pembry sử dụng phương cách riêng của họ để đưa khay thức ăn vào cho hắn. Nó rất hiệu quả.

“Bác sĩ Lecter, tối nay ông không cần đến áo dạ tiệc đâu,” Pembry nói. “Tôi sẽ yêu cầu ông ngồi xuống sàn và nhích người ngược ra ngoài đến lúc nào tay thò được qua song sắt. Cứ thế. Lùi thêm chút nữa và đưa tay ra thêm một chút, thẳng cùi chỏ.” Pembry còng chặt bác sĩ Lecter bên ngoài song sắt, một thanh dọc giữa hai tay hắn và một thanh ngang ngay bên trên. “Cũng hơi đau một chút phải không? Tôi biết là có đau nhưng chỉ mất một phút thôi, bớt được khối rắc rối cho cả hai ta.”

Bác sĩ Lecter không thể đứng lên, thậm chí là ngồi xổm, và với đôi chân duỗi thẳng trước mặt, hắn không thể đá được.

Chỉ khi bác sĩ Lecter đã bị trói chặt thì Pembry mới quay lại bàn làm việc lấy chìa khóa cửa phòng giam. Pembry đút dùi cui vào cái vòng đeo bên hông, thả bình xịt hơi cay vào túi và quay lại phòng giam. Anh ta mở cửa để Boyle bưng khay vào. Khi cánh cửa đã khóa, Pembry trả chìa khóa lại bàn trước khi tháo còng cho bác sĩ Lecter. Không khi nào anh ta cầm chìa khóa lại gần song sắt khi bác sĩ được tự do trong phòng giam.

“Giờ thì dễ rồi, phải không?” Pembry nói.

“Rất thoải mái, cảm ơn sĩ quan,” bác sĩ Lecter nói. “Anh thấy đấy, tôi cũng cố thích nghi mà.”

“Chúng ta ai cũng thế, người anh em ạ,” Pembry nói.

Bác sĩ Lecter nghịch chỗ thức ăn trong khi hắn viết, vẽ và bôi nguệch ngoạc lên cuốn vở bằng bút dạ. Hắn lật băng trong cái máy

cassette bị xích vào chân bàn và bấm nút *Play*. Glenn Gould chơi *Các biến khúc Goldberg* của Bach trên dương cầm. Âm nhạc tuyệt đẹp vượt thoát thời gian và cảnh ngộ éo le để tràn ngập cái lòng sáng sủa và căn phòng nơi hai quần áo ngồi.

Với bác sĩ Lecter, ngồi yên lặng bên bàn như thế này thì thời gian như chậm lại và dài ra trong nhịp bước của nó. Với hắn, những nốt nhạc đang rời nhau ra nhưng không mất đi nhịp điệu. Kể cả những nốt nhạc của Bach cũng là những nốt nhạc tách biệt bay ra từ sắt thép loang loáng bao quanh hắn. Bác sĩ Lecter đứng dậy, vẽ mặt hắn lơ đãng, nhìn tờ giấy ăn tuột từ đùi hắn xuống sàn. Tờ giấy ăn bay khá lâu trong không khí, chạm vào chân bàn, xòe ra, lật nghiêng, chạm đất rồi nằm ngoi nghỉ trên sàn thép. Hắn không buồn nhặt nó lên mà đi thẳng ra sau tấm bình phong giấy và ngồi lên nắp cái bồn cầu, nơi riêng tư duy nhất của hắn. Hắn ngồi đó nghe nhạc trong tư thế người hơi đổ về một bên, cầm tì vào tay, đôi mắt màu hạt dẻ lạ thường nhắm hờ. *Các biến khúc Goldberg* làm hắn quan tâm đến cấu trúc của nó. Đây rồi, đoạn dồn trầm của điệu saraband lại lặp lại, lặp lại nữa. Hắn gật gù theo nhạc, lưỡi đưa dọc theo cạnh hàm răng. Một vòng bên trên, một vòng phía dưới. Thật là một chuyến đi thú vị cho cái lưỡi của hắn, như một chuyến dạo chơi thú vị trên dãy Alps.

Giờ thì đến lượt lợi, hắn lùa lưỡi thật cao vào khe hở giữa má và lợi hắn rồi chậm chậm di chuyển nó như vài người thường làm khi suy nghĩ. Lợi hắn lạnh hơn răng. Trong khe hở còn lạnh hơn. Khi lưỡi hắn chạm đến chiếc ống kim loại nhỏ xíu, nó dừng lại.

Trong tiếng nhạc, hắn nghe có tiếng lách cách và vo vo của thang máy khởi động. Sau nhiều nốt nhạc, cửa thang máy mở ra và

hắn nghe một giọng nói lạ. “Tôi phải lấy cái khay.”

Bác sĩ Lecter nghe thấy tiếng anh chàng nhỏ con hơn đang đi đến — Pembry. Hắn có thể nhìn qua khe hở giữa các tấm ghép của bình phong. Pembry đang đứng gần song sắt.

“Bác sĩ Lecter. Hãy ra ngồi xuống sàn, quay lưng ra phía song sắt như lần trước nào.”

“Sĩ quan Pembry, làm ơn cho phép tôi xong đã? Tôi sợ là chuyến đi vừa rồi làm cho tôi tiêu hóa không được tốt.” Câu đó được nói ra rất chậm.

“Được.” Pembry nói với xuống phòng bên dưới. “Lấy được chúng tôi sẽ gọi.”

“Tôi nhìn ông ta được không?”

“Chúng tôi sẽ gọi anh.”

Lại là tiếng thang máy, sau đó chỉ còn lại âm nhạc.

Bác sĩ Lecter lấy cái ống ra khỏi miệng và lau khô nó vào một mẩu giấy vệ sinh. Tay hắn không run, bàn tay khô ráo hoàn hảo.

Trong những năm bị giam giữ, với sự tò mò vô bờ bến của mình, bác sĩ Lecter đã học được rất nhiều mẹo vặt. Tất cả những năm tháng sau khi hắn tấn công người y tá ở bệnh viện Tâm thần Baltimore, chỉ có hai lần an ninh quanh hắn bị lơ lửng, cả hai đều xảy ra khi Barney nghỉ. Một lần, một nhà nghiên cứu tâm thần học cho hắn mượn cây bút bi rồi quên mất. Trước khi người đàn ông ra khỏi nhà tù, bác sĩ Lecter đã bẻ gãy cái thân bút nhựa và xả nó xuống bồn cầu. Cái ống mực kim loại của cây bút được giấu vào đường may viền đệm giường.

Cạnh sắc duy nhất có trong phòng giam là một cái gờ trên đầu đinh ốc bắt giường của hắn vào tường. Thế là đủ. Sau hai tháng mài giũa, bác sĩ Lecter cắt hai đường cần thiết, dài 0.5cm, song song với nhau chạy dọc theo ống từ đầu hở. Sau đó hắn cắt ống mực thành hai đoạn dài 2.5cm từ đầu hở rồi xả đoạn dài với đầu ngòi xuống bồn cầu. Barney không phát hiện ra vết chai trên ngón tay hắn sinh ra sau những đêm mài giũa.

Sáu tháng sau, một hộ lý để quên một cái ghim giấy loại to trong giấy tờ luật sư gửi cho bác sĩ Lecter. Một đoạn ghim giấy thép dài 2.5cm được cho vào ống và phần còn lại cũng xuống bồn cầu. Một cái ống nhỏ, trơn và ngắn, có thể dễ dàng giấu trong đường khâu áo quần, giữa má và lợi, trong hậu môn.

Lúc này, ngồi sau tấm bình phong giấy, bác sĩ Lecter gõ ống kim loại nhỏ vào móng tay để sợi dây bên trong rơi ra. Sợi dây là công cụ chính và bây giờ mới là phần khó khăn. Bác sĩ Lecter nhét nửa sợi dây vào trong cái ống nhỏ và vô cùng cẩn thận dùng nó như một cái đòn bẩy để bẻ cong sợi dây kim loại giữa hai cái rãnh. Đôi khi chúng bị gãy. Thận trọng, bằng đôi tay mạnh mẽ của mình, hắn uốn sợi dây kim loại và nó dần xuất hiện. Rồi. Một đoạn dây kim loại ngắn đã vuông góc với cái ống. Bây giờ hắn đã có chìa khóa tháo còng.

Bác sĩ Lecter đưa tay ra sau và chuyển chìa khóa giữa hai tay 15 lần. Hắn cho lại chìa khóa vào miệng khi rửa tay và cẩn thận lau khô. Sau đó hắn dùng lưỡi giấu chiếc chìa khóa giữa những ngón tay phải, biết rằng Pembry sẽ chăm chăm nhìn vào bàn tay trái khác thường của mình khi nó ở sau lưng hắn.

“Tôi sẵn sàng khi anh sẵn sàng, sĩ quan Pembry,” bác sĩ Lecter

nói. Hắn ngồi xuống sàn phòng giam và duỗi tay ra sau lưng, bàn tay và cổ tay đưa qua song sắt. “Cảm ơn vì đã chờ tôi.” Hắn nói cứ như thể vừa nói xong một bài diễn thuyết dài, đượm màu âm nhạc.

Giờ thì hắn nghe thấy Pembry đằng sau mình. Pembry sờ cổ tay hắn xem có sát xà phòng không. Rồi sờ cổ tay kia xem có sát xà phòng không. Pembry khóa còng chặt lại. Anh ta quay lại bàn giấy để lấy chìa khóa phòng giam. Qua tiếng dương cầm, bác sĩ Lecter nghe thấy tiếng lanh canh của vòng đeo chìa khóa khi Pembry lấy nó từ ngăn kéo bàn giấy. Bây giờ anh ta đang quay lại, bước trong những nốt nhạc, rẽ đôi làn không khí tràn đầy những nốt nhạc trong trẻo. Lần này thì Boyle quay lại cùng với anh ta. Bác sĩ Lecter có thể nghe thấy những lỗ hổng họ tạo ra trong tiếng nhạc.

Pembry kiểm tra cái còng lần nữa. Bác sĩ Lecter có thể ngửi thấy hơi thở của Pembry đằng sau mình. Bây giờ Pembry đã mở khóa phòng giam và mở tung cửa. Boyle vào trong. Bác sĩ Lecter quay đầu, phòng giam dịch chuyển có vẻ như chậm chạp theo cái nhìn của hắn, những chi tiết rõ nét tuyệt vời — bên bàn, Boyle đang thu dọn các thứ vung vãi của bữa tối vào khay với vẻ khó chịu vì đồng hồ đột. Cái đầu cassette với cặp trục đang quay, tờ giấy ăn rơi dưới sàn bên cạnh cái chân bàn bị bắt vít xuống nền nhà. Qua song sắt, bác sĩ Lecter nhìn qua đuôi mắt thấy phía sau đầu gối Pembry đang lủng lẳng cây dùi cui đeo ở thắt lưng, trong khi anh ta đang đứng bên ngoài phòng giam giữ cánh cửa.

Bác sĩ Lecter tìm thấy lỗ khóa trên còng tay trái, tra chìa khóa vào và vặn. Hắn cảm thấy lò xo còng lỏng ra trên cổ tay. Hắn chuyển chìa khóa sang tay trái, tìm lỗ khóa, tra chìa và vặn.

Boyle cúi xuống nhặt tờ giấy ăn dưới sàn. Nhanh như một con

rắn vào môi, chiếc còng tay đã khóa lấy cổ tay Boyle và khi anh ta quay lại nhìn bác sĩ Lecter thì ổ còng bên kia đã khóa vào cái chân bàn cố định. Bác sĩ Lecter đã đứng lên, đẩy cửa. Pembry cố đi vào nhưng vai bác sĩ Lecter thúc cánh cửa kim loại vào anh ta, Pembry thò tay lấy bình xịt cay ở thắt lưng, cánh cửa dập tay anh ta vào người. Lecter tóm lấy đầu dài của chiếc dùi cui và nhấc lên. Lực đòn bẩy siết chặt thắt lưng quanh người Pembry, hấn đánh mạnh cùi chỏ vào cổ họng và cắn ngập răng vào mặt Pembry. Pembry cố cào Lecter, mũi và môi trên anh ta bị hai hàm răng cắn xé. Lecter lắc đầu như một con chó giết chuột và kéo dùi cui khỏi thắt lưng Pembry. Trong phòng giam, Boyle đang gào thét, ngồi trên sàn nhà, ráo riết lục túi tìm chìa khóa còng, nhưng lóng ngóng đánh rơi rồi lại tìm thấy. Lecter thúc đầu dùi cui vào bụng và cổ họng Pembry, anh ta sụm xuống. Boyle đã tra được chìa vào khóa còng, anh ta vẫn đang la hét. Lúc này Lecter đang đến chỗ anh ta. Lecter làm Boyle im miệng bằng hơi cay, và trong khi anh ta đang rên rỉ, hấn lại lấy dùi cui phang hai nhát làm gãy cánh tay duỗi của anh ta. Boyle cố trốn xuống gầm bàn, nhưng bị hơi cay làm mù mắt nên anh ta bò sai đường, vì thế chỉ cần năm cú đánh chính xác là có thể dễ dàng đập chết anh ta.

Pembry cố ngồi dậy được và đang kêu gào. Bác sĩ Lecter cúi nhìn anh ta với ánh mắt đồ ngầu. “Tôi sẵn sàng khi anh sẵn sàng, sĩ quan Pembry,” hấn nói.

Cây gậy rít lên phang xuống trúng gáy Pembry. Anh ta duỗi thẳng người như con cá bị đập đầu.

Mạch bác sĩ Lecter tăng lên hơn một trăm vì phải hoạt động, nhưng nhanh chóng trở lại bình thường. Hấn tắt nhạc và lắng nghe.

Hắn ra cầu thang và lại lắng nghe. Hắn lộn trái túi Pembry, lấy chìa khóa bàn giấy và mở tất cả các ngăn kéo. Trong ngăn kéo dưới cùng là vũ khí công vụ của Boyle và Pembry, một cặp súng ổ quay .38 Special. Tuyệt hơn nữa, trong túi Boyle hắn tìm được một con dao bỏ túi.

Trong sảnh đầy cảnh sát. Bây giờ là 6 giờ 30 tối, cảnh sát canh ở các trạm bên ngoài vừa được thay ca trực kéo dài hai tiếng. Họ vào sảnh giữa không khí buổi tối lạnh lẽo, sưởi ấm tay trên lò sưởi điện. Vài người trong số họ đã đặt cược vào trận bóng rổ bang Memphis đang diễn ra và nóng lòng muốn biết tình hình trận đấu.

Trung sĩ Tate không cho phép nghe đài quá to trong sảnh, nhưng một sĩ quan dùng máy Walkman có tai nghe. Anh ta thường xuyên thông báo tỷ số, nhưng không đủ thường xuyên đối với những người đặt cược.

Tất cả có mười lăm cảnh sát có vũ trang trong sảnh cộng thêm hai nhân viên Cục Cải tạo đến thay thế cho Pembry và Boyle vào lúc 7 giờ tối. Trung sĩ Tate cũng đang chờ được thay ca trực từ 11 giờ sáng đến 7 giờ tối của mình.

Tất cả các trạm đều báo yên. Không cú điện thoại đe dọa Lecter nào trở thành hiện thực.

Đến 6 giờ 45 phút, Tate nghe thấy tiếng thang máy khởi động. Anh ta nhìn thấy mũi tên đồng trên cánh cửa chậm chậm di chuyển quanh mặt số. Nó dừng lại ở tầng năm.

Tate nhìn quanh sảnh. “Sweeney đã lên lấy khay chưa?”

“Chưa, tôi đang ở đây thừa trung sĩ. Anh làm ơn gọi lên xem họ đã xong chưa được chứ? Tôi phải đi rồi.”

Trung sĩ Tate quay ba số và lắng nghe. “Máy bận,” anh ta nói. “Lên xem thế nào đi.” Anh ta quay lại điền sổ trực ca 7 đến 11 giờ đêm.

Cảnh sát Sweeney bấm nút thang máy. Nó không chạy.

“Chắc là tối nay hần ta ăn phải *sườn cừu sống*,” Sweeney nói. “Ông nghĩ hần sẽ gọi gì ăn sáng, một thứ của nợ gì đó từ vườn bách thú chẳng? Và ai sẽ phải đi bắt cái thứ ấy cho hần? Là Sweeney này đây.”

Cây kim đồng bên trên cánh cửa vẫn dừng ở số năm.

Sweeney đợi thêm một phút nữa. “Quái quỷ gì thế?” anh ta nói.

Khẩu .38 nổ đầu đó bên trên họ. Tiếng nổ vọng xuống cầu thang đá, hai phát nhanh và sau đó là phát thứ ba.

Trung sĩ Tate đứng phắt lên sau phát súng thứ ba, tay cầm ống nói. “Trạm Chỉ huy đây, có súng nổ trên cầu thang tòa nhà. Các trạm gác bên ngoài canh chừng thật kỹ. Chúng tôi lên trên.”

Tiếng la hét, tiếng huỳnh huých trong sảnh.

Tate thấy cây kim đồng của thang máy chuyển động. Nó đã xuống tầng bốn. Tate quát lên át tiếng ồn, “Chờ đấy! Tăng gấp đôi người gác ở các trạm bên ngoài, nhóm một ở lại với tôi. Berry và Howard coi chừng cái thang máy nếu nó chạy...”

Cây kim dừng lại ở số ba.

“Nhóm một, đi thôi. Không được đi qua cửa khi chưa kiểm tra. Bobby, ra ngoài — lấy một khẩu súng trường và áo chống đạn rồi

đem vào đây.”

Đầu óc Tate quay cuồng trên nhịp cầu thang đầu tiên. Sự thận trọng giằng xé với nhu cầu khẩn thiết phải trợ giúp những sĩ quan trên lầu. *Cầu Chúa đừng để hấn thoát. Không có ai mặc áo chống đạn cả, mẹ kiếp. Cái bọn quần giáo khốn kiếp.*

Văn phòng trên các tầng hai, ba và bốn lúc này phải khóa cửa và không có người. Người ta có thể từ tòa tháp đi ra tòa nhà chính qua những tầng này nếu đi qua khu văn phòng. Trên tầng năm thì không được.

Tate đã theo học trường đào tạo SWAT tốt nhất ở Tennessee và anh ta biết phải làm việc này như thế nào. Anh ta đi đầu và chỉ đạo đám cấp dưới trẻ tuổi. Nhanh chóng và thận trọng, họ chiếm lĩnh cầu thang, yểm trợ cho nhau đi từ chiếu nghỉ này sang chiếu nghỉ khác.

“Các cậu chưa kiểm tra mà đã quay lưng lại cửa là tôi sẽ đá đít các cậu đấy.” Những cánh cửa ở chiếu nghỉ tầng hai tối om và khóa cứng.

Đã lên đến tầng ba, dãy hành lang nhỏ mờ tối. Một ô sáng hình chữ nhật trên sàn chiếu từ cái thang máy đang mở cửa. Tate đi tới bức tường đối diện với cái thang máy đang mở, trong thang máy không có gương để anh ta nhìn được bên trong có gì. Tì ngón tay lên cò súng bằng gân hai phần lực cần thiết để bóp cò, anh ta nhìn vào thang máy. Trống rỗng.

Tate quát vọng lên trên cầu thang, “Boyle! Pembry! Mẹ kiếp.” Anh ta để một người lại đứng chốt tầng ba rồi đi lên.

Tầng bốn tràn ngập tiếng nhạc dương cầm vọng từ trên xuống.

Cửa các gian văn phòng đẩy cái là mở tung. Đằng sau các gian văn phòng, một chùm sáng dài của đèn pin chiếu vào một cánh cửa rộng mở vào tòa nhà lớn tăm tối ở phía sau.

“*Boyle! Pembry!*” anh ta cắt cử hai người ở lại chiếu nghỉ. “Canh cửa. Áo chống đạn đang đến. Đừng có mà giờ mông ra cái khung cửa đó.”

Tate leo cầu thang đá tới nơi phát ra tiếng nhạc. Trên tầng cao nhất của tòa tháp, chiếu nghỉ thứ năm, ánh sáng mờ tối trong hành lang ngắn. Ánh sáng chiếu qua tấm kính mờ có dòng chữ “ỦY BAN LỊCH SỬ HẠT SHELBY”.

Tate lom khom luồn dưới tấm kính cửa sang bên đối diện với bản lề. Anh ta gạt đầu với Jacobs ở bên kia, xoay nắm đấm và đẩy thật mạnh, cánh cửa bật ra sau đủ mạnh để làm vỡ hết kính. Tate lao nhanh vào trong, quét nhìn căn phòng qua đầu ruồi khẩu ổ quay của anh ta.

Tate đã thấy nhiều. Anh ta đã nhìn thấy những vụ tai nạn không thể tưởng tượng nổi, đánh nhau, giết người. Trong đời, anh ta đã chứng kiến cái chết của sáu cảnh sát. Nhưng anh ta nghĩ thứ nằm dưới chân anh ta là thứ tệ hại nhất xảy ra với một sĩ quan cảnh sát mà anh ta từng thấy. Phần thịt bên trên cổ áo đồng phục không còn là một khuôn mặt nữa. Phần trước và đỉnh đầu là một đồng máu thịt bầy nhầy và một con mắt lòng thòng cạnh lỗ mũi, hốc mắt đầy máu.

Jacobs vượt qua Tate, trượt chân trên nền nhà đầy máu khi anh ta vào phòng giam. Anh ta cúi xuống Boyle, vẫn đang bị còng vào chân bàn. Boyle — với nội tạng gần như bị moi ra hết và khuôn mặt bị xé nát — có vẻ như đã bị tung tóe máu ra xà lim, ruột gan và máu me bắn đầy lên tường.

Jacobs để tay lên cổ anh ta. “Người này chết rồi,” anh ta gọi qua tiếng nhạc. “Trung sĩ?”

Tate — đã kịp bình tĩnh lại và cảm thấy xấu hổ vì giây phút thất thần của mình — đang nói vào bộ đàm. “Trạm Chỉ huy, hai sĩ quan bị hạ. Nhắc lại, có hai sĩ quan bị hạ. Tên tù trốn thoát rồi. Lecter đã trốn thoát. Các trạm gác bên ngoài quan sát cửa sổ, đối tượng xé vải trải giường, có thể làm dây. Gọi xe cứu thương ngay.”

“Pembry chết rồi, phải không trung sĩ?” Jacobs tắt nhạc.

Tate quỳ xuống và khi anh ta thò tay định sờ vào cổ thì thứ khủng khiếp trên nền nhà rên lên và thổi ra một bong bóng máu.

“Pembry vẫn sống.” Tate không muốn miệng mình chạm vào đồng bầy nhầy máu thịt này, nhưng biết rằng mình sẽ phải làm thế nếu muốn giúp Pembry thở, biết rằng mình sẽ không bắt cấp dưới làm việc đó. Nếu Pembry chết thì tốt hơn, nhưng nghĩa vụ của Tate là phải giúp Pembry thở. Nhịp tim vẫn còn — anh ta vừa kiểm tra — và vẫn còn hơi thở. Trông nó tả tơi và sủi bong bóng, nhưng đồng bầy nhầy vẫn còn thở. Đồng tan nát đó vẫn tự thở được.

Bộ đàm của Tate vang lên. Một trung úy cảnh sát nắm quyền chỉ huy trạm ngoài muốn được báo cáo. Tate phải nói.

“Lại đây, Murray,” Tate gọi một cảnh sát trẻ tuổi. “Cúi xuống với Pembry và chạm vào anh ta ở chỗ nào mà anh ta cảm nhận được tay cậu. Nói chuyện với anh ta đi.”

“Tên anh ta là gì, thưa trung sĩ?” Murray tái xanh mặt.

“Pembry, giờ thì nói chuyện với anh ta đi, mẹ kiếp.” Tate nói vào bộ đàm. “Hai sĩ quan bị hạ, Boyle đã chết còn Pembry bị thương nặng. Lecter trốn thoát và có vũ khí — hấn lấy súng của họ rồi. Thất

lưng và bao súng vẫn trên bàn.”

Giọng viên trung úy nghe rè rè qua bức tường dày. “Anh thu xếp để cầu thang không có ai cản trở người khiêng cáng được chứ?”

“Vâng, thưa ông. Ông bảo họ trước khi lên tầng bốn nhớ gọi điện. Chiều nghỉ nào cũng có người của tôi.”

“Được, trung sĩ. Trạm số Tám ngoài này nghĩ anh ta thấy có chuyển động sau cửa sổ của tòa nhà chính trên tầng bốn. Chúng tôi đã canh giữ tất cả các lối ra, hắn sẽ không ra được đâu. Hãy giữ vững vị trí tại các chiếu nghỉ. SWAT đang vào. Ta phải để cho đội SWAT lừa hắn ra. Anh rõ chứ.”

“Tôi hiểu. Là việc của SWAT.”

“Hắn ta có gì?”

“Hai khẩu súng ngắn và một con dao, trung úy... Jacobs, xem ở dây đeo súng còn đạn không?”

“Có túi đạn,” viên cảnh sát nói. “Túi của Pembry vẫn đầy, của Boyle cũng vậy. Thằng ngu này quên không lấy đạn.”

“Đạn loại gì?”

“Đạn .38 +Ps JHP[®]”.

Tate lại nói vào bộ đàm. “Trung úy, có vẻ như hắn có hai khẩu .38, ổ sáu viên. Chúng tôi nghe thấy ba phát súng, túi đạn trên dây đeo súng vẫn còn nguyên, vậy có thể hắn còn lại chín viên. Hãy nói với SWAT đây là loại đạn +Ps JHP. Thằng cha này thích nhắm vào mặt.”

+Ps là loại đạn tăng áp, nhưng không xuyên được áo giáp của SWAT. Bị trúng mặt rất có thể chết người, vào tay chân thì gây

thương tật.

“Cánh đang lên đây, Tate.”

Xe cứu thương đến thật nhanh, nhưng có vẻ vẫn chưa đủ nhanh với Tate, lúc này đang lắng nghe thứ đáng thương nằm dưới chân anh ta. Anh chàng Murray trẻ tuổi đang cố gắng giữ lấy cái cơ thể đang rên rỉ, run rẩy, cố gắng an ủi nhưng không nhìn anh ta, và cậu ta cứ nhắc đi nhắc lại, “Anh sẽ ổn thôi, Pembry, ổn rồi,” bằng một giọng đều đều nghe phát ốm.

Ngay khi nhìn thấy nhân viên cứu thương trên chiếu nghỉ, Tate thét lớn, “Quân y!” như trong chiến tranh.

Anh ta nắm vai Murray đưa cậu ta ra chỗ khác. Nhân viên cứu thương làm việc rất nhanh, thuần thục cố định hai nắm tay nhờn máu đang nắm chặt xuống cáng, đặt ống thở và bóc cuộn băng phẫu thuật không dính để băng phần mặt và cái đầu máu me. Một người trong bọn họ bật một gói huyết tương truyền ven, nhưng một người khác sau khi đo huyết áp và nhịp tim lại lắc đầu nói, “Xuống nhà.”

Có lệnh truyền qua bộ đàm. “Tate, tôi muốn anh giải tán người còn ở trong văn phòng của tòa tháp và đóng nó lại. Bảo vệ cửa ra tòa nhà chính. Sau đó canh chừng các chiếu nghỉ. Tôi sẽ đưa súng và áo chống đạn lên. Chúng ta sẽ bắt sống hắn nếu hắn muốn đầu hàng, nhưng ta cũng không cần chấp nhận rủi ro để giữ mạng sống cho hắn. Hiểu tôi chứ?”

“Tôi hiểu, thưa trung úy.”

“Tôi muốn trong tòa nhà chính chỉ có đội SWAT và không ai khác ngoài SWAT. Nhắc lại tôi nghe nào.”

Tate nhắc lại lệnh.

Tate là một trung sĩ giỏi và giờ là lúc anh ta thể hiện điều đó khi anh ta và Jacobs mặc những chiếc áo giáp chống đạn nặng nề vào, đi theo chiếc cáng đầy khi các hộ lý đưa nó xuống thang ra xe cứu thương. Nhóm thứ hai đưa xác của Boyle xuống. Những người đàn ông ở chiếu nghỉ giận sôi lên khi nhìn thấy cái cáng đi qua, và Tate phải dặn dò họ: “Đừng để cơn giận làm các cậu bị xơi đạn đấy.”

Khi bên ngoài vang lên tiếng còi hụ, Tate — được cảnh sát kỳ cựu Jacobs yểm trợ — giải tán người ở khu văn phòng và phong tỏa tòa tháp.

Một cơn gió lạnh thổi vào cầu thang tầng bốn. Đằng sau cánh cửa, trong không gian u tối mênh mông của tòa nhà chính, điện thoại đang reo. Trong những gian văn phòng tối tăm trong cả tòa nhà, điện thoại nhấp nháy như những con đom đóm, chuông đổ liên hồi.

Có tin đồn bác sĩ Lecter đang “cố thủ” trong tòa nhà, các phóng viên phát thanh truyền hình liên tục gọi điện đến, cố gắng được phỏng vấn trực tiếp con quái vật. Để ngăn chuyện đó, thông thường SWAT sẽ cắt hết điện thoại, trừ cái điện thoại cho nhân viên đàm phán dùng. Nhưng tòa nhà này quá lớn, có quá nhiều văn phòng.

Tate đóng và khóa cửa những căn phòng có điện thoại đang nhấp nháy. Ngực và lưng anh ta ướt và ngứa ngáy bên dưới cái áo giáp cứng.

Anh ta bỏ bộ đàm đeo ở lưng xuống. “Trạm chỉ huy, đây là Tate. Tháp đã được khóa, hết.”

“Rõ, Tate. Đại úy muốn anh có mặt ở Trạm.”

“Mười-bốn[Ⓢ]. Sảnh tòa nhà, các anh có đây không?”

“Có đây, trung sĩ.”

“Là tôi trong thang máy, đi xuống.”

“Hiểu rồi, trung sĩ.”

Jacobs và Tate đang đi thang máy xuống thì một giọt máu rơi lên vai Tate. Một giọt nữa rơi trúng giày anh ta.

Anh ta nhìn lên trần thang máy, chạm vào Jacobs, ra hiệu im lặng.

Máu nhỏ xuống từ vết nứt quanh nắp bảo dưỡng trên trần thang máy. Có vẻ đó là một quãng đường dài xuống sảnh. Tate và Jacobs bước lùi ra ngoài, chĩa súng lên trần thang máy. Tate thò tay vào trong để khóa khoang thang máy.

“Suyt,” Tate nói trong sảnh. Rồi nói thầm, “Berry, Howard, hấn ta ở trên nóc thang máy. Trông chừng nó.”

Tate ra ngoài. Chiếc xe tải đen của SWAT đang đỗ trong bãi. SWAT luôn có các loại chìa khóa thang máy khác nhau.

Họ nhanh chóng lập đội hình, hai sĩ quan SWAT mặc áo chống đạn đen đeo tai nghe có micro đi cầu thang lên chiếu nghỉ tầng ba. Hai người khác ở lại với Tate trong sảnh, súng trường tấn công chĩa lên trần thang máy.

Như trận chiến của những con kiến khổng lồ, Tate nghĩ.

Người chỉ huy SWAT nói vào micro. “Bắt đầu, Johnny.”

Trên tầng ba, ngay bên trên thang máy, sĩ quan Johnny Peterson xoay chìa trong ổ khóa và cửa thang máy mở ra. Hầm thang máy tối

om. Nằm ngửa trên sàn, anh ta lấy từ trong túi áo chống đạn ra một quả lựu đạn sốc và đặt bên cạnh. “Được rồi, tôi sẽ xem ngay.”

Anh ta lấy ra một cái gương có cán dài và thò vào hẻm, trong khi đồng nghiệp chiếu chiếc đèn pin cực sáng xuống dưới.

“Tôi thấy hắn rồi. Hắn ở trên nóc thang máy. Tôi thấy có vũ khí bên cạnh hắn. Hắn không động đậy.”

Câu hỏi vang lên trong tai nghe của Peterson, “Cậu nhìn thấy tay hắn chứ?”

“Tôi thấy một tay, tay kia ở dưới người hắn. Hắn bọc vải trải giường quanh người.”

“Nói với hắn đi.”

“CHO TAY LÊN ĐẦU VÀ KHÔNG ĐỘNG ĐẠY.” Peterson quát xuống hẻm thang máy. “Hắn không nhúc nhích, thưa trung úy... Đúng vậy.”

“NẾU ÔNG KHÔNG GIƠ TAY LÊN ĐẦU TÔI SẼ NÉM LỰU ĐẠN SỐC XUỐNG. TÔI CHO ÔNG BA GIÂY,” Peterson quát. Anh ta lấy từ trong áo ra một cái chặn cửa mà thành viên SWAT nào cũng mang theo. “ĐƯỢC RỒI, MỌI NGƯỜI, CẦN THẬN — LỰU ĐẠN.” Anh ta thả cái chặn cửa xuống, nhìn thấy nó nảy lên trên cơ thể kia. “Hắn không nhúc nhích, thưa trung úy.”

“Được rồi, Johnny, ta sẽ dùng gậy mở nắp thoát hiểm lên từ ngoài thang máy. Cậu ngắm được mục tiêu không?”

Peterson lật sấp. Khẩu .45 tự động của anh ta chĩa thẳng vào thân người bên dưới. “Đã ngắm được mục tiêu,” anh ta nói.

Nhìn xuống hẻm thang máy, Peterson có thể nhìn thấy một khe

sáng xuất hiện bên dưới khi những sĩ quan trong sảnh đẩy nắp thang máy lên bằng sào móc thuyền của SWAT. Thân hình bất động nằm che lấp một phần nắp và một cánh tay động đập khi các sĩ quan đẩy từ bên dưới.

Ngón tay Peterson siết mạnh hơn chút nữa lên chốt an toàn khẩu Colt. “Tay hấn ta nhúc nhích, thừa trung úy. Nhưng tôi nghĩ đó là vì nắp thang máy chạm vào nó.”

“Rồi. Đẩy lên.”

Cánh cửa nắp bật lên đập vào tường hầm thang máy đánh *rầm*. Rất khó cho Peterson khi phải nhìn vào luồng sáng đột ngột. “Hấn không nhúc nhích. Tay hấn *không* cầm vũ khí.”

Một giọng nói bình tĩnh vang lên trong tai anh ta. “Được rồi Johnny, giữ nguyên thế. Chúng tôi vào trong thang đây, vậy hãy nhìn gương xem có chuyển động gì không. Chỉ chúng tôi được bắn thôi. Rõ chưa?”

“Rõ.”

Trong sảnh, Tate nhìn họ vào thang máy. Một tay súng trường bắn đạn xuyên giáp chữa súng lên trần thang máy. Người sĩ quan thứ hai trèo lên một cái thang. Anh ta có một khẩu súng ngắn tự động lớn có gắn đèn pin dưới nòng. Một cái gương và ánh đèn pin thò lên trên nắp thang máy. Sau đó đến đầu và vai người sĩ quan. Anh ta đưa xuống một khẩu ổ quay .38. “Hấn chết rồi,” người sĩ quan nói vọng xuống.

Tate tự hỏi không hiểu cái chết của bác sĩ Lecter có phải đồng nghĩa với việc Catherine Martin sẽ chết theo hay không. Thông tin đã bị mất hết và ánh sáng đã tắt ngấm trong trí óc tên quái vật này.

Các sĩ quan đang kéo hần ta xuống, thân người hần ta bị thả lộn ngược xuống qua nắp thang máy, được đưa xuống qua rất nhiều cánh tay, một cảnh tượng lạ lùng trong một cái hộp được chiếu sáng. Người dần dần dồn về sảnh, các sĩ quan tụ họp lại xem.

Một sĩ quan Cục Cải tạo chen lên trước, nhìn cánh tay xăm trổ vừa bị bật ra của cái xác.

“Đây là Pembry,” anh ta nói.

Phía sau chiếc xe cứu thương đang gầm rú, người nhân viên trẻ tuổi cố gắng giữ cho mình không bị lắc lư và bật máy bộ đàm để báo cáo với cấp trên ở phòng cấp cứu, nói thật to để át tiếng còi hú.

“Anh ấy hôn mê nhưng các dấu hiệu sinh tồn đều tốt. Huyết áp tốt. 130/90. Đúng vậy, 90. Mạch 85. Anh ta bị cắt rất sâu ở mắt, nhiều chỗ thịt bị lòi ra, một con mắt lòi khỏi tròng. Tôi đã băng mắt và đặt ống thở. Có thể bị bắn vào đầu, tôi không dám chắc.”

Nằm trên cáng phía sau anh ta, hai nắm tay máu me đã xòe ra bên trong băng quanh eo. Bàn tay phải thò ra ngoài, tìm thấy cái khóa trên sợi dây ngang ngực.

“Tôi sợ giữ đầu quá chặt. Anh ta bị co giật một chút trước khi chúng tôi đưa lên cáng. Vâng, đã đặt anh ta nửa nằm nửa ngồi.”

Phía sau người thanh niên, bàn tay nắm lấy dải băng phẫu thuật kéo ra khỏi mắt.

Người nhân viên nghe tiếng rít của ống thở phía sau liền quay lại thì thấy một khuôn mặt máu me đối diện mặt anh ta, nhưng không nhìn thấy khẩu súng ngắn phang mạnh vào tai mình.

Chiếc xe cứu thương chậm lại rồi dừng hẳn trong luồng xe cộ của con đường cao tốc sáu làn, những người lái xe phía sau không

hiều có cơ sự gì và bấm còi inh ỏi, nhưng vẫn ngần ngại không muốn vượt qua chiếc xe cứu thương. Có hai tiếng nổ nhỏ nghe như tiếng nổ ống xả và chiếc xe cứu thương lại khởi động, chạy ngoằn ngoèo rồi thẳng tiến theo làn xe bên phải.

Lối rẽ ra sân bay xuất hiện. Chiếc xe cứu thương chạy theo làn xe bên phải, đèn khẩn cấp nhấp nháy bên ngoài xe, cần gạt nước bật rồi tắt, sau đó còi hụ rú lên rồi nhỏ dần, rồi lại kêu, nhỏ dần đến khi im hẳn, những chiếc đèn nhấp nháy cũng tắt ngấm. Chiếc xe cứu thương im lặng đi tiếp, rẽ sang lối ra sân bay quốc tế Memphis — tòa nhà đẹp đẽ sáng rực trong một buổi tối mùa đông. Nó cua một vòng rộng tới những cánh cửa tự động của một bãi đỗ xe ngầm khổng lồ. Một bàn tay máu me thò ra lấy vé. Và chiếc xe cứu thương biến mất vào đường hầm dẫn đến bãi đỗ xe dưới lòng đất.

Thông thường thì Clarice Starling cũng tò mò muốn xem qua ngôi nhà của Crawford ở Arlington, nhưng bản tin trên đài về vụ đào tẩu của bác sĩ Lecter làm cô không còn nghĩ tới điều đó nữa. Mỏi tê cứng, đầu đau buốt, cô lái xe theo cảm tính, thấy một ngôi nhà nông thôn kiểu thập niên 1950 mà không cần nhìn, chỉ thăm bản đồ không hiểu cái cửa sổ còn đèn, được che rèm bên trái có phải là nơi Bella nằm hay không. Tiếng chuông cửa nghe có vẻ quá to.

Crawford mở cửa sau hồi chuông thứ hai. Ông mặc chiếc cardigan thùng thình và đang nói chuyện qua chiếc điện thoại vô tuyến kéo dài. “Copley ở Memphis,” ông nói. Ra hiệu cho cô đi theo, ông dẫn cô vào nhà, vừa đi vừa găm vào điện thoại.

Trong bếp, người y tá lấy một cái lọ nhỏ trong tủ lạnh giờ ra chỗ sáng. Khi Crawford nhướng mày ra hiệu cho người y tá, cô ta lắc đầu. Cô ta không cần đến ông.

Ông dẫn Starling vào phòng làm việc, đi xuống ba bậc vào một chỗ rõ ràng từng là nhà xe đã được cải tạo lại. Không gian ở đây rất ổn, có một cái sofa và mấy cái ghế, trên bàn làm việc bừa bộn là một màn hình máy tính phát ánh sáng màu xanh lá bên cạnh một cái thước trắc tinh cổ. Thảm hình như được trải thẳng lên nền bê tông. Crawford ra hiệu cho cô ngồi xuống.

Ông che ông nói lại. “Starling, hỏi thế này thật vô nghĩa, nhưng cô có đưa cho Lecter thứ gì ở Memphis không?”

“Không.”

“Không có vật gì chứ.”

“Không có gì.”

“Cô lấy cho hắn những bức vẽ và đồ đạc trong phòng giam.”

“Tôi không đưa cho hắn. Những thứ này vẫn còn trong túi tôi. Hắn trả tôi tập hồ sơ. Đây là tất cả những thứ mà chúng tôi trao đổi với nhau.”

Crawford kẹp điện thoại dưới cằm. “Copley, đây là chuyện hoàn toàn vớ vẩn. Tôi muốn anh bỏ qua thằng khốn đó và làm ngay bây giờ. Trực tiếp với sếp, trực tiếp với TBI. Hãy thông báo cho đường dây nóng toàn bộ tin tức. Burroughs đang phụ trách chuyện đó. Phải.” Ông ta tắt điện thoại và nhét vào túi.

“Muốn dùng cà phê không, Starling? Hay Coke?”

“Chuyện đưa đồ cho bác sĩ Lecter là thế nào?”

“Chilton nói chắc cô đưa thứ gì đấy cho Lecter để hắn mở còng. Ông ta nói cô không cố ý — chỉ là ngu ngốc thôi.” Đôi khi Crawford lòi mắt ra vì giận dữ. Ông xem cô phản ứng với chuyện này thế nào. “Ông ta đã bao giờ tìm cách sờ mó đùi cô chưa, Starling? Có phải trong đầu ông ta chỉ có những thứ đó không?”

“Có thể lắm. Làm ơn cho một ly đen có đường.”

Khi ông vào bếp, cô hít một hơi dài và nhìn quanh phòng. Nếu ta sống trong trại lính hay ký túc xá thì sẽ thấy thật ám cúng khi được về nhà. Cho dù mọi thứ có vẻ như đang sụp đổ nhưng cảm nhận

của cô về cuộc sống gia đình của Crawford trong ngôi nhà này vẫn khiến cô thấy nhẹ lòng hơn.

Crawford đang tới, thận trọng bước xuống bậc thang, mắt đeo cặp kính hai tròng, tay bưng cốc. Đi đôi giày đế bằng, ông thấp đi gần 1cm. Khi Starling đứng dậy nhận cốc cà phê, mắt họ gần như ngang tầm nhau. Ông có mùi xà phòng, mái tóc mượt đã ngả màu muối tiêu.

“Copley nói họ vẫn chưa tìm thấy chiếc xe cứu thương. Cảnh sát toàn miền Nam đang được huy động.”

Cô lắc đầu. “Tôi không được biết rõ sự tình. Chỉ vừa mới nghe tin trên đài... Lecter giết hai cảnh sát và trốn thoát.”

“Hai sĩ quan Cục Cải tạo.” Crawford gõ gõ vào màn hình máy tính. “Boyle và Pembry. Cô đã làm việc với họ chưa?”

Cô gật đầu. “Họ... họ bắt tôi ra khỏi phòng giam. Họ cũng không làm gì quá đáng.”

Pembry đi vòng qua Chilton, không thoải mái, thái độ kiên quyết, nhưng lịch sự kiểu quê mùa. Đi với tôi nào, anh ta nói. Anh ta có vết sẹo mỗi trên tay và trên trán. Giờ thì đã chết, trắng bệch dưới những vết sẹo mỗi đó.

Starling đột ngột phải để cốc cà phê xuống. Cô hít một hơi thật sâu và nhìn một thoáng lên trần nhà. “Hắn đã trốn thoát như thế nào?”

“Copley bảo hắn trốn đi bằng xe cứu thương. Chúng ta sẽ nói chuyện đó sau. Việc điều tra ma túy LSD của cô thế nào rồi?”

Starling đã nghiên cứu tờ giấy có hình chó Pluto ở bộ phận Phân

tích Khoa học theo lệnh của Krendler từ cuối giờ chiều tới tận tối. “Không có gì. Họ đang cố tìm kiếm trong hồ sơ của Cục Phòng chống Ma túy DEA, nhưng thứ đó có cách đây mười năm rồi. Bên chuẩn bị tài liệu có thể in ấn tốt hơn so với Cục Phòng chống Ma túy.”

“Nhưng đó là LSD mà.”

“Phải. Ông ta trốn bằng cách nào, ông Crawford?”

“Cô muốn biết à?”

Cô gật đầu.

“Thế thì tôi sẽ nói cô biết. Họ đã đưa Lecter lên xe cứu thương vì nhầm lẫn. Họ nghĩ hắn là Pembry, đang bị thương rất nặng.”

“Hắn có mặc đồng phục của Pembry không? Cỡ của hai người này bằng nhau.”

“Hắn mặc đồng phục của Pembry và một phần mặt anh ta nữa. Và khoảng nửa cân thịt của Boyle. Hắn gói xác Pembry vào tấm vải đệm không thấm nước và vãi trải giường trong phòng giam để máu không nhỏ ra rồi nhét nó lên trần thang máy. Hắn mặc đồng phục, sửa soạn, nằm xuống sàn và bắn lên trần để đánh động. Tôi không biết hắn ta giấu súng ở đâu, có lẽ là ở đũng quần. Xe cứu thương đến, cảnh sát thì ở khắp mọi nơi với khẩu súng lăm lăm trên tay. Nhân viên xe cứu thương vào rất nhanh và làm những gì họ được đào tạo để làm dưới làn đạn — họ đưa ống thở vào, băng bó những ai bị thương nặng nhất để cầm máu rồi đưa người ra khỏi chỗ đó. Họ đã làm việc của mình. Xe cứu thương không đến được bệnh viện. Cảnh sát vẫn đang tìm nó. Tôi cảm thấy lo lắng cho những nhân viên cứu thương kia. Copley nói họ đã chạy lại bằng ghi âm

của nhân viên điều động. Xe cứu thương được gọi vài lần. Họ nghĩ Lecter tự gọi xe cứu thương trước khi nổ súng, để không phải nằm quá lâu. *Bác sĩ Lecter hiểu động mà.*”

Trước đây Starling chưa bao giờ nghe thấy vị cay đắng như vậy trong giọng nói của Crawford. Và bởi vì cô gắn vị cay đắng với sự yếu đuối, cô cảm thấy hoảng sợ.

“Vụ đào tẩu này không có nghĩa là bác sĩ Lecter nói dối,” Starling nói. “Chắc chắn là hắn nói dối bên nào đó — hoặc là chúng ta hoặc là thượng nghị sĩ Martin — nhưng có thể hắn không nói dối cả hai bên. Hắn nói với thượng nghị sĩ Martin đó là Billy Rubin và khẳng định đó là tất cả những gì hắn biết. Hắn nói với tôi đó là một kẻ bị ảo tưởng mình là người chuyển giới. Và điều cuối cùng mà hắn nói với tôi là ‘Sao lại không hoàn thành cái cống vòm?’ Hắn nói về một lý thuyết chuyển giới...”

“Tôi biết, tôi đã đọc bản tóm tắt của cô. Chuyện đó sẽ không đi đến đâu nếu các cơ sở chuyển giới không cung cấp tên cho chúng ta. Alan Bloom đã đích thân đến gặp các trưởng khoa. Họ nói họ đang tìm. Tôi phải tin thôi.”

“Ông Crawford, ông đang gặp rắc rối à?”

“Tôi được đề nghị nghỉ phép vì chuyện gia đình,” Crawford nói. “Có một đội đặc nhiệm mới từ FBI và DEA, thêm một *thành phần bổ sung* từ văn phòng Chứng lý — có nghĩa là Krendler.”

“Ai là sếp vậy?”

“Chính thức là trợ lý Giám đốc FBI John Golby. Hãy cứ coi như ông ta và tôi cộng tác chặt chẽ với nhau. John là người tốt. Còn cô thì sao, cô có vấn đề gì không?”

“Krendler bảo tôi trả thẻ và súng rồi quay lại trường.”

“Đây là *trước khi* cô tới tìm Lecter. Starling, chiều nay ông ta đã ném một quả tên lửa vào Văn phòng Trách nhiệm Nghiệp vụ. Ông ta đưa ra yêu cầu *một cách khách quan* rằng Học viện cần đình chỉ công tác của cô để chờ đánh giá lại xem cô có thích hợp với công việc không. Đây là một cú hèn hạ. Giảng viên bắn súng chính, John Brigham mới biết chuyện này trong cuộc họp khoa ở Quantico. Anh ta tranh cãi với họ rồi kể lại cho tôi.”

“Tệ đến thế kia à?”

“Cô được quyền điều trần. Tôi sẽ ủng hộ cô và như thế là đủ. Nhưng nếu cô tiếp tục nghỉ học thì chắc chắn cô sẽ bị đuổi, bất kể kết quả điều trần như thế nào. Cô biết chuyện gì xảy ra nếu cô bị đuổi chứ?”

“Người ta sẽ trả tôi về văn phòng địa phương nơi tôi được tuyển. Tôi phải sắp xếp báo cáo và pha cà phê cho tới khi có được một chỗ khác trong trường.”

“Tôi có thể hứa cho cô một chỗ khác, nhưng tôi không thể can thiệp để họ không đuổi cô nếu cô trượt lần này.”

“Vậy tôi phải quay lại trường và không theo vụ này nữa?”

“Phải.”

“Ông muốn tôi làm gì?”

“Việc của cô là Lecter. Cô đã làm rồi. Tôi không yêu cầu cô chấp nhận bị đuổi. Nó có thể làm cô mất thêm khoảng nửa năm nữa, có thể hơn.”

“Còn Catherine Martin thì sao?”

“Cô ấy bị bắt gần 48 giờ rồi — tròn 48 giờ nếu tới nửa đêm nay. Nếu ta không bắt được hắn thì có thể ngày mai hắn sẽ giết cô ta hoặc ngày hôm sau nữa, nếu giống như lần trước.”

“Lecter không phải là tất cả những gì ta có.”

“Tới giờ thì họ tìm được sáu William Rubin, tất cả đều có tiền án không kiểu này thì kiểu nọ. Nhưng không ai trong số họ giống cho lắm. Không có Billy Rubin nào trong danh sách đăng ký tạp chí côn trùng hàng tháng. Hiệp hội Thợ làm dao chỉ biết đến năm trường hợp bị bệnh than ngà voi trong vòng mười năm vừa qua. Chúng ta chỉ còn lại vài người chưa được kiểm tra. Còn gì nữa? Vẫn chưa xác định được danh tính của Klaus. Interpol thông báo có một lệnh truy nã còn tồn tại ở Marseille, truy nã một thủy thủ tàu buôn Na Uy đào tẩu, một tay Klaus Bjetland nào đó. Na Uy đang tìm hồ sơ nha khoa của hắn để gửi cho ta. Nếu chúng tôi có được gì đó từ bệnh viện, và nếu cô có thời gian thì cô có thể giúp việc này. Starling?”

“Vâng, thưa ông Crawford?”

“Về trường đi.”

“Nếu ông không muốn tôi truy tìm hắn thì ông không nên đưa tôi đến cái nhà tang lễ ấy, thưa ông Crawford.”

“Ừ,” Crawford nói. “Đúng là tôi không nên thật. Nhưng nếu vậy thì chúng ta sẽ không có con côn trùng. Cô đừng trả lại súng. Quantico đủ an toàn, nhưng cô phải có vũ khí bên mình mỗi khi ra khỏi Quantico tới chừng nào Lecter bị bắt hay chết.”

“Còn ông thì sao? Hắn căm thù ông. Ý tôi là hắn đã nghĩ tới chuyện trả thù ông.”

“Nhiều người đã nghĩ tới chuyện đó. Starling ạ, trong nhiều nhà

tù. Một ngày nào đó hẳn sẽ tính đến chuyện ấy, nhưng bây giờ thì hẳn quá bận. Được ra ngoài thật sung sướng và hẳn sẽ không lãng phí cơ hội như thế đâu. Và nơi này thì an toàn hơn là cô tưởng đấy.”

Điện thoại trong túi Crawford reo. Cái điện thoại trên bàn cũng đổ chuông và nhấp nháy. Ông nghe một hồi, chỉ nói “Được,” rồi bỏ máy.

“Họ đã tìm thấy chiếc xe cứu thương trong ga-ra ngầm ở sân bay Memphis.” Ông lắc đầu. “Điều tồi tệ nhất. Nhân viên ở sau xe. Cả hai đều đã chết.”

Crawford bỏ kính, lục tìm cái khăn mùi soa để lau kính.

“Starling, một anh chàng ở Smithsonian gọi điện cho Burroughs tìm cô. Anh chàng tên là Pilcher. Họ đã gần như giải quyết xong vụ con bọ. Tôi muốn cô điền mẫu 302 về vụ này và nộp vào hồ sơ lưu. Cô tìm thấy con bọ, cô theo nó và tôi muốn báo cáo nói đúng như vậy. Cô làm được chứ?”

Starling cảm thấy mệt mỏi vô cùng. “Vâng,” cô nói.

“Để xe cô lại ga-ra, Jeff sẽ đưa cô về Quantico khi cô xong việc.”

Trên cầu thang, cô quay lại nhìn những cánh cửa sổ che rèm có đèn sáng nơi người y tá đang trực, sau đó quay lại nhìn Crawford.

“Tôi luôn nghĩ đến hai người, ông Crawford.”

“Cảm ơn Starling,” ông nói.

“Sĩ quan Starling, tiến sĩ Pilcher nói ông ấy sẽ gặp cô trong Vườn Côn trùng. Tôi sẽ đưa cô đến đây,” người bảo vệ nói.

Để tới được Vườn Côn trùng từ phía Đại lộ Constitution của bảo tàng, người ta phải đi thang máy lên một tầng bên trên con voi nhồi khổng lồ và đi qua một tầng rộng mênh mông dành riêng cho khoa học nghiên cứu con người — mở đầu là những lớp sọ người, lên cao và mở rộng, đại diện cho sự bùng nổ dân số từ khi Chúa giáng sinh.

Starling và người bảo vệ đi qua một khu tiểu cảnh mờ tối với những hình nhân minh họa sự xuất hiện và biến đổi của loài người. Ở đây cũng trưng bày những nghi lễ — hình xăm, bó chân, mài răng, phẫu thuật sọ Peru và ướp xác.

“Cô đã nhìn thấy Wilhem von Ellenbogen bao giờ chưa?” người bảo vệ hỏi, chiếu đèn pin vào một cái lồng.

“Tôi không nghĩ là tôi đã từng thấy qua.” Starling nói mà không hề bước chậm lại.

“Cô nên quay lại lúc nào có đèn sáng để chiêm ngưỡng anh ta. Được chôn cất ở Philadelphia vào thế kỷ 18. Biến luôn thành xà phòng khi bị nước ngầm chảy vào người.”

Vườn Côn trùng là một căn phòng lớn đang mờ tối và rộn ràng tiếng xào xạc. Trong phòng chất đầy lồng nhốt côn trùng sống. Bọn trẻ đặc biệt thích khu này và lũ lượt kéo tới đây cả ngày. Vào ban đêm, còn lại một mình, bọn côn trùng thật bận bịu. Một vài cái lồng được chiếu ánh sáng đỏ và ký hiệu lối thoát hiểm tỏa ánh sáng đỏ rực trong căn phòng mờ tối.

“Tiến sĩ Pilcher?” người bảo vệ gọi từ cửa.

“Đây rồi,” Pilcher nói, giơ cây bút chì lên ra hiệu.

“Anh sẽ tự đưa quý cô đây ra chứ?”

“Vâng, cảm ơn anh.”

Starling lấy trong ví ra cây đèn pin nhỏ và thấy rằng đèn đã bật còn pin thì đã hết. Cơn giận dữ thoáng qua mà cô cảm thấy nhắc nhở cô rằng cô đang mệt và cần phải kiềm chế.

“Xin chào, sĩ quan Starling.”

“Tiến sĩ Pilcher.”

“Giáo sư Pilcher thì sao nhỉ?”

“Anh là giáo sư rồi à?”

“Chưa, nhưng tôi cũng chưa phải là tiến sĩ. Tôi chỉ thấy *vui* khi gặp cô thôi. Cô có muốn xem vài con bọ không?”

“Chắc rồi. Tiến sĩ Roden đâu?”

“Cậu ấy đã thu hoạch được nhiều thứ khi thức trắng hai đêm trước để nghiên cứu phân loại lông nhưng rồi cuối cùng thì cậu ấy cũng phải đi ngủ. Cô đã nhìn thấy con bọ trước khi chúng tôi xem xét nó chưa?”

“Chưa.”

“Thật là một mớ bong bong không biết đường nào mà lần.”

“Nhưng các anh tìm ra rồi phải không?”

“Phải. Vừa mới đây.” Anh ta dừng lại ở một cái lồng lưới. “Trước hết để tôi cho cô xem một con bướm đêm giống con mà cô đem đến hôm thứ Hai. Con này không giống hết như con của cô, nhưng cùng họ, một con cú con.” Luồng sáng của chiếc đèn pin gặp một con bướm đêm lớn màu xanh dương rực rỡ đang đậu trên một nhánh cây nhỏ, đôi cánh của nó đang gấp lại. Pilcher thổi vào nó và ngay tức khắc khuôn mặt dữ tợn của một con cú xuất hiện khi con bướm đêm chùng mặt dưới của đôi cánh ra phía họ, những đốm màu hình con mắt trên đôi cánh mở trưng trưng như cảnh tượng cuối cùng mà một con chuột nhìn thấy.

“Con này là *Caligo beltrao* — tương đối phổ biến. Nhưng với loài của Klaus, chúng ta đang nói đến những con bướm đêm thật lớn. Đi nào.”

Ở cuối phòng là một cái lồng đặt trong một cái ngách có một thanh chắn phía trước. Cái lồng được đặt ngoài tầm với của trẻ em và phủ vải. Một cái máy tạo ẩm chạy ro ro bên cạnh nó.

“Chúng tôi để nó sau kính để người ta không chạm vào — nó có thể đánh lại đấy. Nó cũng thích ẩm ướt và kính giúp giữ hơi ẩm bên trong.” Pilcher thận trọng cầm quai nhắc cái lồng lên và đưa nó ra phía trước cái ngách. Anh ta mở nắp và bật ngọn đèn nhỏ bên trên cái lồng.

“Đây là con bướm đêm đầu Tử thần,” anh ta nói. “Nó đang đậu trên cây cà — chúng tôi hy vọng nó sẽ đẻ trứng.”

Con bướm đêm trông tuyệt vời và đáng sợ, đôi cánh nâu đen của nó dựng lên như một cái áo choàng và trên tấm lưng đen lông lá, một dấu hiệu riêng biệt làm người ta kinh sợ khi tình cờ gặp phải nó trong khu vườn hạnh phúc của mình. Một hình sợ người, một cái sợ người vừa là sợ vừa là khuôn mặt, với đôi mắt đang chăm chăm nhìn ra, đôi gò má nổi rõ lên dưới đôi mắt.

“*Acherontia Styx*,” Pilcher nói. “Nó được đặt tên theo tên hai con sông dưới địa ngục. Anh chàng của cô, hẳn lúc nào cũng vớt xác xuống sông — có phải tôi đọc được như vậy không?”

“Đúng,” Starling nói. “Nó có hiếm không?”

“Ở vùng này của thế giới thì đúng như vậy. Không có con nào sống ngoài tự nhiên.”

“Nó sống ở đâu?” Starling cúi mặt xuống gần nóc lưới của cái lồng. Hơi thở của cô làm lông trên lưng con bướm đêm lay động. Cô giật người lại khi nó rít lên và hung dữ đập cánh. Cô có thể cảm thấy làn gió thoảng từ đôi cánh vỗ.

“Malaysia. Cũng có một loài ở châu Âu, được gọi là *atropos*, nhưng con này và con tìm thấy trong cổ họng Klaus là loài ở Malaysia.”

“Vậy đã có ai đó nuôi nó.”

Pilcher gật đầu, “Phải,” anh ta nói khi cô không nhìn anh ta. “Chắc nó được chuyển đến từ Malaysia dưới dạng trứng nhưng có lẽ là dạng nhộng. Chưa có ai làm cho nó để trứng được khi bị nuôi nhốt. Chúng ghép đôi, nhưng không để trứng. Khó nhất là làm thế nào để tìm được ấu trùng trong rừng. Sau đó thì nuôi chúng không khó.”

“Anh nói nó có thể đánh lại?”

“Cái vòi của nó vừa cứng vừa sắc, chúng sẽ đâm vào tay cô nếu cô đùa dại với chúng. Đây là một thứ vũ khí khác thường và không bị ảnh hưởng ở những mẫu vật được ngâm trong cồn. Điều đó đã giúp chúng tôi thu hẹp phạm vi tìm kiếm nên chúng tôi đã có thể nhận dạng nó rất nhanh.” Có vẻ như Pilcher bất ngờ cảm thấy ngượng ngùng, như thể anh ta đã ba hoa. “Chúng cũng rất hung hăng,” anh ta vội nói. “Chúng vào tổ ong cướp mật. Một lần chúng tôi đi sưu tầm ở Sabah, Borneo, và chúng bay đến tìm ánh đèn đăng sau nhà khách thanh niên. Nghe tiếng chúng thật kỳ quặc, chúng tôi...”

“Con này từ đâu đến vậy?”

“Đổi chác với chính phủ Malaysia đấy. Tôi không biết chúng ta lấy gì để đổi. Buồn cười là chúng tôi đứng đây trong bóng tối, chờ đợi với một cái xô đựng chất độc xyanua này, rồi thì...”

“Cần thủ tục khai hải quan gì để nhập con này? Anh có hồ sơ hải quan không? Chúng có cần làm thủ tục xuất khẩu ở Malaysia không? Ai có thể có hồ sơ đó?”

“Cô vội gì chứ. Xem này, tôi đã viết ra tất cả những gì chúng tôi có và cả những nơi để đặt quảng cáo nếu cô muốn làm thế. Nào, tôi sẽ tiễn cô ra.”

Họ im lặng đi qua tầng nhà mênh mông. Dưới ánh đèn thang máy, Starling thấy Pilcher cũng mệt mỏi như cô.

“Anh đã thức cả đêm làm việc này,” cô nói. “Anh thật tốt quá. Lúc trước tôi không có ý thô lỗ, tôi chỉ...”

“Tôi hy vọng người ta bắt được hắn. Tôi hy vọng cô kết thúc sớm

được vụ này,” anh ta nói. “Tôi đã viết ra một sổ hóa chất có thể hẳn sẽ mua nếu hẳn muốn có những mẫu vật mềm... Sĩ quan Starling, tôi muốn được tìm hiểu cô.”

“Có lẽ tôi sẽ liên lạc với anh, khi mọi chuyện qua đi.”

“Chắc chắn là cô nên gọi cho tôi, chắc chắn thế. Tôi rất mong điện thoại của cô,” Pilcher nói.

Thang máy đóng lại, Pilcher và Starling đi xuống. Tầng gác dành riêng cho loài người tĩnh lặng và không một hình người nào cử động. Người bị xăm, người bị ướp xác, những đôi chân bị trói không nhúc nhích.

Ánh đèn sáng đỏ trong Vườn Côn trùng, phản chiếu trong hàng ngàn con mắt của những con vật dòng giống lâu đời hơn.

Cái máy làm ẩm hết kêu rì rì lại rít lên. Bên dưới cái nắp, trong cái lồng tối đen, con bướm đêm đầu Tử thần trên cây cà leo xuống.

Nó đi trên sàn lồng, đôi cánh của nó kéo lê như cái áo choàng, và nó tìm thấy một mẫu sáp ong trong cái đĩa. Quắp lấy miếng sáp ong trong đôi chân trước khỏe mạnh, nó duỗi vòi nhọn chọc qua lớp màng của một ô sáp ong. Bây giờ nó ngồi xuống hút mật trong khi quanh nó, trong bóng tối, những tiếng ro ro lại nổi lên, và cùng với chúng là những hành động đào bới và giết chóc.

Catherine Baker Martin rơi vào vùng bóng tối đáng căm ghét.

Bóng tối tụ lại sau mi mắt cô và trong những giây phút thiếp ngủ chập chờn cô mơ thấy bóng tối tràn lên người cô. Bóng tối đến âm thầm quỷ quyết, lên mũi và vào tai cô, những ngón tay ẩm ướt thò vào các khe hở trên người. Cô lấy tay che mũi và miệng, bàn tay kia che âm hộ, siết chặt hậu môn, nghiêng một tai xuống thăm và hy sinh tai kia cho bóng tối chui vào. Đến cùng với bóng tối là âm thanh, và cô bật dậy. Một âm thanh bận rộn quen thuộc, một cái máy may. Tốc độ thay đổi. Chậm, rồi nhanh.

Đèn đang sáng bên trên tầng hầm — cô có thể nhìn thấy một hình đĩa vàng mờ nhạt phía trên cô nơi cái nắp giếng nhỏ đang mở. Con chó xù sữa mấy lần và giọng nói ghê rợn kia đang nói với nó, nghèn nghẹt.

May. May đồ dưới này thật không thích hợp. May thì phải may ở chỗ sáng. Phòng khâu vá đầy nắng trong tuổi thơ của Catherine thoáng qua thật đẹp trong trí nhớ của cô... người quản gia, Bea Love thân yêu, bên cái máy khâu... con mèo nhỏ của cô chơi đùa với cuộn len cạnh chiếc rèm tung bay.

Giọng nói kia đã phá vỡ tất cả khi nó nựng nịu con chó con.

“Bảo bồi ơi, bỏ *xuống* đi con. Không kim nó đâm cho giời? Ta gần

xong rồi. Phải rồi. Con yêu ạ. Con sẽ có thứ lắm lắm *khi chúng ta xoooong*, con sẽ có cái lắm lắm *ăm ăm ăm.*”

Catherine không biết cô đã bị bắt bao lâu. Cô biết mình được tắm hai lần — lần cuối cô đứng ra chỗ sáng, muốn hán nhìn thấy thân thể cô, không chắc chắn lắm là hán có nhìn xuống từ phía sau luồng sáng chói lòa hay không. Catherine Baker Martin rất đẹp lúc khỏa thân, nữ tính từ mọi phương diện, và cô biết điều đó. Cô muốn hán nhìn. Cô muốn thoát khỏi cái hố. Đủ gần để chơi cùng là đủ gần để ra đờn — cô nhủ đi nhủ lại trong khi tắm.

Cô càng lúc càng có ít đồ ăn nên cô biết mình phải làm chuyện đó khi còn sức. Cô biết cô sẽ chiến đấu với hắn. Cô biết cô có thể chiến đấu. Có lẽ tốt hơn là làm tình với hắn, làm tình với hắn tới lúc hắn kiệt sức chẳng? Cô biết nếu cô có thể quấn chân quanh cổ hắn thì cô có thể đưa hắn về với Chúa sau một giây rưỡi. *Mày có thể làm việc đó được không? Chắc chắn là mày làm được chứ. Bi và mắt, bi và mắt, bivà mắt.* Nhưng không có tiếng động nào đến từ bên trên khi cô tắm xong và mặc vào bộ áo liền quần sạch sẽ. Không có phản ứng nào với sự mời gọi của cô khi cái xô nước tắm được kéo lên bằng sợi dây mỏng mảnh sau đó được thay bằng cái xô đi vệ sinh.

Mấy tiếng sau đó, cô đang chờ đợi, lắng nghe tiếng máy khâu. Cô không la lên gọi hấn. Cuối cùng — chắc phải sau một ngàn hơi thở — cô nghe thấy tiếng hấn đi lên cầu thang, nói chuyện với con chó, nói gì đó như kiểu “... bữa sáng khi tao quay về.” Hấn để đèn trong tầng hầm. Đôi khi hấn làm như vậy.

Tiếng móng chân và bước chân trên tầng bếp bên trên. Tiếng con chó rên rỉ. Cô tin rằng kẻ bắt cô đã bỏ đi. Đôi khi hẩn đi rất lâu.

Những hơi thở đi qua. Con chó đi lại trong căn bếp bên trên, rên rĩ, cào cào thứ gì đó trên sàn, quăng quật thứ gì đó trên sàn, có thể là cái bát của nó. Cào cào, cào cào gì đó bên trên. Rồi lại sủa ăng ăng ăng ăng, nhưng lần này không rõ ràng như những âm thanh khi con chó ở ngay bên trên cô trong bếp. Vì con chó xù không ở trong bếp. Nó đã dùng mõm mở cửa để đi xuống hầm đuổi chuột, như nó từng làm khi hấn ta đi vắng.

Trong bóng tối, Catherine Martin sờ soạng cái thảm bên dưới cô. Cô tìm thấy một miếng xương gà và ngửi ngửi. Thật khó cưỡng lại việc ăn mẩu thịt và sụn còn lại trên đó. Cô ngậm nó vào mõm để làm nó ấm lên. Giờ thì cô đứng dậy, đứng đưa nhẹ nhàng trong cái bóng tối làm người ta chóng mặt. Cùng với cô trong cái hố này chẳng có gì ngoài tấm thảm, bộ áo liền quần cô đang mặc, cái xô vệ sinh nhựa và sợi dây cotton mỏng manh nổi từ sàn lên vùng ánh sáng vàng nhạt.

Cô luôn nghĩ đến chuyện này bất kỳ lúc nào cô có thể suy nghĩ. Catherine vớ cao hết cỡ và tóm lấy sợi dây. Giật mạnh hay kéo từ từ? Cô đã nghĩ chuyện đó qua hàng ngàn hơi thở. Tốt hơn là kéo đều.

Sợi dây cotton dai hơn cô tưởng. Cô vớ một lần nữa cao hết mức và kéo, tay đưa từ bên này sang bên kia, hy vọng sợi dây sẽ mòn ở chỗ chạm vào nắp gỗ đầy miệng hố trên đầu cô. Cô mài tới khi vai đau mỏi. Cô kéo, sợi dây căng ra, rồi lại chùng. *Làm ơn dứt phía trên cao một chút.* Phụt, và nó rơi xuống mặt cô.

Cô ngồi xồm trên sàn, sợi dây vắt qua đầu và vai, không có đủ ánh sáng chiếu xuống từ cái lỗ bên trên nên cô không biết mình có được bao nhiêu. Không được làm rồi. Cô cẩn thận cuộn sợi dây lên

sàn, đo bằng cánh tay. Cô đếm được 14 lần. Sợi dây bị đứt ở miệng giếng.

Cô buộc chắc miếng xương gà với những mẩu thịt còn lại vào sợi dây, chỗ nó buộc vào quai xô.

Giờ mới là phần khó khăn.

Phải làm cẩn thận. Cô đang trong tâm trạng của kẻ ở trên chiếc thuyền nhỏ chông chênh đối mặt với gió bão nên không thể khinh suất.

Cô buộc đầu bị đứt vào cổ tay, dùng răng siết nút thật chặt.

Cô đứng cách sợi dây xa nhất có thể. Cầm quai xô, cô quay tròn và ném nó thẳng vào cái đĩa sáng nhàn nhạt trên đầu mình. Cái xô bay không trúng đích, đập vào thành giếng rơi xuống, đập trúng mặt và đầu cô. Con chó xù sửa lên to hơn.

Cô từ từ sắp xếp lại cuộn dây rồi tiếp tục ném cái xô. Đến lần ném thứ ba, cái xô rơi xuống trúng ngón tay gãy của cô khiến cô phải dựa vào bức tường nghiêng vào bên trong mà thở cho tới khi hết cơn buồn nôn. Lần ném thứ tư, cái xô rơi trúng cô nhưng lần thứ năm thì không. Nó đã lọt ra ngoài. Cái xô nằm đâu đó trên cái nắp giếng gỗ bên cạnh miệng giếng đang mở. Nó nằm cách miệng giếng bao xa? Bình tĩnh nào. Cô kéo nhẹ nhàng. Cô giật nhẹ sợi dây để nghe thấy tiếng cái quai xô cọ vào gỗ phía trên cô.

Con chó xù sửa to hơn.

Cô không được kéo cái xô qua miệng giếng, nhưng cô phải kéo nó lại gần. Cô kéo nó lại gần.

Con chó xù đang ở giữa những cái gương va hình nộm trong

một phòng gần đó. Nó đánh hơi những sợi chỉ và mảnh vụn dưới chân máy khâu. Đánh hơi quanh cái tủ đứng lớn màu đen. Nhìn ra cuối tầng hầm chỗ phát ra âm thanh. Lao tới chỗ tối tăm ấy sửa nhặng lên rồi lại lao về chỗ cũ.

Lúc này một giọng nói, mơ hồ vọng khắp tầng hầm. “Bảo bôôôôô.

Con chó xù sửa và nhảy chồm chồm. Thân thể bé nhỏ béo tròn của nó rung rinh theo tiếng sửa.

Giờ thì là tiếng của một cái hôn ẩm ướt.

Con chó nhìn lên tầng bếp phía bên, nhưng đó không phải là nơi tiếng nói phát ra.

Tiếng chóp chép như đang ăn. “Nào, Bảo bô. Lại đây nào con yêu.” Rón rén, tai vểnh lên, con chó bước vào chỗ tối.

Con chó xù có thể ngửi thấy mùi cái xương gà buộc ở quai xô. Nó cào vào thành giếng và rít lên.

Chặc chặc chặc...

Con chó nhỏ nhảy lên cái nắp giếng gỗ. Mùi thơm phát ra từ đây, giữa cái xô và cái hố. Con chó xù sửa vào cái xô, rên rĩ không biết nên làm gì. Cái xương gà giật nhẹ.

Con chó xù nằm xuống, mồm giữa hai chân trước, mông chống lên trời ngoáy điên cuồng. Nó sửa lên hai tiếng và nhảy chồm lên đớp cái xương gà. Có vẻ như cái xô đang kéo con chó ra khỏi miếng thịt gà. Con chó xù gầm gừ với cái xô và cố giữ chặt, chân chặn quai xô, hai hàm răng kẹp chặt khúc xương. Bất ngờ cái xô hất ngã con chó, kéo nó. Nó cố gắng đứng dậy, lại bị vấp, nó đánh vật với cái xô,

một chân sau trượt vào miệng giếng, móng vuốt nó điên cuồng cào vào gỗ. Cái xô trượt qua miệng giếng, kẹp thân sau con chó vào hố và con chó xù buông ra. Cái xô trượt qua miệng giếng và rơi xuống, rơi tự do cùng khúc xương gà. Con chó xù giận dữ sủa xuống dưới giếng, tiếng sủa âm vang xuống đáy giếng. Rồi nó ngừng sủa và nghiêng đầu nghe tiếng động nào đó mà chỉ có nó nghe thấy. Nó nhảy khỏi miệng giếng chạy lên cầu thang và rên ư ử vui sướng khi có tiếng đập cửa đâu đó trên cầu thang.

Những giọt nước mắt nóng bỏng của Catherine Baker Martin tràn ra má, rơi xuống thấm qua bộ áo liền quần của cô, ẩm ẩm trên ngực cô. Cô tin rằng chắc chắn mình sẽ chết.

Crawford đứng một mình giữa phòng làm việc, hai tay đút túi. Ông đứng đó từ 12 giờ 30 đến 12 giờ 33 phút sáng, để tìm một ý tưởng. Sau đó ông gửi điện tín đến Cục Quản lý Phương tiện Cơ giới California yêu cầu tung tích của ngôi nhà lưu động mà bác sĩ Lecter nói Raspail đã mua ở California, ngôi nhà Raspail dùng trong cuộc tình với Klaus. Crawford yêu cầu Cục Quản lý Phương tiện kiểm tra những tấm vé phạt đã phát hành cho bất cứ tài xế nào không phải Benjamin Raspail.

Ông lấy một bảng kẹp giấy ngồi xuống sofa soạn một mẫu quảng cáo tìm bạn tình để đăng trên những tờ báo lớn:

Một bông hoa mُمْ mُمْ, nồng nàn, 21 tuổi, tìm kiếm người đàn ông biết trân trọng cả chất lượng và số lượng. Người mẫu quảng cáo mỹ phẩm, như anh đã thấy trong các quảng cáo trên báo, giờ em muốn thấy anh. Xin gửi ảnh trước khi gửi thư.

Crawford suy nghĩ một lúc, xóa từ *mُمْ mُمْ*, thay bằng từ *đầy đà*.

Đầu ông gục xuống và thiếp đi. Màn hình xanh của máy tính phản chiếu thành một hình vuông nhỏ xíu trên đôi mắt kính của ông. Trên màn hình có chuyển động, những dòng chữ dịch dần lên trên,

chuyển động trên cặp mắt kính của Crawford. Trong giấc ngủ, ông lắc đầu tựa hồ như muốn rũ bỏ hình ảnh đó.

Mẫu tin như sau:

Memphis POX đã tìm thấy hai thứ khi khám xét phòng giam Lecter:
- Một chìa khóa công tự chế làm từ ống mực bút bi. Cắt bằng cách mài. Baltimore yêu cầu kiểm tra phòng giam bệnh viện để tìm dấu vết nhà sản xuất, Copley, đặc vụ toàn quyền Memphis
- Một mẫu giấy do kẻ đào tẩu để lại trôi trong bồn cầu. Bản chính được gửi tới phòng thí nghiệm/bộ phận tài liệu WX. Hình trên giấy như dưới đây. Hình đã được gửi tới Langley, người nhận: Benson - bộ phận mã hóa.

Bức hình xuất hiện, trôi lên từ cạnh dưới màn hình:



Tiếng bip đúp nhẹ của màn hình máy tính không đánh thức được Crawford, nhưng ba phút sau điện thoại đã làm chuyện đó. Đó là Jerry Burroughs từ đường dây nóng của Trung tâm Thông tin Tội phạm Quốc gia.

“Xem màn hình đi Jack.”

“Chờ một giây,” Crawford nói. “Được rồi, tốt.”

“Phòng thí nghiệm tìm ra rồi Jack. Hình vẽ Lecter để lại trong phòng giam. Những con số nằm giữa những chữ cái tên Chilton, liên quan tới sinh hóa — $\text{C}_{33}\text{H}_{36}\text{N}_4\text{O}_6$ — là công thức hóa học của một sắc tố trong mật người có tên là bilirubin. Phòng thí nghiệm nói rằng đó là chất tạo màu chính cho phân người.”

“Mẹ kiếp.”

“Ông đã đúng về Lecter, Jack ạ. Hắn ta chỉ đùa cợt với họ thôi. Quá tệ cho thượng nghị sĩ Martin. Phòng thí nghiệm nói màu bilirubin giống y đúc màu tóc của Chilton. *Hài hước kiểu nhà thương điên*. Ông có nhìn thấy Chilton trong bản tin 6 giờ không?”

“Không.

“Marilyn Sutter có xem trên gác. Chilton ba hoa về *Săn lùng Billy Rubin*. Sau đó ông ta đi ăn tối với một phóng viên truyền hình. Ông ta ở đấy khi Lecter đào tẩu. Đúng là đồ khốn siêu cấp.”

“Lecter nói Starling cần *ghi nhớ rằng* Chilton không có bằng y khoa,” Crawford nói.

“Có, tôi có đọc trong phần tóm tắt. Tôi nghĩ Chilton cố chơi Starling nhưng bị cô này làm cho mất mặt. Hắn ta có thể ngu nhưng không mù. Cô bé ấy thế nào?”

“Ồn, tôi nghĩ thế. Kiệt sức.”

“Ông có nghĩ Lecter cũng đùa cợt với cô ấy không?”

“Có thể. Nhưng ta vẫn nên theo đuổi chuyện đó. Tôi không biết các bệnh viện làm ăn thế nào. Tôi nghĩ tôi phải lấy chỗ bệnh án đó qua tòa án. Tôi ghét bị phụ thuộc vào họ. Giữa buổi sáng, nếu không có gì mới, ta sẽ xin lệnh của tòa.”

“Này Jack... đám người ngoài đó biết Lecter trông thế nào chứ, đúng không?”

“Chắc chắn rồi.”

“Hắn đang cười nhạo ở đâu đó ngoài kia.”

“Không lâu nữa đâu,” Crawford nói.

Bác sĩ Hannibal Lecter đứng trước bàn tiếp tân của khách sạn Marcus sang trọng ở St. Louis. Hắn đội chiếc mũ nâu và mặc áo choàng đi mưa cài khuy lên tận cổ. Lốp băng giải phẫu gọn gàng che kín mũi và gò má.

Hắn ký vào sổ đăng ký là Lloyd Wyman, chữ ký hắn đã luyện trong xe của Wyman.

“Ông sẽ trả tiền bằng cách nào, thưa ông Wyman?” người tiếp tân hỏi.

“Thẻ American Express,” bác sĩ Lecter đưa cho anh ta thẻ tín dụng của Lloyd Wyman. Tiếng dương cầm nhẹ nhàng vang đến từ sảnh. Bác sĩ Lecter có thể nhìn thấy hai người cũng quán băng ngang mũi trong quầy bar. Một cặp trung niên đi ra thang máy, ngâm nga một điệu nhạc của Cole Porter. Một người phụ nữ dán miếng gạc lên một bên mắt.

Người nhân viên đã xong với cái thẻ tín dụng. “Ông xong rồi đấy, ông Wyman, ông có quyền sử dụng nhà để xe của bệnh viện.”

“Tôi biết, cảm ơn anh,” bác sĩ Lecter nói. Hắn đã đỗ xe của Wyman trong nhà xe, với Wyman trong cốp.

Người phục vụ xách đồ đạc của Wyman lên phòng được bo

bằng một trong những tờ năm đô của Wyman.

Bác sĩ Lecter đặt một cái bánh kẹp và đồ uống rồi thư giãn thật lâu dưới vòi sen. Căn phòng có vẻ thật lớn với hắn nếu so với thời gian ở tù. Hắn thích thú đi đi lại lại trong phòng.

Từ cửa sổ phòng mình hắn có thể nhìn thấy tòa nhà Myron và Sadie Fleischer của bệnh viện thành phố St. Louis, nơi đặt một trong những trung tâm tiên tiến nhất trên thế giới về phẫu thuật sọ và mặt.

Ở đây người ta đã quá nhẵn mặt bác sĩ Lecter nên hắn không thể làm phẫu thuật thẩm mỹ được, nhưng đây là nơi duy nhất trên thế giới mà hắn có thể đi lại với khuôn mặt băng bó mà không thu hút quá nhiều sự chú ý.

Nhiều năm trước, hắn đã ở đây một lần, khi hắn đang nghiên cứu Tâm thần học tại thư viện Tưởng niệm Robert J. Brockman hoành tráng.

Phòng có cửa sổ, nhiều cửa sổ, thật tuyệt. Hắn đứng bên những ô cửa sổ trong bóng tối, ngắm nhìn ánh đèn xe hơi chuyển động trên cầu MacArthur và thưởng thức ly rượu. Hắn thấy người uể oải dễ chịu sau năm tiếng lái xe từ Memphis.

Việc duy nhất phải xử lý thực sự vội vàng tối nay là trong nhà xe ngầm ở sân bay quốc tế Memphis. Dọn dẹp bằng bông băng, cồn và nước cất đằng sau chiếc xe cứu thương là việc không hề thoải mái. Nhưng khi hắn đã khoác bộ đồ trắng của nhân viên xe cứu thương thì việc còn lại chỉ là bắt được một người lữ hành đơn độc trên một lối đi không người của khu đỗ xe dài hạn trong nhà xe khổng lồ ấy. Người đàn ông thật hay lại đang cúi xuống cốp xe lấy cái va-li đựng hàng mẫu, không bao giờ thấy được bác sĩ Lecter xuất hiện đằng

sau.

Bác sĩ Lecter tự hỏi không biết cảnh sát có tin rằng hắn ngu ngốc đến mức sẽ bay từ sân bay.

Vấn đề duy nhất khi lái xe đến St. Louis là tìm ra cách bật đèn, điều chỉnh đèn và gạt nước trong chiếc xe lạ vì bác sĩ Lecter không quen với các nút điều khiển bên cạnh vô-lăng.

Ngày mai hắn sẽ đi mua những thứ cần thiết: thuốc nhuộm tóc, đồ cắt tóc, một cái đèn cực tím và những thứ khác hắn cần để thay hình đổi dạng ngay tức khắc. Khi nào thuận tiện hắn mới cao chạy xa bay.

Không việc gì phải vội vàng.

Ardelia Mapp đang ở trong tư thế quen thuộc, chống khuỷu tay nằm trên giường với một cuốn sách. Cô đang nghe tin trên đài. Cô tắt đài khi thấy Starling vào. Nhìn khuôn mặt mệt mỏi của Starling, cô biết ý không hỏi han gì thêm ngoài, “Muốn uống ly trà không?”

Khi học bài, Mapp uống loại đồ uống cô tự nấu lấy từ những thảo mộc bà cô gửi cho, thứ cô gọi là *Trà của những người thông minh*.

Trong hai người thông minh nhất mà Starling biết thì một là người điềm đạm nhất còn người kia là kẻ đáng sợ nhất. Starling hy vọng điều đó sẽ cho cô một sự cân bằng nào đó trong mối quan hệ của mình.

“May mà hôm nay cậu nghỉ học đấy,” Mapp nói. “Cái anh chàng Kim Won khốn kiếp kia cho cả bọn ngã xuống *đất* luôn. Tớ không thèm nói điều. Tớ nghĩ là ở Hàn Quốc trọng lực lớn hơn ở đây. Thế nên tới đây họ *nhẹ cân* đi, thấy không, lại được dạy môn thể dục vì với họ chuyện ấy chả tốn tí công sức nào... John Brigham đến đấy.”

“Khi nào?”

“Tối nay, vừa lúc này. Muốn biết cậu về chưa. Anh ta còn chải tóc gọn gàng. Cứ lóng ngóng như sinh viên mới nhập học ngồi ngoài

sảnh vậy. Chúng tớ có nói chuyện một chút. Anh ta nói nếu cậu bị tụt hậu và chúng mình cần nhồi sách vở vào đầu thay vì bắn súng vào giờ tập bắn trong vài ngày tới thì cuối tuần anh ta sẽ tới trường bắn dạy bù cho bọn mình. Tớ nói tớ sẽ cho anh ta biết sau. Một anh chàng được đấy chứ.”

“Phải, đúng thế.”

“Cậu có biết là anh ta muốn cậu bắn thi với bên Phòng chống Ma túy và Hải quan trong giải liên ngành chứ?”

“Không.”

“Không phải giải Nữ. Giải mở rộng. Câu hỏi tiếp theo. Cậu học Tu chính án thứ tư để thứ Sáu thi chưa?”

“Tớ cũng học tương đối.”

“Được, thế vụ *Chimel kiện California* là gì?”

“Khám xét trong các trường cấp hai.”

“Sao lại khám xét như thế?”

“Tớ không biết.”

“Đấy là khái niệm *Vùng tiếp xúc trực tiếp*. *Schneckloth* là ai?”

“Chết tiệt, tớ chịu.”

“Vụ *Schneckloth kiện Bustamonte*.”

“Có phải là kỳ vọng hợp lý về quyền riêng tư?”

“Sai bét. Kỳ vọng về quyền riêng tư là nguyên tắc *Katz*. *Schneckloth* là sự chấp thuận khám xét. Thế này thì cậu phải nhồi nhét thêm rồi, cô bé ơi. Tớ có vở ghi đây.”

“Không phải tối nay.”

“Ừ. Mai ngủ dậy đầu cậu mới tỉnh táo và trông trơn, khi đó chúng ta sẽ bắt đầu gieo cấy để thứ Sáu thu hoạch. Starling, Brigham nói — anh ta đáng ra là không được nói, tớ đã hứa giữ bí mật với anh ta — cậu sẽ qua được vụ điều trần. Anh ta nghĩ rằng cái tên khốn huênh hoang Krendler kia sẽ không nhớ tới cậu sau hai ngày nữa đâu. Điểm của cậu tốt, cậu sẽ qua được vụ này dễ thôi.” Mapp dò đoán khuôn mặt mệt mỏi của Starling. “Cậu đã làm việc tốt nhất có thể làm được cho mảnh đời tội nghiệp kia rồi, Starling. Cậu đã giơ đầu ra vì cô ta để rồi bị đá đít vì cô ta, nhưng cậu đã giúp vụ án tiến triển. Giờ thì cậu xứng đáng có cơ hội cho mình. Sao cậu không ngủ đi? Tớ cũng sẽ im đây.”

“Cảm ơn, Ardelia.”

Đèn tắt.

“Starling?”

“Gì thế?”

“Theo cậu ai đẹp giai hơn, Brigham hay Hot Bobby Lowrance?”

“Hỏi khó thế?”

“Brigham có hình xăm trên vai, tớ nhìn thấy qua áo anh ta. Hình gì thế?”

“Tớ chịu.”

“Cậu nói cho tớ biết ngay nếu cậu biết chứ?”

“Chưa chắc.”

“Tớ đã kể với cậu về cái quần bơi da rắn của Hot Bobby rồi mà.”

“Cậu chỉ nhìn thấy chúng qua cửa sổ khi anh ta tập tạ thôi.”

“Có phải Gracie nói với cậu không? Mồm miệng con bé này thật là...”

Starling đã ngủ.

Gần 3 giờ sáng, Crawford đang thiếp đi bên cạnh vợ chợt tỉnh giấc. Có gì đó trong hơi thở của Bella và bà trở mình trên giường. Ông ngồi dậy cầm tay bà.

“Bella?”

Bà hít vào một hơi sâu rồi thở ra. Lần đầu tiên sau nhiều ngày bà mở mắt. Crawford cúi xuống gần gương mặt vợ nhưng không nghĩ bà có thể nhìn thấy ông.

“Bella, anh yêu em, em yêu ả,” ông nói, biết đâu bà có thể nghe được.

Nỗi sợ hãi lướt qua thành ngực ông, xoay vòng bên trong ông như một con dơi trong nhà. Sau đó ông kiểm soát được nó.

Ông muốn lấy gì đó cho bà, bất cứ thứ gì, nhưng ông không muốn bà cảm thấy ông buông tay bà.

Ông áp tai lên ngực bà. Ông nghe thấy một tiếng đập nhẹ như một tiếng vỗ cánh và sau đó trái tim bà ngừng lại. Không còn gì để nghe, chỉ có tiếng ong ong vừa lạnh lẽo vừa lạ lùng. Ông không biết đó là thanh âm trong ngực bà hay chỉ là trong tai ông.

“Chúa phù hộ em và giữ em bên Người... và với những người thân yêu của em,” Crawford nói những lời mà ông muốn là sự thật.

Ông nâng vợ dậy, ngồi dựa lưng vào thành giường và ôm vợ vào ngực trong khi nào bà chết dần. Cầm ông đẩy cái khăn che chỗ tóc còn lại của bà ra. Ông không khóc. Ông đã xong với những giọt nước mắt từ lâu rồi.

Crawford thay cho vợ chiếc váy ngủ bà ưa thích, chiếc váy đẹp nhất của bà, và ngồi một lát bên chiếc giường cao, áp tay bà lên ngực mình. Đó là một bàn tay rắn chắc, khéo léo, mang dấu vết một đời làm vườn, lúc này hằn lên dấu những mũi kim truyền thuốc.

Khi bà từ vườn về, bàn tay bà có mùi húng tây.

“Cứ coi đây là lòng trắng trứng trên ngón tay,” các cô gái ở trường tư vấn cho Bella về tình dục. Bà và Crawford đã đùa cợt về chuyện đó trên giường, nhiều năm trước, mấy năm gần đây, năm ngoái. Đừng nghĩ đến chuyện đó, hãy nghĩ đến những điều tốt đẹp, những điều tinh khôi. Đó là một điều tinh khôi. Lần đầu gặp gỡ trong thang máy, bà đội chiếc mũ tròn và đi găng trắng, còn ông huýt sáo bài *Begin the Beguine* của Cole Porter. Trong phòng ngủ bà trêu ông hoài rằng túi ông có linh tinh đủ thứ như túi trẻ con.

Crawford cố đi sang phòng bên cạnh — ông vẫn có thể quay lại khi ông muốn nhìn thấy bà qua cánh cửa mở, tĩnh tại trong ánh sáng ấm áp của ngọn đèn cạnh giường. Ông chờ đến lúc cơ thể bà trở thành một phần của nghi lễ, tách rời khỏi ông, rời khỏi người ông đã ôm trên giường và rời khỏi người bạn đời mà lúc này ông đang ôm trong tâm trí. Để ông có thể gọi người đến đưa bà đi.

Hai cánh tay ông buông thõng dọc thân mình, bàn tay hướng ra phía trước. Ông đứng bên cửa sổ nhìn phương Đông trống rỗng. Ông không mong chờ bình minh. Phương Đông chỉ trùng hợp là hướng của sổ mà thôi.

“**X**ong chưa Bảo bối?”

Jame Gumb ngồi dựa lưng vào thành giường rất khoan khoái, con chó xù cuộn tròn ấm áp trên bụng hắn ta.

Ngài Gumb vừa gội đầu và đang quấn khăn mặt quanh đầu.

Hắn sờ soạn tìm điều khiển từ xa đầu video trong mớ vải trải giường và bấm nút Play.

Hắn tự soạn chương trình từ hai đoạn băng video được sao vào một băng. Ngày nào phải chuẩn bị những khâu quan trọng, hắn cũng xem cuốn băng này và luôn xem ngay trước khi thu hoạch da người.

Video đầu tiên là từ một cuốn phim xước xước của Movietone News, một cuộn phim thời sự đen trắng từ năm 1948. Đó là chương trình tứ kết của cuộc thi hoa hậu Sacramento, một sự kiện chuẩn bị cho hành trình lâu dài tới cuộc thi Hoa hậu nước Mỹ ở thành phố Atlantic.

Đó là phần thi áo tắm, trong đó tất cả các cô gái đều cầm hoa khi họ đi theo hàng ra cầu thang và bước lên sân khấu.

Con chó xù của ngài Gumb đã xem cuộn băng này nhiều lần và nó nheo mắt khi nghe thấy tiếng nhạc. Nó biết nó sẽ bị ghì chặt.

Các thí sinh hoa hậu trông đúng như thời Thế chiến II. Họ mặc bộ đồ tắm một mảnh kiểu Rose Marie Reid, vài người mặt rất xinh. Chân họ cũng đẹp, vài người trong số họ, nhưng thiếu mất một chút săn chắc và đầu gối có vẻ hơi củ lạc.

Gumb siết chặt con chó.

“Cưng ời, bà ấy này, bàáynày, bàáynày!”

Và rồi bà ấy xuất hiện, lại gần cầu thang trong bộ quần áo tắm màu trắng, tặng một nụ cười tỏa sáng dành cho chàng thanh niên dẫn bà lên cầu thang, sau đó nhanh chóng bước đi trên đôi giày cao gót, máy quay quét theo sau cặp đùi của bà: Mẹ. Mẹ kìa.

Ngài Gumb không cần động đến cái điều khiển từ xa, hắn đã làm tắt cả mọi thứ khi sao cuộn băng. Băng chạy ngược, bà đi lùi, ngược xuống cầu thang, lấy lại nụ cười đã tặng cho người thanh niên, đi ngược lại lối đi, giờ lại tiến tới, rồi lại ngược lại, tới tới lui lui.

Khi bà cười với người thanh niên, Gumb cũng cười.

Còn một cảnh quay nữa của bà trong một nhóm, nhưng nó luôn bị mờ khi dừng hình. Tốt nhất là cứ để băng chạy nhanh và nhìn thoáng qua thôi. Mẹ đứng cùng với các cô gái khác, chúc mừng những người thắng cuộc.

Đoạn phim tiếp theo được hắn ghi lại từ truyền hình cáp ở một nhà nghỉ tại Chicago — hắn đã phải sấp ngửa chạy ra ngoài mua một đầu ghi băng video và ở lại thêm một đêm để có nó. Đó là một đoạn phim quay vòng mà người ta phát trên các kênh truyền hình cáp khiêu dâm vào những buổi tối muộn làm nền cho các hình quảng cáo tình dục cuộn lên màn hình. Những đoạn phim quay vòng này được làm ra từ những đoạn phim rác, những đoạn phim khiêu

dâm tương đối vô hại từ thập niên 1940 và 1950, trong đó có trận bóng chuyền trong trại khóa thân và những đoạn phim không quá lộ liễu từ những bộ phim khiêu dâm thập niên 1930 trong đó các diễn viên nam đeo mũi giả và vẫn đi tất.

Âm thanh hoàn toàn chẳng có nhạc điệu. Bây giờ là giai điệu *The Look of Love*, hoàn toàn không liên quan gì tới hành động sôi nổi trên phim.

Ngài Gumb chẳng làm được gì với những đoạn quảng cáo xuất hiện trên màn hình. Hắn đành phải chấp nhận.

Đây rồi, một bể bơi ngoài trời — ở California, nếu nhìn vào trang trí hoa lá của nó. Đồ trang bị bể bơi thuộc loại xịn, mọi thứ trông đậm chất thập niên 1950. Bơi khóa thân, có mấy cô gái rất đẹp. Vài người trong số họ có thể cũng đã xuất hiện trong những phim hạng B. Sôi nổi và đầy sức sống, họ leo ra khỏi bể bơi và chạy, nhanh hơn nhạc rất nhiều, tới chỗ cầu thang đi lên cầu trượt nước.

Leo lên và tụt xuống. HUUU! Vú vê nảy lên khi họ trượt xuống dưới, cười vang, chân duỗi thẳng, ừm!

Mẹ đây rồi. Bà ấy đây rồi, trèo ra khỏi bể bơi sau một cô gái tóc xoăn. Mặt bà ta bị che một phần vì mẫu quảng cáo của Cinderella — một cửa hàng bán đồ tình dục, nhưng ở đây người ta thấy bà đang đi ra, bà trèo lên thang, tỏa sáng và ướt át, nở nang và uyển chuyển tuyệt vời, bụng có một vết sẹo mổ đẻ và đây, bà trượt xuống.

Wheeee! Thật đẹp, và ngay cả nếu hắn không nhìn thấy mặt bà, thì sâu trong tim mình, ngài Gumb biết đấy là mẹ được quay phim sau lần cuối cùng trong đời hắn được nhìn thấy bà. Tất nhiên không tính trong tâm trí hắn.

Cảnh trong phim chuyển sang quảng cáo đồ chơi tình dục rồi đột ngột kết thúc.

Con chó xù nheo mắt hai giây trước khi ngài Gumb ghì nó thật chặt. “Ồi Bảo bối. Lại với mẹ nào. Mẹ sẽ rất đẹp đấy.”

Nhiều thứ phải làm, nhiều thứ phải làm để sẵn sàng vào ngày mai.

Hắn không nghe tiếng nó trong bếp kể cả khi nó hét to hết cỡ, ờn Chúa, nhưng hắn nghe tiếng nó trên cầu thang khi đi xuống hầm. Hắn hy vọng nó sẽ im lặng mà ngủ. Con chó xù đang bị kẹp dưới nách hắn, gầm gừ đáp lại những âm thanh vang ra từ dưới hố.

“*Mày được dạy dỗ tốt hơn thế đấy,*” hắn nói vào đám lông sau gáy con chó.

Căn phòng giam bí mật ở bên kia cánh cửa bên trái phía chân cầu thang. Hắn không buồn nhìn nó cũng như không nghe bất cứ lời nào vang lên từ dưới hố — với hắn những lời này chẳng một mảy may giống tiếng Anh.

Ngài Gumb rẽ phải vào phòng làm việc, thả con chó xuống và bật đèn lên. Vài con bướm đêm đập cánh và tỏa sáng một cách vô hại trên tấm lưới thép bọc đèn trần.

Ngài Gumb làm việc hết sức cẩn thận. Hắn luôn pha chế dung dịch mới trong bình thép không gỉ, không bao giờ dùng nhôm.

Hắn đã học được cách chuẩn bị trước mọi thứ. Vừa làm việc, hắn vừa tự khuyên nhủ mình. *Mày phải làm việc ngăn nắp, phải chính xác, phải nhanh tay vì vấn đề rất khó giải quyết.*

Da người nặng — chiếm từ 17–18% trọng lượng cơ thể — và

trơn. Cả tấm da rất khó xử lý và dễ bị đánh rơi khi còn ướt. Thời gian cũng rất quan trọng. Da bắt đầu co lại ngay sau khi lột, đặc biệt là da người còn trẻ, rất khó bắt tay vào xử lý.

Thêm vào đó, da lại không đàn hồi hoàn hảo, kể cả da người trẻ. Nếu kéo dãn, nó sẽ không bao giờ trở lại được tỷ lệ ban đầu. Khâu thành thứ gì đó phẳng phiu hoàn hảo, sau đó kéo quá căng trên gổ cũng sẽ khiến nó bị phồng và nhăn. Rồi những đường chiết li, nên biết chúng ở đâu. Da không dãn đều theo mọi hướng nếu không làm các bọc collagen biến dạng và sợi liên kết bị đứt, kéo nhằm hướng một cái là để lại dấu kéo dãn ngay.

Không thể nào xử lý được vật liệu thô. Nhiều lần thử nghiệm, nhiều lần thất bại, trước khi ngài Gumb tìm ra cách.

Cuối cùng hắn thấy rằng phương pháp cổ điển là phương pháp tốt nhất. Quy trình của hắn như sau: trước tiên hắn ngâm da vào bể, trong chất chiết xuất thảo mộc do thổ dân Mỹ nghĩ ra — tất cả có nguồn gốc tự nhiên, không chứa bất kỳ loại muối khoáng nào. Sau đó hắn dùng phương pháp để sản xuất ra loại da hoẵng mềm mại hạng nhất của Tân Thế giới — phương pháp thuộc da cổ điển bằng não. Những người thổ dân Mỹ tin rằng mỗi con vật có não *đủ* để thuộc bộ da của chính nó. Từ cách đây rất lâu, ngài Gumb đã biết điều đó không đúng — một bộ não *không bao giờ* là đủ, dù là với những con linh trưởng có não bộ lớn nhất. Giờ thì trong tủ lạnh của hắn chất đầy não bò, nên hắn chẳng bao giờ phải thiếu thốn.

Hắn đã giải quyết được vấn đề xử lý vật liệu. Thực hành nhiều giúp cho tay nghề của hắn gần như hoàn hảo.

Còn lại những vấn đề về cấu trúc, nhưng hắn cũng có trình độ đặc biệt cao để giải quyết những vấn đề này.

Phòng làm việc mở ra một hành lang tầng ngầm dẫn tới một bồn tắm bỏ không, nơi ngài Gumb cất ròng rọc và đồng hồ, sau đó dẫn tới một xưởng và một bãi trống tối đen không lồ ở phía sau.

Hắn mở cửa căn xưởng sáng choang — đèn chiếu và đèn tuýp, được chỉnh thành ánh sáng ban ngày, gắn trên xà nhà. Ma-nơ-canh tạo dáng trên bục gỗ sồi ngăm. Tất cả đều được bọc một phần, một số bằng da, một số bằng vải lót muslin dùng cho việc may cắt đồ da. Tám con ma-nơ-canh được nhân đôi trong hai bức tường gắn gương — gương nguyên mảnh to, không phải loại ghép miếng. Một cái bàn trang điểm để mỹ phẩm, máy bộ tóc và giá đội tóc giả. Đây là căn xưởng sáng nhất toàn gỗ sồi trắng và vàng.

Ma-nơ-canh mặc những bộ đồ đang may, chủ yếu là hàng nhái Armani, bằng da cừu non thượng hạng màu đen, tất cả chân váy đều xếp li, vai nhọn và đệm ngực.

Bức tường thứ ba bị chiếm giữ bởi một cái bàn làm việc lớn, hai máy khâu công nghiệp, hai khuôn cho thợ may nữ phục và một khuôn cho thợ may nam phục được đúc theo thân người của Jame Gumb.

Dựa vào bức tường thứ tư, lẩn át trong căn phòng sáng trưng này là tủ quần áo sơn mài Trung Quốc lớn màu đen gần chạm trần nhà cao 2,5m. Cái tủ đã cũ và họa tiết trên đó đã phai mờ. Vài cái vảy vàng còn vương lại ở chỗ đã từng là con rồng, con mắt trắng dã của nó vẫn còn rõ và đang nhìn chăm chăm, chỗ này là cái lưỡi đỏ của một con rồng khác mà thân nó đã bị mờ đi. Lớp sơn bên dưới chúng vẫn còn nguyên dù đã bị rạn nứt.

Cái tủ quần áo khổng lồ và sâu hoắm chẳng có gì liên quan đến những bộ đồ đang may dở. Nó đựng mẫu may và mắc áo của Hàng

Đặc Biệt. Cửa tủ khóa.

Con chó xù chạy khỏi chỗ bát nước của nó đặt trong góc ra nằm giữa hai chân một con ma-nơ-canh, mắt nhìn ngái Gumb.

Hắn đang làm một chiếc áo khoác da. Hắn cần phải làm cho xong — hắn cần phải làm xong hết mọi thứ trước đã. Nhưng ngay lúc này hắn đang lên cơn sáng tạo và bộ quần áo vừa vặn bằng vải muslin của hắn vẫn chưa làm hắn hài lòng.

Ngài Gumb đã tiến bộ rất nhiều trong nghề may so với những gì Cục Cải tạo bang California đã dạy hắn hồi trẻ, nhưng đó thực sự là thử thách. Kể cả kinh nghiệm xử lý loại da cừu non nhiều kỳ công cũng không giúp được gì khi đối mặt với công việc thực sự cao cấp.

Ở đây hắn đang có hai áo mẫu vải muslin, trông giống như hai cái áo gilet trắng, một theo đúng cỡ hắn còn bộ kia may từ số đo hắn lấy khi Catherin Baker Martin vẫn đang bất tỉnh. Khi hắn khoác cái áo nhỏ lên cái khuôn may, vấn đề xuất hiện rõ ràng. Cô ta là một cô gái to lớn, có tỷ lệ tuyệt vời, nhưng không được to lớn như ngài Gumb đây, và lưng không rộng bằng.

Bộ đồ lý tưởng của hắn là bộ đồ liền mảnh. Nhưng thế này không được rồi. Dù sao thì hắn cũng đã quyết định mặt trước phải liền mảnh, không được có tí vết gì. Có nghĩa là mọi điều chỉnh hình dáng phải được làm từ phía sau. Rất khó. Hắn đã bỏ đi một mẫu vải muslin và bắt đầu lại từ đầu. Kéo căng một cách thận trọng, hắn có thể làm được với hai miếng đáp nhọn dưới nách — không phải là miếng đáp kiểu Pháp mà là miếng đáp chèn thẳng, đỉnh hướng xuống dưới. Hai đường chiết eo cũng nằm sau lưng, chỗ hai quả thận. Hắn đã quen với việc khâu những đường sát sạt mép vải.

Hắn không chỉ quan tâm đến thị giác mà cả xúc giác. Rất có thể một người hấp dẫn như thế sẽ được ôm ấp.

Ngài Gumb rắc một chút phấn rôm ra tay rồi ôm lấy hình nộm phồng theo cơ thể hắn trong một cái ôm tự nhiên, thoải mái.

“Hôn em cái nào”, hắn nói đùa vào chỗ trống nơi đáng ra phải có cái đầu. “Không phải *mày*, ngốc ạ,” hắn nói với con chó nhỏ khi nó đồng tai lên.

Gumb vuốt ve lưng hình nộm đang nằm trong cái ôm thoải mái của hắn, đoạn vòng ra sau hình nộm nghiên cứu các đường kẻ phần. Không ai muốn cảm thấy đường khâu. Tuy vậy, khi ôm thì bàn tay sẽ đặt lên giữa lưng. Ngoài ra, hắn suy xét, người ta hay để tay ở đường sống lưng. Oái oăm hơn nữa là sự bất đối xứng trên cơ thể người ta. Những đường khâu vai chắc chắn cũng phải bỏ. Một miếng dán nhọn trên vai sẽ là giải pháp, mũi nhọn nằm bên trên bả vai một chút. Hắn có thể dùng cùng đường may ấy để may đệm vai thật chắc vào lớp vải lót để đỡ. Các miếng lycra trong miệng hai túi hai bên — hắn phải nhớ mua lycra — và khóa nhám trong miệng túi phải. Hắn nghĩ tới những bộ váy áo tuyệt đẹp của Charles James, nơi những đường chỉ xếp mũi chữ chi để không bị cộm lên.

Miếng dán sau lưng sẽ được tóc hắn che khuất, đúng hơn là mái tóc hắn sắp có.

Ngài Gumb cởi áo mẫu ra khỏi khuôn tạo dáng và bắt đầu làm việc.

Cái máy khâu cũ thuộc loại máy xịn, vốn là máy đạp chân trang trí hoa văn nhưng được chuyển thành máy chạy điện khoảng 40 năm trước. Thân máy có một dòng chữ mạ vàng *Phục vụ không mệt*

mỗi. Cái bàn đập vẫn làm việc tốt và Gumb dùng bàn đập mỗi khi bắt đầu may. Để có những đường may tinh tế, hắn thích làm việc bằng chân trần, khéo léo đập bàn đập bằng đôi chân béo mập, giữ cạnh trước của nó bằng những ngón chân sơn móng để tránh chạy quá đà. Một hồi chỉ có tiếng máy khâu, tiếng ngáy của con chó nhỏ và tiếng rít của ống hơi nước trong tầng hầm ẩm áp.

Đập xong miếng đập vào cái áo muslin mẫu, hắn mặc thử trước gương. Con chó nhỏ đứng nhìn từ trong góc, đầu nghéch lên.

Hắn cần nới một chút dưới nách, vẫn còn lại một số vấn đề với cổ áo và lớp lót cổ. Còn lại thì nó thật đẹp. Mềm mại, dẻo dai và co giãn. Hắn có thể nhìn thấy mình bước nhanh lên cầu thang cái cầu trượt nước duyên dáng vô cùng.

Ngài Gumb thay đổi ánh sáng và đám tóc giả để tìm những góc nhìn ấn tượng, rồi hắn thử một chiếc vòng cổ bằng vỏ sò tuyệt đẹp ôm sát ngay trên cổ áo. Nếu mặc chiếc đầm hở cổ hoặc bộ đồ dáng suôn lên trên bộ ngực mới thì trông hắn sẽ đẹp đến ngây ngất.

Thật thích được làm việc đó ngay bây giờ, để thực sự bận rộn, nhưng mắt hắn đã mệt mỏi. Hắn muốn đôi tay mình thật vững vàng nữa, hắn cũng không thích tiếng ồn ào lúc này. Hắn kiên nhẫn gỡ mũi khâu ra và đặt những miếng vải xuống. Một mẫu áo tuyệt vời để cắt theo.

“Ngày mai, Bảo bối ạ,” hắn nói với con chó nhỏ trong lúc lấy óc bò ra cho rã đông. “Mai việc đầu tiên mình sẽ làm là việc nààààààay. Mẹ sẽ *đẹp* lắm đấy!

Starling ngủ say sưa trong năm tiếng đồng hồ và tỉnh dậy trong sâu thẳm của đêm đen, bị đánh thức bởi nỗi sợ hãi trong giấc mơ. Cô cắn góc tấm chăn đơn và bịt tai thật chặt, chờ xem mình đã thực sự tỉnh giấc và thoát khỏi nó hay chưa. Im lặng và không có con cừu nào kêu la. Khi cô biết mình đã tỉnh giấc thì tim cô đập chậm lại, nhưng chân cô không chịu yên dưới tấm chăn. Đầu óc cô sẽ lại quay cuồng ngay bây giờ, cô biết.

Thật nhẹ nhõm khi một cơn giận chứ không phải nỗi sợ hãi tràn qua người cô. “Điên,” cô nói và thò một chân ra ngoài.

Suốt cả một ngày dài, khi cô bị Chilton cản trở, bị thượng nghị sĩ Martin sỉ nhục, bị Krendler ruồng bỏ và trách mắng, bị Lecter chế nhạo và phát ốm vì vụ đào tẩu đẫm máu của hắn, bị Crawford cho thôi việc, thì chuyện đau đớn nhất chính là: bị gọi là một tên trộm.

Thượng nghị sĩ Martin là một bà mẹ đang chịu nhiều áp lực, và bà ta đã phát ốm vì cảnh sát lục lọi đồ đạc của con gái bà. Bà ta không có ý ấy.

Nhưng lời buộc tội ấy vẫn xuyên vào Starling như một mũi kim bông rât.

Thuở bé Starling đã được dạy rằng trộm cắp là hành động đốn

mặt nhất, đáng khinh bỉ nhất chẳng thua kém gì hiệp dân và giết người cướp của. Một số kiểu giết người vẫn còn được xếp trên trộm cắp.

Là một đứa trẻ từng sống ở những nơi chịu nhiều đói khát, cô đã học được rằng trộm cắp là phường đáng khinh bỉ.

Nằm trong bóng tối, cô nhìn thấy một lý do nữa khiến lời bóng gió của thượng nghị Martin dần vật cô đến thế.

Starling biết tay bác sĩ độc ác Lecter sẽ nói gì, và điều đó đúng. Cô sợ có gì đó tầm thường mà thượng nghị sĩ Martin nhìn thấy trong cô, thứ gì đó rẻ mạt, thứ gì đó đầu trộm đuôi cướp khiến thượng nghị sĩ Martin phải phản ứng lại. Cái con điểm xứ Vanderbilt này.

Bác sĩ Lecter sẽ khoái trá mà chỉ ra kiểu cảm phần giai cấp đó, một cơn giận chôn giấu đi đôi với dòng sữa mẹ, cũng là một nhân tố. Starling không thua kém bất cứ Martin nào ở mặt học vấn, trí thông minh, động lực và tất nhiên là cả vẻ ngoài, tuy nhiên nó vẫn cứ có ở đó và cô biết.

Starling là thành viên tách biệt của một bộ lạc hung tợn không có phả hệ nghiêm chỉnh mà chỉ có danh sách người được vinh danh và kẻ bị bêu danh. Bị xua đuổi ở Scotland, chết đói ở Ireland, nhiều người trong số họ cực chẳng đã phải làm những nghề nguy hiểm. Biết bao người trong dòng họ Starling đã phải chịu cảnh như thế, bị đè gi xuống đáy hố chật hẹp hay bị hất khỏi ván bằng một viên đạn bắn vào chân, không thì được nhử vào bả vinh quang dưới hình hài một cây kèn trần nứt vỡ trong cái giá buốt khiến ai nấy đều mong trở về tổ ấm. Một số ít có thể được các sĩ quan nhỏ lệ tưởng nhớ trong những đêm giao lưu với binh sĩ, theo cách một người đàn ông uống rượu nhớ đến con chó săn chim giồi của anh ta. Những cái tên đã

phai mờ trong một cuốn kinh thánh.

Không ai trong số họ thông minh đặc biệt, theo như trí nhớ của Starling, ngoại trừ một bà cô viết nhật ký rất tuyệt vời cho tới khi bà bị viêm não.

Nhưng họ không ăn cắp.

Trường học ở Mỹ rất quan trọng, đúng không, và dòng họ Starling đã hiểu được điều đó. Một người bác của Starling đã cho khắc bằng tốt nghiệp cao đẳng của ông lên bia mộ.

Starling sống bằng học hành, với vũ khí là cuộc thi học sinh giỏi, trong tất cả những năm tháng khi cô chẳng có nơi nào khác để đi.

Cô biết cô có thể thoát khỏi chuyện đó. Cô có thể là người mà cô luôn luôn là, từ khi cô hiểu được cách nó vận hành. Cô có thể đứng top đầu lớp, được chấp nhận, được lựa chọn, và không bị đuổi cổ.

Vấn đề chỉ là làm việc chăm chỉ và thận trọng. Điểm của cô sẽ tốt. Tay Hàn Quốc kia sẽ không thể hạ được cô trong giờ giáo dục thể chất. Tên cô có thể sẽ được khắc lên một tấm bảng lớn trên sảnh — Bảng Thành tích — vì năng lực xuất sắc trong trường bắn.

Sau bốn tuần nữa cô sẽ là đặc vụ của Cục Điều tra Liên bang.

Liệu cô có phải cẩn trọng với tên khốn Krendler cả đời không?

Khi có mặt thượng nghị sĩ, hấn ta đã định rũ bỏ cô. Mỗi khi nghĩ đến chuyện đó. Starling lại thấy bị châm chích. Hấn không chắc hấn có thể tìm thấy bằng chứng trong phong bì. Thật sốc. Hình dung Krendler trong tâm trí, cô nhìn thấy hấn ta đi đôi giày Hải quân như viên thị trưởng, sếp của cha cô, đến lấy cái đồng hồ chấm công.

Tệ hơn nữa. Jack Crawford có vẻ nhỏ bé đi trong tâm trí cô.

Người đàn ông này đã phải chịu áp lực nặng nề hơn bất cứ ai phải chịu đựng. Ông cử cô đi khám xét chiếc xe của Raspail, không có yểm trợ hay quyền hạn gì. Được thôi, cô đã yêu cầu được đi làm theo những điều khoản đó — rắc rối là may mắn. Nhưng Crawford phải biết rằng sẽ có rắc rối khi thượng nghị sĩ Martin thấy cô ở Memphis, sẽ có rắc rối kể cả nếu cô không tìm thấy những tấm ảnh làm tình đó.

Catherine Baker Martin đang nằm trong bóng tối như bóng tối đang bao bọc cô lúc này. Starling đã quên mất điều đó khi cô nghĩ đến lợi ích riêng của mình.

Những hình ảnh của mấy ngày vừa qua trừng phạt tội lỗi của Starling, lóe lên trong cô với sắc màu bất ngờ, quá nhiều sắc màu, sắc màu gây sốc, sắc màu nhảy ra từ bóng tối khi tia chớp lóe lên trong đêm.

Bây giờ Kimberly đang ám ảnh cô. Kimberly béo tốt, hồi còn sống đã đục lỗ tai để cố gắng được đẹp hơn và tiết kiệm tiền để tẩy lông chân. Kimberly bị mất hết tóc. Kimberly người chị em của cô. Starling không nghĩ Catherine Baker Martin có nhiều thời gian như Kimberly. Dưới lớp da, họ đã là chị em thân thiết. Kimberly nằm trong nhà tang lễ đầy cảnh sát bang.

Starling không tiếp tục nhìn vào đó được nữa. Cô quay mặt đi như một người đang bơi quay mặt lên để lấy hơi.

Tất cả nạn nhân của Bill Bò mộng đều là phụ nữ, nỗi ám ảnh của hắn là phụ nữ, hắn sống để săn phụ nữ. Không có một người phụ nữ nào săn đuổi hắn toàn thời gian cả. Chưa một điều tra viên nữ nào nghiên cứu từng vụ án hắn gây ra.

Starling tự hỏi liệu Crawford có dám dùng cô làm kỹ thuật viên không khi ông phải đến khám nghiệm Catherine Martin. Mai Bill có thể sẽ “giết cô ta”, Crawford dự báo. *Giết cô ta. Giết cô ta.*

“Đù cái thân tôi,” Starling nói lớn và đặt chân xuống sàn.

“Này cậu đang làm hư hỏng thằng trẻ trâu nào đấy à Starling?” Ardelia Mapp nói. “Thừa lúc tớ ngủ cậu dẫn nó vào rồi giờ chỉ đạo cho nó phải làm gì à — đừng nghĩ là tớ không nghe thấy cậu nhé.”

“Xin lỗi. Ardelia, tớ không...”

“Cậu phải cụ thể hơn thế cơ, Starling. Ai lại nói mỗi thế. Làm hư mấy cậu trẻ trâu thì phải như làm báo ấy, cậu phải nói chúng biết *cái gì, khi nào, ở đâu và như thế nào*. Tớ nghĩ cậu *tại sao* sẽ tự được trả lời khi cậu bắt đầu.”

“Cậu có gì cần giặt không?”

“Tớ nghĩ cậu hỏi tớ có gì cần giặt không à?”

“Phải, tớ sẽ đi giặt một mẻ. Cậu có gì?”

“Chỉ có mấy cái áo sau cửa thôi.”

“Được rồi. Nhắm mắt lại, tớ phải bật đèn lên một tẹo.”

Cô không để cuốn vở Tu chính án thứ tư lên giỏ quần áo khi đi qua hành lang đến phòng giặt.

Cô đem theo tập hồ sơ về Bill Bò mọng, một chồng hồ sơ dày chừng 10cm chứa đầy những đau đớn và kinh hãi trong một tấm bìa màu da bò in mực màu máu. Cùng với nó là một bản in những ý chính trong báo cáo của cô về con bướm đêm đầu Tử thần.

Ngày mai cô phải trả lại bộ hồ sơ và nếu cô muốn bản này được

đầy đủ, sớm muộn gì cô cũng phải đưa báo cáo của cô vào. Trong phòng giặt ẩm áp, trong tiếng máy giặt êm êm, cô tháo sợi dây chun buộc tập hồ sơ. Cô trải giấy ra giá gấp quần áo và cố gắng thêm báo cáo của cô vào mà không phải nhìn những bức ảnh, không nghĩ xem ảnh nào sẽ sớm được thêm vào. Tám bản đồ nằm trên cùng, tốt thôi. Nhưng trên tám bản đồ lại có mấy dòng chữ viết tay.

Nét chữ lịch thiệp của bác sĩ Lecter chạy qua vùng Ngũ Đại Hồ[®], nó viết:

Clarice, những địa điểm rải rác có vẻ như ngẫu nhiên này có quá sức cô không? Có phải là nó ngẫu nhiên đến vô vọng không? Ngẫu nhiên không cần biết thế nào là thuận tiện nữa nhì? Điều đó có gọi cho cô nghĩ đến sự sắp xếp kỳ công của một kẻ nói dối kém cỏi không?

Xin cảm ơn,

Hannibal Lecter,

T.B. không phải lật tìm thêm, không còn gì nữa đâu.

Mất tới 20 phút lật trang để Starling có thể chắc chắn là không còn gì nữa.

Starling gọi đường dây nóng từ điện thoại công cộng trong hành lang và đọc lời nhắn này cho Burroughs. Cô lăn tăn không biết Burroughs có đang ngủ không.

“Tôi phải nói với cô, Starling ạ, thông tin của Lecter giờ mất giá lắm,” Burroughs nói. “Jack đã gọi điện cho cô về Billy Rubin chưa?”

“Chưa.”

Cô dựa vào tường, nhắm mắt trong khi anh ta kể lại câu chuyện đùa của bác sĩ Lecter.

“Tôi cũng chẳng rõ nữa,” cuối cùng anh ta nói. “Jack nói họ sẽ tiếp tục với các bệnh viện chuyển giới, nhưng xem ra khó nhằn. Nếu nhìn vào thông tin trên máy tính, kiểu lập trình trường truy nhập, có thể thấy rằng tất cả thông tin của Lecter, thông tin của ta và những thứ từ Memphis có những tiền tố đặc biệt. Tất cả những thứ ở Baltimore hoặc các thứ ở Memphis hoặc cả hai đều có thể bị bỏ qua chỉ bằng một nút bấm. Tôi nghĩ bên Tư pháp muốn bấm nút tất cả các thông tin đó. Tôi có một tin nhắn ở đây nói rằng con bọ trong hòng Klaus là, xem nào, *vô giá trị*.”

“Anh sẽ chuyển câu đó cho ông Crawford chứ?” Starling nói.

“Chắc rồi, tôi sẽ chuyển nó tới màn hình của ông ấy, nhưng giờ thì chưa phải lúc. Cô cũng đừng gọi. Bella vừa mất.”

“Ồi!”

“Nhưng người của ta ở Baltimore đã kiểm tra phòng giam của Lecter trong bệnh viện tâm thần. Người hộ lý Barney cũng giúp nhiều. Họ thấy bột đồng ở đầu con ốc trên giường Lecter, chỗ hấn làm cái chia khóa còng. Cứ chờ đi, cô bé. Cô sẽ ra khỏi vụ này mà tỏa hương như một bông hoa hồng.”

“Cảm ơn anh, Burroughs. Chúc ngủ ngon.”

Tỏa hương như hoa hồng. Bôi dầu quanh hốc mũi.

Ánh sáng bình minh bắt đầu tỏa sáng, vào ngày cuối cùng trong cuộc đời Catherine.

Bác sĩ Lecter có ý gì?

Không biết được bác sĩ Lecter biết gì. Khi lần đầu tiên cô đưa cho hấn tập hồ sơ, cố kỳ vọng hấn sẽ thích thú những tấm ảnh và

dùng bộ hồ sơ làm cơ sở khi hắn nói với cô những gì hắn biết về Bill Bò mộng.

Có thể hắn lúc nào cũng nói dối cô, cũng giống như hắn nói dối thượng nghị sĩ Martin. Có thể hắn không biết hoặc không hiểu gì về Bill Bò mộng.

Hắn nhìn rõ mọi thứ — chắc chắn là hắn nhìn xuyên thấu mình. Rất khó chấp nhận được chuyện ai đó hiểu được mình mà lại không mong muốn điều tốt đẹp cho mình. Ở lứa tuổi của Starling, điều đó chưa xảy ra nhiều với cô.

Ngẫu nhiên đến vô vọng, bác sĩ Lecter nói thế.

Starling, Crawford và những người khác từng xem nát nước tắm bản đồ với những dấu chấm đánh dấu nơi bắt cóc và nơi vứt xác. Với Starling nó giống như một chòm sao đen với ngày tháng được ghi bên cạnh từng ngôi sao, và cô biết ban Khoa học Hành vi đã thử áp các cung Hoàng đạo lên tấm bản đồ mà không có kết quả.

Nếu bác sĩ Lecter chỉ đọc để giải trí, vì sao hắn lại đùa nghịch với tấm bản đồ? Cô có thể nhìn thấy hắn lật giở bản báo cáo, trêu chọc văn phong của một vài báo cáo viên.

Không có mô thức nào trong những địa điểm bắt cóc và vứt xác. Không có mối quan hệ nào với sự thuận tiện. Không có trùng khớp thời gian với bất cứ hội nghị kinh doanh nào được biết tới. Không có hàng loạt vụ trộm cắp, đột nhập hay những vụ tội phạm tình dục biến thái nào.

Quay trở lại với phòng giặt, lúc này máy sấy đang chạy và Starling di ngón tay trên tấm bản đồ. Chỗ này là vụ bắt cóc, chỗ kia ném xác. Đây là vụ bắt cóc thứ hai, kia là chỗ ném xác. Đây là vụ

thứ ba và... Những ngày tháng bị ghi lùi lại hay là... Không, cái xác thứ hai được phát hiện đầu tiên.

Sự kiện này được ghi lại mờ mờ bên cạnh vị trí trên bản đồ mà không ai để ý. Xác của người phụ nữ thứ hai bị bắt cóc lại được tìm thấy đầu tiên, trôi trên sông Wabash trong khu trung tâm Lafayette, bang Indiana, ngay bên dưới đường I-65.

Người phụ nữ trẻ đầu tiên được báo mất tích bị bắt ở Belvedere, bang Ohio, gần Columbus và được tìm thấy rất lâu sau đó trên sông Blackwater ở Missouri, bên ngoài Lone Jack. Xác bị dìm. Không nạn nhân nào khác bị dìm xác.

Xác của nạn nhân thứ nhất chìm dưới nước ở một khu hẻo lánh. Người thứ hai bị bỏ xuống một dòng sông chảy từ thành phố nên hiển nhiên được phát hiện nhanh chóng.

Sao vậy?

Nạn nhân đầu tiên của hắn bị giấu kỹ, người thứ hai thì không?

Sao vậy?

“Ngẫu nhiên đến vô vọng” nghĩa là gì?

Đầu tiên là người đầu tiên. Bác sĩ Lecter nói gì về *đầu tiên*? Điều bác sĩ Lecter nói có ý gì không?

Starling nhìn những thứ mình ghi chép trên máy bay từ Memphis. Bác sĩ Lecter nói trong hồ sơ có đủ thông tin để tìm ra tên sát nhân. “Đơn giản,” hắn nói. Còn *đầu tiên* thì sao, đâu là đầu tiên? Đây rồi — *những nguyên tắc đầu tiên* là quan trọng. Lúc hắn nói tới *những nguyên tắc đầu tiên* nghe chẳng khác nào một thứ khoa trương vớ vẩn.

Hắn làm gì, Clarice? Công việc chính mà hắn làm là gì, hắn giết chóc để thỏa mãn nhu cầu gì? Hắn thèm muốn. Chúng ta bắt đầu thèm muốn như thế nào hả Clarice? Chúng ta bắt đầu thèm muốn những gì chúng ta nhìn thấy hằng ngày.

Khi không cảm thấy đôi mắt của tay bác sĩ trên da mình, Starling thấy dễ suy nghĩ hơn về những điều hắn nói. Dễ dàng hơn khi đang ở đây, ở Quantico an toàn.

Nếu chúng ta bắt đầu thèm muốn bằng cách thèm muốn những gì ta thấy hằng ngày, liệu Bill Bò mộng có bất ngờ khi giết nạn nhân đầu tiên không? Có phải hắn giết ai đó gần quanh hắn không? Có phải vì thế mà hắn giấu kỹ cái xác đầu tiên, còn cái thứ hai thì qua quýt? Liệu hắn có bắt cóc người thứ hai cách xa nhà hắn và vứt cô ta nơi mà cô ta có thể được tìm thấy nhanh chóng vì hắn muốn mọi người tin ngay từ đầu rằng những địa điểm bắt cóc là ngẫu nhiên?

Khi Starling nghĩ đến các nạn nhân, Kimberly Emborg xuất hiện ngay trong tâm trí cô vì cô đã nhìn thấy xác Kimberly và — theo một cách nào đó — cô chịu trách nhiệm về Kimberly. Cô chưa để tâm đến những người khác.

Đây là nạn nhân đầu tiên. Fredrica Bimmel, 22 tuổi, ở Belvedere, Ohio. Có hai tấm ảnh. Trong tấm ảnh lưu niệm thời đi học, trông cô ta to lớn và giản dị, mái tóc dày và một thân hình đẹp. Bức thứ hai chụp ở nhà xác Kansas, trông cô ta không còn một chút gì là con người nữa.

Cô lại gọi điện cho Burroughs. Giọng anh ta bây giờ nghe có vẻ khàn khàn, nhưng anh ta vẫn lắng nghe.

“Cô nói gì, Starling?”

“Có thể hắn sống ở Belvedere, Ohio, nơi nạn nhân đầu tiên của hắn sống. Có thể hắn nhìn thấy cô ta hằng ngày, và hắn giết cô ta do bột phát. Có thể ý hắn chỉ là... mời cô ta một lon 7Up và nói chuyện về dàn đồng ca. Vì vậy hắn đã phải giấu kỹ cái xác và sau đó hắn bắt một nạn nhân khác ở xa nhà. Hắn không giấu nạn nhân này kỹ lắm, nên người ta tìm thấy xác người đó trước tiên và hắn sẽ thoát khỏi sự chú ý. Anh biết tin về người mất tích thu hút chú ý thế nào rồi đấy. Chẳng ai quan tâm cho đến khi tìm thấy xác.”

“Starling, kết quả tìm kiếm sẽ khả quan hơn ở những nơi dấu vết còn mới, người ta nhớ tốt hơn, nhân chứng...”

“Đấy là điều tôi đang nói. Hắn *biết* thế.”

“Ví dụ, lúc này cô sẽ không thể hắt hơi mà tránh được không phun mưa vào một tay cớm ở quê của nạn nhân cuối cùng ấy — Kimberly Emborg từ Detroit. Mọi sự chú ý bỗng đâu đổ dồn vào Kimberly Emborg sau khi Martin bé nhỏ mất tích. Và cảnh sát bỗng đâu lao vào vụ án. Chưa thấy chuyện như thế bao giờ.”

“Anh sẽ cho Crawford biết chuyện này chứ, về cái thành phố đầu tiên ấy?”

“Chắc chắn rồi. Quỳ thật, tôi sẽ đưa nó lên đường dây nóng cho tất cả mọi người. Tôi không có ý tiêu cực, Starling, nhưng thành phố đó cũng đã được rà soát khá kỹ ngay sau khi người phụ nữ đó — tên cô ấy là gì nhỉ, Bimmel, phải không? — ngay sau khi Bimmel được nhận dạng. Văn phòng tại Columbus đã làm việc với Belvedere, và nhiều cơ quan sở tại cũng đã làm rồi. Cô có tất cả thông tin rồi. Cho nên sáng nay cô sẽ không thu hút được nhiều chú ý vào Belvedere hay bất cứ lý thuyết nào khác của bác sĩ Lecter đâu.”

“Tất cả những gì ông ta...”

“Starling, chúng tôi gửi một món đóng góp đến UNICEF dưới tên Bella. Cô có muốn tham gia không, tôi sẽ ghi tên cô vào danh sách.”

“Chắc chắn rồi, cảm ơn anh Burroughs.”

Starling lấy quần áo ra khỏi máy sấy. Quần áo sạch còn ấm sờ thật dễ chịu và thật thơm. Cô ôm chầm quần áo mới giặt vào ngực.

Mẹ cô, ôm một ôm ga trải giường.

Hôm nay là ngày cuối cùng trong cuộc đời Catherine.

Con quạ đen trắng cắp đồ trên xe đẩy. Cô không thể ở ngoài mà đuổi nó và cùng lúc ở trong phòng.

Hôm nay là ngày cuối cùng trong cuộc đời Catherine.

Cha cô thường dùng tay xin đường thay cho đèn xi-nhan khi ông rẽ chiếc bán tải vào lối chạy xe. Đang chơi trong sân, cô nghĩ bằng ông dùng cánh tay to lớn của mình chỉ cho chiếc xe tải cần phải đi đâu và đích đặc chỉ dẫn nó vào cửa.

Khi Starling quyết định cần phải làm gì, mắt cô rưng lệ. Cô vùi mặt vào chỗ quần áo còn ấm.

Crawford ra khỏi nhà tang lễ và nhìn cả hai phía phố tìm Jeff cùng chiếc xe. Thay vào đó, ông nhìn thấy Clarice Starling đợi dưới mái hiên trong bộ vest đen, trông rất chân thực dưới ánh sáng.

“Cử tôi đi,” cô nói.

Crawford vừa chọn quan tài cho vợ và xách trong túi giấy một đôi giày của bà mà ông đã đem nhầm đến. Ông trấn tĩnh lại.

“Xin thứ lỗi cho tôi,” Starling nói. “Tôi sẽ không đến vào lúc này nếu còn có lúc khác. Hãy cử tôi đi.”

Crawford cho hai tay trong túi, xoay cổ làm nó kêu răng rắc. Đôi mắt ông tỏa sáng, có vẻ nguy hiểm. “Cử cô đi đâu?”

“Ông đã cử tôi đi tìm kiếm tung tích Catherine Martin — hãy cho tôi tới chỗ những nạn nhân khác. Tất cả những gì còn lại cho chúng ta là tìm hiểu xem hấn sẵn mỗi như thế nào. Hấn tìm thấy họ như thế nào, hấn lựa chọn họ ra sao. Tôi cũng giỏi nghiệp vụ cảnh sát như bất kỳ người nào dưới quyền ông, một số việc còn giỏi hơn. Tất cả nạn nhân đều là phụ nữ và không có người phụ nữ nào làm vụ này. Tôi có thể vào phòng phụ nữ và biết được về cô ta nhiều gấp ba lần một người đàn ông có thể biết, và ông biết đó là sự thật. Hãy cử tôi đi.”

“Cô sẵn sàng cho việc học lại chứ?”

“Phải.”

“Sáu tháng trong cuộc đời cô.”

Cô không nói gì.

Crawford lấy ngón chân cái di đám cỏ dưới chân. Ông ngẩng lên nhìn cô, vào đồng cỏ xa xa trong mắt cô. *Cô ấy có nghị lực, như Bella.*

“Cô sẽ bắt đầu với ai?”

“Nạn nhân đầu tiên. Fredrica Bimmel, Belvedere, Ohio.”

“Không phải Kimberly Emborg, nạn nhân cô đã thấy sao?”

“Hắn không bắt đầu từ cô ta.” Nhắc đến Lecter không nhỉ? Không. Ông ấy sẽ biết qua đường dây nóng, từ Burroughs.

“Emborg là lựa chọn *cảm tính*, phải không Starling? Sẽ được thanh toán công tác phí. Cô còn tiền không?” Ngân hàng một tiếng nữa mới mở cửa.

“Tôi còn một ít trong thẻ Visa.”

Crawford lục túi. Ông đưa cho cô ba tờ 100 đô và một tờ séc cá nhân.

“Đi đi, Starling. Chỉ đến chỗ nạn nhân đầu tiên thôi. Báo cáo lên đường dây nóng. Gọi điện cho tôi.”

Cô giơ tay về phía ông. Cô không chạm vào mặt hay tay ông, và có vẻ như không còn chỗ nào khác để chạm, cô quay người và chạy ra chỗ chiếc Pinto.

Crawford vỗ túi khi cô lái xe đi. Ông đã đưa cho cô đồng xu cuối

cùng mà ông có.

“Cô bé cần đôi giày mới,” ông nói. “Em yêu của ta không cần giày nữa.” Ông đứng khóc giữa vỉa hè, nước mắt chảy dài trên mặt, trông một ban của FBI, lúc này trông thật yếu đuối.

Từ trong xe Jeff nhìn thấy má ông lấp loáng. Anh ta lùi trở lại một con ngõ nhỏ để Crawford không thấy mình. Jeff ra khỏi xe. Anh ta đốt một điếu thuốc và hút như điên. Món quà của anh ta cho Crawford là anh ta sẽ lẻ mề cho tới lúc Crawford thôi khóc, giận dữ và có lý do để la mắng mình.

Buổi sáng ngày thứ Tư, ngài Gumb đã sẵn sàng thu hoạch bộ da.

Hắn vừa đi mua hết những thứ cần thiết cuối cùng về và thật khó để không lao ngay xuống tầng hầm. Trong xưởng, hắn bỏ đồ trong những túi hàng ra, dây may viền mới, miếng vải lycra siêu dẫn để may dưới túi, một hộp muối ăn kiêng. Hắn không quên thứ gì.

Trong phòng làm việc, hắn bày dao lên một cái khăn sạch bên cạnh những cái bồn rửa dài. Có bốn con dao: một con dao sống vống để lột da, một con dao mũi nhọn tinh tế vừa vặn với đường cong của ngón tay trở ở những nơi chật chội, một con dao mổ để làm công việc đòi hỏi phải tỉ mỉ hết sức và một con dao lê từ thời Thế chiến I. Cái lưỡi cùn của nó là công cụ tốt nhất để lọc thịt khỏi tấm da mà không làm rách nó.

Ngoài ra, hắn còn có một cái cưa tử thi Strycker mà hắn gần như không dùng đến và thấy tiếc là mình đã mua nó.

Bây giờ hắn bôi dầu vào đầu cái giá để tóc giả, rắc một lớp muối thô lên trên lớp dầu và đặt cái giá vào trong một cái khay nông để hứng dầu. Hắn nghịch ngợm véo cái mũi trên khuôn mặt của giá để tóc và gửi cho nó một cái hôn gió.

Thật là khó hành xử một cách nghiêm túc — hắn muốn chạy

nhảy quanh phòng như diễn viên hài Danny Kaye. Hắn cười và khẽ thổi bay một con bướm đêm khỏi mặt.

Đã đến lúc mở máy sục bể cá trong những cái bể đầy dung dịch mới pha của hắn.Ồ, có phải kia là một con nhộng đẹp tuyệt dưới đám mùn trong lồng không nhỉ? Hắn chọc ngón tay vào nó.

Phải, đúng vậy.

Còn bây giờ, khẩu súng ngắn.

Giết như thế nào là chuyện làm ngài Gumb bối rối nhiều ngày nay. Không thể treo cổ con bé được vì hắn không muốn có vết trên ngực, ngoài ra hắn cũng không thể chấp nhận rủi ro dây thừng có thể xé rách phía sau tai con bé.

Ngài Gumb đã rút được kinh nghiệm từ từng lần vật lộn trước đó, đôi khi rất đau đớn. Hắn quyết tâm loại bỏ một vài cơn ác mộng mà hắn đã phải trải qua. Một nguyên tắc cơ bản: cho dù có đối lả đi hay sợ đến ngất lịm, chúng luôn chống lại ta khi chúng nhìn thấy các thứ khí cụ.

Trước đây hắn đã phải săn đuổi đám phụ nữ trẻ trong tầng hầm tối om với ống nhìn đêm hồng ngoại, và đây là một việc tuyệt thú, ngắm nghía chúng sờ soạng tìm đường, nhìn thấy chúng cố gắng co rúm vào góc. Hắn thích săn chúng bằng súng ngắn. Hắn thích dùng súng ngắn. Chúng luôn mất phương hướng, mất thăng bằng, va vào các thứ. Hắn có thể đeo kính nhìn đêm đứng trong bóng tối hoàn toàn, chờ cho tới khi chúng bỏ tay ra khỏi mặt rồi bắn thẳng vào đầu chúng. Hoặc trước hết vào chân, bên dưới đầu gối để chúng vẫn bò được.

Trò này thật trẻ con và phí phạm. Sau đó bọn chúng trở thành vô

dụng và hấn thôi không làm chuyện đó nữa.

Trong công việc hiện tại, hấn đã cho ba đứa đầu tiên tắm hoa sen trên nhà, trước khi đá chúng xuống cầu thang với một vòng thông lọng quanh cổ — không vấn đề. Nhưng đến đứa thứ tư thì quả là một thảm họa. Hấn phải dùng súng ngắn trong phòng tắm và phải mất cả tiếng đồng hồ để dọn dẹp. Hấn nghĩ tới đứa con gái đó, ướt rượt, nổi đầy da gà, và nó đã run rẩy như thế nào khi hấn lên đạn. Hấn thích lên đạn, lạch cạch, một tiếng nổ động trời và hết huyền não.

Hấn thích khẩu súng của hấn, mà hấn phải thích chứ, vì đó là một thứ thật đẹp, một khẩu Colt Python bằng thép không gỉ nòng dài 15cm. Tất cả các bộ phận đã được tinh chỉnh ở cửa hàng, và khẩu này sờ thật thích. hấn lên đạn và bóp cò, ngón cái đặt chỗ búa súng. Hấn nạp đạn khẩu Python và đặt nó lên giá trong phòng làm việc.

Ngài Gumb rất muốn cho đứa này gội đầu vì hấn muốn nhìn nó chải đầu. Hấn có thể học được rất nhiều về cách chải tóc. Nhưng đứa này cao lớn và có vẻ khỏe mạnh. Nó quá hiếm nên không thể để phí phạm nó bằng những vết đạn.

Không, hấn sẽ lấy cái ròng rọc trong phòng tắm, bảo con bé là sẽ cho nó tắm, và khi con bé đã bám chắc vào dây ròng rọc hấn sẽ kéo con bé lên lưng chừng giếng, bắn vài phát vào đoạn cuối xương sống. Khi con bé ngất đi, hấn có thể làm phần còn lại với thuốc mê.

Vậy thôi. Hấn sẽ lên nhà và cởi bỏ quần áo. Đánh thức con chó dậy xem hết cuộn băng video cùng hấn rồi sau đó đi làm việc, trần truồng trong tầng hầm ẩm áp, trần truồng như ngày hấn mới sinh ra.

Hấn cảm thấy gần như chóng mặt khi đi lên cầu thang. Nhanh

chóng trút bỏ quần áo và mặc áo choàng vào. Hấn cắm điện đầu video.

“Bảo bối ơi, lại đây nào Bảo bối. Hôm nay tao bận bận là. Lại đây nào chó yêu.” Hấn phải nhốt nó vào phòng ngủ trên nhà cho tới khi làm xong công việc âm ỉ dưới hầm — con chó ghét tiếng ồn, hể ồn ào là nó thấy bức bối. Để nó có việc làm, lúc đi chợ hấn đã mua cho nó cả một hộp Chew—eez.

“Bảo bối ơi.” Khi không thấy con chó chạy lại, hấn gọi vọng ra hành lang, “Bảo bối!”, sau đó gọi vào bếp, và tầng hầm, “Bảo bối ơi!” Khi hấn gọi vào cửa phòng có cái giếng, hấn được trả lời. “Nó ở dưới này, thằng khốn,” Catherine Martin nói.

Ngài Gumb bủn rủn cả người vì lo lắng cho Bảo bối của hấn. Rồi cơn giận bóp chặt lấy hấn, hai nắm tay ép vào đầu, hấn tì trán vào khung cửa và cố gắng bình tĩnh lại. Một âm thanh nửa rên rỉ nửa ọe khan buột ra khi con chó trả lời bằng một tiếng tru nhỏ.

Hấn vào phòng làm việc và lấy súng.

Sợi dây buộc xô vệ sinh bị đứt. Hấn vẫn chưa biết rõ con bé làm thế nào để giật đứt sợi dây. Khi sợi dây bị đứt lần mới đây, hấn đồ là con bé làm đứt nó khi cố gắng leo lên. Trước đây bọn chúng cũng đã từng cố leo lên — chúng làm mọi chuyện ngu ngốc có thể.

Hấn cúi người xuống miệng hố, giọng nói được kiềm chế hết sức thận trọng.

“Bảo bối ơi, con ổn chứ? Trả lời ta đi.”

Catherine cầu vào cái đít béo mập của con chó. Nó tru lên và đáp trả bằng một cú táp vào tay cô.

“Thế nào?” Catherine nói.

Ngài Gumb không cảm thấy thoải mái khi nói chuyện kiểu này với Catherine, nhưng hắn cố vượt qua sự khó chịu.

“Tao sẽ thả cái xô xuống. Mày đặt con chó vào đấy.”

“Hoặc mày thả điện thoại xuống đây hoặc tao sẽ vặn cổ nó. Tao không muốn làm hại mày, tao không muốn làm hại con chó nhỏ này. Chỉ cần đưa điện thoại cho tao.”

Ngài Gumb giờ súng lên. Catherine nhìn thấy họng súng thò ra chỗ sáng, Cô quỳ xuống, giờ con chó lên trên đầu, đứng đưa nó giữa cô và khẩu súng. Cô nghe thấy tiếng hắn lên cò súng.

“Đồ khốn nạn, nếu muốn giết tao thì làm nhanh lên nếu không tao sẽ bẻ cái cổ chó của nó. Tao thề đấy.”

Cô kẹp con chó vào nách, bịt mõm nó và kéo đầu nó lên. “Lùi lại, đồ chó chết.” Con chó nhỏ ư ử rên. Khẩu súng được thu lại.

Catherine lấy tay rảnh vuốt ngược mớ tóc ướt trên trán. “Tôi không muốn lãng mạ ông,” cô nói. “Chỉ cần đưa điện thoại xuống đây. Ông có thể đi, tôi không quan tâm đến ông, tôi chưa bao giờ nhìn thấy ông. Tôi sẽ chăm sóc cho Bảo bối.”

“Không.”

“Tôi đảm bảo nó sẽ có đủ mọi thứ. Hãy nghĩ đến sự an nguy của nó, đừng chỉ nghĩ đến mình. Ông bắn xuống đây thì kiểu gì nó cũng sẽ bị điếc. Tôi chỉ muốn một cái điện thoại đang hoạt động. Ông hãy lấy vài sợi dây điện thoại — nối lại với nhau — dây có chấu ở đầu ấy, thả nó xuống đây. Tôi sẽ cho con chó của ông đi khắp nơi bằng máy bay. Nhà tôi có cả đàn chó. Mẹ tôi yêu chó lắm. Ông có thể

chạy trốn, tôi không quan tâm ông làm gì.”

“Tao sẽ cắt nước uống của mày. Chai nước kia là tất cả những gì mày có.”

“Nó cũng sẽ không có nước, và tao sẽ không cho nó uống chỗ nước trong chai của tao đâu. Mà xin lỗi nhé, tao nghĩ chân nó gãy rồi đấy.” Cô đã nói dối — con chó nhỏ, cùng với cái xô mỗi nhử, đã rơi trúng Catherine và cô mới là người bị móng chân của con chó cào rách má. Cô không bỏ nó xuống được nếu không hẳn sẽ thấy con chó không bị khập khiễng. “Nó đang đau đấy. Chân nó gãy gập và nó đang cố liếm chân đấy. Nó làm tao phát ốm,” Catherine nói dối. “Tao phải đưa nó đi bác sĩ thú y.”

Tiếng rên rỉ vì giận dữ và đau lòng của ngài Gumb làm con chó nhỏ tru lên. “Mày nghĩ nó đang đau đớn à?” ngài Gumb nói. “Mày không biết đau đớn là gì đâu. Mày làm nó đau thì tao sẽ luộc chín mày.”

Khi nghe thấy tiếng chân hẳn thành thịch lên cầu thang, Catherine Martin ngồi xuống, run rẩy hết chân tay. Cô không ôm được con chó, cô không thể cầm chai nước của cô, cô không thể cầm được bất cứ thứ gì nữa.

Khi con chó nhỏ leo lên lòng, cô ôm lấy nó, cảm thấy biết ơn vì hơi ấm nó truyền sang.

Những sợi lông vũ trôi trên làn nước màu nâu đậm đặc, những sợi lông cong cong bay ra từ chuồng chim, bay trên những làn không khí làm mặt nước sông run rẩy.

Những ngôi nhà trên phố Fell, con phố của Fredrica Bimmel được gọi là nhà hướng sông theo như biển hiệu đã bạc màu của công ty bất động sản vì sân sau của chúng nhìn ra vùng nước tù đọng của dòng sông Licking ở Belvedere, Ohio, một thành phố vùng Rust Belt với 120.000 dân, phía Tây Columbus.

Đây là một khu tồi tàn với những ngôi nhà to cũ kỹ. Vài ngôi nhà được những cặp vợ chồng trẻ mua với giá rẻ rồi sơn lại, càng làm cho những ngôi nhà còn lại trông tệ hại hơn. Nhà Bimmel chưa được sơn lại.

Clarice Starling đứng một lúc trong sân nhà Fredrica nhìn những sợi lông vũ trôi trên mặt nước, tay cô thọc vào túi áo khoác. Trên đám lau sậy còn chút tuyết đang tan, phản chiếu màu xanh dương của bầu trời xanh trong ngày mùa đông êm ả này.

Đằng sau cô, Starling nghe tiếng búa của bố Fredrica giữa thành phố của những chuồng bồ câu, tòa thánh đường bằng những chuồng bồ câu nhà họ mọc lên từ mép nước và gần vươn tới ngôi nhà. Cô vẫn chưa nhìn thấy ông Bimmel.

Hàng xóm nói ông ta ở đó. Mặt họ sát nhau khi họ nói chuyện đó. Starling đang gặp rắc rối với bản thân. Hồi đêm lúc cô biết mình phải rời Học viện để săn lùng Bill Bò mộng, nhiều tiếng ồn bên ngoài đã chấm dứt. Cô cảm thấy một sự yên lặng tinh khiết mới mẻ ở giữa tâm trí mình, một sự bình an. Giờ đây, ở một nơi khác ồn ào, đôi lúc cô cảm thấy mình là một đứa trốn học và ngu ngốc.

Những khó chịu nhỏ nhặt của buổi sáng không động chạm đến cô — không phải mùi hôi hám như trong phòng thể hình trên chiếc máy bay từ Columbus, không phải sự nhầm lẫn và thiếu chuyên nghiệp ở quầy thuê xe. Cô quát người nhân viên cho thuê xe để anh ta làm việc, nhưng cô không cảm thấy gì.

Starling đã trả giá rất cao lần này và cô muốn sử dụng nó theo cách cô nghĩ là tốt nhất. Thời gian của cô có thể hết bất kỳ lúc nào, nếu Crawford bị bãi nhiệm và họ thu lại thẻ của cô.

Cô phải khẩn trương lên, nhưng ngày cuối cùng này sẽ bị lãng phí nếu cứ suy nghĩ vì sao, cứ trăn trở vì tình cảnh khốn khó của Catherine. Cứ nghĩ về cô ta vào lúc này, đang bị xử lý như Kimberly Emberg và Fredrica Bimmel đã từng bị thì sẽ làm tắt cả các ý nghĩ khác bị ngưng trệ.

Gió ngừng thổi và mặt nước lặng như chết. Gần dưới chân cô, một cái lông vũ cong cong xoay trên mặt nước. Cố lên, Catherine.

Starling cắn môi. Nếu hấn bắn cô ấy, cô hy vọng hấn làm cho gọn gàng.

*Dạy chúng ta quan tâm và hờ hững
Dạy chúng ta ngồi yên trong tịch lặng.*

Cô quay lại dãy chuồng chim nghiêng nghiêng và đi theo những

tầm ván đặt trên lối đi lầy lội, ra chỗ có tiếng đóng đinh. Hàng trăm con bồ câu đủ mọi kích cỡ và màu sắc. Có những con cao chân khoèo và những con điều to ngực ưỡn ra. Mắt sáng, đầu gật gù khi bước đi, lũ chim dang cánh trong ánh nắng nhạt và kêu gù gù êm tai khi cô đi ngang qua.

Cha của Fredrica, Gustav Bimmel, là một người đàn ông cao, hông rộng và phẳng với đôi mắt màu xanh nước biển có vành đỏ. Mũ len chụp xuống tận lông mày. Ông ta đang đóng một chuồng chim khác trên cái giá cửa trước nhà xưởng. Starling ngửi thấy mùi vodka trong hơi thở của ông ta khi ông ta nheo mắt đọc thẻ của cô.

“Tôi không có gì mới để nói với cô,” ông ta nói. “Cảnh sát đã quay lại đây đêm hôm kia. Họ cùng với tôi rà soát lại lời khai của tôi. Đọc lại cho tôi nghe. ‘Đúng vậy không? Đúng vậy không?’ Tôi nói với anh ta, tôi nói đúng mẹ nó rồi, nếu mà không đúng thì tôi đã không nói với anh ngay từ đầu.

“Tôi đang muốn tìm hiểu một chút về chuyện... liệu tên bắt cóc có thể nhìn thấy Fredrica ở đâu, thưa ông Bimmel. Đây là nơi mà hẳn có thể thấy cô ấy và quyết định bắt cô ấy.”

“Nó đi xe buýt vào Columbus để tìm việc trong một cửa hàng ở đó. Cảnh sát nói nó vào được phần phỏng vấn. Nó chẳng bao giờ về nhà nữa. Chúng tôi không biết hôm ấy nó còn đi đâu nữa. FBI lấy được sao kê MasterCard của nó, nhưng ngày hôm ấy không có gì. Cô biết tất cả chuyện đó rồi phải không?”

“Về chuyện cái thẻ tín dụng thì có, thưa ông. Ông Bimmel, ông có đồ đạc của Fredrica ở đây không?”

“Phòng nó trên tầng thượng.”

“Tôi vào xem được không?”

Ông ta mất một thoáng để quyết định xem có đặt cái búa xuống không. “Được,” ông ta nói. “Đi với tôi.”

Văn phòng của Jack Crawford tại trụ sở FBI ở Washington được sơn màu xám u ám nhưng có cửa sổ lớn.

Crawford đứng bên khung cửa sổ, tay cầm bảng kẹp đưa ra chỗ sáng, nhìn một bản danh sách được in ra từ cái máy in kim chột chết mà có lần ông đã bảo nhân viên bỏ đi.

Ông quay về đây từ nhà tang lễ và làm việc cả buổi sáng, thúc ép bên Na Uy nhanh điều tra về hồ sơ nha khoa của người thủy thủ mất tích có tên là Klaus, giục San Diego rà soát những người quen của Benjamin Raspail tại Nhạc viện nơi anh ta dạy học, khuấy động bên Hải quan — cơ quan phải kiểm tra việc vi phạm quy định nhập khẩu liên quan đến côn trùng sống.

Năm phút sau khi Crawford đến, trợ lý Giám đốc FBI John Golby — đội trưởng đội đặc nhiệm liên ngành — đã thò đầu vào văn phòng ông nói, “Jack, tất cả chúng tôi đều lo cho anh. Mọi người đều cảm kích khi thấy anh đến. Lễ tang đã chuẩn bị xong hết chưa?”

“Chiều mai viếng. 11 giờ sáng thứ Bảy an táng.”

Golby gật đầu. “Có một khoản đóng góp cho UNICEF, Jack, một quỹ. Anh muốn ghi tên Phyllis hay Bella, chúng tôi sẽ làm theo ý anh.”

“Bella, John ạ. Hãy để tên Bella.”

“Tôi có thể làm gì được cho anh không, Jack?”

Crawford lắc đầu. “Tôi sẽ làm việc. Bây giờ tôi chỉ làm việc thôi.”

“Phải.” Golby nói. Anh ta chờ lúc thích hợp mở lời.

“Frederick Chilton đề nghị được bảo vệ cấp liên bang.”

“Tuyệt vời. John, đã có ai ở Baltimore liên hệ với Everett Vow luật sư của Raspail chưa? Tôi đã nói với anh về anh ta rồi đấy. Anh ta có thể biết gì đó về bạn bè của Raspail.”

“Có, sáng nay họ đã liên hệ rồi. Tôi đã gửi bản ghi nhớ của tôi cho Burroughs. Giám đốc đã đưa Lecter vào danh sách truy nã. Jack, nếu anh cần bất cứ thứ gì...” Golby nhướn mày và giơ tay rồi đi khuất tầm nhìn.

Nếu anh cần bất cứ thứ gì.

Crawford quay ra cửa sổ. Từ văn phòng ông nhìn ra cửa sổ cảnh rất đẹp. Có một tòa nhà bưu điện xinh xắn nơi ông từng tham dự vài khóa học. Phía bên trái là trụ sở chính cũ của FBI.

Khi tốt nghiệp ông đã xếp hàng vào văn phòng của J. Edgar Hoover cùng với những học viên khác. Hoover đứng trên một cái bục nhỏ và lần lượt bắt tay họ. Đó là lần duy nhất Crawford được gặp ông ta. Ngày hôm sau ông cưới Bella.

Họ gặp nhau ở Livorno, Ý. Ông đang trong quân đội, còn bà là nhân viên của NATO, và khi đó tên bà là Phyllis. Họ đang cùng nhau đi dạo trên bến cảng thì có một thủy thủ gọi “Bella” vọng qua làn nước lóng lánh, và từ đó trở đi bà luôn là Bella với ông. Bà chỉ là Phyllis khi nào họ tranh cãi.

Bella đã mất. Điều đó sẽ làm thay đổi quang cảnh nhìn từ cửa sổ này. Sẽ không phải nếu quang cảnh vẫn cứ như cũ. Mẹ kiếp, sao lại *chết* trước tôi vậy. Chúa ơi, con biết chuyện này sẽ xảy ra, nhưng vẫn *đau đớn* làm sao.

Người ta nói gì về chuyện về hưu bắt buộc ở tuổi 55 nhỉ? Bạn yêu FBI, nhưng FBI không yêu bạn. Ông đã thấy.

Ờn Chúa, Bella đã cứu ông thoát khỏi chuyện đó. Ông hy vọng bà ở đâu đó ngày hôm nay và cuối cùng cũng đã cảm thấy thoải mái. Ông hy vọng bà có thể nhìn thấy trái tim ông.

Điện thoại reo, cuộc gọi nội bộ.

“Thưa ông Crawford, bác sĩ Danielson từ...”

“Được rồi.

Bấm nút. “Jack Crawford đây. Thưa bác sĩ.”

“Đường dây này an toàn không ông Crawford?”

“Có. Ở đầu này thì có.”

“Ông không ghi âm đấy chứ, thưa ông?”

“Không đâu, bác sĩ Danielson. Nói tôi biết ông có gì.”

“Tôi muốn làm rõ một việc là chuyện này không liên quan gì tới bất cứ ai từng là bệnh nhân của Viện John Hopkins.”

“Hiểu.”

“Nếu chuyện này có hậu quả gì, tôi muốn ông làm rõ với công luận là hấn không phải người chuyển giới, hấn không liên quan gì đến Viện của tôi.”

“Tốt. Nhất trí. Chắc chắn rồi.” *Nào, thằng khốn này.* Crawford

không nói gì.

“Hắn đã đánh bác sĩ Purvis.”

“Hắn là ai, bác sĩ Danielson?”

“Hắn đăng ký vào chương trình cách đây ba năm dưới tên gọi John Grant từ Harrisburg, Pennsylvania.”

“Đặc điểm?”

“Đàn ông da trắng, hấn 31 tuổi. Cao 1m82, nặng 86kg. Hấn đến trắc nghiệm và làm rất tốt bài trắc nghiệm trí tuệ Wechsler — thông minh trên trung bình — nhưng trắc nghiệm tâm lý và phỏng vấn lại là chuyện khác. Trên thực thể các bài trắc nghiệm Nhà-Cây-Người và tổng giác theo chủ đề trùng khớp với bảng dữ liệu ông đã chuyển cho tôi. Ông nói với tôi Alan Bloom là tác giả lý thuyết này, nhưng thật ra đó là Hannibal Lecter phải không?”

“Nói tiếp về Grant đi bác sĩ.”

“Hội đồng có lẽ cũng sẽ từ chối hấn, nhưng lúc chúng tôi gặp để thảo luận chuyện đó, vấn đề này được nêu lên vì việc thẩm tra lý lịch đã phát hiện ra hấn.”

“Phát hiện như thế nào?”

“Chúng tôi vốn luôn liên lạc với cảnh sát tại quê nhà của người đăng ký. Cảnh sát ở Harrisburg đang theo dõi hấn vì hai vụ tấn công người đồng tính. Người thứ hai suýt chết. Hấn cho chúng tôi một địa chỉ mà hóa ra chỉ là một nhà trọ thỉnh thoảng hấn có ở đó. Cảnh sát lấy được dấu tay của hấn ở đó và một tờ hóa đơn mua xăng bằng thẻ tín dụng có số giấy phép lái xe của hấn. Hấn không phải tên là John Grant, hấn chỉ nói với chúng tôi vậy thôi. Một tuần sau hấn

đứng đợi bên ngoài tòa nhà ở đây và đánh ngã bác sĩ Purvis, chỉ để trả thù.”

“Tên hấn ta là gì, bác sĩ Danielson?”

“Tốt nhất tôi đánh vắn cho ông, đó là J-A-M-E G-U-M-B.”

Ngôi nhà của Fredrica Bimmel là một ngôi nhà ba tầng cao và buồn thảm, mái đổ nhựa đường đầy những vết gỉ sét ở những chỗ nước ở ống máng trào ra. Những cây phong tình cờ mọc trên ống máng đã chịu đựng mùa đông khá tốt. Những ô cửa sổ hướng ra phía Bắc được che bằng nhựa tấm.

Dưới phòng khách nhỏ có máy sưởi rất ấm áp, một phụ nữ trung niên đang ngồi trên thảm chơi với một đứa bé.

“Vợ tôi,” Bimmel nói khi họ đi qua phòng. “Chúng tôi mới cưới nhau hồi Giáng sinh.”

“Xin chào,” Starling nói. Người phụ nữ cười lơ đãng về phía cô.

Trong hành lang lại lạnh lẽo, khắp nơi những hộp đồ xếp chồng cao ngang thắt lưng chất đầy trong phòng và lối đi, những hộp các—tông đựng chụp đèn và nắp hộp, hộp đựng thức ăn đi dã ngoại, các số tạp chí *Reader's Digest* và *National Geographic* cũ, những cái vợt tennis dày và đã cũ, ga trải giường, một hộp bia phi tiêu, vỏ ghế ô tô từ những năm 1950 nồng nặc mùi nước đái chuột.

“Chúng tôi sắp chuyển nhà,” ông Bimmel nói.

Những thứ đặt cạnh cửa sổ đã bị mặt trời làm bạc màu, những chiếc hộp đã bị xếp ở đó nhiều năm và phình ra theo thời gian, một

vài tấm thảm sờn rách vút đây đó trên những lối đi trong phòng.

Ánh nắng chiếu loang lổ trên lan can cầu thang khi Starling trèo lên cầu thang sau bố Fredrica. Quần áo ông ta bốc mùi trong bầu không khí lạnh lẽo. Cô có thể nhìn thấy ánh nắng chiếu qua trần nhà chỗ cuối cầu thang. Những hộp các-tông xếp trên chiếu nghỉ được che bằng tấm nhựa.

Phòng Fredrica nhỏ, nằm dưới mái hiên tầng ba.

“Cô còn muốn gì nữa không?”

“Để sau, tôi muốn nói chuyện với ông, thưa ông Bimmel. Mẹ của Fredrica thì sao? Hồ sơ viết ‘đã mất’, nhưng không nói lúc nào.”

“Ý cô hỏi thì sao là sao? Bà ấy mất khi Fredrica mới 12 tuổi.”

“Tôi hiểu.”

“Cô nghĩ mẹ Fredrica đang ở dưới nhà sao? Sau khi tôi nói với cô là chúng tôi vừa cưới nhau hồi Giáng sinh? Có phải cô nghĩ vậy không? Tôi cho rằng luật được dùng để xử lý kiểu người khác cơ, thưa cô. Cô ấy không biết tí gì về Fredrica cả.”

“Ông Bimmel, phòng này vẫn còn nguyên như hồi Fredrica còn ở đây chứ?”

Cơn giận dữ lảng vảng đâu đó bên trong ông ta.

“Phải,” ông ta nói nhẹ nhàng. “Chúng tôi để nó y nguyên. Không nhiều người mặc được đồ của con bé. Cấm lò sưởi lên nếu cô muốn. Nhớ rút nó ra trước khi cô xuống nhà.”

Ông ta không muốn nhìn căn phòng. Ông ta để cô lại chỗ chiếu nghỉ.

Starling đứng một lúc trước cửa, tay để trên nắm đấm cửa sứ lạnh lẽo. Cô cần bình tĩnh lại một chút trước khi đầu óc cô lại tràn ngập những thứ thuộc về Fredrica.

Được rồi, tình hình là trước tiên Bill Bò mộng giết Fredrica, buộc vật nặng vào và giấu cô ta thật kỹ trong một con sông cách xa nhà. Hắn giấu cô kỹ hơn những nạn nhân khác — cô là nạn nhân duy nhất bị buộc vật nặng vào người — vì hắn muốn những nạn nhân sau đó được tìm thấy trước. Hắn muốn người ta nghĩ nạn nhận được lựa chọn ngẫu nhiên từ những thành phố rải rác cách xa nhau trước khi Fredrica từ Belvedere được tìm thấy. Việc chuyển hướng chú ý ra khỏi Belvedere là rất quan trọng. Vì hắn sống ở đây, hoặc có thể ở Columbus.

Hắn bắt đầu với Fredrica vì hắn thèm muốn bộ da của cô ấy. Người ta không bắt đầu thèm muốn từ những thứ tưởng tượng. Thèm muốn là một tội lỗi hết sức thường tình — chúng ta bắt đầu thèm muốn những thứ hữu hình, chúng ta bắt đầu từ những thứ chúng ta nhìn thấy hằng ngày. Hắn nhìn thấy Fredrica hằng ngày. Hắn nhìn thấy cô ấy trong cuộc sống hằng ngày.

Vậy cuộc sống hằng ngày của Fredrica như thế nào? Được rồi...

Starling đẩy cửa. Đây rồi, căn phòng tĩnh lặng bốc mùi nắm mốc trong thời tiết lạnh lẽo. Trên tường, cuốn lịch năm ngoái mãi mãi dừng ở tháng Tư. Fredrica đã chết được mười tháng.

Thức ăn cho mèo, cứng và đen, trong cái đĩa ở góc nhà.

Starling — chuyên gia lão luyện trong trang trí nội thất bằng đồ cũ — đứng giữa phòng và chậm chậm nhìn quanh một vòng. Fredrica đã làm rất tốt với những gì cô ta có. Ở đây có những bức

rèm vải hoa. Nhìn đường bo viền có thể thấy cô ta đã tận dụng vải phủ để may rèm.

Có một tấm bảng thông báo với một dải vải được ghim trên đó. Trên dải vải in dòng chữ BAN BHS phủ nhũ óng ánh. Một tấm áp phích hình ca sĩ Madonna dán trên tường, một tấm khác hình Deborah Harry và Blondie. Trên giá sách bên trên bàn làm việc Starling có thể thấy một cuộn giấy dán tường tự dính sáng màu mà Fredrica dùng để dán phòng mình. *Làm không được tốt lắm, nhưng vẫn khá hơn lần đầu tiên mình làm*, Starling nghĩ.

Trong một gia đình trung bình, căn phòng của Fredrica sẽ rất vui mắt. Trong ngôi nhà thuê lương này thì nó là một tiếng hét. Có tiếng vang vọng của nỗi tuyệt vọng trong đó.

Trong phòng Fredrica không để ảnh của cô ta.

Starling tìm thấy một cuốn sổ lưu niệm trong cái giá sách nhỏ. Câu lạc bộ Glee, Câu lạc bộ Kinh tế hộ gia đình, Khâu vá. Band, câu lạc bộ 4-H☺ — có thể bọn bồ câu là dự án 4-H của cô.

Cuốn lưu niệm của Fredrica có mấy chữ ký. *Gửi người bạn tuyệt vời*, và một *bạn tốt*, rồi *người bạn môn Hóa của tôi*, và *Nhớ lần bánh nướng hạ giá chứ?!!!*”

Fredrica có được đưa bạn lên đây không? Liệu có người bạn nào đủ thân để mời lên những bậc thang bên dưới mái nhà dột? Cạnh cửa có một cái ô.

Nhìn tấm ảnh này của Fredrica, cô ta đang đứng hàng đầu một ban nhạc. Fredrica to béo, nhưng bộ đồng phục của cô vừa hơn những người khác. Cô ta to lớn và có làn da đẹp. Những nét không cân xứng của cô hợp lại thành một khuôn mặt hài hòa. Nhưng theo

tiêu chuẩn thông thường thì cô không phải là người có vẻ ngoài hấp dẫn.

Kimberly Emborg cũng không phải là người có thể gọi là cuốn hút, không làm mồm bọng học sinh trung học phải há hốc, một vài nạn nhân khác cũng vậy.

Nhưng Catherine Martin lại là một người rất hấp dẫn với bất cứ ai, một người phụ nữ trẻ to lớn, xinh đẹp, người có lẽ sẽ phải vất vả giảm béo khi đến tuổi 30.

Hãy nhớ là hấn không nhìn phụ nữ như một người đàn ông nhìn phụ nữ. Hấp dẫn theo tiêu chuẩn thông thường không quan trọng. Họ chỉ cần da dẻ nhẵn nhụi và to lớn.

Starling không hiểu hấn ta có coi phụ nữ như những *tấm da*, giống như vài thằng khốn gọi họ là *bướm* hay không.

Cô nhận thấy tay mình đang lần theo những dòng lưu bút dưới tấm ảnh sổ lưu niệm. Cô ý thức được toàn bộ cơ thể mình, không gian cô chiếm lấp, thân hình và khuôn mặt cô, hiệu ứng của chúng, sức mạnh bên trong chúng, ngực cô bên trên cuốn sách, bụng cô tì vào nó, đôi chân cô bên dưới nó. Kinh nghiệm của cô giúp được gì đây?

Starling nhìn mình trong một cái gương toàn thân treo ở cuối bức tường và thấy mừng vì mình khác với Fredrica. Nhưng cô biết sự khác biệt là một ma trận trong tư duy của cô. Cái gì ngăn không cho cô nhìn thấy?

Fredrica muốn có vẻ ngoài như thế nào? Cô ấy thèm khát điều gì, cô ấy tìm kiếm nó ở đâu? Cô ấy định làm gì với bản thân?

Ở đây có vài chương trình ăn kiêng: ăn kiêng bằng nước quả, ăn

kiêng bằng gạo, và chương trình ngó ngàng theo đó người ta không vừa ăn vừa uống cùng bữa.

Các nhóm ăn kiêng có tổ chức — liệu Bill Bò mộng có theo dõi họ để tìm những cô gái to lớn hay không? Khó mà kiểm tra được. Từ hồ sơ Starling biết, hai trong số những nạn nhân là thành viên của các nhóm ăn kiêng và danh sách thành viên đã được kiểm tra. Một đặc vụ từ văn phòng Kansas, có truyền thống là Văn phòng các Chàng béo của FBI, và một số cảnh sát quá cân đã được cử đi tập ở Slenderella và Trung tâm ăn kiêng, gia nhập nhóm Theo dõi cân nặng và những nhóm ăn kiêng ở thành phố của các nạn nhân. Cô không biết Catherine Martin có gia nhập nhóm ăn kiêng nào không. Tiền bạc có thể là vấn đề đối với Fredrica trong việc ăn kiêng theo tổ chức.

Fredrica có vài số tạp chí *Béo và Xinh*, một tờ tạp chí dành cho phụ nữ to lớn. Ở đây cô được khuyên “Hãy đến New York, nơi bạn có thể gặp được những người đến từ khắp nơi trên thế giới coi kích cỡ của bạn là tài sản quý giá.” Đúng rồi. Không thì, “bạn có thể đến Ý hay Đức, nơi bạn sẽ không bị cô đơn sau ngày đầu tiên.” Đúng quá. “Đây là cách làm thế nào khi ngón chân cái bạn thò ra ngoài giày.” Chúa ơi! Tất cả những gì Fredrica cần là gặp Bill Bò mộng, người xem kích cỡ của cô là *tài sản quý giá*.

Fredrica đã xoay xở thế nào? Cô có một ít mỹ phẩm, nhiều mỹ phẩm chăm sóc da. *Tốt cho cô thôi, hãy dùng tài sản của mình.* Starling thấy mình đang ủng hộ Fredrica, dù chuyện đó giờ không quan trọng nữa.

Cô có mấy thứ đồ mỹ ký đựng trong một hộp xì gà hiệu White Owl. Đây là một cái cài áo hình tròn mạ vàng, có thể của mẹ cô. Cô

thử cắt đi ngón tay của một đôi găng ren cũ để đeo chúng theo phong cách Madonna, nhưng chúng xỏ hết chỉ.

Cô có một ít băng đĩa nhạc, một máy quay đĩa Decca từ thập niên 1950 với một con dao nhíp được buộc vào cần bằng dây chun để kéo cần xuống. Đồ thanh lý. Những bản nhạc trữ tình của Zamphir, một bậc thầy sáo nhiều ống.

Khi kéo dây bật đèn tủ quần áo. Starling ngạc nhiên về phục trang của Fredrica. Cô có những bộ đẹp, không thật nhiều, nhưng cũng tương đối để đi học, đủ để đi làm ở một văn phòng nghiêm túc và thậm chí cả cho việc bán hàng phải ăn mặc điệu đà. Thoáng nhìn vào bên trong chỗ quần áo và Starling đã thấy ngay lý do. Fredrica tự may quần áo, và may rất đẹp, những đường may được vắt sổ chập, cổ áo được may vào rất cẩn thận. Trên cái giá trong cùng là sắp mẫu may. Phần lớn là loại Simplicity, nhưng cũng có mấy mẫu Vogue có vẻ cầu kỳ.

Có lẽ cô đã mặc bộ đẹp nhất của mình đi phỏng vấn. Cô đã mặc bộ nào? Starling lật hồ sơ. Đây rồi: lần cuối cùng được nhìn thấy mặc bộ màu xanh lá. Nào, sĩ quan, *bộ màu xanh lá* là cái quái quỷ gì thế?

Fredrica có một gót chân Asin trong tủ quần áo tiết kiệm của mình — cô không có đủ giày, và với trọng lượng của mình, giày của cô hỏng rất nhanh. Đôi giày bệt của cô bị cong thành hình oval. Đôi sandal có miếng lót khử mùi. Lỗ xỏ dây của đôi giày chạy bị kéo ngoác ra.

Có thể Fredrica có luyện tập chút ít — cô ta có mấy bộ thể thao ngoại cỡ.

Hiệu Juno.

Catherine Martin cũng có vài chiếc quần lớn hiệu Juno. Starling lúi ra khỏi tủ quần áo. Cô ngồi xuống cuối giường, khoanh tay nhìn tủ quần áo đang sáng đèn.

Juno là một thương hiệu phổ biến, được bán ở nhiều nơi và chuyên về hàng ngoại cỡ, nhưng điều này đặt ra câu hỏi về quần áo. Bất cứ thị trấn to nhỏ nào cũng có ít nhất một cửa hàng chuyên bán đồ cho người béo.

Liệu Bill Bò mộng có theo dõi những cửa hàng bán đồ cho người béo, lựa chọn một khách hàng và đi theo cô ta hay không?

Liệu hắn có ăn mặc giả trang rồi vào những cửa hàng bán đồ ngoại cỡ và ngắm nghía không? Bất cứ cửa hàng ngoại cỡ nào trong một thành phố cũng có khách hàng là đàn ông mặc đồ phụ nữ.

Ý tưởng Bill Bò mộng tìm cách chuyển giới mới được dùng trong điều tra từ khi bác sĩ Lecter cho Starling lý thuyết của mình.

Còn quần áo của hắn thì sao?

Chắc rằng tất cả nạn nhân đều đã từng mua bán trong những cửa hàng dành cho người béo — Catherine Martin có thể mặc cỡ 12, nhưng những người khác thì không thể, và Catherine chắc đã tìm kiếm trong một cửa hàng ngoại cỡ để mua một cái áo chui Juno cỡ lớn.

Catherine Martin có thể mặc đồ cỡ 12. Cô là người nhỏ bé nhất trong số những nạn nhân. Fredrica, nạn nhân đầu tiên, là người to lớn nhất. Bill Bò mộng xoay xở thế nào để giảm cỡ khi chọn Catherine Martin? Catherine khá đầy đà, nhưng không phải là người có vòng thân lớn. Phải chăng chính hắn cũng đã giảm cân? Có thể

gần đây hẳn đã gia nhập một nhóm ăn kiêng nào đó? Kimberly Emberg có cỡ người ở giữa, to lớn nhưng có eo...

Starling cố tránh không nghĩ đến Kimberly Emberg, nhưng lúc này ký ức lại tràn ngập trong cô trong thoáng chốc. Starling nhìn thấy Kimberly nằm trên chiếc bàn ở Potter. Bill Bò mộng không quan tâm đến đôi chân đã tẩy lông hay bộ móng tay sơn kỹ lưỡng của cô. Hắn nhìn bộ ngực phẳng của cô và khi thấy nó không đủ tốt, hắn lấy khẩu súng ngắn bắn thủng một lỗ hình sao biển trên ngực cô.

Cánh cửa phòng nhích ra vài phân. Starling cảm thấy tim mình đập mạnh trước khi biết đó là cái gì. Một con mèo đi vào, một con mèo giống mai rùa to tướng có một con mắt màu vàng và con mắt kia màu xanh dương. Nó nhảy lên giường và dụi vào cô. Tìm Fredrica.

Nỗi cô đơn. Một cô gái lớn cô đơn đang tìm cách làm vui lòng ai đó.

Cảnh sát đã xóa sổ các câu lạc bộ những trái tim cô đơn hơi sớm. Bill Bò mộng có cách nào khác để lợi dụng nỗi cô đơn không? Không gì làm cho ta dễ tổn thương nhiều hơn nỗi cô đơn, ngoại trừ lòng tham.

Nỗi cô đơn có thể mở ra cho Bill Bò mộng cơ hội để tiếp xúc với Fredrica, nhưng không phải với Catherine. Catherine không cô đơn.

Kimberly là người cô đơn. *Đừng có lại bắt đầu.* Kimberly, phục tùng và mềm oặt, không còn cứng đờ như khi mới chết nữa, bị lật lại trên bàn của nhân viên nhà xác để Starling lấy dấu tay. *Ngừng lại. Không thể ngừng lại được.* Kimberly cô đơn, luôn lo lắng sao cho kẻ khác được hài lòng. Liệu Kimberly có bao giờ phục tùng lật sấp cho

ai đó, chỉ để được cảm thấy trái tim của hắn ta đập sát lưng cô? Cô tự hỏi không biết Kimberly có cảm thấy mấy cái ria đâm ngứa ngứa trên hai bả vai cô không.

Nhìn chăm chăm vào tủ quần áo sáng đèn. Starling nhớ lại tấm lưng đầy đả của Kimberly, những miếng da hình tam giác bị lột khỏi vai cô ta.

Nhìn chăm chăm vào cái tủ quần áo sáng đèn. Starling nhìn thấy những hình tam giác trên vai Kimberly được vẽ bằng những nét vẽ màu xanh dương trên một miếng rập. Một ý tưởng bơi đi rồi vòng lại, lại đủ gần để lần này cô có thể nắm được nó và cô nắm lấy nó với niềm vui sướng mãnh liệt:

CHÚNG LÀ MIẾNG ĐÁP — HẮN LẤY NHỮNG MIẾNG DA HÌNH TAM GIÁC LÀM MIẾNG ĐÁP ĐỂ NÓI ĐƯỢC EO CÔ TA. THẲNG KHỐN NÀY BIẾT MAY. BILL BÒ MỘNG ĐƯỢC HỌC MAY THÀNH THẠO — HẮN KHÔNG CHỈ DÙNG ĐỒ MAY SẴN.

Bác sĩ Lecter đã nói gì nhỉ? “Hắn làm cho mình một bộ đồ con gái từ những cô gái thực thụ.” Hắn hỏi gì mình? “Cô có biết may không, Clarice?” Chắc chắn là mình có chứ.

Starling ngửa đầu ra sau, nhắm mắt một giây. Giải quyết vấn đề chính là một cuộc săn bắt. Đây là một niềm vui man rợ và chúng ta sinh ra để làm thế.

Cô có nhìn thấy một cái điện thoại trong phòng khách. Cô định chạy xuống cầu thang gọi điện, nhưng giọng nói lạo xạo của bà Bimmel đã gọi vọng lên, gọi cô xuống nghe điện thoại.

Bà Bimmel đưa điện thoại cho Starling và bế đứa bé đang cáu bẳn lên. Bà ta không ra khỏi phòng khách.

“Clarice Starling nghe.”

“Là Jerry Burroughs, Starling...”

“Tốt lắm, Jerry, tôi nghĩ Bill Bò mộng biết may. Hấn cắt những hình tam giác — đợi chút — bà Bimmel, cảm phiền bà đưa cháu vào bếp được không? Tôi cần nói chuyện một chút. Cảm ơn bà... Jerry, hấn biết may. Hấn lấy...”

“Starling...”

“Hấn lột những miếng da hình tam giác trên người Kimberly Emberg để làm miếng đáp, đáp quần áo ấy — anh hiểu tôi nói gì chứ? Hấn may giỏi, chứ không chỉ may những thứ lờm khờm. Bên Nhận dạng cần tìm thợ may quần áo, thợ may buồm, thợ may vải trải giường, thợ may bọc ghế trong cơ sở dữ liệu Tội phạm đã biết — hãy quét trường Dấu vết đặc biệt để tìm một khía trên răng hấn ta...”

“Được rồi, được rồi, được rồi. Tôi sẽ gọi điện cho bên nhận dạng. Giờ thì nghe này. Có thể tôi sẽ phải bỏ điện thoại ở đây. Jack Crawford muốn tôi báo cho cô. Chúng ta đã có tên và một địa điểm

có vẻ không tệ lắm. Nhóm giải cứu con tin từ Andrew đã bay. Jack đang báo tình hình cho họ qua điện thoại mã hóa.”

“Đi đâu vậy?”

“Thành phố Calumet, ngoài rìa Chicago. Đối tượng tên là Jame, như là ‘Name’ với chữ J ấy, họ là Gumb, còn được gọi là John Grant, đàn ông da trắng, cao 1m9, 34 tuổi, tóc nâu, mắt xanh dương. Jack được Viện John Hopkins thông báo. Tác phẩm của cô — hồ sơ của cô về việc hấn có thể khác với một kẻ chuyển giới — đánh đúng chỗ ở John Hopkins. Ba năm trước có một kẻ đã đăng ký chuyển giới. Gây chuyện với một bác sĩ sau khi họ từ chối hấn ta. Hopkins có biệt hiệu của Grant và một địa chỉ tạm ở Harrisburg, bang Pennsylvania. Cảnh sát có được một hóa đơn mua xăng có số xe của hấn và chúng tôi bắt đầu từ đó. Bị bắt ở California khi là trẻ vị thành niên — hấn giết ông bà của mình khi mới 12 tuổi và phải ở viện tâm thần Tulare trong 6 năm. Bang thả hấn 16 năm trước khi họ đóng cửa viện tâm thần. Hấn biến mất một thời gian dài. Hấn là kẻ thích gây gổ với người đồng tính. Có vài vụ xước xát ở Harrisburg rồi sau đó lại biến mất.”

“Có phải anh nói Chicago? Sao anh biết là Chicago?”

“Hải quan. Họ có một sổ giấy tờ dưới biệt danh John Grant. Hải quan đã chặn một cái va-li tại sân bay quốc tế Los Angeles mấy năm trước được gửi từ Surinam đến, đựng những ‘con nhộng’ còn sống — có phải cô gọi thế không nhỉ? — tóm lại là côn trùng, những con bướm đêm. Người nhận là John Grant, chủ một doanh nghiệp ở Calumet có tên là — đây này — Cửa hàng đồ da Mr. Hide. Có thể chuyện khâu vá khớp ở đây đấy. Tôi đang chuyển thông tin may vá tới Chicago và Calumet, vẫn chưa có địa chỉ nhà của Grant, hay là

Gumb, doanh nghiệp đã đóng cửa. Nhưng chúng ta gần lắm rồi.”

“Có bức ảnh nào không?”

“Tôi nay chỉ có ảnh thời trẻ từ Sở cảnh sát Sacramento. Chúng không có ích lắm — khi đó hắn mới 12 tuổi. Trông như thằng bé Beaver Cleaver trong phim ấy. Phòng truyền tin cũng đang gửi ảnh đi rồi.”

“Tôi có đi được không?”

“Không. Jack nói cô sẽ xin đi. Họ có hai nữ cảnh sát Tư pháp từ Chicago và một y tá để chăm sóc Martin nếu họ tìm được cô ta. Cô cũng chẳng thể đến kịp đâu. Starling.”

“Nếu hắn chống lại thì sao? Có thể mất...”

“Sẽ không còn cửa gì đâu. Họ tìm được hắn, họ sẽ xử hắn — Crawford đã cho phép được xâm nhập bằng thuốc nổ. Vấn đề đặc biệt của gã này, Starling ạ, là hắn đã từng rơi vào tình huống bắt con tin rồi. Vụ giết người vị thành niên của hắn, họ bắt được hắn trong một tình huống cố thủ ở Sacramento, với con tin là bà hắn — hắn đã giết ông hắn rồi, nhưng cứ giả sử là chúng ta may mắn đi. Giả sử hắn có nhiều toan tính, bằng cách nào đó hắn vẫn chưa làm đến chuyện đó. Nếu hắn mà nhìn thấy ta đến thì hắn sẽ giết cô gái ngay trước mặt chúng ta để trả thù. Hắn chẳng mất gì, đúng không? Vậy họ tìm được hắn và — bùm — cửa bay ngay.”

Căn phòng nóng khủng khiếp và có mùi nước đái trẻ con.

Burroughs vẫn đang nói. “Chúng tôi đang tìm cả hai cái tên trong danh sách đăng ký Tạp chí côn trùng học, Hiệp hội thợ dao kéo, tội phạm đã biết, công trường — không bỏ qua một ai cho đến khi chuyện này kết thúc. Cô đang ở chỗ những người quen của Bimmel

phải không?”

“Phải.”

“Bên Tư pháp nói đây là một vụ rắc rối nếu chúng ta không bắt quả tang được hắn. Chúng ta cần hắn với Martin hay với thứ gì đó có thể nhận dạng được — thứ gì có răng hay có ngón tay, nói thẳng ra là như thế. Ngầm hiểu là nếu hắn đã vứt xác Martin rồi thì ta cần có nhân chứng chứng kiến hắn ở cùng với một nạn nhân trước khi sự việc xảy ra. Và như vậy ta vẫn có thể dùng các thứ cô tìm được ở nhà Bimmel cho dù... Starling, không chỉ vì cô bé Martin ấy mà tôi cầu Chúa sao cho chuyện này đã xảy ra từ ngày hôm qua. Ở Quantico họ đã hắt cẳng cô rồi à?”

“Tôi nghĩ vậy. Họ đã có người đang chờ chỗ trống rồi — họ nói với tôi như thế.”

“Nếu ta bắt được hắn ở Chicago thì cô là người có rất nhiều đóng góp. Đám Quantico là bọn khốn cứng nhắc đúng cái cách họ phải như thế, nhưng họ cũng phải thấy được chuyện đó. Chờ chút.”

Starling có thể nghe tiếng Burroughs quát mắng, ở xa cái điện thoại. Đoạn anh ta quay lại.

“Không có gì — họ có thể triển khai ở thành phố Calumet sau 45 hoặc 50 phút, tùy hướng gió. Nhóm SWAT của Chicago sẽ chịu trách nhiệm nếu họ tìm được hắn sớm hơn. Công ty Điện và Chiếu sáng Calumet đã tìm ra bốn địa chỉ khả dĩ. Starling, hãy tìm bất cứ thứ gì có thể ở đó để thu hẹp diện tìm kiếm. Thấy gì liên quan đến Chicago và Calumet, gọi tôi ngay.”

“Chắc rồi.”

“Giờ nghe này — xong là tôi phải đi. Nếu chuyện đó xảy ra, nếu

ta tóm được hắn ở thành phố Calumet, thì cô cần đánh giày bóng loáng rồi đến Quantico đúng 8 giờ sáng. Jack sẽ đi ra hội đồng với cô. Và cả tay dạy bắn súng, Brigham. Xin xỏ một chút cũng không mất mát gì.”

“Jerry, một chuyện nữa: Fredrica Bimmel có mấy bộ quần áo thể thao hiệu Juno, một thương hiệu quần áo cho người béo. Không biết thông tin này có hữu ích hay không nhưng Catherine Martin cũng có vài bộ. Hắn có thể theo dõi các cửa hàng dành cho người béo để tìm kiếm những nạn nhân to con. Ta có thể hỏi Memphis, Akron và những nơi khác.”

“Hiểu rồi. Cười tươi nhé.”

Starling đi lại trong một bãi rác ở Belvedere, bang Ohio, cách Chicago nơi đang diễn ra vụ truy bắt 610km. Không khí lạnh làm mặt cô thấy dễ chịu. Cô tung một cú đấm nhẹ vào không khí, cổ vũ cho Đội giải cứu con tin. Nhưng cùng lúc cô lại cảm thấy có chút run rẩy ở cằm và trên má. Cái quái quỷ gì thế nhỉ? Cô sẽ làm quái gì nếu tìm thấy gì đó? Có thể cô sẽ gọi đội không chiến, văn phòng chi nhánh Cleveland, nhóm SWAT Columbus và có thể cả Sở cảnh sát Belvedere.

Cứu sống cô gái, cứu sống con gái thượng nghị sĩ Martin khốn kiếp và những nạn nhân có thể tiếp theo — đó mới thực sự là điều quan trọng. Nếu họ làm được, mọi người sẽ ổn.

Nếu họ không kịp, nếu họ tìm thấy thứ gì đó khủng khiếp, xin Chúa hãy để họ tóm được Bò... — tóm được Jame Gumb hoặc Mr. Hide hoặc bất cứ cái tên nào mà họ muốn đặt cho thằng mặt kiếp đó.

Nhưng dấu sao, đã đến gần đến thế, gần chạm được tay vào nó rồi nhưng lại biết mình rõ ràng chạm mất một ngày, rơi vào một nơi cách xa vụ bắt giữ, bị đuổi học, tất cả những thứ đó có mùi thất bại. Từ lâu Starling đã nghi ngờ một cách tội lỗi rằng có thể dòng họ Starling đã tận phúc được vài trăm năm rồi — và rằng tất cả những người trong dòng họ Starling cứ mãi lang thang với mỗi uất hận và hoang mang trong làn sương mờ của thời gian. Rằng nếu cô có tìm được dấu vết con đường của ông tổ Starling thì nó cũng là một vòng luẩn quẩn. Đó là tư duy cổ điển của kẻ thất bại, và khốn nạn cái thân cô nếu cô cứ tư duy cái kiểu ấy.

Nếu họ tóm được hắn vì bản hồ sơ cô lấy được từ bác sĩ Lecter thì nó sẽ giúp được cô trong rắc rối với Bộ Tư pháp. Starling phải nghĩ một chút về điều đó. Hy vọng về sự nghiệp của cô teo tóp như một cánh tay ma.

Cho dù điều gì xảy ra chẳng nữa thì phát hiện đột ngột về những miếng đáp cũng làm cho cô cảm thấy dễ chịu hơn bất cứ điều gì. Vẫn còn thứ để mà cất giữ. Cô đã tìm được sự dũng cảm rồi ký ức về mẹ cũng như cha cô. Cô đã chiếm được và giữ được lòng tin của Crawford. Đó là những thứ để cất giữ trong chiếc hộp xi gà White Owl của riêng cô.

Công việc của cô, trách nhiệm của cô là nghĩ tới Fredrica và Gumb có thể làm như thế nào để bắt cô ta. Vụ truy tố hình sự Gumb đòi hỏi phải có tất cả các sự kiện.

Hãy nghĩ đến Fredrica, bị kẹt ở đây cả tuổi thanh xuân. Cô sẽ tìm lỗi ra ở đâu? Liệu sự chờ mong của cô ấy có cộng hưởng với mong chờ của Bill Bò mộng? Liệu điều đó có đưa họ đến với nhau? Một ý nghĩ kinh khủng, rằng hắn có thể thấu hiểu cô do những gì hắn đã

nằm trải, thậm chí còn đồng cảm, vậy mà vẫn đang tâm lột da cô ta.

Starling đứng bên bờ nước.

Gần như nơi chốn nào cũng có khoảnh khắc của mình trong một ngày, lúc mà ánh sáng có góc chiếu và cường độ để chỗ ấy đẹp nhất. Nếu bị kẹt ở đâu đó, ta sẽ tìm được thời điểm đó và ta sẽ mong nó đến. Lúc này, giữa buổi chiều, có thể chính là thời khắc của dòng sông Licking chảy sau phố Fell. Có phải đó là lúc để cô bé nhà Bimmel mơ mộng? Ánh nắng dịu đã làm bốc đủ hơi nước để nhòa nhạt đi những chiếc tủ lạnh và bếp lò cũ bị vứt bên kia dòng nước tù đọng. Gió Đông Bắc thổi, ngược hướng mặt trời, đẩy đám cỏ nện về phía mặt trời.

Một đoạn ống nhựa trắng chạy từ nhà ông Bimmel ra sông. Nó ục ra một dòng nước đỏ như máu làm bắn đám tuyết cũ. Bimmel đi ra chỗ có ánh nắng. Mặt trước cái quần dài của ông ta lấm tấm máu, ông ta cầm theo một cái túi nhựa đựng thức ăn trong đó có một mớ hỗn độn hồng hồng xám xám.

“Bồ câu ra ràng,” ông ta nói khi thấy Starling đang nhìn. “Cô đã ăn bồ câu ra ràng bao giờ chưa?”

“Tôi chưa,” Starling nói, quay lưng lại phía bờ nước “Tôi có ăn bồ câu thường thôi.”

“Ăn những con này thì không bao giờ lo bị cắn phải đạn ghém.”

“Ông Bimmel, Fredrica có quen ai ở thành phố Calumet hay vùng Chicago không?”

Ông ta nhún vai và lắc đầu.

“Theo ông biết thì cô ấy có bao giờ đến Chicago không?”

“Ý cô ‘theo ông biết’ là sao? Cô nghĩ con gái tôi đi Chicago mà tôi lại không biết ư? Không bao giờ có chuyện nó đến Columbus mà tôi lại không biết.”

“Cô ấy có quen người đàn ông nào biết may, là thợ may hay thợ may buổi không?”

“Con bé may cho tất cả mọi người. Nó may giỏi y như mẹ nó vậy. Tôi không biết người đàn ông nào cả. Nó may cho cửa hàng, cho các bà. Tôi không biết ai.”

“Bạn thân của cô ấy là ai, thưa ông Bimmel? Cô ấy hay chơi bời với ai?”

Mình không có ý định nói “chơi bời”, hay rồi, từ ấy làm ông ta chối tai — ông ta điên tiết rồi.

“Nó chẳng bao giờ chơi bời như cái bọn vô tích sự đâu. Lúc nào nó cũng có việc làm. Chúa không cho nó sắc đẹp, nhưng Người cho nó công việc.”

“Theo ông thì ai là bạn thân nhất của cô ấy?”

“Stacy Hubka, tôi nghĩ thế, chúng là bạn bè từ hồi còn nhỏ. Mẹ Fredrica thường nói Stacy đi chơi với Fredrica chỉ là để có ai đó đi cùng thôi. Tôi chịu.”

“Ông có biết tôi gặp cô ấy ở đâu được không?”

“Stacy làm cho bên bảo hiểm. Tôi nghĩ là giờ nó vẫn làm. Công ty Bảo hiểm Franklin.”

Starling đi qua cái sân đầy vệt bánh xe để ra xe, đầu cúi còn tay đút túi. Con mèo của Fredrica nhìn theo cô từ ô cửa sổ trên cao.

Càng đi về phía Tây, giấy tờ của FBI lại càng được việc. Thẻ của Starling, nếu ở Washington chắc chỉ nhận được một cái nhường mày buồn chán thì lại được sếp của Stacy Hubka tại chi nhánh Bảo hiểm Franklin ở Belvedere, Ohio, toàn tâm chú ý. Anh ta đích thân trực quầy và điện thoại giúp Stacy Hubka, đồng thời mời Starling dùng chỗ làm việc của anh ta làm nơi trò chuyện để bảo đảm tính tư mật.

Stacy Hubka có khuôn mặt tròn nhiều lông tơ. Tính cả giày cao gót thì cô ta cao khoảng 1m60, tóc highlight trắng thả hai bên, thỉnh thoảng cô ta lại gạt tóc khỏi mặt bằng một cử chỉ bất chước Cher Bono. Mỗi khi Starling không nhìn mình, cô ta lại tranh thủ nhìn cô từ đầu đến chân.

“Stacy. Tôi gọi cô là Stacy được chứ?”

“Chắc chắn rồi.”

“Tôi muốn cô nói cho tôi biết, Stacy ạ, là cô nghĩ chuyện đã xảy ra với Fredrica Bimmel thế nào. Tên đó có thể tìm thấy Fredrica ở đâu?”

“Chuyện ấy làm tôi hết vía. Bị lột da, chẳng phải kinh khủng lắm sao. Cô có nhìn thấy cô ấy không? Họ nói cô ấy trông như mới giẻ

rách, như là có ai xì hơi ra khỏi...”

“Stacy, cô ấy có bao giờ nhắc đến ai ở Chicago hay Calumet không?”

Thành phố Calumet. Cái đồng hồ ở trên đầu Stacy Hubka làm Starling lo lắng. Nếu Nhóm giải cứu con tin đến được đó sau 40 phút thì chỉ còn mười phút nữa họ sẽ hạ cánh. Họ đã có địa chỉ chắc chắn chưa? Hãy làm việc của mày đi.

“Chicago?” Stacy nói. “Không, chúng tôi có đi điều hành một lần ở Chicago trong buổi điều hành nhân Lễ Tạ ơn.”

“Khi nào?”

“Hồi lớp tám, vậy là bao lâu rồi nhỉ? Chín năm trước. Ban nhạc chỉ tới đó rồi về ngay bằng xe buýt.”

“Cô nghĩ gì vào mùa xuân năm ngoái khi cô ấy mất tích?”

“Tôi cũng chẳng nhớ nữa.”

“Hãy nhớ lại xem cô ở đâu khi cô biết chuyện? Khi cô nghe được tin đó? Khi ấy cô nghĩ gì?”

“Đêm đầu tiên khi cô ấy mất tích. Skip và tôi đi xem biểu diễn rồi chúng tôi đến quán Mr. Toad để uống, sau đó thì Pam và họ đến, Pam Malavesi đến và nói Fredrica đã mất tích, rồi Skip nói *Houdini* không thể làm Fredrica mất tích được. Sau đó hắn ta nói với mọi người Houdini là ai, hắn ta luôn khoe khoang mình biết đủ thứ, rồi thì chúng tôi tranh cãi với nhau. Tôi nghĩ chắc cô ấy chỉ giận bố mình thôi. Cô *thấy* nhà cô ấy chưa? Chẳng phải là đồng gổ sét sao? Ý tôi là cho dù cô ấy ở đâu thì cô ấy cũng ngượng khi người ta nhìn thấy nó. Vậy cô có bỏ nhà mà đi không?”

“Cô có nghĩ là có thể cô ta bỏ nhà đi *cùng* với ai đó, có ai đó này ra trong đầu cô không — dù có thể không đúng?”

“Skip nói biết đâu cô ấy đã tìm được cho mình một tay mê gái béo. Nhưng không, cô ấy không bao giờ có ai như thế cả. Cô ấy có một cậu bạn trai, nhưng từ đời tám hoánh rồi. Cậu ta tham gia ban nhạc hồi học lớp mười. Gọi là ‘bạn trai’ song họ chỉ nói chuyện và cười rúc rích như hai đứa con gái rồi cùng làm bài tập thôi. Hắn ẻo lả kinh lên được, lại chuyên đội cái mũ kiểu ngư dân Hy Lạp hay gì ấy nhỉ? Skip nghĩ hắn là, cô biết đấy, bóng. Cô ấy bị trêu chọc về chuyện đi chơi với bóng suốt. Hắn ta và chị gái đã chết vì tai nạn giao thông rồi, sau đó thì cô ấy không có ai nữa cả.”

“Cô nghĩ gì khi không thấy cô ấy quay về?”

“Pam nghĩ có thể cô ấy bị người mặt trắng bắt cóc. Tôi không biết nữa, cứ nghĩ đến chuyện ấy là tôi lại thấy sợ. Buổi tối tôi không đi ra ngoài mà không có Skip nữa, tôi nói với cậu ta, ờ, ờ, ờ, ờ, trời tối, *ta* phải đi có đôi.”

“Cô có bao giờ nghe thấy cô ấy nhắc đến ai tên là Jame Gumb không? Hay là John Grant?”

“Ừm, không đâu.”

“Cô có nghĩ là cô ấy có một người bạn nào đó mà cô không biết không? Có ngày nào đó mà cô không gặp cô ấy không?”

“Không. Nếu cô ấy mà có anh chàng nào thì tôi biết ngay. Cô ấy chả có ai cả.”

“Cô có nghĩ là có thể, như thế này, cô ấy có một người bạn nhưng lại không tiết lộ gì về chuyện ấy không?”

“Sao phải thế?”

“Sợ bị trêu chọc chẳng hạn.”

“Bị chúng tôi trêu ấy à? Cô nói là giống như chuyện kia ấy à? Anh chàng ẻo lả ở trường?” Stacy đỏ mặt. “Không. Chúng tôi sẽ không làm cô ấy tổn thương. Tôi chỉ vui mồm nhắc đến chuyện đó thôi. Cô ấy không... Mọi người đều rất *tử tế* với cô ấy sau khi cậu ta chết.”

“Cô có làm việc cùng với Fredrica không Stacy?”

“Tôi với cô ấy và Pam Malavesi và Jaronda Askew cùng làm việc vào các vụ nghỉ hè ở Trung tâm Giảm giá hồi còn học trung học. Sau đó Pam và tôi đến hiệu Richards để xem có thể vào làm ở đó không, quần áo ở đó phải nói là đẹp thực sự, rồi họ thuê tôi, sau đó là Pam nên Pam bảo Fredrica đến vì họ cần thêm một cô nữa và rồi cô ấy đến, nhưng bà Burdine — người quản lý bán hàng thì phải? — bà ta nói ‘Thế này, Fredrica, chúng tôi cần một người, cô biết đấy, người mà người ta muốn bắt chước, người mà khi họ vào cửa hàng và nói tôi muốn được như cô ấy, và rồi cô có thể tư vấn cho họ là họ mặc bộ này bộ kia sẽ trông như thế nào. Nếu cô có thể thư thả mà giảm cân đi đôi chút thì tôi muốn cô quay lại đây gặp tôi ngay. Nhưng nếu giờ cô muốn làm việc sửa chữa quần áo, tôi sẽ để cô thử, tôi sẽ nói chuyện với bà Lippman.’ Bà Burdine nói thì ngon ngọt thế đấy nhưng thực ra bà ta rất tệ, lúc đầu tôi cũng không nhận ra điều đó.”

“Vậy là Fredrica chỉnh sửa quần áo cho hiệu Richards, cùng chỗ với cô?”

“Chuyện ấy làm cô ấy thấy tổn thương, chắc chắn rồi. Bà già Lippman sửa quần áo cho tất cả mọi người. Bà ấy có công ty và bà

ấy có nhiều việc hơn là bà ấy có thể làm và Fredrica làm việc cho bà ấy. Bà Lippmann may quần áo cho tất cả mọi người. Sau khi bà Lippmann nghỉ, con bà ấy hay gì đó không muốn làm nữa nên Fredrica nhận hết việc và may đồ cho tất cả mọi người. Cô ấy chỉ làm việc ấy thôi. Cô ấy hay gặp tôi và Pam, chúng tôi đến nhà Pam vào bữa trưa và xem The Young and the Restless. Cô ấy thường đem đồ đến và khâu khâu vá vá không lúc nào ngừng tay.”

“Fredrica có làm việc ở cửa hàng, có đo cho khách không? Cô ấy có gặp khách hàng hay những người bỏ mối không?”

“Đôi khi, nhưng không nhiều. Tôi cũng đâu có làm việc hằng ngày.”

“Nhưng bà Burdine thì ngày nào cũng làm việc, bà ấy có biết không?”

“Có, tôi nghĩ vậy.”

“Fredrica có bao giờ nhắc đến việc may cho một công ty tên là Mr. Hide ở Chicago hay thành phố Calumet không, có thể may lớp lót cho đồ da?”

“Tôi không biết, không chừng bà Lippman biết.”

“Cô đã bao giờ thấy thương hiệu Mr. Hide chưa? Hiệu Richards có bao giờ bán thương hiệu ấy không, hay một tiệm thời trang?”

“Không.”

“Cô có biết bà Lippman ở đâu không? Tôi muốn nói chuyện với bà ấy.”

“Bà ấy chết rồi. Bà ấy đến Florida để nghỉ hưu rồi chết ở đấy, Fredrica nói thế. Tôi không biết bà ấy, tôi và Skip chỉ thỉnh thoảng

đến đón Fredrica ở đó khi cô ấy phải ôm đồm quá nhiều quần áo. Cô thử nói chuyện với gia đình bà ấy xem. Tôi sẽ viết địa chỉ cho cô.”

Thật là quá chán ngán, khi mà điều Starling muốn là tin mới từ thành phố Calumet. Đã hết 40 phút. Nhóm giải cứu con tin chắc đã hạ cánh. Cô xê dịch để khỏi phải nhìn đồng hồ rồi lại tiếp tục.

“Stacy Fredrica mua quần áo ở đâu, cô ấy mua mấy bộ thể thao Juno ngoại cỡ ấy ở chỗ nào, rồi những cái áo len chui đầu nữa?”

“Hầu hết cô ấy tự may. Tôi nghĩ cô ấy có mấy cái áo chui ở hiệu Richards, cô biết đấy, khi mà mọi người bắt đầu mặc áo rộng trùm xuống quần bó. Khi đó có nhiều hiệu bán đồ như thế. Cô ấy được giảm giá ở Richards vì cô ấy may cho họ.”

“Cô ấy có bao giờ đi mua đồ ở cửa hàng bán đồ ngoại cỡ không?”

“Chúng tôi đi khắp nơi ngấm ngấm, cô biết kiểu ấy rồi đấy. Chúng tôi đến Personality Plus và cô ấy tìm kiếm ý tưởng, cô biết đấy, làm mẫu bắt mắt cho đồ ngoại cỡ.”

“Có ai đến quấy rầy các cô ở cửa hàng ngoại cỡ không, hay là Fredrica có bao giờ cảm thấy có ai đó để ý đến cô ấy không?” Stacy nhìn một giây lên trần nhà và lắc đầu.

“Stacy, những người chuyển giới có bao giờ đến tiệm Richards, hay có người đàn ông nào mua đồ ngoại cỡ không, cô có bao giờ gặp chuyện đó không?”

“Không. Một lần tôi và Skip có nhìn thấy vài người trong một quán rượu ở Columbus.”

“Fredrica có đi cùng không?”

“Không. Cuối tuần chúng tôi chỉ đi với nhau.”

“Cô có thể viết ra tên những hiệu bán đồ ngoại cỡ mà cô đến cùng với Fredrica không, cô có nhớ hết được không?”

“Chỉ ở đây, hay là cả ở đây và Columbus nữa?”

“Cả ở đây và Columbus. Và cả Richards nữa, tôi muốn nói chuyện với bà Burdine.”

“Được rồi. Làm đặc vụ FBI là một công việc tốt đấy chứ?”

“Tôi nghĩ vậy.”

“Cô thường được đi công tác các nơi không? Ý tôi là đến những nơi hay hơn ở đây.”

“Thỉnh thoảng.”

“Ngày nào cũng phải mặc đẹp, đúng không?”

“Ờ, cũng đúng. Ta phải ăn mặc cho phù hợp với công việc.”

“Cô làm thế nào để thành đặc vụ FBI vậy?”

“Phải vào đại học trước đã, Stacy ạ.”

“Thế thì tốn kém nhỉ.”

“Phải. Nhưng đôi khi người ta cũng cấp học bổng. Cô có muốn tôi gửi cho cô vài thứ không?”

“Vâng. Tôi cũng đang nghĩ Fredrica đã rất *mừng* cho tôi khi tôi có công việc này. Cô ấy đã thực sự vui mừng — cô ấy chưa bao giờ có một công việc văn phòng cho ra hồn — cô ấy nghĩ đây là một thành công. *Công việc này* — hồ sơ bìa cứng và Barry Manilow quá táo

trên loa phóng thanh suốt ngày — cô ấy nghĩ là thứ hay ho lắm. Đúng là ngốc thật.”

Lệ dâng trên mắt Stacy Hubka. Cô ta mở to mắt và ngửa đầu ra để khỏi phải trang điểm lại.

“Danh sách của tôi thì sao?”

“Tôi phải về chỗ tôi mới có máy gõ Word, và còn cần cả sổ điện thoại nữa.”

Cô ta bỏ đi, đầu vẫn ngửa ra sau, định hướng dựa vào trần nhà.

Điện thoại mới là thứ làm khổ Starling. Lúc Stacy Hubka vừa ra khỏi. Starling gọi điện về Washington để lấy tin.

Cùng lúc đó ở phía Nam hồ Michigan, một chiếc máy bay phản lực 24 chỗ mang ký hiệu dân sự kết thúc chuyến bay tốc lực tối đa và vẽ thành một vòng cung dài xuống thành phố Calumet, bang Illinois.

Mười hai người trong Đội giải cứu con tin cảm thấy dạ dày cuộn lên. Dọc theo lối đi, có vài cái ngáp dài để cố tình làm ra vẻ bình thản.

Trưởng nhóm Joel Randall ngồi đầu khoang hành khách tháo tai nghe và nhìn qua tờ giấy chi chép trước khi đứng lên nói. Anh ta tin rằng mình có nhóm SWAT được đào tạo tốt nhất trên thế giới, và có thể anh ta đúng. Vài người trong số họ chưa từng bị dính đạn, nhưng theo như kết quả kiểm tra, họ là những người giỏi nhất trong số những người giỏi nhất.

Randall đứng ở lối đi máy bay đã nhiều, anh ta dễ dàng giữ thăng bằng khi máy bay tròn thành hạ cánh.

“Thưa các vị, phương tiện di chuyển trên mặt đất của chúng ta do bên DEA cung cấp và đã được nguy trang. Họ có một xe bán hoa và một xe thợ sửa ống nước. Vậy Vernon, Eddie mặc đồ chống đạn và thường phục vào. Nếu chúng ta dùng lựu đạn sốc tấn công, nhớ là các anh không đeo mặt nạ chống chói đầu đấy.”

Vemon lẩm bẩm với Eddie, “Nhớ phải che má lại.”

“Anh ta nói đừng chìa mõng ra à? Tớ nghĩ anh ta nói đừng chường mặt ra chứ nhỉ?” Eddie lẩm bẩm lại.

Vemon và Eddie — những người đầu tiên tiếp cận cửa — phải mặc bộ áo giáp chống đạn mỏng bên trong thường phục. Những người khác có thể mặc áo giáp cứng, chống được đạn súng trường.

“Bobby, cậu nhớ cho mỗi xe một máy liên lạc để quân ta đỡ bị nhiễu loạn với những anh chàng DEA kia,” Randall nói.

Cục Phòng chống Ma túy dùng bộ đàm tần số UHF còn FBI dung VHF. Trước đây hai bên từng có sự cố.

Họ được trang bị cho hầu hết mọi điều kiện, ngày cũng như đêm: họ có thiết bị trèo tường, thiết bị nghe trộm Wolf’s Ear và VanSleek Farfoon, thiết bị nhìn đêm. Lồng phòng trong túi vũ khí có ống ngắm ban đêm trông giống như những thứ nhạc cụ của một ban nhạc.

Vụ này phải làm chính xác như phẫu thuật và các thứ vũ khí đã phản ánh chuyện đó — không có loại nào dùng khóa nòng mở.

Ai nấy đeo thắt lưng quân trang trong lúc máy bay dần hạ cánh.

Randall nhận được tin từ Calumet trong tai nghe. Anh ta che ống nói và nói tiếp với nhóm. “Các cậu, họ đã rút lại còn hai địa chỉ. Ta sẽ lấy địa chỉ khả dĩ nhất, nhóm SWAT của Chicago sẽ đảm nhiệm địa chỉ kia.”

Nơi đến là sân bay Lansing Municipal, gần Calumet nhất từ phía Đông Nam Chicago. Máy bay được phép hạ cánh lập tức. Người phi công phanh nó lại bên cạnh hai chiếc xe hơi đang đỗ cuối đường băng xa nhà ga nhất.

Mọi người chào hỏi nhau rất nhanh bên ngoài chiếc xe bán hoa. Viên chỉ huy DEA đưa cho Randall thứ giống như một lẵng hoa. Đây là một cây búa phá cửa nặng 6kg, đầu cây búa được bọc trong giấy màu trông như một chậu hoa, cán búa gắn hoa trang trí.

“Các anh có thể giao thứ này,” anh ta nói. “Chào mừng đến Chicago.”

Ngài Gumb sẽ xử lý nó cuối giờ chiều nay.

Hắn xem lại cuốn băng nhiều lần, những giọt lệ rưng rưng trên khóe mắt chực trào ra. Trên màn ảnh nhỏ, mẹ leo lên cầu trượt nước rồi trượt xuống bể, trượt xuống bể. Nước mát làm mờ mắt Gumb, như thể chính hắn cũng đang trong bể bơi.

Trên bụng hắn, một chai nước nóng kêu òng ọc như dạ dày con chó nhỏ òng ọc khi nó nằm trên bụng hắn.

Hắn không thể chịu đựng được thêm nữa — thứ hắn có dưới tầng hầm đang giữ Bảo bối làm con tin, đe dọa nó. Bảo bối đang đau đớn, hắn biết nó đang đau. Hắn không chắc hắn có thể giết chết nó trước khi nó làm Bảo bối trọng thương, nhưng ít nhất hắn cũng phải thử. Ngay bây giờ.

Hắn cởi quần áo rồi mặc áo choàng tắm — hắn luôn luôn trần truồng và đầm máu như trẻ sơ sinh khi thu hoạch da.

Hắn lấy trong tủ thuốc to đựng ra lọ thuốc mà hắn vẫn bôi cho Bảo bối khi nó bị mèo cào. Hắn lấy ra mấy miếng băng cứu thương Bandaid cùng hộp tăm bông và một cái đỡ cổ bằng nhựa mà bác sĩ thú y đã đưa cho hắn để giữ cho Bảo bối không tự nhay chỗ đau của nó. Hắn có sẵn mấy miếng đê lưỡi dưới tầng hầm để nẹp cho cái

chân gãy nhỏ bé của nó và một ống thuốc giảm đau để thoa cho con chó nếu cái đồ ngu xuẩn kia cào phải nó lúc giãy chết.

Một phát cẩn thận nhấm vào đầu và hấn chỉ phải hy sinh mái tóc. Bảo bối với hấn quý hơn mái tóc. Mái tóc là sự hy sinh, là món đồ hiến tế vì sự an toàn của con chó.

Im lặng đi xuống cầu thang, vào bếp. Bỏ đôi dép đi trong nhà ra rồi xuống những bậc cầu thang tắm tối của hầm ngầm, đi sát tường để cầu thang không bị cọt kẹt.

Hấn không bật đèn. Dưới chân cầu thang hấn rẽ phải vào phòng làm việc, sờ soạng tìm lối trong bóng tối quen thuộc, cảm thấy dưới chân hấn nền nhà thay đổi.

Tay áo hấn lướt qua cái lồng và hấn nghe thấy tiếng rít nhẹ giận dữ của một con bướm đêm đang ấp. Cái tủ đây rồi. Hấn tìm thấy cây đèn hồng ngoại và đeo cặp kính lên đầu. Giờ thì cả thế giới có màu xanh lá. Hấn đứng một chút trong tiếng lục đục êm tai của những cái bể, trong tiếng xì xì ấm áp của những đường ống hơi nước. Ông chủ của bóng tối, bà hoàng của bóng tối.

Những con bướm đêm bay tự do trong không trung để lại những vạch huỳnh quang màu xanh lá trong tầm nhìn của hấn, những làn khí mong manh trên mặt hấn khi những đôi cánh phủ lông tơ vuốt lên bóng tối.

Hấn kiểm tra lại khẩu Colt Python. Nó đã được nạp loại đạn chì đầu bằng .38 Special. Chúng sẽ xuyên vào sọ rồi nổ để giết chết đối tượng ngay tức khắc. Nếu nó đứng lên khi hấn bắn, nếu hấn bắn thẳng xuống đỉnh đầu, viên đạn sẽ ít có khả năng thoát ra dưới hàm dưới và xé rách ngực hơn đạn Magnum.

Hắn đi rón rén, im lặng, âm thầm, khom khom người, những ngón chân sơn vẽ bám chặt vào ván sàn cũ kỹ. Im lặng đi trên nền cát của phòng hầm ngầm. Im lặng nhưng không quá chậm chạp. Hắn không muốn mùi người từ hắn có đủ thời gian bay tới chỗ con chó nhỏ dưới đáy giếng.

Thành giếng tỏa ánh sáng xanh, đá và vữa phân cách rõ ràng, những vân gỗ trên cái nắp nhìn rất rõ nét. Giữ cây đèn và cúi nhìn xuống. Chúng kia rồi. Nó đang nằm nghiêng như một con tôm khổng lồ. Có thể là đang ngủ. Bảo bối đang cuộn tròn áp vào người nó, chắc chắn là đang ngủ, ôi, xin đừng chết.

Cái đầu đang lộ ra. Một phát đạn vào cổ cũng được đấy — giữ được mái tóc. Nhưng nhiều rủi ro quá.

Ngài Gumb cúi nhìn xuống hố, đôi mắt lờ ra của cặp kính nhìn đêm hướng xuống dưới. Khẩu Python nặng nặng phía đầu và rất sướng tay, nhắm bắn tuyệt vời. Cần phải giữ nó trong luồng sáng của cây đèn hồng ngoại. Hắn nhắm vào bên cạnh đầu nó, đúng vào chỗ mở tóc ẩm ướt dính vào thái dương.

Do tiếng động hay mùi, hắn không biết — nhưng Bảo bối thức dậy và rít lên, nhảy phốc lên trong bóng tối. Catherine Baker Martin gập người ôm con chó nhỏ và kéo thảm lên che kín cả hai. Chỉ còn thấy một đồng chuyển động dưới tấm thảm, hắn không biết được đâu là con chó và đâu là Catherine. Nhìn xuống dưới dưới ánh sáng hồng ngoại, khả năng phân biệt của hắn bị ảnh hưởng. Hắn không biết chỗ gò lên nào là Catherine.

Nhưng hắn đã nhìn thấy Bảo bối nhảy lên. Hắn biết chân nó ổn, và ngay lập tức hắn biết một chuyện nữa: Catherine Baker Martin sẽ không làm đau con chó, cũng như hắn. Ôi, thật nhẹ cả người. Vì mỗi

tình cảm chung đó hẳn có thể bắn vào đôi chân khốn kiếp của con bé và khi nó ôm chân hẳn sẽ bắn vỡ sọ nó.

Không cần lo lắng gì.

Hắn bật đèn, tắt cả mọi bóng đèn khốn kiếp dưới tầng hầm và lấy đèn chiếu từ phòng kho sang. Hẳn đã kiểm soát được bản thân, hẳn suy nghĩ rành mạch — trên lối đi qua phòng làm việc hẳn còn nhớ mở nước vào mấy chiếc bồn rửa để không có gì kẹt trong ống.

Lúc hẳn xách đèn chiếu xăm xăm đi qua cầu thang và sẵn sàng ra tay thì chuông cửa réo.

Tiếng chuông cửa rít lên kèn kẹt làm cho hẳn phải dừng lại nghĩ xem đó là cái thứ gì. Nhiều năm rồi hẳn không nghe tiếng chuông cửa, thậm chí không biết là chuông cửa vẫn hoạt động. Được gắn ở cầu thang để cả tầng dưới và tầng trên đều nghe được, nó đang kêu lanh lảnh, cái nắp chuông kim loại đen phủ đầy bụi. Khi hẳn nhìn nó, nó lại réo lên, réo làm bụi bay tứ tán. Có ai đó ngoài cửa đã bấm cái nút có dòng chữ QUẢN LÝ.

Chúng sẽ đi thôi.

Hắn sắp đặt cái đèn pha. Chúng không chịu đi.

Dưới giềng nó nói cái gì đó mà hẳn chẳng chú ý. Cái chuông vẫn lanh lảnh kêu rách cả tai, chắc đứa nào tì vào cái nút rồi.

Tốt nhất là lên nhà nhìn ra xem ai. Khẩu Python nòng dài không đứt vừa túi áo choàng tắm. Hẳn đặt nó lên quầy trong phòng làm việc.

Hắn leo được nửa cầu thang thì chuông ngừng réo. Hẳn dừng lại đợi một lúc. Im lặng. Hẳn quyết định cứ ngó xem. Khi đi qua bếp,

tiếng gõ nặng nề vào cửa sau làm hấn giật bản mình.

Trong kho gần cửa sau có một khẩu súng nạp đạn kiểu bom. Hấn biết nó đã nạp đạn.

Cửa cầu thang xuống tầng hầm đóng thì nó có gào rách họng cũng không ai nghe được, hấn chắc chắn thế.

Lại đập cửa. Hấn hé cửa nhưng vẫn để khóa xích.

“Tôi gõ cửa trước, nhưng không có ai ra mở,” Clarice Starling nói. “Tôi tìm gia đình bà Lippman, anh làm ơn giúp tôi được không?”

“Họ không còn ở đây nữa,” ngài Gumb nói rồi đóng cửa. Hấn dợm đi xuống cầu thang thì lại có tiếng đập cửa. Lần này còn to hơn.

Hấn hé cánh cửa vẫn khóa xích.

Người phụ nữ trẻ giơ một tấm thẻ sát vào khe hở. Trên đó đề Cục điều tra Liên bang. “Xin lỗi, tôi cần nói chuyện với anh. Tôi muốn tìm gia đình bà Lippman. Tôi biết bà ấy từng sống ở đây. Xin anh làm ơn giúp tôi.”

“Bà Lippman mất lâu lắm rồi. Bà ấy không có người họ hàng nào mà tôi biết cả.”

“Thế còn luật sư, kế toán của bà ấy thì sao? Ai đó có hồ sơ kinh doanh của bà ấy? Anh có biết bà Lippman không?”

“Chỉ sơ sơ thôi. Có chuyện gì không?”

“Tôi đang điều tra cái chết của Fredrica Bimmel. Xin hỏi anh là ai vậy?”

“Jack Gordon.”

“Anh có biết Fredrica Bimmel khi cô ấy làm việc cho bà Lippman không?”

“Không. Cô ấy có phải người to lớn, béo tốt không? Tôi có thể từng nhìn thấy cô ấy. Tôi không chắc lắm. Tôi không có ý bất lịch sự — nhưng tôi đang ngủ... Bà Lippman có một luật sư, tôi có thể có danh thiếp của ông ta ở đâu đó, để tôi xem tôi có tìm thấy không. Cô làm ơn vào nhà được không? Tôi đang chết rét và con mèo của tôi sẽ chui ngay qua khe cửa bây giờ đây. Nó sẽ vọt ra ngoài trước khi tôi kịp tóm được nó.”

Hắn đi tới cái bàn làm việc nhiều ngăn ở góc xa trong bếp, lật mặt bàn lên và nhìn ngó một vài ngăn. Starling vào nhà và lấy trong túi ra cuốn sổ ghi chép.

“Chuyện thật kinh khủng,” hắn nói, lục lại cái bàn. “Tôi nổi gai ốc mỗi khi nghĩ đến chuyện ấy. Họ đã sắp tóm được kẻ nào đó rồi chứ, phải không cô?”

“Vẫn chưa, nhưng chúng tôi đang điều tra. Ông Gordon, ông đến đây ở sau khi bà Lippman mất à?”

“Phải.” Gumb cúi người xuống bàn, quay lưng lại Starling. Hắn mở một cái ngăn kéo và lục lại trong đó.

“Ở đây còn lại hồ sơ giấy tờ gì không? Giấy tờ kinh doanh chẳng hạn?”

“Không, chẳng còn gì cả. FBI đã có manh mối gì chưa? Cảnh sát ở đây có vẻ như không biết gì sớm cả. Họ đã có đặc điểm hay dấu tay gì chưa cô?”

Từ nếp gấp phía sau cái áo choàng tắm của ngài Gumb bò ra một con bướm đêm đầu Tử thần. Nó dừng lại ngay giữa lưng hắn

ta, đúng chỗ trái tim và điều chỉnh đôi cánh.

Starling cho cuốn sổ ghi chép vào túi.

Gumb. Ờn Chúa cái áo khoác của mình đang mở khuy. Hãy tìm cách rút lui, tìm điện thoại. Không. Hắn biết mình là FBI, mình mà rời mắt là hắn sẽ giết cô ta ngay. Họ tìm được hắn, họ sẽ hạ hắn. Điện thoại của hắn đâu. Không thấy đâu. Không có trong này, hỏi xem điện thoại của hắn ở đâu. Gọi điện, sau đó tấn công hắn. Bắt hắn nằm sấp mặt xuống, chờ cảnh sát đến. Thế thôi, làm đi. Hắn đang quay lại.

“Số đây rồi,” hắn nói. Hắn có một tấm danh thiếp.

Cảm không? Không.

“Tốt rồi. Cảm ơn ông. Ông Gordon, ông làm ơn cho tôi dùng điện thoại một chút được không?”

Khi hắn đặt tấm danh thiếp lên bàn, con bướm đêm bay lên. Nó bay lên từ phía sau hắn, bay qua đầu hắn và tỏa sáng ở giữa họ, trên cái tủ nằm trên bồn rửa.

Hắn nhìn nó. Khi cô không nhìn nó, khi mắt cô không rời mặt hắn, hắn biết.

Mắt họ gặp nhau và họ biết nhau nghĩ gì.

Ngài Gumb hơi nghiêng đầu. Hắn cười. “Tôi có một cái điện thoại không dây trong kho. Tôi sẽ đi lấy cho cô.”

Không! Làm đi. Cô rút súng, một động tác uyển chuyển mà cô đã thực hành đến bốn ngàn lần, và nó ở đúng chỗ của nó phải ở. Cầm chắc hai tay, thế giới của cô giờ là đầu ruồi và giữa ngực hắn ta.

“Đứng yên.”

Hắn mím môi.

“Ngay. Chậm thôi. Giơ tay lên.”

Đưa hắn ra ngoài, giữ cái bàn giữa hai người. Đưa hắn ra trước nhà. Bắt nằm sấp mặt giữa phố và giơ thẻ của mình lên.

“Ông Gub... ông Gumb, ông đã bị bắt. Tôi muốn ông đi thật chậm ra ngoài cho tôi.”

Thay vì làm như cô nói, hắn chạy ra khỏi phòng. Nếu hắn thò tay vào túi, thò tay ra sau, nếu cô nhìn thấy vũ khí, cô sẽ bắn. Nhưng hắn chỉ đi ra khỏi phòng.

Cô nghe thấy tiếng hắn chạy nhanh xuống cầu thang tầng hầm. Cô vòng qua bàn chạy ra cánh cửa bên trên cầu thang dẫn xuống tầng hầm. Hắn đã biến mất, cầu thang xuống tầng hầm sáng choang và trống rỗng. *Cái bẫy.* Mình sẽ biến thành mồi ngon trong cầu thang.

Từ dưới tầng hầm vọng đến một tiếng thét mỏng như cắt giấy.

Cô không thích cầu thang, cô ghét cầu thang. Clarice Starling phải quyết định rất nhanh nên hay không nên.

Catherine Martin lại la hét, hắn sắp giết cô ta và Starling quyết định xuống chỗ họ, một tay bám thanh vịn cầu thang, tay kia chĩa súng dưới tầm mắt, bậc cầu thang dưới chân đập vào tầm súng, tay cầm súng đi theo hướng nhìn khi cô bao quát hai cánh cửa đối diện đang mở ngay dưới chân cầu thang.

Dưới hầm ánh sáng chói lọi, cô không thể đi qua được một cánh cửa mà không phải quay lưng lại cánh cửa kia. Phải thật nhanh, sang trái nơi tiếng thét phát ra. Vào căn phòng giam nền cát, nhanh

chóng vượt qua khung cửa, mắt mở to hơn bao giờ hết. Nơi ẩn trốn duy nhất là sau thành giếng. Cô đi vòng sát mép tường, hai tay chĩa thẳng súng, ấn nhẹ cò, đi vòng ra sau giếng và không tìm thấy ai ở đó.

Một tiếng hét nhỏ bay lên từ đáy giếng như sợi khói. Rồi tiếng tru, một con chó. Cô lại gần cái giếng, mắt nhìn ra cửa, đến thành giếng, nhìn xuống dưới. Nhìn thấy cô gái, nhìn lên, lại nhìn xuống, nói những gì cô được dạy, trấn an con tin.

“FBI, cô an toàn rồi!”

“An toàn CỨT, nó có súng đấy. Đưa-tôi-ra. ĐƯA-TÔI-RA.”

“Catherine, cô sẽ ổn. Đừng nói nữa. Cô biết hắn ở đâu không?”

“ĐƯA-TÔI-RA, TÔI ĐẾCH QUAN TÂM NÓ Ở ĐÂU, ĐƯA-TÔI-RA.”

“Tôi sẽ đưa cô ra. Trật tự nào. Giúp tôi. Im lặng để tôi còn nghe. Cố đi và giữ con chó ấy ngậm miệng lại.”

Nấp sau thành giếng, nhìn ra cửa, tim cô đập mạnh và hơi thở của cô thổi bay bụi từ thành giếng đá. Cô không thể bỏ Catherine Martin lại để đi tìm hỗ trợ khi cô chưa biết Gumb ở đâu. Cô di chuyển ra cửa và nấp sau khung cửa. Cô có thể nhìn thấy chân cầu thang và một phần phòng làm việc đằng kia.

Hoặc cô tìm ra Gumb, hoặc cô chắc chắn hắn đã bỏ trốn, hoặc cô đưa Catherine ra cùng, chỉ có mấy lựa chọn đó.

Cô ngoái lại nhìn quanh phòng hầm giam.

“Catherine, Catherine, trong này có thang không?”

“Tôi không biết, tỉnh dậy tôi đã ở dưới này rồi. Nó buộc dây thả

xô xuống đây.”

Có một cái ròng rọc nhỏ được bắt vít vào xà nhà. Trục ròng rọc không có dây.

“Catherine, tôi phải tìm thứ gì đó để đưa cô ra. Cô đi được không?”

“Có. Đừng bỏ tôi.”

“Tôi phải ra khỏi phòng một lát.”

“Đừng có mà bỏ tao dưới này một mình con đĩ, mẹ tao sẽ xé cái đầu thối của mày ra...”

“Ngậm mồm đi Catherine. Im để tôi còn nghe ngóng. Muốn thoát chết thì cô cần ngậm mồm lại, hiểu chứ?” Sau đó nói to hơn, “Những sĩ quan khác sẽ đến đây ngay bây giờ, còn giờ thì im mồm đi. Chúng tôi sẽ không để cô ở dưới đó đâu.”

Hắn phải có dây chứ. Nó đâu nhỉ? Đi tìm xem.

Starling chạy vọt qua cầu thang, tới cửa phòng làm việc — cửa là chỗ tệ hại nhất — nhanh chóng tiến lùi dọc theo bức tường ở gần cho tới khi cô nhìn thấy hết cả căn phòng, những hình thù quen thuộc bơi trong bể kính, cô đang quá cảnh giác nên không bị giật mình. Nhanh chóng đi qua căn phòng, đi qua những cái bể, những cái chậu rửa, qua cái lồng, vài con bướm đêm lớn đang bay. Cô lờ chúng đi.

Tiến gần đến hành lang tiếp sau, nơi đèn đóm sáng rực. Cái tủ lạnh sau cô vào điện, cô khom người quay phắt lại, tháo chốt an toàn khẩu Magnum, nới nhẹ ngón tay bóp cò súng. Đi vào hành lang. Cô chưa được học cách quan sát nhanh. Đầu và súng cùng

một lúc, nhưng phải cúi thấp. Hành lang trống trơn. Đầu kia là căn xưởng sáng trưng. Lao nhanh qua hành lang, liều mình chạy qua cánh cửa đang đóng, tới cửa xưởng. Căn phòng được lát toàn bộ bằng gỗ sồi trắng và vàng. Tuyệt đối không đứng ở cửa. Cần xác định từng con ma–nơ–canh đúng là ma–nơ–canh, từng hình trong gương là ma–nơ–canh. Chuyển động duy nhất là chuyển động *của* *mày* trong gương.

Cái tủ quần áo khổng lồ đang mở tung và trống rỗng. Cánh cửa đầu xa mở vào bóng tối, vào tầng hầm phía sau. Không thấy dây, không thấy thang ở đâu cả. Không có đèn sáng phía ngoài kia căn phòng. Cô đóng cánh cửa mở ra khu tối tăm của tầng hầm, đẩy một cái ghế đến dưới nắm đấm cửa rồi đẩy cái máy khâu chặn ghế. Nếu cô có thể tin chắc hẳn không có trong khu này của tầng hầm cô có thể liều đi lên cầu thang một lúc tìm điện thoại.

Quay trở lại hành lang, một cánh cửa mà cô đã đi qua. Phải xem phía bên kia cánh cửa. Mở tung cửa chỉ bằng một động tác. Cánh cửa bật ra, không có ai sau cửa. Một phòng tắm cũ. Trong đó có dây, móc và một cuộn đai leo trèo. Cứu Catherine hay đi tìm điện thoại? Dưới đáy giếng Catherine sẽ không bị dính đạn lạc. Nhưng nếu Starling bị giết, Catherine cũng không sống được. Đưa Catherine cùng cô đi tìm điện thoại.

Starling không muốn nấn ná trong phòng tắm. Hẳn có thể đến cửa và phun nước cô. Cô nhìn sang hai bên rồi vao trong lấy dây. Trong phòng có một bồn tắm lớn chứa gần đầy thạch cao đổ tía. Một bàn tay và cổ tay thò ra từ bên dưới lớp thạch cao, bàn tay đã thâm lại và nhăn nheo, những ngón tay sơn màu hồng. Trên cổ tay đeo một cái đồng hồ xinh xắn. Starling nhìn thấy tất cả mọi thứ cùng một

lúc, sợi dây, cái bồn tắm, cánh tay, cái đồng hồ.

Cái kim giây dịch chuyển như con côn trùng đang bò chậm chạp là thứ cuối cùng cô nhìn thấy trước khi đèn tắt.

Trái tim cô đập mạnh đến mức làm rung cả tay và ngực cô. Tối đến chóng mặt, cần phải sờ vào thứ gì đó, thành của cái bồn tắm. Buồng tắm. Ra khỏi buồng tắm. Nếu hần tìm thấy cánh cửa, hần có thể phun nước vào phòng và chẳng có gì để trốn đằng sau được. Ôi Chúa ơi, ra ngoài thôi. Cúi thấp người ra ngoài hành lang. Tất cả đèn đóm tắt cả rồi sao? Tất cả đèn đóm. Chắc hần đã ngắt cầu dao, hộp cầu dao ở đâu vậy? Ở đâu nhỉ? Gần cầu thang. Hầu hết là được đặt gần cầu thang. Nếu như vậy hần sẽ đến từ phía đó. Nhưng hần đang ở giữa mình và Catherine.

Catherine Martin lại đang than khóc.

Chờ ở đây? Chờ mãi mãi? Có thể hần đã đi rồi. Hần không thể biết chắc chắn yểm trợ sẽ không đến. Có, hần biết. Nhưng rồi họ sẽ phát hiện mình biến mất sớm thôi. Đêm nay. Cầu thang ở phía có tiếng thét. Giải quyết chuyện này ngay đi.

Cô di chuyển, khẽ khàng, vai cô chạm nhẹ vào tường, chạm rất nhẹ để không gây ra tiếng động, một tay giơ ra trước, súng để ngang tầm thắt lưng, sát vào người cô trong dãy hành lang chật hẹp. Giờ đã vào phòng làm việc. Cảm nhận được không gian mở ra. Một căn phòng mở. Khom người xuống trong căn phòng mở, tay duỗi thẳng, hai tay cầm súng. *Mày biết chính xác khẩu súng ở đâu, nó ở ngay dưới tầm mắt.* Dừng lại, lắng nghe. Đầu, cơ thể và cánh tay cùng xoay như tháp pháo. Dừng lại, lắng nghe.

Trong bóng tối đen kịt có tiếng rít của đường ống hơi nước, tiếng

nước nhỏ giọt. Có mùi mồ hôi dề nặng trong mũi cô.

Catherine đang than khóc.

Ngài Gumb đang đeo kính nhìn đêm đứng dựa vào tường. Không lo cô ta va phải hần — giữa hần và cô ta là một cái bàn để thiết bị. Hần chiếu cái đèn hồng ngoại lên xuống người cô ta. Cô ta quá gầy để có thể đắc dụng với hần. Dù sao thì hần nhớ mái tóc cô ta, lúc trong bếp, mái tóc tuyệt diệu, và điều đó chỉ mất một phút thôi. Hần có thể bóc nó ra luôn. Đeo nó lên đầu. Hần có thể đeo bộ tóc giả cúi xuống giếng và nói kiêu như “Ngạc nhiên chưa!”

Thật vui khi nhìn cô ta rò rẫm tìm đường. Bây giờ đuôi cô ta đang dựa vào chậu rửa, tay lăm lăm khẩu súng lần mò ra chỗ có tiếng thét. Sẽ rất vui nếu săn cô ta lâu lâu một chút — trước đây hần chưa săn đứa nào có vũ khí cả. Nếu được thế thì chắc hần sẽ *hết sức* thích thú. Nhưng không có thời gian. Tệ quá.

Một phát đạn vào mặt là ổn và dễ dàng thực hiện từ khoảng cách hai mét rưỡi. Ngay bây giờ.

Hần chĩa khẩu Python trong lúc lên đạn lạch cạch trong bóng tối và thân hình màu lục đó mờ đi, to ra to ra trong mắt hần, khẩu súng vung khỏi tay hần và sàn nhà đập mạnh vào lưng hần, đèn của hần vấp bật và hần nhìn thấy trần nhà. Starling nằm trên sàn, mắt chói, tai inh inh, điếc đặc vì tiếng nổ của những khẩu súng. Cô nạp lại đạn trong bóng tối trong lúc cả hai đều không nghe thấy gì, đổ vỏ đạn ra, sờ để chắc chắn vỏ đạn đã đổ ra hết, lắp ổ đạn nạp nhanh, sờ thử, cho vào ổ quay, vặn, vút xuống đất và đóng ổ quay. Cô đã bắn bốn phát. Hai phát một. Hần bắn một phát. Cô tìm thấy hai viên đạn chưa nổ mà cô vừa tháo ra. Cho vào đâu giờ nhỉ? Vào túi đựng ổ đạn nạp nhanh. Cô nằm yên.

Nên di chuyển trước khi hắn nghe được chăng?

Tiếng lên cò của một khẩu ổ quay không lẫn được với bất kỳ âm thanh nào khác. Cô bắn về phía tiếng động, không nhìn thấy gì sau những tia lửa lóe lên ở đầu súng. Cô hy vọng giờ hắn sẽ bắn sai hướng để cô nhìn thấy lửa đầu súng làm đích bắn. Thính giác của cô đã trở lại, tai cô vẫn in, nhưng cô đã nghe được.

Âm thanh ấy là gì vậy? Tiếng huyết sáo chăng? Nghe như tiếng ấm đun nước, nhưng đứt quãng. Gì vậy nhỉ? Giống tiếng thở. Mình à? Không phải. Hơi thở của cô phả hơi ấm xuống nền nhà rồi phả lại mặt cô. Cẩn thận, đừng hít bụi, đừng hắt hơi. Đó là tiếng thở. Đó là tiếng hít hơi do vết thương vào ngực. Hắn bị trúng ngực. Họ đã dạy cô cách băng vết thương này, phải đặt thứ gì đó lên trên nó, một cái áo mưa, một cái túi nhựa, một thứ gì đó không để lọt không khí và buộc thật chặt. Lại hít khí đầy buồng phổi. Vậy là cô đã bắn trúng ngực hắn. Làm gì đây? Đợi. Cứ để hắn cứng người lại và chảy máu. Đợi.

Má Starling nhói lên. Cô không chạm vào nó, nếu có chảy máu thì cô cũng không muốn tay mình bị nhờn.

Tiếng rên rĩ từ dưới giếng lại vọng lên. Catherine đang nói chuyện, khóc lóc. Starling cần phải chờ. Cô không thể trả lời Catherine. Cô không thể nói hay cử động.

Ánh đèn vô hình của ngài Gumb đang chờn vờn trên trần nhà. Hắn cố chuyển hướng nó nhưng không thể, cũng như hắn không thể cử động được cái đầu. Một con bướm đêm mặt trắng Malaysia to tướng bay qua sát trần nhà, thấy ánh đèn hồng ngoại và hạ xuống, bay vòng vòng, tỏa sáng trong ánh hồng ngoại. Chỉ duy có ngài Gumb nhìn được cái bóng khổng lồ đang rung động của đôi

cánh nó trên trần nhà.

Starling nghe được giọng nói khùng khiếp ngọt nghệt của ngài Gumb lẫn với tiếng hít trong bóng tối: “Đẹp như vậy... thì... cảm giác... như thế nào nhỉ?”

Và sau đó là âm thanh khác. Tiếng òng ọc, tiếng nấc hấp hối rồi tiếng huýt sáo im bật.

Starling cũng biết âm thanh này. Cô từng nghe thấy nó khi cha cô chết.

Cô lần tìm cạnh bàn và đứng lên. Sờ soạng tìm lối, đi ra chỗ có tiếng Catherine, cô tìm thấy cầu thang và leo lên cầu thang trong bóng tối.

Có vẻ như rất lâu. Trong ngăn kéo bếp có một cây nến. Nhờ có nến cô tìm được hộp cầu chì cạnh cầu thang, giật mình khi đèn sáng. Để đến được hộp cầu chì, chắc hẳn đã ra khỏi hầm ngầm bằng đường khác và lại đi xuống đằng sau cô.

Starling cần chắc chắn hẳn đã chết. Cô đợi cho tới khi mắt mình thật quen với ánh đèn mới tính trở lại phòng làm việc, nhưng rồi cô trở nên thận trọng. Cô nhìn thấy cặp chân trần của hẳn thò ra dưới cái bàn làm việc. Cô không rời mắt khỏi bàn tay bên cạnh khẩu súng ngắn cho tới lúc đã được nó ra chỗ khác. Mắt hẳn vẫn mở. Hẳn đã chết, bị bắn xuyên qua ngực phải, một lớp máu đặc dưới người. Hẳn đã mặc mấy thứ lấy từ trong tủ áo khiến cô không thể nhìn hẳn lâu.

Cô đến bên cái chậu rửa, đặt khẩu Magnum lên mặt thoát nước và cho nước lạnh chảy lên cổ tay, lấy tay ướt lau mặt. Không có máu. Những con bướm đêm bám vào tấm lưới bọc đèn. Cô phải

bước vòng qua cái xác để lấy khẩu Python.

Ở chỗ cái giếng cô nói, “Catherine, hấn chết rồi. Hấn sẽ không làm hại cô được nữa đâu. Tôi sẽ lên trên kia gọi điện...”

“Không! ĐƯA TÔI RA. ĐƯA TÔI RA. ĐƯA TÔI RA.”

“Nghe này. Hấn chết rồi. Súng hấn đây này. Nhớ chứ? Tôi sẽ gọi điện cho cảnh sát và cứu hộ. Tôi sợ một mình tôi không kéo được cô lên, để cô bị ngã lằm. Gọi điện xong tôi sẽ xuống ngay và đợi cùng với cô. Được chứ? Được rồi. Cô làm con chó ấy im đi. Được chứ? Được rồi.”

Đám phóng viên truyền hình địa phương đến ngay sau đội cứu hỏa và trước cảnh sát Belvedere. Đội trưởng cứu hỏa, giận dữ vì ánh sáng chói mắt, đuổi đội phóng viên truyền hình lên cầu thang và ra khỏi tầng hầm trong lúc anh ta dựng một giàn giáo bằng ống để kéo Catherine Martin lên, không tin tưởng vào cái ròng rọc của ngài Gumb trên xà nhà. Một lính cứu hỏa xuống giếng và đặt cô ngồi vào chiếc ghế cứu nạn. Catherine vẫn ôm con chó khi đi lên, giữ con chó trong xe cứu thương.

Người ta cấm đem chó vào bệnh viện. Người lính cứu hỏa — được lệnh đưa con chó vào nơi nhốt thú vật — lại đưa nó về nhà với mình.

Có khoảng 50 người ở sân bay nội địa Washington, đón chuyến bay đêm từ Columbus, Ohio. Hầu hết trong số họ đi đón người thân, trông ai nấy đều buồn ngủ và nhàu nhĩ, đuôi áo thò ra ngoài áo khoác.

Từ trong đám đông, Ardelia Mapp có cơ hội quan sát kỹ Starling khi cô ra khỏi máy bay. Starling trông nhợt nhạt, dưới mắt có quầng thâm. Trên má cô dính vài hạt thuốc súng màu đen. Starling nhìn thấy Mapp và họ ôm nhau.

“Này, bồ tèo,” Mapp nói. “Cậu có ký gửi gì không?”

Starling lắc đầu.

“Jeff chờ trong xe ở ngoài kia. Về nhà thôi.”

Jack Crawford cũng đang đợi bên ngoài, xe ông đỗ bên cạnh chiếc xe buýt nhỏ trên làn dành cho limousine. Ông đã tiếp họ hàng của Bella cả đêm.

“Tôi...” ông bắt đầu. “Cô biết mình đã làm được gì rồi đấy. Cô ghi điểm rồi, cô bé ạ.” Ông sờ má cô. “Gì thế này?”

“Bị bỏng thuốc súng. Bác sĩ nói nó sẽ bong sau đôi ba ngày thôi — tốt hơn hết là không cạy nó ra.”

Crawford kéo cô vào lòng và ôm cô thật chặt trong một khắc, chỉ một khắc, rồi ông buông cô ra và hôn lên trán cô. “Cô biết mình đã làm được gì rồi đấy,” ông nhắc lại. “Về nhà đi. Ngủ bù nhé. Mai tôi sẽ nói chuyện với cô.”

Chiếc xe tải giám sát mới rất thoải mái, được thiết kế cho những chuyến công tác dài ngày. Starling và Mapp ngồi trên hai ghế lớn phía sau.

Không có Jack Crawford trong xe, Jeff lái nhanh hơn một chút. Họ lao nhanh về Quantico.

Ngồi trên xe Starling nhắm mắt. Sau vài dặm, Mapp huých vào đầu gối cô. Mapp vừa mở hai chai Coke, cô đưa cho Starling một chai và lấy trong túi ra một chai Jack Daniel nhỏ.

Họ uống một ngụm Coke rồi đổ rượu vào chai. Đoạn bịt ngón cái vào miệng chai, xóc lên rồi để bột phun vào miệng.

“Aaa...” Starling nói.

“Đừng đánh đổ ra đấy,” Jeff nói.

“Đừng lo, Jeff,” Mapp nói, rồi nói thầm với Starling, “Cậu phải nhìn thấy anh chàng Jeff của tớ đờ đẫn bên ngoài hàng rượu cơ. Anh ta trông như kẻ buôn bạc giả vậy.”

Khi Mapp thấy whiskey bắt đầu có tác dụng, khi Starling đã chìm xuống ghế sâu hơn một chút thì Mapp hỏi. “Cậu thế nào. Starling?”

“Ardelia, tớ biết thì chết liền.”

“Cậu không phải quay lại chứ?”

“Có thể ngày nào đó trong tuần tới, nhưng tớ hy vọng là không cần thiết. Tổng Chương lý đã từ Columbus đến nói chuyện với cảnh

sát Belvedere. Tớ đã báo cáo quá đủ rồi.”

“Vài chuyện tốt đây,” Mapp nói. “Thượng nghị sĩ Martin đã gọi điện cả ngày từ Bethesda — cậu biết họ đã đưa Catherine đến Bethesda rồi chứ? Cô ta ổn. Hấn ta chưa động gì đến người cô ta. Về tổn thương tâm lý thì họ chưa biết, họ còn phải theo dõi đã. Đừng lo về chuyện học hành. Cả Crawford và Brigham đều đã gọi điện. Hội đồng đã giải tán. Krendler đề nghị rút lại báo cáo của ông ta. Đám người này trơn như mỡ, Starling ạ — cậu không được ưu ái gì đâu. Cậu không cần thi môn Truy Bắt lúc 8 giờ sáng mai nữa, nhưng đến thứ Hai cậu sẽ phải thi và ngay sau đó là thi Thể dục. Bọn mình sẽ bị kẹt cuối tuần đấy.”

Khi tới Bắc Quantico thì họ đã uống hết chai rượu rồi ném bằng chứng vào sọt rác ở một công viên bên đường.

“Anh chàng Pilcher, tiến sĩ Pilcher ở bảo tàng Smithsonian gọi đến ba lần. Bắt tớ hứa phải nói với cậu là anh ta gọi điện.”

“Anh ta không phải tiến sĩ đâu.”

“Có thể. Tớ vẫn chưa biết đấy.”

“Anh ta có vẻ khá hài hước. Tớ đã quyết định tính hài hước là điều tốt nhất của đàn ông, ý tớ là ngoài *giàu* và *để bảo*.”

“Phải rồi, và cả phong độ nữa. Cậu không thể bỏ qua mục ấy được.”

“Phải rồi. Lần nào tớ cũng vớ được một thằng khốn rất có phong độ.”

Starling đi như một xác sống từ nhà tắm vào giường.

Mapp để đèn đọc sách sáng một lúc, cho tới khi Starling thở đều. Starling giật mình trong giấc ngủ, cơ má cô giật giật, có một lần hai mắt cô mở to.

Mapp thức dậy trước khi trời sáng, cảm thấy căn phòng như trống rỗng. Mapp bật đèn. Starling không ở trên giường. Hai cái túi đựng đồ giặt là của họ biến mất, nên Mapp đã biết cần đi tìm ở đâu.

Cô thấy Starling trong phòng giặt đồ ẩm áp, đang ngủ gật trong tiếng ro ro đều đặn của cái máy giặt và mùi thuốc tẩy, xà phòng hòa lẫn với mùi nước xả. Starling có bằng Tâm lý học — Mapp theo ngành Luật — nhưng Mapp mới là người biết rằng nhịp điệu của cái máy giặt giống như nhịp đập của một trái tim khổng lồ, và tiếng nước chảy trong đó là âm thanh mà đứa trẻ còn trong bụng mẹ nghe thấy — ký ức cuối cùng của chúng ta về sự bình yên.

Jack Crawford thức dậy sớm trên chiếc sofa trong phòng làm việc và nghe thấy tiếng ngáy của cha mẹ vợ trong nhà mình. Trong khoảng thời gian thư thả trước khi gánh nặng của một ngày sắp đè nặng lên ông, ông không nhớ đến cái chết của Bella mà nhớ đến điều cuối cùng bà nói với ông, đôi mắt bà bình an và trong sáng. “Ngoài sân như thế nào hả anh?”

Trong chiếc áo tắm ông lấy cái thìa đồng ngũ cốc của Bella đi ra ngoài cho lũ chim ăn như ông đã hứa với bà. Để lại một mẫu tin nhắn cho bố mẹ vợ đang ngủ, ông ra khỏi nhà trước khi mặt trời mọc. Crawford vốn vẫn ít nhiều thân thiết với người thân của Bella, và trong nhà có tiếng người thì cũng đỡ hơn, nhưng ông thấy mừng vì được đến Quantic.

Ông đang đọc những bức điện gửi tới hồi đêm và xem bản tin sáng trong văn phòng thì Starling giở mũi vào tấm kính cửa. Ông bỏ mấy bản báo cáo ra lấy ghế cho cô ngồi và họ cùng xem bản tin mà không nói lời nào. Nó đây rồi.

Bên ngoài ngôi nhà cũ của Jame Gumb ở Belvedere có mặt trước là cửa hàng và những cánh cửa sổ bôi xà phòng được những cánh cổng nặng che kín. Starling gần như không nhận ra nó.

“Nhà ngục của nỗi kinh hoàng,” người dẫn chương trình đặt tên

cho nó.

Những hình ảnh rời rạc, hỗn loạn của cái giếng và tầng hầm, những chiếc máy ảnh lơ lửng trước máy quay truyền hình, những người lính cứu hỏa giận dữ đuổi phóng viên lùi lại. Những con bướm đêm bị ánh đèn máy quay làm cho phát điên, bay vào đèn. Một con bướm đêm nằm ngửa trên sàn, đôi cánh đập xuống trong lần đập cánh cuối cùng.

Catherine Martin không chịu ngồi cáng và tự đi ra xe cứu thương trong một chiếc áo khoác cảnh sát, con chó thò mặt ra giữa hai hàng cúc áo.

Hình ảnh Starling nhìn từ một bên, đang đi nhanh ra xe, đầu cúi, hai tay đút trong túi áo khoác.

Đoạn phim đã được biên tập để bỏ đi một số hình ảnh rùng rợn hơn. Trong những góc xa của tầng hầm, máy quay chỉ cho thấy những ngưỡng cửa thấp, rắc vôi bột của những căn phòng chứa chiến tích của Gumb. Cho tới nay, ở nơi đó của tầng hầm đã có sáu xác chết.

Hai lần Crawford nghe thấy Starling thở ra thật dài. Bản tin chuyển sang mục quảng cáo.

“Chào buổi sáng. Starling.”

“Xin chào,” cô nói, như thể giờ đã không còn là buổi sáng. “Tổng Chương lý đã fax cho tôi lời khai của cô tối qua. Cô sẽ phải ký vài bản, ông ta... vậy là cô đã đi từ nhà Fredrica Bimmel tới chỗ Stacy Hubka và sau đó đến gặp bà Burdine nơi Bimmel cắt may, cửa hàng Thời trang Richard và bà Burdine cho cô địa chỉ cũ của bà Lippman, ngôi nhà ở đó.”

Starling gật đầu. “Stacy Hubka đã đến đó mấy lần để đón Fredrica, nhưng khi đó bạn trai của Stacy lái xe và cô ấy không rõ đường đi. Bà Burdine có địa chỉ.”

“Bà Burdine không nhắc đến một người đàn ông ở nhà bà Lippman à?”

“Không ạ.”

Bản tin truyền hình có một đoạn phim từ bệnh viện Hải quân Bethesda. Khuôn mặt thượng nghị sĩ Martin xuất hiện trong khung cửa sổ xe limosine.

“Tôi qua Catherine cũng tỉnh táo, phải. Giờ nó đang ngủ, đang được gây mê. Chúng tôi đã may mắn. Không, như tôi vừa nói, con bé bị sốc, nhưng nó tỉnh táo. Chỉ bị sây sát, bị gãy một ngón tay. Nó còn bị mất nước. Cảm ơn các vị.” Bà ta thúc lưng người lái xe. “Cảm ơn các vị. Không, con bé tối qua cũng nói với tôi chuyện con chó. Tôi chưa biết chúng tôi sẽ làm gì với nó, chúng tôi đã có hai con rồi.”

Câu chuyện kết thúc với một lời trích dẫn vô nghĩa từ một chuyên gia stress, người sẽ nói chuyện với Catherine để đánh giá tổn thương tâm lý.

Crawford tắt TV.

“Cô thấy chúng thế nào, Starling?”

“Cũng không có gì... ông có thấy thế không?”

Crawford gật đầu, nhanh chóng chuyển chủ đề. “Thượng nghị sĩ Martin gọi điện cả tối qua. Bà ấy muốn đến gặp cô. Catherine cũng thế, ngay sau khi cô ấy đi được.”

“Tôi lúc nào cũng ở phòng.”

“Krendler nữa, anh ta muốn tới đây. Anh ta đề nghị rút lại bản báo cáo của mình.”

“Nếu thế thì không phải lúc nào tôi cũng ở phòng.”

“Vài lời khuyên miễn phí đây. Hãy sử dụng thượng nghị sĩ Martin. Hãy cứ để bà ấy cảm ơn cô, để bà ấy giúp đỡ cô. Đừng lẩn tránh. Lòng biết ơn không sống lâu đâu. Cứ theo cách hành động của cô thì có ngày cô phải cần đến bà ta đấy.”

“Ardelia cũng nói thế.”

“Cô bạn cùng phòng của cô, Mapp à? Phụ trách lớp nói với tôi là Mapp đã sẵn sàng nhồi nhét để ôn cho cô thi lại hôm thứ Hai tới đây. Cô ấy đang hơn đối thủ của mình một điểm rưỡi, anh chàng Stringfellow, ông ấy nói với tôi thế.”

“Đối thủ cho ngôi thủ khoa à?”

“Anh ta khó chơi lắm đấy, Stringfellow ấy — anh ta nói là cô ấy sẽ không vượt được anh ta lâu đâu.”

“Về khoản mang theo đồ ăn trưa thì đúng là không ai giỏi bằng anh ta.”

Trong đồng bừa bộn trên bàn Crawford có con gà mà bác sĩ Lecter gấp. Crawford làm cho cái đuôi nâng lên hạ xuống, nó mổ.

“Lecter đã lên hạng bạch kim rồi — hắn đang đứng đầu mọi danh sách truy nã,” ông nói. “Dù vậy thì hắn vẫn có thể tự do được một thời gian. Bên ngoài cơ quan cô cần hết sức đề phòng.”

Cô gật đầu.

“Giờ thì hắn đang bận,” Crawford nói, “nhưng khi không bận hắn sẽ tự mua vui cho mình. Chúng ta cần làm rõ chuyện này. Cô biết là

hắn có thể làm chuyện đó với cô, giống như với bất kỳ ai khác.”

“Tôi không nghĩ là hắn sẽ lòng sục tôi — như vậy thật khiếm nhã và hắn sẽ không bao giờ hỏi dò kiểu ấy. Nhưng chắc chắn hắn sẽ làm thế ngay khi tôi khiến hắn chán.”

“Tất cả những gì tôi muốn nói là cô cần hết sức đề phòng. Khi cô ra khỏi văn phòng, phải hạn chế xuất trình thẻ, ai gọi điện hỏi cô đang ở đâu thì không được trả lời nếu không biết rõ người hỏi. Tôi muốn đặt cảnh báo nghe trộm vào điện thoại của cô, nếu cô không phản đối. Nó vẫn đảm bảo riêng tư trừ khi cô bấm nút.”

“Tôi không nghĩ hắn sẽ truy tìm tôi đâu, thưa ông Crawford.”

“Nhưng cô nghe thấy những gì tôi nói rồi đấy.”

“Tôi nghe rồi. Tôi có nghe thấy rồi.”

“Hãy cầm những bản báo cáo này, đọc lại đi. Bổ sung nếu cô muốn. Chúng tôi sẽ chứng kiến cô ký ở đây khi cô sẵn sàng. Starling, tôi tự hào về cô. Brigham cũng vậy. Cả ngài Giám đốc nữa.” Lời khen nghe cứng nhắc, không giống như điều ông muốn nói.

Ông tiến cô ra cửa. Cô đang rời xa ông, đi dọc dãy hành lang vắng vẻ. Gánh nặng đau buồn trong tim, ông cố gắng tạm biệt cô. “Starling, cha cô dõi theo cô đấy.”

Jame Gumb còn tiếp tục lên các bản tin nhiều tuần sau khi hắn đã được đưa xuống cái hố cuối cùng của mình.

Các phóng viên đã chấp nối lại câu chuyện của hắn, bắt đầu với cuốn băng ghi ở hạt Sacramento.

Mẹ hắn đã có mang hắn một tháng khi bà ta không lọt được vào cuộc thi hoa hậu Sacramento năm 1948. Chữ *Jame* trong giấy khai sinh của hắn rõ ràng là lỗi của nhân viên đăng ký mà không ai buồn sửa chữa lại.

Khi sự nghiệp diễn viên không thành công, mẹ hắn dần lao vào rượu chè. Gumb được hai tuổi khi hạt Los Angeles đưa hắn vào trại tể bần.

Có ít nhất hai tạp chí hàn lâm cho rằng tuổi thơ bất hạnh này là nguyên nhân khiến cho hắn giết phụ nữ để lột da dưới tầng hầm nhà hắn. Những từ *điên loạn* và *quỷ dữ* không xuất hiện trong hai bài báo.

Cuốn phim quay cuộc thi hoa hậu mà Jame Gumb xem khi đã lớn là một đoạn phim quay mẹ hắn thật, nhưng người phụ nữ ở bể bơi không phải mẹ hắn, theo như kết quả của phép đo so sánh.

Ông bà Gumb đón hắn về khi hắn được mười tuổi vì họ không

hài lòng với trại tể bản nhận nuôi hắn. Hai năm sau hắn giết họ.

Trại cải tạo dạy nghề Tulare dạy Gumb thành thợ may trong những năm hắn ở bệnh viện tâm thần. Hắn cho thấy có năng khiếu trong nghề này.

Hồ sơ việc làm của Gumb rời rạc và không đầy đủ. Các phóng viên tìm được ít nhất hai nhà hàng nơi hắn làm việc sổ sách và lâu lâu lại làm nghề may. Không có gì chứng minh rằng hắn từng giết chóc trong giai đoạn này, nhưng Benjamin Raspail nói hắn có làm.

Hắn từng làm việc tại cửa hàng đồ cổ, nơi làm ra đồ trang trí từ những con bướm khi hắn gặp Raspail và hắn sống dựa dẫm vào tay nhạc công này một thời gian. Đó là lúc Gumb trở nên bị ám ảnh bởi loài bướm và những biến đổi mà lũ bướm này trải qua.

Sau khi Raspail rời bỏ hắn ta, Gumb giết chết tình nhân sau của Raspail, chặt đầu và lột một phần da anh ta.

Sau đó hắn ghé qua chỗ Raspail ở miền Đông. Raspail — lúc đó đã quá sợ hãi những anh chàng điên loạn — giới thiệu hắn với bác sĩ Lecter.

Chuyện này đã được chứng minh một tuần sau cái chết của Gumb khi FBI thu từ người họ hàng gần nhất của Raspail những cuốn băng ghi các phiên trị liệu của Raspail với bác sĩ Lecter.

Nhiều năm trước, khi bác sĩ Lecter được kết luận bị tâm thần, những cuốn băng ghi các phiên trị liệu được trả lại cho gia đình các nạn nhân để tiêu hủy. Nhưng đám họ hàng đang cãi lộn nhau của Raspail đã giữ lại những cuốn băng, hy vọng dùng chúng để tấn công vào di chúc của Raspail. Họ không có hứng nghe những cuốn băng giai đoạn đầu, trong đó chỉ có những ký ức buồn chán về thời

học sinh của Raspail. Sau khi bản tin về Jame Gumb được phát, gia đình Raspail đã nghe những cuốn băng còn lại. Khi đám họ hàng gọi điện cho luật sư Everett Yow và đe dọa sử dụng những cuốn băng để tiếp tục tấn công di chúc của Raspail, Yow đã gọi cho Clarice Starling.

Số băng đó ghi lại các phiên trị liệu cuối cùng, khi Lecter giết Raspail. Quan trọng hơn, chúng tiết lộ Raspail đã nói những gì với Lecter về Jame Gumb.

Raspail nói với bác sĩ Lecter rằng Gumb bị ám ảnh với lũ bướm đêm, rằng trước kia hắn đã từng lột da người khác, rằng hắn giết Klaus, rằng hắn làm việc tại công ty đồ da Mr. Hide ở thành phố Calumet, nhưng nhận tiền của một bà cụ ở Belvedere, Ohio, bà này là người may vải lót cho công ty Mr. Hide. Một ngày nào đó Gumb sẽ thừa hưởng tất cả những gì mà bà cụ có, Raspail đoán thế.

“Khi Lecter đọc thấy nạn nhân đầu tiên sông ở Belvedere và cô ta bị lột da, hắn đã biết ai làm chuyện đó,” Crawford nói với Starling khi họ cùng nhau nghe cuốn băng. “Hắn đã giao Gumb cho cô và hắn sẽ được xem như một thiên tài nếu Chilton đứng ngoài chuyện này.”

Hắn gợi ý cho tôi bằng cách viết vào hồ sơ rằng những nơi đó quá ngẫu nhiên,” Starling nói. “Và khi ở Memphis hắn hỏi tôi có biết may không. Hắn muốn chuyện gì xảy ra vậy?”

“Hắn muốn giải trí,” Crawford nói. “Hắn vẫn tự giải trí từ lâu lắm rồi.”

Không tìm được cuốn băng nào của Jame Gumb, và hoạt động của hắn ta trong những năm sau cái chết của Raspail được chấp

ghép rời rạc từ thư trao đổi công việc, những tờ hóa đơn mua xăng, những cuộc phỏng vấn với những người chủ tiệm thời trang.

Khi bà Lippman mất trong một chuyến đi tới Florida cùng với Gumb, hắn đã thừa kế mọi thứ — tòa nhà cũ với khu để ở và một cửa hàng trống rỗng cùng tầng hầm khổng lồ và một khoản tiền kha khá. Hắn thôi không làm việc cho công ty Mr. Hide nữa nhưng vẫn giữ một căn hộ ở thành phố Calumet trong một thời gian và sử dụng địa chỉ công ty để nhận bưu phẩm dưới tên gọi John Grant. Hắn giữ những khách hàng thân thiết và tiếp tục đến những tiệm thời trang trên toàn quốc như hồi còn làm cho Mr. Hide để lấy số đo rồi về Belvedere may. Hắn dùng những chuyến đi đó để săn tìm nạn nhân và vớt xác họ khi đã sử dụng xong — chiếc xe tải nhỏ màu nâu lang thang hàng giờ trên cao tốc liên bang chở những bộ quần áo da đã may xong đựng trên giá bên trên túi đựng xác bằng cao su trên sàn.

Dưới tầng hầm, hắn được tự do hết mình. Căn phòng để làm việc và chơi đùa. Đầu tiên chỉ là trò chơi — săn đuổi những người phụ nữ trẻ dưới tầng hầm tăm tối, làm ra những cảnh lạ thường trong những căn phòng phía xa xa và khóa chúng lại, chỉ thỉnh thoảng mở cửa ra để rắc thêm chút vui sống.

Fredrica bắt đầu giúp bà Lippman trong những năm cuối đời bà ta. Fredrica gặp Jame Gumb khi cô đến lấy đồ may vá ở nhà bà Lippman. Fredrica Bimmel không phải người phụ nữ đầu tiên bị hắn giết, nhưng cô ta là người đầu tiên bị giết để lấy da.

Người ta tìm thấy những bức thư Fredrica gửi cho Gumb trong đồ đạc của hắn.

Starling gần như không thể đọc nổi những bức thư đó, bởi niềm

hy vọng chứa đựng bên trong chúng, vì nhu cầu khẩn thiết chứa đựng bên trong chúng, bởi những lời âu yếm từ Gumb hàm ẩn trong những bức thư cô gái gửi hần: “Người bạn bí ẩn thân yêu nhất trong ngực em, em yêu anh! — em *chưa từng* nghĩ mình có thể nói ra điều đó, nhưng thật tuyệt vời khi được *đáp lại* lời yêu.”

Hần tự lộ mình khi nào? Cô ấy có phát hiện ra cái tầng hầm không? Khuôn mặt cô ấy trông ra sao khi hần trở mặt, hần giữ cô ấy sống trong bao lâu?

Tệ hơn nữa, Fredrica và Gumb vẫn là bạn thân cho đến phút giây cuối cùng. Cô ấy viết cho hần một bức thư từ đáy giếng.

Những tờ báo lá cải đổi tên Gumb thành Mr. Hide, thấy tiếc hùi hụi vì không tự nghĩ ra được cái tên đó, để rồi vẽ lại từ đầu câu chuyện.

An toàn tại trung tâm Quantico, Starling không phải đối phó với báo chí, nhưng báo chí lá cải lại đối đầu với cô.

Tờ *National Tattler* mua lại những cuốn băng ghi cuộc phỏng vấn của Starling với bác sĩ Hannibal Lecter từ bác sĩ Frederick Chilton. *Tattler* thêm mắm thêm muối vào những cuộc trao đổi của họ trong loạt bài “Cô dâu của quỷ nhập tràng” của họ, và ngầm ám chỉ rằng Starling trưng thân thể ra trước Lecter để đổi lấy thông tin, đem đến cho Starling một lời chào mời từ *tạp chí tình dục điện thoại* có tên *Chuyện nhung lụa*.

Tạp chí *People* đăng một bài ngắn, dễ chịu về Starling, dùng những bức ảnh lưu niệm từ Đại học Virginia và Cô nhi viện dòng Luther ở Bozeman. Bức ảnh đẹp nhất chụp con ngựa, Hannah, vào những năm cuối đời vẫn kéo một chiếc xe chở đầy trẻ con.

Starling cắt bức ảnh cho vào ví. Đó là thứ duy nhất mà cô giữ lại.
Cô đang bình phục.

Ardelia Mapp là gia sư tuyệt vời — cô phát hiện được câu hỏi thi trong bài giảng nhanh hơn một con báo phát hiện ra con mồi — nhưng cô không phải người chạy giỏi. Cô nói với Starling đó là do mình bị đè nặng bởi thông tin.

Cô đã tụt lại sau Starling trên đường chạy và đuổi kịp bạn ở chiếc DC-6 cũ mà FBI dùng làm nơi mô phỏng cướp máy bay. Đó là sáng Chủ nhật. Họ đã nghiền sách suốt hai ngày và ánh nắng nhẹ nhàng mang lại cảm giác thật tuyệt vời.

“Pilcher nói gì qua điện thoại thế?” Mapp hỏi, dựa vào càng máy bay.

“Anh ấy và cô chị có một chỗ ở vịnh Chesapeake.”

“Rồi, sao nữa?”

“Chị anh ấy ở đó với bọn trẻ, lũ chó và có thể cả chồng chị ấy nữa.”

“Thì sao?”

“Họ sống ở một đầu của ngôi nhà — đây là một ngôi nhà to cũ nát trên vịnh mà họ thừa kế từ bà anh ấy.”

“Đừng vòng vo nữa.”

“Pilch sở hữu đầu kia của ngôi nhà. Tuần tới anh ấy muốn bọn mình đến đấy. Anh ấy nói có rất nhiều phòng. ‘Cần bao nhiêu phòng cũng có cả,’ tớ nghĩ anh ấy nói như thế. Chị anh ấy sẽ gọi điện mời tớ.”

“Không đùa chứ. Giờ móc đầu ra người như thế.”

“Anh ấy vẽ ra kịch bản rất hay — không có gì rắc rối, quần chần và đi dạo trên bãi biển, vào nhà và có lò sưởi ấm, bọn chó nhảy chồm lên người mình, cào chân đầy cát vào người mình.”

“Điền viên nhĩ, ừm hừm, chân đầy cát, tiếp đi.”

“Thế là nhiều rồi còn gì, vì bọn tớ chưa bao giờ hẹn hò gì mà. Anh ấy nói rằng ngủ với hai ba con chó to sẽ là thích nhất vì trời sẽ rất lạnh. Anh ấy nói họ có đủ chó để mọi người đều có đôi.”

“Pilcher giờ cái chiêu ôm chó ngủ cũ rích ấy chắc bị cậu mắng cho một trận rồi phải không?”

“Anh ấy bảo có thể nấu ăn rất ngon. Chị anh ấy đã công nhận điều ấy.”

“Ồ, chị ta gọi điện rồi à?”

“Ừ.”

“Chị ta coi bộ thế nào?”

“Cũng được. Coi bộ chị ấy ở đầu kia của ngôi nhà.”

“Cậu bảo với chị ta thế nào?”

“Tớ nói, ‘Vâng, cảm ơn chị nhiều,’ tớ nói thế.”

“Tốt rồi,” Mapp nói. “Thế là rất tốt. Hãy nhớ phải ăn ít cua. Rồi cưa lấy Pilcher, tóm chặt anh ta, đừng để thoát.”

Trong khách sạn Marcus, một nhân viên phục vụ phòng đẩy xe dọc theo hành lang trải thảm dày.

Đến cửa buồng 91 anh ta dừng lại, gõ nhẹ bàn tay đi găng vào cánh cửa. Anh ta nghiêng đầu, gõ lần nữa để rồi nghe thấy vọng ra trên nền nhạc bên trong — *Bach, Two- and Three-Part Inventions*. Glenn Gould chơi piano.

“Mời vào.”

Một quý ông mặc áo choàng tắm đang ngồi viết bên bàn, mũi bị băng ngang.

“Để cạnh cửa sổ đi. Tôi xem rượu vang được không?” Người phục vụ đem rượu đến. Quý ông giơ chai rượu dưới ánh đèn bàn, chạm cổ chai vào má.

“Mở ra, nhưng đừng ướp đá,” hấn nói, và ghi một khoản bo hào phóng vào cuối tờ hóa đơn. “Tôi chưa thử ngay đâu.”

Hấn không muốn người phục vụ đưa rượu cho mình thử — hấn thấy mùi sợi dây đồng hồ đeo tay của anh ta thật khó chịu.

Bác sĩ Lecter là người có óc hài hước tuyệt vời. Tuần vừa rồi của hấn trôi qua thật dễ chịu, vẻ ngoài của hấn đã rất ổn, ngay sau khi vài chỗ da nhỏ bị biến màu trở lại bình thường là hấn có thể bỏ băng

và chụp ảnh hộ chiếu.

Hắn tự làm những việc cần thiết — tiêm một chút silicon vào mũi. Silicon không phải thuốc bán theo đơn, nhưng kim tiêm dưới da và Novocain thì có. Hắn đã vượt qua được khó khăn này bằng cách nhón một đơn thuốc từ một quầy dược phẩm đông khách gần bệnh viện. Hắn xóa dòng chữ nguệch ngoạc của tay bác sĩ hợp pháp bằng nước xóa dùng cho đánh máy rồi photo lại tờ đơn trắng. Đơn thuốc đầu tiên hắn viết giống y đơn thuốc hắn đánh cắp, rồi hắn trả nó lại cho hiệu thuốc, và như thế mọi thứ vẫn như không có gì xảy ra.

Cái mũi vẹo trên khuôn mặt điển trai của hắn trông không vừa mắt chút nào, và hắn biết silicon có thể dịch chuyển nếu hắn không thận trọng, nhưng như vậy đã là đủ cho tới khi hắn tới được Rio.

Khi những sở thích bắt đầu cuốn hút lấy hắn — rất lâu trước khi hắn bị bắt lần đầu tiên — bác sĩ Lecter đã chuẩn bị cho lúc hắn phải chạy trốn. Trong một bức tường của một trang viên nghỉ dưỡng trên bờ sông Susquehanna có tiền và giấy tờ cho một danh tính khác, gồm có hộ chiếu, và những đồ mỹ phẩm hắn sẽ dùng để chụp ảnh hộ chiếu. Hộ chiếu của hắn chắc đã hết hạn nhưng có thể gia hạn rất nhanh.

Muốn được lẫn trong đám đông qua Hải quan với tấm phù hiệu du lịch to tướng cài trên ngực, hắn đã đăng ký một tour du lịch có tên gọi rùng rợn “Nam Mỹ huy hoàng”, nó sẽ đưa hắn đến tận Rio.

Hắn nhắc mình viết một tấm séc đề tên ông Lloyd Wyman đã quá cố để thanh toán hóa đơn khách sạn và có thêm năm ngày chờ cho tấm séc được xử lý tại ngân hàng thay vì phải thanh toán bằng thẻ tín dụng Amex.

Tối hôm đó hắn hoàn tất thư từ mà hắn sẽ gửi qua dịch vụ chuyển tiếp ở London.

Trước hết hắn gửi cho Barney một khoản diêm thuốc hào phóng và một bức thư cảm ơn vì nhiều ưu ái mà hắn nhận được trong trại tâm thần.

Sau đó, hắn viết thư cho bác sĩ Frederick Chilton đang nằm dưới sự bảo vệ của cảnh sát liên bang, nói rằng hắn sẽ đến thăm bác sĩ Chilton trong một ngày gần đây. Sau chuyến viếng thăm này, bệnh viện sẽ có lý do để xăm lên trán Chilton hướng dẫn chăm sóc để tiết kiệm giấy tờ.

Cuối cùng, hắn rút cho mình một ly Batard-Montrachet tuyệt hảo và viết cho Clarice Starling:

Thế nào, Clarice, bây giờ đã hết la hét hay chưa?

Có nợ tôi một thông tin, cô biết rồi đấy, và đó là thư mà tôi muốn biết. Một mẫu quảng cáo trên phiên bản quốc gia của tạp chí Times và trên tờ International Herald-Tribune vào bất cứ ngày đầu tháng nào cũng được. Tốt nhất là đưa cả lên báo China Mail nữa.

Tôi sẽ không lấy làm ngạc nhiên nếu câu trả lời là cả có và không.

Bây giờ thì những con cừu sẽ ngừng la hét. Nhưng Clarice ạ, cô đánh giá bản thân bằng lòng nhân từ của bọn cai ngục vùng Threave. Cô sẽ phải đi tìm nó hết lần này đến lần khác, sự im lặng đầy ân huệ ấy.

Vì thư thúc đẩy cô là sự khốn khổ, là việc nhìn thấy sự khốn khổ, mà sự khốn khổ thì có kết thúc bao giờ đâu.

Tôi không có ý định tìm cô đâu, Clarice ạ. Thế giới này sẽ thú vị hơn khi có cô trong nó. Hãy đối xử với tôi như thế đi.

Bác sĩ Lecter chạm bút vào môi. Hắn nhìn ra bầu trời đêm và

mỉm cười.

Tôi có nhiều cửa sổ.

Sao Thiên lang đang ở trên chân trời, ở gần sao Thiên vương, sáng như thể như chưa từng bao giờ sáng như thế trước năm 2000. (Tôi không có ý định nói cho cô biết giờ là mấy giờ và ngôi sao mọc cao tới đâu.) Nhưng tôi nghĩ cô cũng có thể nhìn thấy nó. chúng ta có vài ngôi sao chung đây, Clarice ạ.

Hannibal Lecter.

Ở rất xa về phương Đông, trên bờ biển Chesapeake, sao Thiên lang mọc cao trong màn đêm trong vắt, trên một ngôi nhà cũ to lớn, và một căn phòng trong đó ngọn lửa đang âm ỉ qua đêm, ánh sáng nhảy múa nhẹ nhàng cùng ngọn gió phía trên ống khói. Trên cái giường lớn phủ nhiều tấm chăn, trên và dưới những tấm chăn là mấy chú chó to. Những chỗ lồi lõm khác trên giường, dưới lớp chăn có lẽ là của Noble Pilcher mà cũng có thể không phải, thật khó mà biết chắc được trong ánh sáng mờ ảo xung quanh. Nhưng khuôn mặt trên gối, hồng lên trong ánh lửa, thì chắn chắn là của Clarice Starling. cô đang ngủ giấc ngủ sâu, ngọt ngào, trong sự im lặng của bầu cừu.

Trong bức thư chia buồn gửi Jack Crawford, bác sĩ Lecter trích dẫn “Cơn sốt” mà không buồn nhắc đến John Donne.

Ký ức của Clarice Starling thay đổi những dòng thơ từ bài Ash Wednesday của T. S. Eliot cho hợp với cô.